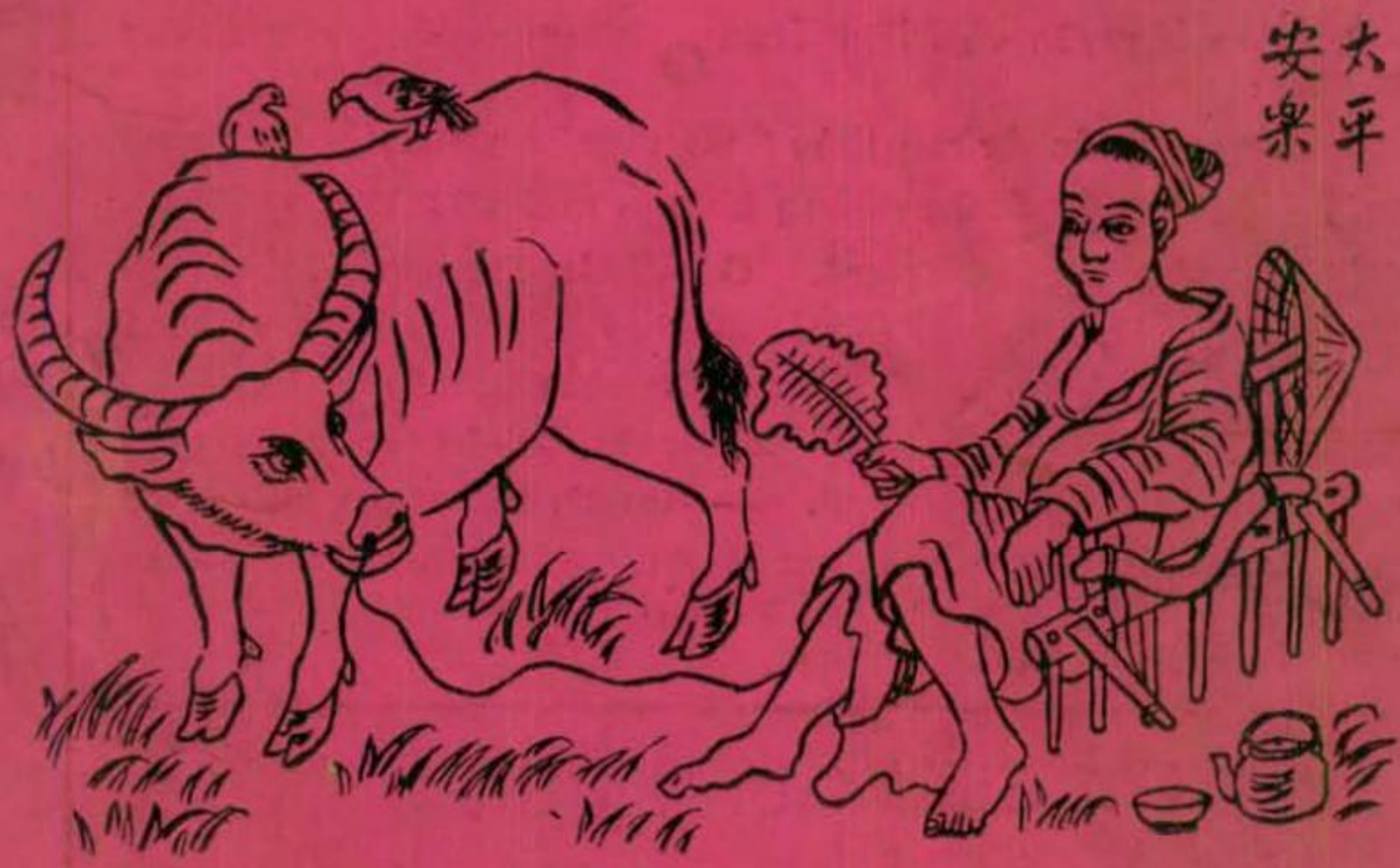


迴強保

BÁCH KHOA



安平
安樂

GIẢI PHẨM

Quân

KỶ NIỆM 16 NĂM

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẤT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG
MỘT NĂM

870đ.

1700đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung : thêm cước phí máy bay một năm : 200đ.

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 400đ

* Ngoại quốc đường hàng không, mỗi số :

Gửi đi Ai-lao	: 30đ.	Gửi đi Úc, Tích-lan v.v...	: 130đ
— Kampuchia	: 20đ.	— Pháp	: 160đ
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...)	: 40đ.	— Âu-châu (trừ Pháp, Bắc Phi-châu, Đại-dương-châu :	175đ
— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc	: 90đ.	— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại	: 210đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan Đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
		000		
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1300đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản lý Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

Số kỷ-niệm 16 năm
và Xuân Quý - Sửu

B Á C H
K H O A

E. F:

TỪ MINH 1972 một năm đảo lộn sách lược chính trị	07
TRẦN ĐẠI diễn biến một năm qua	19
NGUYỄN MỘNG GIÁC nghĩ về một vài hiện tượng trong tình hình chữ nghĩa 1972	23
NGUYỄN HIỂN LÊ kỷ nguyên tiêu thụ và nghề viết văn	31
VÕ QUANG YẾN Nobel Khoa học 1972	37
ĐỖ TRỌNG HUỀ một bài thơ Tết và tâm sự Nguyễn Du	43
VÕ PHIẾN ngày Tết nói chuyện ăn	49
ĐỖ TIẾN ĐỨC điện ảnh Việt nam 1972 (BÁCH KHOA đàm thoại với ĐỖ TIẾN ĐỨC nhà đạo diễn phim « Yêu »)	55
MINH QUÂN sách báo trẻ em 1972	63
LÊ THANH THÁI đầu năm nói chuyện tương số	71
VŨ HOÀNG CHƯƠNG tin xuân (thơ)	81
TẠ TỶ tình mộng (thơ)	82
VŨ HỮU ĐỊNH cảm ân người vợ khổ (thơ)	83
MẠC LY CHÂU trong cơn khổ nạn (thơ)	84

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

In tại nhà in TRÍ DẰNG
21, Nguyễn Thiện Thuật — Saigon

Địa-chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

Giá : 180đ.
Công sở : 360đ.

Nhân dịp cuối năm kính chúc quý vị độc giả, quý vị đăng quảng cáo, quý vị phát hành và cổ động cho Bách - Khoa, một năm mới nhiều may mắn, thịnh vượng và hạnh phúc.

Nhóm Chủ trương **BÁCH KHOA**

VŨ HẠNH <i>lá thư cuối năm : người cầm bút, đời sống và sáng tác</i>	87
HUỲNH VĂN LANG <i>ông Diễm, ông Nhu và bà Nhu (trích Hồi-ký « Chứng nhân một chế độ » Giải nhất Trung tâm Văn bút V.N. 1972)</i>	99
NGUYỄN VĂN XUÂN <i>giai thoại một thời : cô đầu với Phan Khôi</i>	107
NGUYỄN MỘNG GIÁC <i>tiếng đàn thầm (truyện ngắn)</i>	111
ĐẶNG TRẦN HUÂN <i>gửi thư (truyện vui)</i>	119
SINH HOẠT	
THẾ NHÂN <i>lễ kỷ niệm 150 năm sanh-niên Nguyễn-Đình-Chiều ở Saigon.</i>	127
PHAN MAI <i>khánh thành Thư viện Hội đồng Giám mục V.N.</i>	128
THU THỦY <i>thơ nhạc Phạm Thế Mỹ</i>	129
BÁCH KHOA <i>Ngê Bá Lí tức Nguyễn Ngu Í cầm bút trở lại</i>	130
THU THỦY <i>bức tranh V.N. cao giá nhất năm 1972</i>	132
BÁCH KHOA <i>bình ca và bình mới rượu cũ (đàm thoại với Phạm Duy)</i>	133
THU THỦY <i>giải tuyên dương sự nghiệp</i>	135
TỪ MINH <i>thời sự thế giới</i>	137
TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	141
Họa sĩ VĂN THANH <i>trình bày bìa</i>	

Bạn đọc thân mến

Với số này, Bách Khoa đã bước sang năm thứ 17.

Từ sáu bảy năm nay, cứ mỗi khi thêm lên một tuổi, hầu như Bách Khoa lại phải «kê khổ» một lần với bạn đọc! Có những nỗi khổ chung cho cả làng báo mà cũng có những chât vật riêng của Bách Khoa. Cuối năm ngoái, khi giấy báo không còn được trợ cấp và tăng giá trên 100% thì một số nhật báo và báo định kỳ đã phải ngưng xuất bản. Từ hồi đầu tháng 4 trở đi, khi chiến tranh bùng nổ dữ dội tại các Vùng I, II, III và có lúc báo ở Saigon chỉ ra được đến Nha Trang thì một số báo cũng phải già từ bạn đọc vì thị trường bị thu lại quá hẹp. Rồi khi Sắc luật 007, sửa đổi qui chế báo chí, được thi hành thì từ giữa tháng 9 trở đi, một số nhật báo và báo định kỳ lại phải ngưng xuất bản và thời kỳ đặc san, giai phẩm bắt đầu.

Trước những tai họa dồn dập đổ vào làng báo như vậy, mà hôm nay Bách Khoa vẫn đến được tay quý bạn đều đặn, đó là nhờ sự ủng hộ và lòng tin yêu nhiệt thành của bạn đọc đối với người bạn tinh thần đã luôn luôn có mặt mỗi kỳ, suốt 16 năm dài, qua bao nhiêu biến cố... Vững tin ở sự ủng hộ bền bỉ này, các anh em chủ trương, các cây bút cộng tác thường xuyên với Bách Khoa mới phấn khởi vượt mọi trở lực, giữ cho tờ báo không những không bị gục ngã mà lại còn được cải tiến cho ngày một đẹp hơn, sát thời cuộc hơn, phong phú hơn.

Cách đây hơn một tuần, một bạn đọc đã làm cho anh em trong nhóm Bách Khoa rất xúc động khi ông mang tới tặng một tập Mục lục sắp theo bộ môn các bài trên Bách Khoa từ số 1 đến nay, trong 16 năm, do chính ông đã bỏ ra một tháng trời để sắp xếp và đánh máy, dày ngót 130 trang. Sự quý trọng mà bạn đọc dành cho một tờ báo là một niềm khích lệ lớn lao cho tất cả những người đã góp công sức xây dựng tờ báo và cũng là niềm an ủi ngọt ngào trước những chât vật phũ phàng trên các quảng đường chông gai của nghề nghiệp.

Bách Khoa đã nhận được niềm khích lệ và an ủi này khi bước vào năm thứ 17 của mình. Xin chân thành cảm ơn ông bạn dấu tên nói trên đây và tất cả những bạn đã giúp đỡ, an ủi, và khuyến khích Bách Khoa rất nhiều trong suốt năm vừa qua.

Nhân dịp năm Nhâm Tý, xin kính chúc quý bạn một năm Quý Sửu an lành, vui vẻ, và nhiều may mắn.

Nhóm Chủ-trương BÁCH-KHOA

Sách nhận trước

15-1 và 1-2-73

Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Nhận định VI của Nguyễn văn Trung do Nam Sơn xuất bản và tác giả gửi tặng. Tuyền tập "dành riêng cho những suy nghĩ phê phán công giáo trong quăng 10 năm từ 1960 đến 1971" của tác giả gồm 27 bài và tài liệu, phần lớn trích ở các báo : Bách-khoa, Sống Đạo, Trình Bầy, Hòa Bình v.v... dày 338 trang. Giá 350đ.

— Các cường quốc và sách lược Thái-Bình-Dương của Vũ Tiến Phúc, Tủ sách Quân-chính xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 172 trang gồm 11 chương nói về sách lược của Trung Hoa, Hoa Kỳ, Nga, Nhật bản, Úc châu, Tân tây lan v.v... Giá 320đ.

— Những ngày xanh, truyện dài nguyên tác : *Les vertes années* của A. J. Cronin, Minh Quân và Mỹ Lan dịch, Tiếng Việt xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 250 trang, nội dung vừa cảm động vừa hấp dẫn, in đẹp. Giá 320đ.

— Chỉ đàn: *La Condottiera* (Đức Mẹ chỉ bảo đàn lành) tiểu thuyết của C. Virgil Gheorghiu, bản dịch của Bảo Trân do Thăng Tiến xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 276 trang gồm 9 chương. Giá 370đ.

— Một địa chỉ hoa, tập truyện của Mai Thảo do Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 110 trang gồm 6 truyện ngắn và 16 trang Từ điển V.N. do Vũ Bằng chủ biên. Giá 100đ.

— Nỗi buồn tuổi trẻ tập truyện của Mặc Thúy Lê ngọc Khôi do tác giả xuất bản và gửi tặng. Tập truyện đầu tay của tác giả gồm 6 truyện ngắn, in đẹp, dày 140 trang. Bản đặc biệt. Giá bản thường 250đ.

— Tương tư thảo tiểu thuyết của Quỳnh Dao do Ngọc Linh và Vĩnh Điền dịch, Quỳnh Dao xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 470 trang, in đẹp. Giá 560đ.

— Xuân Phong Thu Vũ tiểu thuyết của Quỳnh Dao do Ngọc Linh và Vĩnh Điền dịch, Quỳnh Dao xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 542 trang, in đẹp. Giá 650đ.

— Đừng quên đêm nay, tiểu thuyết, nguyên tác "Mạc vong kim tiêu" của Quỳnh Dao, do Vương Quỳnh Ngân và Vĩnh Điền dịch, Lá Dâu xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 464 trang, in đẹp. Giá 580đ.

Cùng quý bạn gửi bài cho Số Tết

Bách Khoa số Xuân Quý Sửu này, phút chót phải gác lại một số thơ và truyện ở phần văn nghệ để kịp phát hành. Những số thơ và truyện đã hứa với quý bạn sẽ đăng trên số Kỷ niệm 16 năm và Xuân Quý Sửu đành phải dành lại cho số Tân Niên. Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý bạn và xin quý bạn thông cảm cho những khó khăn chật vật và thiếu thốn về phần kỹ thuật hiện nay.

BÁCH KHOA

1972, một năm đảo ngược Sách lược chính trị

Khác với các năm về trước, năm 1972 vừa qua đã đánh dấu một giai-đoạn mới của lịch-sử chính-trị thế-giới cũng như của lịch-sử bang-giao quốc-tế. Trong năm này tình-hình chính-trị thế-giới đã thay đổi toàn diện và đã tạo nên những dữ-kiện hoàn toàn mới mẻ.

Nếu ta nhìn lại lịch-sử thế-giới trong khoảng thời-gian 25 năm sau khi cuộc Đệ-nhị Thế-chiến chấm dứt, ta thấy rằng đời sống chính-trị của hoàn cầu luôn luôn xoay quanh một dữ-kiện căn-bản là sự đương đầu giữa hai khối Tư-bản và Cộng-sản. Thái-độ hay chính-sách của các quốc-gia đều tùy thuộc vào sự đương đầu này. Người ta theo phe này hay phe kia, người ta ngả về khối này để bắt bí khối khác, rút cục lại chỉ vì người ta muốn khai thác sự đương đầu, sự chống đối giữa hai phe Cộng-sản và Tư bản.

Với năm 1972, sự chống đối Tư-bản — Cộng-sản không còn nữa hay

ít ra cũng đang tan biến trên bàn cờ quốc-tế. Các cuộc Hoa-du và Nga-du của Tổng-Thống Hoa-kỳ Richard Nixon đã lấp dần các hố sâu giữa hai khối hay ít nhất cũng bắc một nhịp cầu liên lạc giữa hai bên. Do đó thế-giới không còn tính cách song cực (bipolaire) nữa mà đã tạm thời trở thành đa cực (multipolaire). Nhưng tính cách đa cực chỉ là chuyển tiếp vì thế-giới đang trở lại một tình trạng cổ điển, tình trạng mà các đại cường đã liên kết với nhau để thống trị các tiểu quốc. Đó là dữ-kiện mới của chính-trị thế-giới ngày nay. Từ dữ kiện mới này các tiểu-quốc đã dần dần tìm cách điều-chỉnh chính-sách. Sự điều chỉnh chính-sách là sự-kiện thứ hai của năm 1972. Riêng tại Á-châu sự điều-chỉnh chính-sách có tính-cách đặc biệt hơn vì « tiểu quốc Nhật » không những điều-chỉnh chính-sách để phù hợp với tình-thế mới mà còn « vươn mình » lên trở lại địa vị một đại-cường.

I) BỘ MẶT MỚI CỦA BANG GIAO ĐÔNG-TÂY

Hậu bán thế-kỷ thứ 20 có thể được chia làm hai giai-đoạn, thời-gian xấp xỉ ngang nhau. Từ 1945 đến 1970 nhân loại trải qua một cuộc chiến tranh lạnh do sự chống đối giữa hai khối tạo nên... Trong cuộc tranh giành ảnh hưởng, phe Cộng-sản do Nga lãnh-đạo và phe Tư-bản do Mỹ

cầm đầu đã đưa thế-giới vào một tình trạng căng thẳng kéo dài 1/4 thế-kỷ. Tuy tranh chấp ảnh-hưởng, nhưng vì có sự xuất-hiện của các vũ-khí nguyên-tử và hạch-tâm nên cả hai bên đều không dám tính tới chuyện dùng vũ lực, vì dùng vũ lực là đưa nhân loại tới chỗ tự sát tập-

thể. Nhưng tuy tránh chiến-tranh, bên này vẫn sợ bên kia gây hấn nên thế-giới đã luôn luôn nơm nớp sống trong một nền hòa-bình vô trang.

Khi nhân-loại bước vào thập niên 1970 thì sự chống đối giữa Đông-Tây bắt đầu hòa dịu và hai khối càng ngày càng tỏ ý thực sự muốn sống chung hòa bình. Với năm 1972 sự căng thẳng cũng như chiến tranh lạnh đã hoàn toàn bị chính sách sống chung hòa bình thay thế.

Nếu vào tháng 1-1972 cuộc chiến tranh Ấn-Hồi vừa chấm dứt và hãy còn chia rẽ các đại-cường thì cuộc chiến tranh này cũng không có những ảnh-hưởng quan trọng đến nỗi các đại-cường phải đi tới những hành động quyết liệt. Thật vậy, trong cuộc chiến tranh Ấn-Hồi bùng nổ vào tháng 12-1971 người ta thấy Nga đứng về phe Ấn-độ, trong khi Hoa-kỳ và Trung-Cộng thì lại ủng-hộ Hồi-quốc. Ngay trong thái độ của các đại cường trước cuộc chiến tranh Ấn-Hồi người ta đã thấy tính cách song-cực của thế-giới khởi sự cáo chung và các khối trên thế-giới không còn nữa. Nga là một nước Cộng-sản mà lại ủng-hộ Ấn-độ là một nước theo chính-thể dân-chủ kiểu Tây-phương. Trong khi Hoa-kỳ là một nước trù-m tư-bản và luôn luôn tự hào là đã giúp cho các quốc gia Á-châu được giải-phóng thì lại chống sự vùng dậy của một dân tộc Bangla Desh bị Tây Hồi áp bức. Khôi hài hơn nữa là thái độ của Trung Cộng. Lập trường Trung cộng

là luôn luôn đứng về phía các quốc gia bị trị vùng dậy để thực hiện Cách mạng thế giới. Vậy mà khi dân Bengale nổi lên chống lại một nước Tây-Hồi độc tài quân phiệt thì Trung Cộng đã vội vàng lên tiếng bênh vực Tây-Hồi chỉ vì muốn chống lại một sự liên-kết Nga - Ấn tại Á châu, có thể có phương hại tới ảnh hưởng của Trung Cộng ở vùng này. Và trong sự ủng hộ Tây-Hồi vô tình Hoa-kỳ lại có chung một chính sách với Trung-Cộng.

Nhưng đặc biệt hơn nữa là cuộc Hoa du của Tổng Thống Hoa-kỳ Richard Nixon vào cuối tháng 2-1972. Từ khi chính phủ Cộng sản được thành lập ở Hoa-lục, Bắc-kinh và Hoa thịnh-đồn đã luôn luôn ở vào thế của hai kẻ thù không đội trời chung. Quân đội Trung Cộng và quân đội Mỹ đã trực tiếp đụng độ nhau trong cuộc chiến tranh Triều Tiên từ năm 1950 cho tới năm 1953. Với cuộc Hoa du, Tổng Thống Hoa kỳ Richard Nixon đã mở một trang sử mới. Giữa những sự tiếp đón nồng hậu, giữa các yến tiệc linh đình, Tổng Thống Nixon đã gặp Mao-Trạch-Đông và Chu Ân-Lai để biến cái bang giao giữa hai nước đang từ thù trở thành bạn. Tuy chưa thiết lập bang giao nhưng bang giao giữa hai nước đã thắm thiết đến độ Nga sô đã lo ngại rằng Mỹ sẽ cấu kết với Trung Cộng để xưng hùng xưng bá không những ở Á châu mà còn trên toàn thế giới nữa.

Vì vậy mà Nga đã vui vẻ đón tiếp Tổng Thống Nixon viếng thăm Mạc-

tư khoa vào tháng 5. Tuy rằng hơn một tháng trước khi ông Nixon lên đường đi thăm Nga, quân Cộng sản Bắc Việt đã lần đầu tiên vượt Bến hải tấn công Nam Việt nhưng ông Nixon vẫn giữ nguyên ý định Nga du. Tuy rằng 3 tuần lễ trước khi ông Nixon lên đường, chính phủ Hoa thịnh đốn đã quyết định phong tỏa bờ biển Bắc Việt và tuyên bố sẵn sàng đánh đắm các tàu ngoại quốc đến tiếp tế cho Hà nội, nhưng các lãnh tụ điện Cẩm linh vẫn không rút lại lời mời ông Nixon sang viếng thăm Nga xô.

Các diễn tiến của chiến tranh Việt Nam không làm cho Nga và Mỹ bỏ ý tưởng hợp tác. Tại Mạc tư khoa ông Nixon được các lãnh tụ Nga đón tiếp trọng thể và nòng hậu không kém khi ông tới Bắc kinh 3 tháng về trước. Hơn thế nữa ông Nixon và ông Brejnev, nhân cơ hội này, lại ký một loạt 5 hiệp ước hợp tác Nga-Mỹ, từ vấn đề tiết giảm các vũ khí chiến lược cho tới việc bảo vệ môi sinh.

Sau hai cuộc công du lịch sử của ông Nixon, các lãnh tụ Bắc Việt không còn biết xử trí ra sao trong cuộc chiến tranh mà họ phát động để chống Mỹ tại Việt Nam. Một mặt bị không quân Mỹ tới tấp dội bom, một mặt bị các đàn anh Nga và Hoa mạnh mẽ gây áp lực để sớm chấm dứt chiến tranh, Hà nội chỉ còn biết xúc tiến việc thương thuyết qua các cuộc mật đàm giữa Kissinger và Lê Đức Thọ.

Sau hai cuộc Hoa du và Nga du của ông Nixon, người ta thấy ông

Kissinger, cố vấn an ninh của ông Nixon, hoạt động hơn bao giờ hết. Vào tháng 6 ông đã trở lại Bắc Kinh lần thứ tư trong vòng một năm và vào tháng 9 ông đã trở lại Mạc-tư-khoa lần thứ 3 cũng trong vòng có một năm. Qua các hoạt động ngoại giao ráo riết, cuộc hòa đàm giữa Mỹ và Bắc-Việt đã tiến triển nhiều đến nỗi khi Bắc Việt đơn phương tiết lộ nội dung của 9 điểm đã được hai bên thỏa-hiệp vào cuối tháng 10, người ta đã tưởng rằng hòa bình sắp được vãn hồi. Khi tiết lộ các bí mật này một tuần trước khi bầu cử ở Mỹ, nhà cầm quyền Hà nội không nhằm mục đích nào khác hơn là bắt bí Tổng Thống Nixon phải nhượng bộ để được tái đắc cử. Nhưng uy thế của ông Nixon sau hai cuộc công du Trung Cộng và Nga-sô đã vững mạnh nên ông chẳng cần phải giả quyết chiến tranh ở Việt-Nam mà ông vẫn được tái đắc cử với 60% số phiếu cử tri toàn quốc. Sau khi tái đắc cử về vang tại quốc nội ông Nixon đã ở vào một thế ngoại-giao mạnh hơn trước nên cuộc mật đàm ở Ba-lê gần như bị tan vỡ vào cuối năm. Trong hiện tình của bang giao Đông-Tây cuộc chiến tranh Việt-nam tuy vẫn tàn khốc nhưng đã mất tính cách quan trọng và không còn là một vấn đề quốc-tế số 1 nữa. Và trong năm 1973 các lãnh tụ Hà-hội chắc sẽ không còn cứng rắn như trước nữa vì trước sự cấu kết của các nước lớn Hà-nội sẽ phải điều chỉnh chính sách của mình cũng như các nước nhỏ khác.

II) CÁC NƯỚC ĐÀN EM ĐIỀU CHỈNH CHÍNH SÁCH

Trong năm 1972 người ta còn thấy các nước nhỏ tìm cách đối phó với tình trạng chính trị quốc tế cũ, là sự chống đối giữa hai khối Đông Tây. Nhưng các toan tính này đều thất bại nên họ đều phải điều chỉnh chính sách để phù hợp với tình hình mới, tức là sự cấu kết của các nước đàn anh. Cuộc chiến tranh Đông-Hồi đã chứng-minh rằng Ấn-độ và Hồi-quốc không còn có thể tiếp tục một chính sách bất bí các đại-cường như trước được nữa. Dù Ấn-độ có ngả theo Nga, dù Hồi-quốc có ngả về phía Mỹ và Trung Cộng thì các nước lớn vẫn không can thiệp võ trang để bênh vực họ. Hồi quốc bị Ấn-độ đánh thua liềng xiềng mà cả Mỹ lẫn Trung Cộng cũng vẫn chẳng có hành động nào tích cực và cụ thể để bênh vực. Ấn-độ tuy chiến thắng vẻ vang nhưng cũng chẳng biết dùng uy tín mới của mình để làm gì và cũng chẳng được Nga giúp đỡ thêm để đối phó với nạn chậm tiến kinh tế trong nước. Vì vậy mà cả hai bên đều phải tìm cách hòa giải. Tháng 3, Tổng Thống Hồi Ali Bhutto sang Nga và chính Mạc-tư-khoa đã đứng lên làm trung gian để giải quyết cuộc tranh chấp Ấn Hồi. Đến tháng 7 thì ông Bhutto và Bà Gandhi đã gặp nhau ở Simla, và đến tháng 12 thì Ấn thỏa thuận trả lại cho Hồi 90.000 lính bị Ấn bắt làm tù binh một năm về trước và Hồi cũng phải đi đến chỗ thừa nhận Bangla Desh.

Tại Âu-châu cũng vậy, người ta

toan tính kết hợp với nhau để bành trướng lực lượng hầu đương đầu với các đại cường. Vào tháng 1, khối Thị trường Chung 6 nước Tây Âu đã mở rộng để nhận thêm Anh, Na-uy, Đan-mạch và Ái-nhĩ-lan. Khi mở rộng khối Thị trường Chung Âu châu 6 nước thành khối 10 nước, người ta hy vọng rằng với một lực lượng kinh tế hùng hậu hiện tại người ta sẽ đi tới một lực lượng chính trị và quân sự thống nhất không kém hùng hậu, để có thể đóng một vai trò trọng tài giữa các đại cường Nga, Mỹ và Trung Cộng. Nhưng cùng một lúc vai trò trọng tài này không còn trở nên cần thiết vì ba đại cường đã bắt đầu chấp nhận sống chung hòa bình. Do đó về phương diện chính trị, khối Âu châu 10 nước không còn hứng khởi để đẩy mạnh sự hợp tác giữa các nước hội viên nữa. Vì vậy mà được tham khảo bằng trưng cầu dân ý, dân chúng Pháp chỉ tán đồng việc mở rộng Thị trường Chung bằng một đa số rất nhỏ, không đủ để tạo cho Tổng Thống Pompidou một hào quang mà ông ước mong. Dân chúng Na-uy lại còn quyết liệt hơn nữa khi họ bác bỏ việc nước họ xin gia nhập Thị-trường Chung vào tháng 10, vì vậy mà khối Âu-châu 10 nước chỉ còn có 9. Dùng Thị-trường Chung làm hậu thuẫn chính-trị không được, một vài quốc-gia Tây Âu xé lẻ đi tìm một con đường khác để phù hợp với trào-lưu sống chung hòa-bình. Vì vậy mà sau khi ký

hiệp-ước hợp tác với Nga và với Ba-lan 2 năm về trước, Tây Đức của ông Willy Brandt đã bước thêm một bước nữa về phía hòa-giải Đông-Tây bằng cách ký một thỏa-ước với Đông-Đức mà từ trước Tây-Đức vẫn không bao giờ chịu nhìn nhận như là một quốc-gia.

Trong tình-trạng mới của thế-giới người ta thấy các quốc-gia Trung Đông đang lúng túng không biết giải quyết các khó khăn của họ ra sao. Do-thái không còn trông vào sự ủng-hộ của Mỹ để đánh Ả-rập và Ả-rập cũng không còn dựa vào Nga để đánh đuổi Do-thái khỏi Palestine, nên suốt trong năm người ta thấy cuộc tranh đấu giữa Ả-rập và Do-thái đã chuyển thành những hoạt động bạo lực đầy tuyệt vọng. Phong trào khủng bố của người Palestine lan tràn trên thế giới. Tháng 2, một chiếc phi cơ của hãng Tây Đức Lufthansa, bị quân khủng bố bắt khi vừa cất cánh khỏi phi trường New Delhi. Trong số hàng khách bị bắt làm con tin có cả trưởng nam của cố Thượng Nghị sĩ Robert Kennedy. Nhưng khi hãng Lufthansa chịu bỏ ra 5 triệu Mỹ-kim để chuộc thì cả máy bay lẫn hành khách đều được thả về. Đến tháng 6 thì quân khủng bố Palestine lại mướn 3 người Nhật để đột nhập vào phi trường Lydda ở Do-thái sả súng vào hành-khách khiến 26 người bị thiệt mạng và 75 người bị thương. Trong số những hành khách bị thiệt mạng có một số du khách người Porto-Rico ghé phi-trường Lydda trước khi đổi máy bay. Vì vậy mà nhiều người

Porto-Rico đặt ra một câu hỏi khó trả lời là « tại sao người Ả-rập ghét người Do - thái mà lại khiến người Nhật giết người Porto Rico ». Câu hỏi này đã nói lên tính cách bi hài kịch của tấn tuồng Trung Đông. Vụ thảm sát tại phi trường Lydda còn có hậu quả bất ngờ là tạo nên mối bất hòa giữa Ả-rập và Nhật bản và bất bình giữa Do-thái và Pháp. Nguyên do trước khi vụ Lydda xảy ra, Đại-sứ Do-thái ở Paris là Asher Ben Nathan đã nhiều lần tới gặp Tổng Thư-ký Bộ Ngoại-giao Pháp Hervé Alphand đề yêu cầu chính phủ Pháp tăng cường biện pháp an ninh bảo vệ các phi cơ của hãng Air France. Ông Alphand đã hết lời lễ trấn an ông Ben Nathan là Pháp thân Ả-rập nên Ả-rập đã cam đoan sẽ không động chạm tới phi cơ của Pháp. Tuy phi cơ của Pháp không bị quân khủng bố bắt giữ nhưng ba tên khủng bố Nhật, do tổ chức Palestine kháng chiến mướn, đã dùng phi cơ của Air France để xuống phi trường Lydda. Về phía Nhật, người ta thấy chính phủ Sato, ngay sau khi được thông báo về vụ thảm sát, đã chính thức lên tiếng xin lỗi Do thái và gửi 1,5 triệu Mỹ-kim bồi thường thiệt hại cho các nạn nhân. Nhưng các quốc gia Ả-rập lại vịn vào đó để đả kích Nhật là đã thân hữu với Do-thái.

Các hành động tuyệt vọng của dân Palestine lại một lần nữa tái diễn tại Thế-vận-hội Munich vào tháng 9. Quân khủng bố Palestine đã nửa đêm đột nhập vào căn nhà của phái đoàn

Do thái và bắt giữ 11 lực sĩ Do thái làm con tin để bắt chính phủ Do thái ở Tel Aviv phải thả một số người Palestine bị bắt giữ. Trước sự từ chối của chính phủ Tel Aviv, toàn thể 11 lực sĩ đã bị sát hại khiến cả thế giới phải xúc động.

Sáu ngày trước khi năm 1972 chấm dứt, dân Palestine lại một lần nữa được dư luận chú ý khi họ đột nhập vào tòa Đại-sứ Do thái ở Bangkok và chiếm giữ trong gần 24 giờ.

Nếu tại Trung Đông người ta còn hoang mang chưa biết điều chỉnh chính sách ra sao, thì tại Á châu ngoài việc Ấn độ và Hồi quốc bắt đầu hòa giải người ta còn thấy Đại Hàn và Bắc Cao đang tìm cách nhích lại gần nhau với các cuộc thương thuyết trực tiếp bắt đầu từ tháng 7. Nhưng có lẽ khi Nhật và Trung Cộng thiết lập ngoại giao và trao đổi Đại sứ người ta mới nhận thấy rõ là bang giao quốc tế đã thay đổi sâu rộng đến thế nào.

III) SỰ TÁI XUẤT HIỆN CỦA NHẬT Ở Á CHÂU

Trong trên 1/4 thế kỷ, Nhật đã đóng vai một đàn em ngoan ngoãn của Hoa-kỳ. Sở dĩ Nhật chịu đóng vai trò này là vì qui chế đàn em có lợi cho Nhật. Thật vậy, nhờ qui chế này mà an ninh của Nhật được Mỹ bảo đảm hoàn toàn. Thay vì phải giành một ngân khoản cho việc Quốc phòng thì Nhật đã dồn mọi nỗ lực vào vấn đề phát triển kinh tế. Khi kinh tế phát triển, Nhật lại được Mỹ mở cửa thị trường trong nước để đón nhận hàng Nhật.

Bắt đầu từ năm 1971 khi Hoa-kỳ, vì các khó khăn tài chánh, đã, phải tăng hàng rào quan thuế đối với hàng Nhật và cùng một lúc Hoa kỳ tính chuyện rút quân khỏi Á châu, thì qui chế đàn em không còn mang lại cho Nhật những lợi điểm như trước nữa. Vào tháng 8-1971 Hoa-kỳ hạ giá đồng Mỹ-kim và đồng thời bắt Nhật phải tăng giá đồng Yen. Như vậy hàng Nhật so với hàng Mỹ sẽ

có giá cao hơn và vì đó kém khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Ngoài ra Mỹ lại còn đặt ra một loại thuế phụ thu 10% đánh vào các loại hàng nhập cảng. Chính-phủ Nhật tỏ ra hết sức bất bình vì các biện pháp kinh tài của ông Nixon đã làm cho họ mất thị trường trên đất Mỹ.

Hơn nữa khi Tổng Thống Nixon loan báo sẽ viếng thăm Hoa-lục và đề cho Trung Cộng gia nhập Liên Hiệp Quốc, Nhật sợ rằng Mỹ sẽ chiếm mất một thị trường bao la trên Hoa lục nên Đông kinh vội vã tìm cách xích lại gần Bắc kinh và càng ngày càng tỏ ra độc lập đối với Hoa kỳ.

Chính sách độc lập của Nhật hoàn toàn phù hợp với chính sách giải kết của Tổng Thống Nixon. Ông Nixon hy vọng rằng Mỹ rút khỏi Á-châu thì Nhật sẽ được chuẩn bị để thay thế Mỹ trong vai trò canh sát để ngăn chặn các tham vọng của phe

Cộng sản. Nhưng thật sự thì Nhật chỉ muốn độc lập về phương diện kinh tế và hết sức e ngại trước việc tái vũ trang. Vì vậy mà Nhật đã chọn lựa một đường lối lưng chừng tức là độc lập kinh tế đối với Hoa kỳ nhưng lại cùng một lúc thân hữu với Trung Cộng để tránh việc tái vũ trang.

Trong tinh thần độc lập đối với Mỹ, Nhật đã cương quyết đòi lại đảo Okinawa vì đảo này là một trong những căn cứ của các phóng pháo cơ không lồ B 52 tham chiến tại Việt Nam. Nếu tiếp tục để Mỹ sử dụng đảo Okinawa, Nhật sẽ làm mất lòng khối Cộng sản, khách hàng tương lai của Nhật.

Một mặt Mỹ cũng muốn rời bỏ bớt trách nhiệm ở Á-châu, một mặt Mỹ muốn vượt ve Nhật sau khi các biện pháp kinh tài được ban hành vì vậy mà vào tháng 5 Phó Tổng Thống Spiro Agnew đã tới Nhật để long trọng trao trả cho Nhật đảo Okinawa.

Đến tháng 9 lại tới phiên ông Kissinger ghé Đông-kinh để hàn gắn lại bang giao Mỹ-Nhật bị rạn nứt nhiều trong năm 1971. Tại đây ông Kissinger đã bị dân chúng biểu tình phản đối rất nhiều, nhưng dù sao ông cũng có dịp giải thích chính sách của Hoa kỳ đối với phe Cộng sản cho nhà cầm quyền Nhật được rõ. Sau đó ông Tanaka được đảng Tự do bầu lên thay thế ông Sato để nắm quyền Thủ tướng. Ông Tanaka thuộc khuynh hướng cấp tiến nên đã nhất quyết đi

xa hơn trong chính sách xích lại gần Trung Cộng. Trước khi quyết định đi Bắc kinh ông Tanaka đã đến Honolulu hội đàm với Tổng Thống Nixon để thảo luận về tình hình Á Châu và giao thương giữa hai nước. Và vào tháng 10 ông Tanaka đã tới Bắc-kinh để chính thức viếng thăm Hoa lục. Sau các cuộc họp thượng đỉnh Nhật-Hoa, Nhật đã quyết định thiết lập bang giao với Trung Cộng, trao đổi Đại sứ và đóng cửa Tòa Đại sứ tại Đài Bắc.

Về phía Nga, Nhật cũng không kém phần hoạt động. Ngay từ tháng 1, Ngoại trưởng Nga Gromyko đã sang Đông kinh để tìm cách xiết chặt bang giao Nga - Nhật trước viễn tượng của sự xích lại Mỹ-Hoa. Sau cuộc viếng thăm của ông Gromyko người ta tuyên bố sẽ triệu tập một hội nghị Nhật-Nga để ký hòa-ước giữa 2 nước vào mùa thu vì tuy 2 bên đã thiết lập ngoại giao từ nhiều năm nay nhưng chưa có một văn-kiện nào chấm dứt chiến tranh giữa hai nước. Nhưng có lẽ vì muốn trả đũa Nhật đã quá thân với Trung Cộng nên Nga sô, sau đó, không nói gì tới hiệp ước này nữa.

Vào những tháng cuối năm khi hòa bình lộ dạng tại Việt Nam người ta đã nói rất nhiều tới vai trò của Nhật trong nền chính trị Á-Châu tương lai. Năm 1972 đã là một năm đánh dấu tái xuất của Nhật trên chính trường quốc-tế như một đại cường quốc.

Năm 1972 là một năm đảo ngược sách lược chính trị. Các quốc gia trước kia nhìn nhau như kẻ thù thì trong năm này đã xích gần nhau như những người bạn lâu ngày không gặp. Sự đảo ngược này được thể-hiện trong những nụ cười mà các ông Nixon, Brejnev và Mao-Trạch-Đông trình diễn lúc gặp gỡ nhau. Trong khi những nước trước đây vẫn giao hảo với nhau thăm-thiết thì nay lại nhìn nhau bằng cặp mắt oán hờn. Nỗi buồn của một Trùng Giới Thạch, khi bị cả

Mỹ lẫn Nhật bỏ rơi, đã nói lên sự thay đổi của tình hình chính-trị thế-giới. Vị Thống-chế 85 tuổi này giờ đây trở thành một lãnh-tụ duy nhất còn lại của Đệ-nhi Thế-chiến. Sau Eisenhower, sau De Gaulle, cựu Tổng-Thống Hoa-kỳ Harry Truman cũng từ trần vào những ngày cuối năm. Sự lìa đời của các lãnh-tụ cổ thời này đã báo hiệu một sự thay đổi toàn diện của thế-giới trong thập-niên 1970.

TỪ MINH



Diễn biến một năm qua

Có nhiều người cho rằng kể từ năm 1945 tới nay cứ qua một chu kỳ 9 năm là lại tới một năm có nhiều biến cố lớn tại Việt Nam. Họ dẫn chứng là 1945: Nhật đảo chánh, Việt Minh cướp chính quyền, nạn đói Ất Dậu, năm 1954: Hiệp định Genève chia đôi đất nước, một triệu người di cư; năm 1963: chính phủ do cố Tổng-Thống Ngô Đình Diệm lãnh đạo bị lật đổ, ông Diệm, ông Nhu bị chết và lại tới nay, năm 1972, theo sự suy-luận của họ thì thế nào cũng có hòa bình.

Mặc dù hòa-bình chưa tới như sự suy đoán trên nhưng năm 1972 cũng là một năm có nhiều biến-cố nhất đối với người Việt.

Đánh lớn, xé bỏ Hiệp-định Genève

Trưa ngày 29 3-72 quân đội Cộng-sản ở Miền Bắc đã đột ngột công khai vượt qua vùng phi quân sự xâm nhập lãnh thổ Quảng-trị, dùng những vũ khí viện trợ tối tân nhất như đại bác 130, hỏa tiễn tầm nhiệt vv... để công phá các tiền đồn giới tuyến mở màn cho chiến dịch Xuân Hè. Đây cũng là lần đầu tiên các xe tăng Trung Cộng, Nga số PT 76, T34, T 54... được sử dụng trên chiến trường miền Nam. Ngoài mặt trận Trị-thiên, Cộng quân còn liên tiếp mở các mặt trận Bình Long, Tây nguyên sau đó một, hai tuần và lần chiếm 4 tỉnh ở Bình-định để thực hiện « nổi dậy »...

Trong những đợt tấn công mở màn này, quân đội Bắc Việt đã tung vào trận địa hàng sư đoàn bộ binh, hàng trung đoàn thiết giáp, pháo binh nên đã thâu hoạch được tức khắc những thắng lợi liên tiếp trong tháng đầu tiên. Nhưng sang tháng thứ ba trở đi địch đã « khựng lại » trên khắp các mặt trận trước sức chiến đấu càng ngày càng thêm kinh nghiệm của Q.L.V.N C.H. Do đó Tổng Thống Nguyễn-văn Thiệu đã lấy ngày Quân lực 19-6-72 làm mức khởi đầu cho cuộc phản công tái chiếm các vùng đã bị địch kiểm soát. Tại Kontum áp lực của Cộng-sản lên tới đỉnh vào ngày 27-5 rồi giảm dần. An Lộc, sau 68 ngày tử thủ và cầm cự anh dũng, đã được giải tỏa. Quân lực V.N.C.H cũng đã lấy lại Hải-lăng ngày 28-6, vào được Quảng-trị 25-7, tái chiếm Cồ-thành 15-9... Và khoảng cuối tháng 7 đầu tháng 8 kiểm soát trở lại được các quận ở Bình-định đã lọt vào tay địch trong mấy tháng trước.

Tóm lại, Cộng-sản chủ trương đánh một trận sấm sét xả lúng để nhằm phục hoạt các căn cứ địa cũ, tạo điều kiện cho phát động Tổng nổi dậy. Có thể những mục tiêu của Cộng-sản còn là phá công cuộc Việt-hóa quân-sự, gây khó khăn cho cuộc Nga du của Tổng Thống Nixon, gây áp lực cho cuộc hoà đàm công khai hay bí mật, gây ảnh hưởng đến cuộc bầu cử Tổng Thống Hoa-kỳ vào tháng 11-72 vv... Nhưng xét các mục tiêu này cũng như

chủ trương trên thì Cộng-sản đã hoàn toàn thất bại.

Cộng quân cũng không đạt được kết quả gì cụ thể khi hướng hoạt động về các tỉnh ở vùng 4, đồng bằng sông Cửu Long. Và sau rốt, khi địch phân tán thành từng đơn vị thật nhỏ về các xã ấp để định yểm trợ cho các cuộc nổi dậy, nếu có ký kết ngưng bắn vào cuối tháng 10, thì chúng cũng thất bại nốt khi việc ký kết bất thành vào thời hạn đó.

Việc chuyển từ chiến tranh nhân dân của Tàu sang lối đánh vũ bão ở ạt trận-địa-chiến kiểu Nga với các loại vũ khí tối tân nhất, việc tràn qua vùng phi-quân-sự, xé bỏ hiệp-định Genève của Cộng-sản miền Bắc đã có những hậu quả như sau :

— Huyền thoại về quân đội giải phóng miền Nam và “ nhân dân miền Nam nổi dậy. ” chứ không phải quân đội miền Bắc tham dự, được tạo ra từ mười năm nay, đã bị tan vỡ hẳn.

— Hoa-kỳ được cơ hội oanh tạc lại dữ dội toàn miền Bắc và sau đó phong tỏa các bờ biển Bắc Việt mà không gây phản-ứng nào nghiêm trọng trên thế giới cũng như về phía Nga-Tàu.

Riêng tại chính trường Miền-Nam, việc đánh đại qui-mô của Cộng-quân đã đầy đối lập về phía chính quyền và đồng thời tăng cường uy thế cho Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu. Cũng do đó ông đã có được Luật ủy-quyền tại Quốc-hội V.N.C.H.

Luật ủy quyền...

Sau khi quân đội Cộng sản Bắc Việt đánh lớn tại các mặt trận, T.T. Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố Tồ quốc lâm nguy, lệnh thiết quân lực được ban hành, thì vào thượng tuần tháng 5-72 một số Nghị sĩ và Dân biểu đã thảo một dự luật ủy quyền toàn diện cho Tổng-Thống trong 6 tháng. Dự luật này được Hạ-viện chấp thuận nhưng lại bị Thượng viện bác đi và Hạ viện sau đó không đủ túc số để giữ lại quan-điểm nguyên thủy. Tuy nhiên một dự luật ủy quyền hạn chế trong các lãnh vực an ninh, quốc phòng, kinh tế, tài chánh — mà tác giả là các nghị sĩ Đặng văn Sung, Nguyễn Thôn Độ và Nguyễn Ngọc Kỳ — lại được đệ nạp và cũng trải qua nhiều sóng gió, đạo luật ủy quyền hạn chế mới được Thượng viện chấp thuận đêm 27-6 trong một phiên nhóm “ đặc biệt ” và Hành pháp ban hành liền sáng hôm sau. Theo văn thư của T.T. Nguyễn văn Thiệu gửi Thượng viện thì đạo luật này “ sẽ giúp cho quân đội và nhân dân tiết kiệm được xương máu và tài sản, đồng thời sớm đưa đất nước ra khỏi tình trạng lâm nguy hiện hữu ” và Hành pháp sẽ xử dụng quyền hạn “ một cách nghiêm chỉnh trong tinh thần trách nhiệm và tôn trọng Hiến pháp ”.

Trong 6 tháng được ủy quyền hạn chế, Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu đã ban hành tất cả 60 sắc luật, trong số này có 29 sắc luật về an ninh, quốc phòng và 29 sắc luật về kinh

tế tài chánh. Trong những sắc luật được ban hành trong thời hạn này có những sắc luật có tầm mức quan trọng, ảnh hưởng sâu đậm tới sinh hoạt quốc gia thí dụ sắc luật 002 về việc nhập ngũ các thanh niên 17 tuổi, sắc luật 007 về sửa đổi qui chế báo chí, các sắc luật về thuế vụ, về quan thuế, sắc luật sửa đổi qui chế chánh đảng v.v...

Cũng nên ghi lại là trong tháng 12-72, tháng chót của thời hạn ủy quyền, T.T. Nguyễn văn Thiệu đã ban hành tất cả 41 sắc luật kể từ ngày 14-12 đến ngày 27-12-72.

Hòa bình lộ dạng

Cuộc đánh xả láng của Cộng sản miền Bắc tại Miền Nam và sau đó các cuộc oanh tạc xả láng của Hoa-kỳ tại Miền Bắc đã đem lại kết quả là : So với các năm trước, trong năm 1972, số lính Cộng-sản đã bị thương vong nhiều hơn cả, số lính của quân lực VNCH cũng đã bị thương vong nhiều hơn cả, số dân chúng ở cả hai miền cũng bị chết vì bom đạn, pháo kích nhiều hơn cả. Riêng tại miền Nam quãng đường từ Quảng-trị đến Hải-lăng đã được mệnh danh là « Đại-lộ kinh hoàng » vì hàng vạn thường dân và binh lính đã tử nạn pháo kích ở quốc lộ này trong cuộc rút khỏi Quảng-trị, rồi sau đó hàng trăm ngàn dân chúng đã phải tị nạn tại các trại tạm cư...

Nhưng nếu chiến tranh tăng thêm cường độ đã làm chết chóc quá nhiều thì vào những tháng cuối năm, hòa bình lại lộ dạng một cách gay gắt!

Các cuộc hội đàm bí mật giữa Kissinger và Lê Đức Thọ đã kéo dài trên 20 kỳ vào tháng 10-72 này đột nhiên có hy vọng đạt đến một thỏa ước ngưng bắn, vì một vài nhượng bộ về phía Cộng-sản. Đầu tháng 10-72 Tướng Alexander Haig, Phụ tá của Cố vấn An ninh Kissinger, đã tới Saigon gặp Tổng-Thống Nguyễn Văn Thiệu, rồi ngày 18-10-72, Kissinger lại tới Saigon hội đàm với Tổng-Thống Nguyễn Văn Thiệu cho đến 23-10, tất cả 6 phiên họp cộng là ngót 15 tiếng đồng hồ. Nhiều tin đồn về ngưng bắn đã được tung ra loạn xạ. Nhưng ngày 25-10 Tổng-Thống Nguyễn Văn Thiệu đã trình bày trên đài truyền hình tất cả các âm mưu chiếm đất, cầm cò, nổi dậy của Cộng-sản lợi dụng ngưng bắn, và ông lập lại lập trường cứng rắn của ông là không để miền Nam rơi vào tay Cộng-sản.

Mặc dầu sau đó Kissinger có họp báo ở Hoa-kỳ nói là Hòa-bình đã ở trong tầm tay nhưng không ai chịu nắm lấy cả vì nhìn vẫn chưa thấy là thứ Hòa bình của mình. Cuối cùng, như tên một bài Bình ca của Phạm Duy, dân chúng Việt-nam trong năm 72 mới chỉ thấy : «Dường như là Hòa bình » mà thôi.

Hòa bình thực sự sẽ đến, hy vọng là vào đầu 73 này với sự « đơn phương » ngưng oanh tạc toàn bộ lãnh thổ Bắc-Việt từ 15-1-73 vừa qua.

TRẦN ĐẠI

Kính chúc

*Bạn đọc Đại lý toàn quốc
Các tác giả và thân hữu
một năm mới an lạc.*

Nhà Xuất Bản LÁ-BỐI

Mấy ngày Xuân Con Trâu chán ngắt vì chưa có hòa-bình

Mời các bạn đọc :

GÓP NHẬT CÁT ĐÁ

Thiền-sư Muju — Đỗ-Đình-Đồng dịch

Lá-Bối tái bản

Giá 180đ.

BÀI HỌC LỊCH SỬ

Will và Ariel Durant

Nguyễn-Hiến-Lê và Trần-Lương-Ngọc dịch

(Cuốn **BÀI HỌC CỦA LỊCH SỬ** này nếu mua bản tiếng Anh hoặc tiếng Pháp thì phải trả ít nhất là 1500đ. Bản tiếng Việt có thêm lời bàn của người dịch mà chỉ bán có 280đ.)

LÁ BỐI xuất bản.

Nghĩ về một vài hiện-tượng trong tình hình chữ nghĩa 1972

Từ lúc có ý định viết một bài nhận định về tình hình chữ nghĩa trong năm 1972, tôi luôn luôn ở trong trạng thái do dự, hoang mang. Thú thực ban đầu tôi đã định bỏ cuộc. Một năm, mười hai tháng, ba trăm sáu mươi lăm ngày, cả một thời gian đằng đẵng. Biết bao nhiêu biến cố đã xảy ra: cuộc tấn công của Bắc quân, lần đầu tiên với những vũ khí tối tân chưa từng được dùng trong du kích chiến như xe tăng, hỏa tiễn; những cuộc di tản chiến thuật trên đại lộ kinh hoàng; máu người thân yêu đổ xuống cùng với máu kẻ thù xa lạ; những lời cò kè bớt một thêm hai ở thủ đô các đại cường quốc; những pháp phòng hy vọng tiếp theo những thất vọng tiu nghỉu. Bao nhiêu thăng trầm máu lệ ấy trong vòng có mười hai tháng! Nhưng mãi lo âu về sự sống và sự chết, người ta ngơ ngàng tự hỏi, không dám tin ở mình: Lại Tết rồi sao? Ờ, Tết thật rồi. Người ta đã bắt đầu may áo mới. Ngôi nhà trước cửa đang được quét vôi. Qua hết năm Tý rồi! Năm Sửu sắp tới! May mà mình không việc gì! Quả đại bác mù lòa không rơi vào chiếc Honda thờ cả gia đình. Viên đạn đồng xoi thủng một lỗ ở vách tường, chỉ cách đỉnh đầu không đầy nửa tấc. Trái mìn nổ dưới gầm xe đi trước. Chiếc trục thăng tải thương lệch vế được đến quân y viện. Chiếc GMC chở

hòm phủ quốc kỳ chạy chậm, rồi đổ xích lại... trước nhà người láng giềng.

Qua được bao nhiêu cái may mắn ly kỳ ấy rồi, thì mọi sự trên đời trở thành nhạt nhẽo, phù phiếm. Sá gì một tập sách, một quyển thơ, một tờ báo! Thế giới chữ nghĩa trong cơn bão lửa, có gì đâu mà viết?

Nhưng chờ cho lòng lắng xuống, chiều không đọc nhật báo, tối không ôm cái radio, dành trọn thì giờ đọc lại thư mục và các tác phẩm đã in, chúng ta sẽ thấy sinh hoạt chữ nghĩa trong năm 1972 cũng có nhiều nét đặc biệt.

Mặc dù chịu ảnh hưởng của chiến cuộc, sách xuất bản trong năm 1972 thật nhiều.

Nhiều nhất là loại « sách-báo-vuốt-ve-tuổi-thơ », từ các báo Thiếu Nhi Thăng Bờm, Tuổi Hoa, Ngàn Thông, cho đến các sách cỡ nhỏ của nhà xuất bản Hoa Niên, Hợp Lực, Sống Mới, Tuổi Hoa, Trăm Hoa, San Hô. Hoạt động mạnh nhất là nhà xuất bản Tuổi Hoa, với đủ các loại hoa xanh hoa đỏ, hoa tím. Nội dung các sách kể trên, hầu hết đều là những truyện dịch thuật hoặc phóng tác.

Tiếp đến là các loại « sách-báo-nâng-niu-tuổi-tóc-mây », với các báo Tuổi-Ngọc, Mây-Hồng... và sách của những tác giả quen thuộc như Duyên Anh, Từ Kế Tường, Đình Tiến

Luyện... Chưa bao giờ các cô gái tuổi 14, 15 được nâng niu kỹ càng bằng lúc này. Cô bé băng khuâng, phỏng đoán chút xao xuyến cuống quýt đó có lẽ là tình yêu. Cô bé chớp mắt ngạc nhiên thấy cuộc đời xôn xao. Giở trang sách báo nào cũng chỉ gặp toàn các cô bé. Đã có thời người ta trách anh chàng Vô Kỵ đã đại dột chôn chặt đời mình, ngày ngày ngồi tô lông mày cho Triệu Minh. Năm nay, các nhà văn tô lông mày cho các cô bé tuổi mấy hơi kỹ. Nổi bật nhất trong loại sách này là các tác phẩm của Hoàng Ngọc Tuấn. Trong vòng một năm, tác giả đã cho xuất bản liên tiếp bốn tác phẩm: Thư về Đường Sơn Cúc, Cô bé treo mũ, Chuyện hai người và Nhà Hoa. Với một tâm hồn trong sáng, và một lối viết linh hoạt dí dỏm, Hoàng Ngọc Tuấn cố gắng hiển cho người đọc, nhất là lớp tuổi 14, 15, những bài thơ dài ca ngợi tình yêu, một thứ tình yêu đẹp và lành không chịu được.

Rồi các cô bé lớn lên. Hoặc các cô bé 14, 15 có những cô chị 18, 19. Các cô chị mơ một ông hoàng si, tưởng tượng đang tham dự vào những cuộc tình ly kỳ diễm ảo. Người tình phải chột đến như một cơn lốc. Đam mê phải như lửa cháy. Dư vị chua như miếng xoài xanh. Cuộc đời trước mắt bằng phẳng vô vị nên các cô 18, 19 phải chờ đến óc sáng tạo của nhà văn. Những tác giả quen thuộc cung cấp đều đều những cuộc tình phiêu lãng ấy trên nhật báo, rồi sau đó cho in thành sách. Tuy vậy số cung vẫn chưa đủ số cầu. Các

nhà xuất bản lành nghề bèn cho in thêm các dịch phẩm của Quỳnh Dao.

Ngoài ra cũng có những sách báo dành cho số người còn lại, nghĩa là những kẻ đã đánh mất tuổi mơ. Từ khi có cuộc vượt tuyến của Bắc quân, rồi chiến cuộc ở Quảng Trị, An Lộc, Kontum sôi động, bút ký phóng sự được chào đón một cách nồng nhiệt trên các trang báo hàng ngày và định kỳ. Ngay cả các tạp chí văn học cũng phải chuyển hướng, bỏ bớt thơ truyện đề đăng bút ký chiến tranh. Về loại này, người ta thấy nổi bật nhất trong những nhà văn viết bút ký có Phan Nhật Nam với giọng văn mạnh và những suy niệm sâu sắc về chiến tranh. Cả những loại hồi ký có liên quan đến lịch sử chính trị, nghệ thuật cũng được đón nhận không dè dặt. Cuốn «Bên dòng lịch sử» của linh mục Cao văn Luận bán còn chạy hơn cả cuốn «Mùa hè đỏ lửa» của Phan Nhật Nam. «Nhật ký của Ché Guevara», cùng các tiểu truyện nhạc sĩ của Ca Dao xuất bản trong năm 1972 nghe đâu bán cũng rất chạy.

Cuối cùng, âm thầm lặng lẽ hơn là sự xuất hiện của các thi phẩm trong năm qua. Ngoài các nhà thơ quen thuộc xuất bản thêm các tập kế tiếp của mình như Tạ Tỵ với *Cho cuộc đời*, Nguyễn Đức Sơn với *Vọng*, Huy Lực với *Hạnh phúc có thật*, Hoàng Hương Trang với *Túy Ca*, Tường Linh với *Thu ơi từ đó*, Huy Trâm với *Sương khói chiều hôm*, Phạm Thiên Thư với *Đoạn trường vô thanh*, Du Tử Lê với *Thơ Du Tử Lê*, Khánh Linh với *Trên thảm xanh*

đời, Đặng Tấn Tới với *Tuyệt Huyết Ca* chúng ta còn thấy sự xuất hiện các tập thơ đặc sắc của các nhà thơ trẻ như Nguyễn Bắc Sơn với *Chiến tranh Việt Nam và tôi*, Phạm Cao Hoàng với *Đời như một khúc nhạc buồn*, Đông Trình với *Rừng lầy men mùa*, Võ Chân Cửu với *Tinh Sương*, Hoàng Khởi Phong với *Phục hồi quyền chức làm người...* (đó là chưa kể một số các tập thơ khác xuất bản ở tỉnh mà vì sự phát hành khó khăn, không thể tới được tay người đọc), ở mỗi nhà thơ trẻ, người ta tìm thấy những sắc thái riêng biệt, vượt hẳn ra ngoài không khí tẻ nhạt quen thuộc của thi ca lâu nay. Nguyễn Bắc Sơn phá cả cái chấp về hình thức lẫn nội dung, hoài nghi ý nghĩa cuộc chiến lẫn cuộc đời, là đại biểu của một thế hệ trẻ bị đưa đẩy vào cuộc chiến nên đành xem nó như một trò chơi lớn. Thơ Phạm Cao Hoàng có một không khí lãng mạn đặc biệt. Trong *Đời như một khúc nhạc buồn*, người ta còn tìm được niềm tin, còn tìm được tình yêu. Nhưng cả niềm tin lẫn tình yêu đều phảng phất những ngậm ngùi cay đắng. Đông Trình xác định giá trị một nhà thơ ý thức rõ rệt sứ-mệnh người làm văn-ngệ trong hoàn cảnh khốn khó của đất nước. Làm thơ, theo quan niệm Đông Trình, là góp phần vào công cuộc gầy dựng xứ sở như người đi cấy gieo giống trên luống đất màu. Thơ tranh đấu lâu nay chỉ xuất hiện lẻ tẻ rời rạc trên một vài tạp chí, lần đầu tiên may mắn xuất hiện trọn vẹn trong một tuyển tập đây. Đó là chưa kể các tập thơ tranh đấu khác mà vì nhiều lý

do, sự phồn biến chỉ hạn chế trong vòng thân hữu, như trường hợp tập *Phục hồi quyền chức làm người* của Hoàng Khởi Phong. Tâm sự đau đớn của một người làm dân nhược tiểu, nỗi băn khoăn của cả một thế hệ trước hai ngã đường, hoài bão cách-mạng cho một xã-hội băng hoại ... tất cả xúc động ngùn ngụt đó của Hoàng Khởi Phong phá vỡ những câu thúc không cần thiết của hình thức. Không cần ghép vần ép điệu, tác giả vẫn lôi cuốn được những người trẻ nhiệt thành bằng chính nhiệt thành của mình. Võ Chân Cửu cũng tạo được một không khí riêng thật độc đáo ngay từ tập thơ đầu *Tinh Sương*. Dùng nhiều hình ảnh quen thuộc của thiên, sử dụng thể thơ bốn chữ, năm chữ một cách khéo léo, Võ Chân Cửu tạo được cho độc giả cảm giác mang mang trước trời đất vô cùng. Những quá khích của một thời làm thơ thiên bí hiểm qua đi, Võ Chân Cửu còn giữ lại được xúc động chân thành của riêng mình, và một kỹ thuật gần gũi với nhân sinh hơn. Nhờ vậy mà Võ Chân Cửu thành công, như một đạo sư quên được tín-điều và xa được kẻ chiêm bái.

Hóa ra trong tầm lửa đạn, người viết vẫn không thể từ bỏ được nghiệp dĩ. Nếu kể về số lượng không thôi, người ta thấy tình hình sách báo năm vừa qua không đến nỗi lèo tèo. Còn về phẩm chất? Cái đó còn phải tốn nhiều thì giờ xét lại. Trong sinh hoạt chữ nghĩa năm qua, có thể đã có những hiện tượng chính sau đây:

Thứ nhất là số lượng sách báo dành cho lứa tuổi không sản xuất nhiều gấp bội so với số lượng sách

báo dành cho lứa tuổi sản xuất. Sách dành cho các em bé ở tiểu học, sách dành cho các cô bé tuổi ô mai, sách dành cho các tiểu thư sầu mộng, sách dành cho các bà giải muộn quên phiền khi đợi chồng về, sách dành cho lứa tuổi lêu bêu trong các quán cà-phê chờ ngày trình diện, tràn ngập thị trường. Trong lúc đó, những sách dành cho đám đông bị kẹt cứng trong sở, trong quân ngũ, cho những kẻ thao thức trước hiện trạng xã hội chiến tranh, những kẻ muốn tìm ở tác phẩm một tấm gương soi hơn là một ống thoát hơi, trong suốt một năm, có thể đếm được trên đầu ngón tay.

Nét chính thứ nhì là không khí bàng lảng, thái độ nhàn nhạ trong hầu hết các sinh hoạt văn học. Khó mà tìm được hướng đi, một xu hướng mới trong các sách báo ra đời trong năm qua.

Từ lúc có luật số 007, các báo cổ chọn lựa bài vở thế nào để khỏi liên lụy vào thủ tục rắc rối của Thông tin lẫn Tòa án. Do đó, đã có nhiều tờ báo phải đăng chuyện uống thuốc chuột của cô gái thất tình thay thế chỗ những bài bút ký chiến tranh đẫm máu. Thề hiện đúng được chủ trương của tờ báo, điều đó đã khó khăn, huống chi nói đến việc phát động một trào lưu mới.

Các tập thơ được xuất bản thì hầu hết là sưu tập những bài tình ca đã sáng tác từ trước, hoặc những bài tức cảnh ngẫu nhiên. Do đó có nhiều sắc thái đối nghịch đến chất chứa giữa hai

tập thơ xuất bản cùng một năm, chẳng hạn cuốn *Dòng thời gian* của nhà báo kỳ cựu quá cố Bùi Thế Mỹ nằm bên cuốn *Vọng* của Nguyễn Đức Sơn trên kệ sách. Thề lục bát, cùng một vài thi ảnh, từ ngữ cồ được sử dụng trở lại, chính là dấu vết một tình trạng nhàn nhạ chờ thời trong sinh hoạt thi ca.

Về truyện, ngoài các tác phẩm giá trị của Hoàng Ngọc Tuấn và Phan Nhật Nam các truyện khác vẫn giữ một cung điệu bình thường. Các tác giả cũ sáng tác và xuất bản một cách điều hòa có Vũ Hạnh, Dương Nghiễm Mậu, Mai Thảo, Túy Hồng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn Sa... Nhà xuất bản Nguyễn Đình Vượng vẫn tiếp tục ấn hành đều đều mỗi tháng một cuốn truyện... Trong lúc đó, các nhà xuất bản có uy tín khác đã dẹp tiệm như Lá Bối, Trình Bày, hoặc cứ ra lai rai cầm chừng như An Tiêm, Ca Dao, Kẽ Sĩ... Chỉ có nhà xuất bản Trí Đăng là hoạt động khá mạnh trong năm 1972 mà thôi.

Gặp quá nhiều khó khăn trong vấn đề kiểm duyệt, muốn ăn chắc, các nhà xuất bản quay sang truyện dịch. Nhưng ngay việc chọn dịch cũng phải nhàn nhạ, tùy hứng. Trừ các tiểu thuyết Quỳnh Dao được xuất bản nhanh chóng vội vã vì sợ trái chứng của hạng thị dân thích theo thời thượng, còn những dịch phẩm khác màu sắc hỗn tạp, không theo đường hướng nào rõ rệt. Thử kê vài dịch phẩm chính : *Bác sĩ Arrowsmith* của Sinclair Lewis, *Anh em nhà Karanzov*

của Dostoievsky, *Sa đọa và Ngộ nhận* của Abbert Camus, *Thời thơ ấu* của Gorki, *Khúc ca mùa thu* của Lâm Ngữ Đường, *Chiếc cầu trên sông Drina* của Ivo Andritch. *Độc hành* của Gheorghiu, *Chiến hữu* của E. Remarque, *Thằng gù ở nhà thờ Đức Bà* của Victor Hugo, *Paul và Virginie* của Bernadin de Saint Pierre, *Khung cửa hẹp* của André Gide, *Uyên ương gãy cánh* của Gilbran, *Những cuộc tình phiêu lãng* của Somerset Maugham... Tình trạng đó chứng tỏ thái độ nhàn nhá của người dịch. Trong tình trạng ỡm ờ lơ lửng này, thì dịch gì bây giờ? Thôi thì lựa đại cuốn truyện nào hay hay của ngoại quốc cũng được. Cho nên mới có chuyện dịch Paul et Virginie trong thời đại bất thường của anh em nhà Karamazov.

Nét chính thứ ba là sự hoạt động mạnh mẽ và hữu hiệu của các nhà phát hành. Nhờ có vốn lớn, các nhà phát hành sách báo dần dần chi phối sinh hoạt văn học, một ngành lâu nay do chính những người sáng tác đảm nhiệm. Giá giấy và công in lên cao, nên một cuốn sách xuất bản ra, muốn có lời phải in thật nhiều. Muốn in nhiều bán chạy, phải quảng cáo cho thật dữ. Một vài dòng giới thiệu, một bài diễm sách trên tạp chí văn học bây giờ không đủ nữa. Những độc giả trung thành của tạp chí văn học bây giờ không có tiền mua sách. Họ có biết cuốn đó ra đời, mà không có tiền mua sách, thì cũng vô ích. Phải quảng cáo rầm rộ trên nhật báo, nghĩa là phải tốn thật nhiều tiền. Điều đó vượt quá khả năng

nhà văn. Cho nên các nhà phát hành bắt đầu lập nhà xuất bản, hay tài trợ cho các nhà xuất bản sẵn có cho họ in sách theo ý mình. Hai cơ sở phát hành thành công rực rỡ trong khuynh hướng hoạt động mới này là Hiện Đại và Nguồn Sống. Sách của họ in ra đều bán chạy, và một vài hiện tượng mới bắt đầu phát sinh, không biết có lợi hay có hại cho bước tiến văn học: hiện tượng nhà Nguồn Sống cho in cuốn Karamazov mau chóng đề ra trước cuốn Karamazov của An Tiêm, hoặc cho in «Chiếc cầu trên sông Drina» mau chóng đề đoạt khách hóng gió trên chiếc cầu Drina do Nguyễn-Hiến-Lê dịch, Trí Đăng xuất bản; hiện tượng sách Quỳnh Dao xuất bản ồ ạt và gần đây nhất là hiện tượng quảng cáo rùm beng cho một Quỳnh Dao bản xứ: cô Lệ Hằng.

Kề ra thì tình trạng nhàn nhá chung đó cũng dễ giải thích.

Trước hết, sinh hoạt chữ nghĩa bị ngưng đọng suốt năm 1972 là do chính người đề ra chữ nghĩa. Là do chính người viết. Nhà văn đã khựng lại. Ngay sau Tết năm ngoái, cuộc chiến tranh Việt-Nam bùng nổ khốc liệt, từ du kích chiến chuyển sang vận-dộng và trận-địa chiến với đầy đủ vũ-khí hiện đại qui-mô. Cuộc chiến thăm lặn, lén lút, còn có thể giúp cho các nhà văn sống trong ảo-tưởng bình an. Xác chết sau khóm tre cháy, chìm dưới rạch lầy, khó có thể làm xúc động trực tiếp người cầm bút sống trong vòng đai an ninh thành thị. Nhưng bây giờ hình ảnh chiến tranh lồ lộ, thảm cảnh kinh hoàng khốc

liệt đến nỗi nhà văn phải hoang mang. Hoặc chính người cầm bút là nạn nhân trong biến cố lịch sử này. Thoát được cái chết, trong gang tấc, người ta thường sống khá lâu trong trạng thái lơ lửng, hoang mang. Có thể một hai tháng. Có thể một hai năm. Giả sử chứng nhân đích thực ấy của lịch sử hoàn hồn sau hai tháng lạc loài trong trại tạm cư. Giả sử ông ta có thể cầm viết trở lại, suy nghĩ và ghi nhận những kinh nghiệm trải qua. Ông ta chép chép xóa xóa, ky cốp đánh máy, hồi hả gửi cho một tạp chí thân hữu đăng tải. Ông ta xoa tay chờ, chuẩn bị viết tiếp một tác phẩm khác. Nhưng ông ta sẽ khựng lại. Nhà xuất bản, tòa báo sẽ từ chối dứt khoát những lời ông nhà văn viết, những thơ truyện còn nồng nặc mùi thuốc súng và máu, còn nhầy nhựa thịt nát và bùn lầy, không phải nhà xuất bản không đồng ý quan điểm nghệ thuật của nhà văn. Lý do đơn giản là cả người xuất bản lẫn người sáng tác đều phải đứng trong tình cảnh khốn khó, đều bị trói buộc khắt khe từ khi có sắc luật kiểm soát chặt chẽ báo chí.

Thành ra chẳng những người viết khựng lại, mà cả những nhà xuất bản cũng khựng lại. Nhiều tạp chí phải đình bản vĩnh viễn như *Trình Bày*, *Chính Văn*. Số còn lại uốn mình biến dạng thành đặc san giai phẩm. Diễn đàn văn học bị thu hẹp. Trong khi đó, thời cuộc bấp bênh khiến các nhà xuất bản ngại ngùng không dám phiêu lưu bỏ tiền ra in sách. Sau những tháng chiến cuộc, số độc giả giảm

hẳn xuống, còn không đầy một nửa. Nhiều nhà xuất bản và phát hành mất hẳn số sách gửi cho đại lý các tỉnh lâm nạn. Nhà Thời Mới của Võ Phiến, sau một thời gian dưỡng thương, trong năm 1972 đã tái xuất giang hồ bằng một hình thức "xuất bản hạt tiêu", hợp với túi tiền nhà văn. Tác phẩm thử lửa đầu tiên là *Thư về đường Sơn Cúc* của Hoàng Ngọc Tuấn. Nhưng thời cuộc đã giáng xuống nhà xuất bản này một đòn trí mạng: hình như gần 500 cuốn sách gửi ra Huế đã mất hẳn, lạc đâu đó giữa dòng xe cộ hồi hả và dân tản cư chen chúc trong khoảng đường từ Huế xuôi Đà Nẵng. Tình trạng này cũng xảy đến cho các nhà khác nên lần lượt Lá Bối, rồi *Trình Bày* cũng thôi luôn. Các nhà xuất bản đành ngưng hoạt động, hoặc hoạt động nhàn nhá, nhường đất đứng cho các tay con buôn thuần túy.

Cuối cùng, nguyên nhân sâu xa và quyết định nhất vẫn ở về phía người đọc. Giá giấy lên cao, công in nhiều, phí tổn chuyên chở nặng, bấy nhiêu yếu tố không ảnh hưởng gì đến cuốn *Bên dòng lịch sử* của linh mục Cao Văn Luận, hay những cuốn truyện của Quỳnh Dao. Lý do chính của tình trạng nhàn nhá chung, là tâm trạng và thái độ đa số người đọc. Do ảnh hưởng của suốt mười mấy năm chiến cuộc (nhất là sự hiện diện của hơn nửa triệu lính Mỹ) số thị dân đã gia tăng gấp bội. Những người bỏ đồng ruộng tản cư lên phố tìm được việc làm, con cái được ăn học, đời sống gia đình được thăng tiến. Sự trù phú

giả tạo ở các thị trấn ảnh hưởng đến tinh thần lớp thị dân mới mẻ. Họ nhiễm dễ dàng các thói xấu của kẻ mất gốc, chạy đi tìm những hình thức họ tưởng là kiểu mẫu mới, liều lĩnh, nhẹ dạ, đua đòi học làm sang. Số độc giả mới rất đông đảo này có một tâm tình khác hẳn số thị dân cũ và số công chức học sinh lâu nay là độc giả trung thành của tạp chí văn học. Họ dễ dàng tin theo những lời quảng cáo, mê chuộng thời thượng, lo lắng sợ bị chê là quê mùa. Do đó sách báo ở trình độ phổ thông (Loại báo phụ nữ, sân khấu, cải lương, bói toán, trinh thám...) bán rất chạy ở các thành thị. Số sách báo này bán chạy, nên hình thức ngày càng đẹp, hình ảnh ngày càng hấp dẫn. Trên các sạp báo, tạp chí văn học trở thành lạc lõng, khiêm nhường, thiếu thốn hình ảnh, trình bày sơ sài. Cho nên yếu tố sâu xa ảnh hưởng đến nỗi sa sút trong sinh hoạt văn học là sự thắng tiến giả tạo vội vã của tầng lớp cần lao thành thị. Người đọc dễ dàng tin ở các quảng cáo, ở những hình thức màu mè, ở đạo to búa lớn, rồi cũng sẵn sàng bỏ thời thượng này chạy theo thời thượng khác mới hơn. Sách Quỳnh Dao tiêu thụ mạnh đầu năm 1972, rồi bắt đầu xuống vào những tháng cuối năm 1972, là do cái tính thay đổi trái chứng của lớp độc giả này.

Trong lúc đó, những độc giả ý thức cũng có những biến trạng khác ở tâm hồn. Hiện tượng nghiêng về phóng sự, bút ký trên báo chí và sách xuất bản, nghĩ cho cùng, là hậu quả tất

nhiên của cuộc chiến thảm khốc. Người ta thường xếp thơ, tiểu thuyết vào loại «truyện tưởng» (fiction). «Truyện tưởng» chỉ hấp dẫn được người đọc khi nó mở một chân trời phong phú mệnh mông hơn cuộc đời vô vị thường ngày. Ở Việt-nam chúng ta, ngược lại, truyện thực lại phong phú hơn truyện tưởng. Cho nên người đọc bắt đầu tìm đến « cái-có-lẽ-có-thật », « cái-gần-giống-như-sự-thật », hơn là những chuyện họ biết chắc chắn là do óc tưởng tượng sáng tạo của nhà văn. Mà có chuyện nào đáng tin cho bằng cuộc đời của các danh-nhân kim-cổ (tủ sách các bậc thầy âm nhạc của nhà Ca Dao), bằng chính lời kể của người trong cuộc (« Bên dòng lịch sử » của Linh mục Cao Văn Luận), bằng chính những điều tai nghe mắt thấy của phóng viên chiến trường (các bút ký chiến tranh). Trừ một vài hiện tượng đánh dấu tâm trạng bất định của người đọc giữa giai đoạn bấp bênh của lịch sử, nhìn lại tình hình chữ nghĩa một năm qua, chúng ta chỉ thấy một trạng thái lảng đãng, một thái độ nhậu nhùa cùng khắp đây đó, ở người viết, ở người in, ở người đọc.

Không khí mơ hồ bàng lảng này sẽ làm cho các nhà văn học sử về sau băn khoăn không ít. Họ sẽ ngỡ ngàng vô cùng, khi so sánh những biến cố lịch sử của năm 1972 này với những điều được viết ra cũng trong năm 1972 máu lửa. Họ tưởng sẽ tìm thấy được những tác phẩm đậm nét bi đát, không ngờ chỉ gặp toàn tình ca. Họ tưởng ở khúc quanh quan trọng này của

thân phận dân tộc sẽ có những tác phẩm đánh dấu một ý-hướng mới. Nhưng họ chỉ gặp những vuốt ve phù thủy dành cho các cô bé 14, 15. Mà cần gì phải tưởng tượng xa xôi đến mai sau. Ngay những cậu học trò sinh năm 1954, 1955 khai lìa xa mái trường, phải nhường lại cho em mấy cuốn truyện Tuổi Hoa mà trình diện nhập ngũ, phải cầm khẩu súng lạnh ở tiền đồn heo hút giữa rừng già, cũng

không thể tìm được tác phẩm thích hợp cho mình.

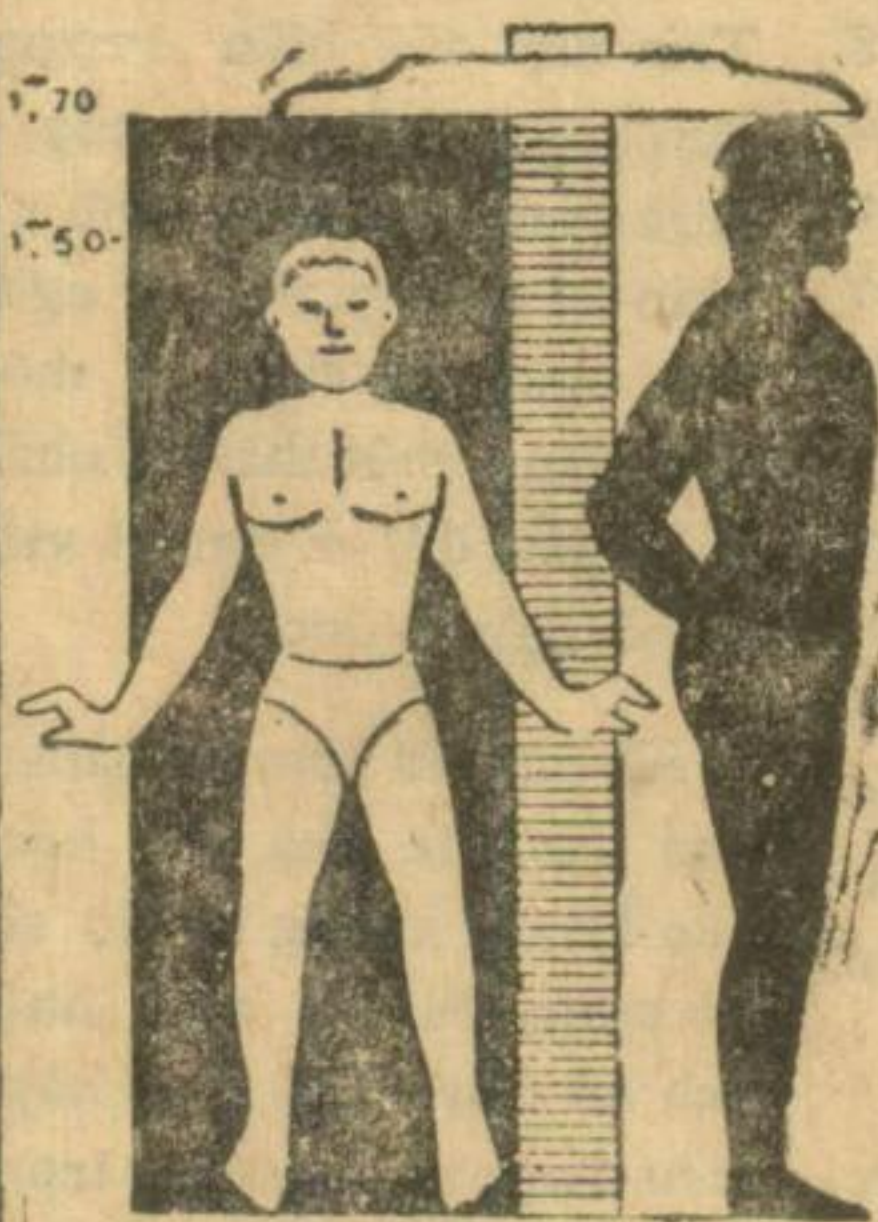
Có lẽ chúng ta nên ghi nhận một điểm quan trọng cuối cùng: tất cả sách báo xuất hiện trong năm đều đi qua cánh cửa Sở Phối hợp Nghệ thuật. Số tác phẩm mà nhà văn học sử cần tìm, có lẽ đang nằm vất vơ đâu đó, bên trong khung cửa hẹp.

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Mùa xuân 1973.

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



CON NÍT MAU
BIẾT ĐI
CŨNG XƯƠNG.
MẠNH KHOẺ.
NGƯỜI LỚN
CŨNG RĂNG.
ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHỔI.
MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BÔ?

Kỷ-nguyên tiêu thụ và nghề viết văn

Cái thời còn nền văn minh nông nghiệp, nghĩa là ở châu Âu, từ cuối thế kỷ XVIII trở về trước, ở nước ta trước thế chiến vừa rồi, tám chín chục phần trăm số người hoạt động trong nước chuyên về việc canh tác, mục súc để lo thỏa mãn nhu cầu cấp thiết nhất là ăn, nhu cầu đó các nhà kinh tế học gọi là nhu cầu sơ đẳng và những hoạt động canh tác, mục súc gọi là hoạt động sơ đẳng. Mà cứ vài ba năm lại bị hạn hán hay lụt, dân lại đói, có nơi chết hàng triệu người. Trong nước chỉ có khoảng năm, mười phần trăm số người hoạt động để chế tạo các đồ dùng như quần áo, nhà cửa, con dao, lưỡi cày, cái giường, cái chén... mà các nhà kinh tế gọi là hoạt động nhị đẳng; sau cùng năm, mười phần trăm nữa lo thỏa mãn nhu cầu tinh thần của mọi người, nhu cầu tam đẳng, và những hoạt động của họ (trí dân, dạy học, phục vụ nghệ thuật...) gọi là hoạt động tam đẳng.

Ở Âu Châu, qua thế kỷ XIX, kỹ thuật tấn bộ mạnh, ở nhiều nơi người ta sản xuất dư thừa phẩm rồi, nghề nông không còn lợi nữa, công nhân quá dư ở thôn quê, hoạt động của số dư đó chuyển qua nhị đẳng; đâu đâu cũng có những cuộc di cư ra thành thị kiếm ăn; số người trong các hoạt động sơ đẳng giảm đi, từ 80-90% xuống lần lần còn 40%, 30%, 20% tổng số người hoạt động,

mà số công nhân trong hoạt động nhị đẳng tăng lên từ 5-10% lên tới 30-40% tổng số người hoạt động trong nước; đồng thời số người hoạt động tam đẳng cũng tăng lên theo. Tới lúc đó, loại người chuyển từ văn minh nông nghiệp qua văn minh kỹ nghệ (cũng gọi là văn minh cơ giới).

Ở nước ta, những người hiện nay trên dưới sáu mươi tuổi, được mục kích sự chuyển tiếp đó. Nó gây rất nhiều xáo động về phong tục, lối sống, lối suy tư, cả về giáo dục, văn học nữa. Tôi chỉ xin kể một thí dụ điển hình: ở nước ta vào khoảng 1930 trở đi, ở Trung Hoa sớm hơn mười năm, các nhà văn tấn bộ đã đảo chế độ đại gia đình, hô hào tự do luyến ái, đề cao cá nhân chủ nghĩa đầu phải là vô cơ; nguyên do chính là tại xã hội bắt đầu từ văn minh nông nghiệp bước qua văn minh kỹ nghệ, dân quê bắt đầu rời làng mạc, họ hàng, thửa ruộng nắm mồ của ông cha ra thành thị sinh nhai, làm việc trong các nhà máy, nhà buôn, xưởng công kỹ nghệ... Điều đó tôi đã trình bày trong bộ *Văn học Trung quốc hiện đại*; trong bài này tôi chỉ xét hậu quả của nền văn minh cơ giới trong sự tiêu thụ, đặc biệt là sự tiêu thụ các sản phẩm văn chương.

Trong nền văn minh nông nghiệp, con người chỉ lo sao cho khỏi chết đói trước đã, nên các sản phẩm nhĩ đẳng (nhà cửa, quần áo, đồ dùng...) rất ít, thứ nào cần thiết lắm mới phải sắm, mà sắm thì lựa thứ bền chắc nhất, kh ông cần đẹp. Bền chắc là giá trị số 1.

Nhà cửa chẳng hạn, các cụ nếu có tiền thì lựa toàn danh mộc, không bị mối, bị mọt; đá, gạch, hồ, vôi dùng thứ thật tốt vì các cụ cất nhà để ở đời đời.

Như ngôi nhà của cụ ngoại tôi tại Hà nội, tôi không biết các cụ cất năm nào dưới triều Tự Đức. Tới anh em chúng tôi, bốn đời rồi mà xà, cột bằng gỗ vẫn còn tốt. Mười lăm năm nay tôi không được tin tức gì ngoài đó, nhưng tôi chắc nếu không bị bom thì nó vẫn chưa sập, mà hiện tôi đã có cháu nội, vậy là ngôi nhà đó có thể dùng năm sáu đời người. Ít nhất là 100 năm.

Quần áo các cụ cũng may ít thôi nhưng dùng toàn những hàng, vải thật bền: «ăn chắc mặc bền». Tôi còn nhớ năm 1924-25, một ngày đầu đông, cụ giáo Du dạy trường Yên Phụ bận một chiếc áo theo thâm lót nhiều vàng, tôi coi như mới tinh mà cụ bảo là đã bận được trên mười lăm năm. Cụ vào hạng phong lưu, nhưng tôi chắc trong rương của cụ chỉ có dăm ba bộ áo ấm, chứ không hơn. Chiếc áo bông của má tôi, bận được suốt đời của người. Và có rất nhiều gia đình thôn quê vào hạng khá giả, giữ được chiếc áo the, chiếc quần hay váy sồi

từ hồi cưới, chết thì liệm theo. Sồi thời đó dày làm sao, gần như hàng «săng tung» của Pháp.

Còn như bàn ghế trong nhà thì thứ nào cũng «lão» cả, ba bốn chục tuổi thọ là ít. Vì cái gì cũng phải cho bền, nên thợ làm rất kỹ. Một ông bác tôi chỉ muốn đóng một chiếc bàn, bốn chiếc ghế mà không muốn thợ trong miền, nhằn cho được một chú thợ cả, già từ phủ khác tới, rồi nuôi cơm trong nhà cả tháng. Dĩ nhiên, gỗ phải lựa cả năm trước (nhờ một người học trò buôn cây tìm giùm), rồi ngâm, phơi cho khỏi mọt và thật khô.

Trong các hoạt động tinh thần, điển hình là công việc trứ tác, cồ nhân còn kỹ lưỡng hơn. Viết ít thôi, nhưng suy nghĩ, tô chuốt rất lâu, năm lần bảy lượt, có khi cả chục lần. Ở Pháp thế kỷ XVII, La Bruyère. La Fontaine suốt đời chỉ viết vài cuốn. Vậy mà một người Anh, Barnaby Rich, năm 1600 đã phàn nàn rằng:

«Một cái ung nhọt của thời đại này là có nhiều sách quá, không làm sao tiêu hóa được hết những chất vô giá trị được «đẻ» ra trong đó mỗi ngày và tràn, khắp thế giới» (1).

Hai mươi tám năm sau, cũng một người Anh, Robert Burton viết:

«Chẳng bao lâu nữa, chúng ta sẽ thấy một cảnh hỗn độn mênh mông về sách: chúng ta bị sách đè nghẹt, mắt ta nhức nhối vì đọc nhiều quá, ngón tay ta ngán không muốn lật trang nữa» (2).

(1) (2) Điều của Will Durant dẫn trong bộ *Lịch sử văn minh* - cuốn 20 - bản tiếng Pháp - chương III trang 115.

Hai người đó nếu sinh sau hai thế kỷ, sẽ hoảng hốt tới mức nào. Vì qua thế kỷ XIX, người ta mới bắt đầu viết nhiều, nhiều nhất là Dumas cha, Balzac, Hugo. Chateaubriand tuy viết cũng khá nhiều, nhưng lại nói: «Tôi sợ người nào chỉ viết một cuốn sách» (Je crains l'homme d'un seul livre), nghĩa là mặc dầu ông đã đeo văn «tử công phu», mà vẫn ân hận rằng mình viết nhiều quá, có lẽ vội quá nữa.

Ở Trung Hoa, đời Tấn, Tả Tư bỏ ra mười năm chuốt bài *Tam đô phú*, đời Đường Giả Đảo mừng rằng ba năm làm được hai câu thơ: «Lưỡng cú tam niên đắc, nhất ngâm song lệ lưu». Viết nhiều nhất có lẽ là Tô Đông Pha, nguồn hứng và sự học hỏi, từng trải của ông rất phong phú, mà toàn tập của ông cũng chỉ được độ năm ngàn trang. Thời xưa người ta lo lưu danh thiên cổ, lo «vượt thời gian» mà muốn lưu danh, lượng không cần bằng phẩm. Lý Mật chỉ có một bài *Trần tình biểu*, Vương Hi Chi chỉ có một bài *Lan Đình tập tự*, Khổng Trĩ Khuê chỉ có một bài *Bắc Sơn di văn* cũng đủ «vượt thời gian» và cả không gian, có nhà lại chỉ nhờ một vài câu mà được mọi người biết danh, như Trương Tiên đời Tống, được người đương thời gọi là vị «Lang trung đào lý giá xuân phong» vì thích câu «Đào lý giá xuân phong» của ông quá.

Ở nước ta, ngoài Lê Quý Đôn và Phan Huy Chú, hai bậc siêu nhân lấy việc trứ tác làm lẽ sống, còn thì mỗi nhà trung bình chỉ được ba bốn tập mỏng. Mà công việc của hai họ

Lê và Phan là công việc sưu tầm biên khảo, không cần tô chuốt, nên hai cụ mới viết cả vạn trang được.

Tới thời Nam Phong, nhờ ảnh hưởng của phương Tây, nhờ nghề in phát triển, các nhà văn đã bắt đầu coi cầm viết là một nghề, nên phải viết nhiều, nhưng viết chuyên và siêng nhất như Phạm Quỳnh cũng chỉ được vài ngàn trang.

Tóm lại, trong thời văn minh nông nghiệp, hoạt động văn chương cũng theo cái luật chung của các hoạt động nhị đẳng và tam đẳng khác, nghĩa là rất hạn chế. Cái gì không nuôi sống con người thì đều là xa xỉ phẩm cả. Nhưng nhờ vậy mà việc trứ tác hóa nghiêm trang, cao quý, tuyệt nhiên không vụ lợi (dẫu có vụ cũng không làm sao có lợi được), người cầm bút nào cũng thận trọng, tác phẩm nào cũng đeo gót, mà địa vị của họ được tôn trọng, sách cũng được quý như bảo vật.

Quý vì rất hiếm. Hồi tôi còn đi chỏm nhà tôi không có tủ sách mà chỉ có hai cặp sách. Cặp sách của chúng tôi cao độ tám tấc gồm bốn cái cộc một tấm ván gọi là đế, bề mặt bằng khò tờ giấy bản gấp đôi, nghĩa là chiều dài độ ba tấc, chiều ngang hơn hai tấc (tôi nhớ phỏng chừng như vậy), đóng hai cái quai để treo lên, hoặc xách hoặc khiêng; thêm một tấm ván nữa ở phía trên để dẫn sách xuống. Khi đổi chỗ ở thì có người gánh, y như trong truyện Kiều: «Túi đàn cặp sách để huề dọn sang»

Một cái cặp như vậy chứa tứ thư,

ngũ kinh, ít bộ Bắc sử và bộ Khang Hi tự điển thì vừa đủ. Còn cái nữa chứa một ít sách thuốc, địa lý (tức sách phong thủy) tử vi, bói, vài bộ ngoại thư: Tình sử, Liêu trai, Đường thi, Tống thi, Văn tâm điêu long và ít cuốn sách nôm: Kiều, Hoa Tiên. Một ông bác tôi chỉ có hai cặp sách gồm sáu bảy chục bộ mà đã là nhiều sách nhất tông.

Muốn mua sách thì có hai cách: Xuống Hà Nội hoặc đợi các người gánh sách đi bán. Ở Hà Nội các tiệm sách của Hoa Kiều hàng Ngang hàng Bồ chắc có nhiều sách nhưng bác tôi chẳng bao giờ tới đó cả: hoặc là vì không có tiền, hoặc là vì không cần dùng những sách họ bán. Bác tôi chỉ lại các tiệm của mình ở phố hàng Gai. Tôi nhớ khoảng 1925 còn đâu được dăm ba tiệm bày những sách in mộc bản ở trên một tấm phản kê hơi cao. Có chừng trăm thứ sách rẻ tiền, thứ quý chắc người ta cất riêng ở phía trong, tôi không thấy. Rồi ít năm sau các tiệm đó cũng dẹp luôn thay vào những tiệm "bazar".

Còn những người đi bán sách dạo thì tôi chỉ thấy được một hai lần. Họ gánh một đôi bồ chứa đầy sách ghé vào nhà bác tôi ở quê. Có lẽ cả năm họ mới ghé một lần, bán sách thì ít mà đòi sách thì nhiều: đòi sách lấy giấy đã viết rồi để ra tỉnh bán lại cho những nhà làm lọng làm quạt. Họ cũng như hạng người đi mua giấy báo cũ bây giờ. Về sau số người cần sách mỗi ngày một hiếm, họ không đòi sách mà đòi kẹo mạch nha lấy giấy; rồi sau nữa người học chữ Nho mỗi ngày một hiếm, giấy cũ cũng không

có, nghề đó dẹp luôn. Sách hiếm như vậy, cho nên một ông bạn của ông nội tôi, làm Bố chánh, có được bộ *Truyền kỳ mạn lục*, hãnh diện lắm, gặp ai cũng khoe nhưng không dám cho ai mượn. Nó quý cũng như đồ sứ đời Tống hay đời Minh.

Ngay đến sách quốc ngữ, hồi 1920 cũng rất ít. Tiệm Vĩnh Hưng Long của cụ Nguyễn văn Ngọc ở hàng Đường chỉ bán dăm sáu chục thứ, mà đa số là những truyện bằng thơ như Kiều, Nhị Độ Mai, Hoa Tiên... của nhà in Xuân Lan và ít sách giáo khoa của nhà Học Chánh. Tiểu thuyết hình như không có. Phải vào hạm giàu mới dám mua tiểu thuyết; muốn đọc truyện Tàu thì lại tiệm Cát Thành ở đầu phố hàng Gai mà thuê: mỗi cuốn hai xu đọc trong hai ba ngày và phải ký quỹ ba hào. Ba hào hồi đó ít gì cũng bằng 300 đồng bây giờ.

* * *

Như trên tôi đã nói, đầu thế kỷ XIX, văn minh kỹ nghệ thay thế văn minh nông nghiệp. Đủ ăn rồi, con người mới nghĩ tới chuyện ăn cho ngon hơn, mặc cho đẹp hơn, ở cho thanh thơi hơn, tiêu khiển nhiều hơn mà học hỏi cũng nhiều hơn.

Số người làm ruộng bớt mà số thợ tăng lên. Các sáng chế, phát minh (như máy chạy bằng hơi nước, máy điện, máy nôi...) xuất hiện liên tiếp; rồi các kỹ sư, các nhà kinh doanh một mặt cải thiện, chế tạo các dụng cụ sản xuất, một mặt tổ chức công việc đầu tư thêm vào để tạo những xưởng máy sản xuất mỗi ngày một nhanh, một nhiều.

Năng suất tăng theo một tốc độ chưa từng thấy trong lịch sử.

Chỉ từ 1900 đến 1955 năng suất về điện tăng gấp 37 lần, về đồ cạo râu gấp 15 lần về xe đạp gấp 6 lần.

Tăng như vậy, sản xuất nhiều như vậy thì phải tìm cách tiêu thụ. Ngành quảng cáo xuất hiện. Nó tạo thêm nhu cầu cho con người. Nhu cầu của tôi ngày nay chắc nhiều gấp mười nhu cầu của ba tôi nửa thế kỷ trước. Ông cha chúng ta chỉ cần cơm ba bát, áo ba manh, bây giờ bọn chúng ta cần có cơm, có thịt, có trái cây, có sữa, có kẹo, bánh bích qui; xà bông phải hai ba thứ, khăn có khăn mặt, khăn mùi xoa và khăn tắm, giầy phải vài ba đôi, dép cũng vậy, nhà phải có bếp ga, có tủ lạnh, có máy thu thanh máy «ti-vi» có xe Honda, có nhật báo, tuần báo, báo ta, báo Pháp báo Mỹ và tháng nào cũng phải mua dăm cuốn sách... Toàn là những nhu cầu mà khoa quảng cáo tạo cho ta hết. Không uống sữa X thì không đủ chất bồ, không dùng lưỡi dao cạo Y thì cạo không nhẵn, không hút thuốc Z thì không lịch sự, vân vân... Từ khi Ford mở xưởng chế tạo xe hơi, ông ta tạo thêm một nhu cầu cho con người nữa: ông áp dụng phương pháp của Taylor và Fayol chế tạo xe hơi cho thật nhiều và rẻ để người nào cũng có thể mua được, mà sự thực hiện nay ở Mỹ đa số gia đình thợ thuyền đều có xe hơi cả. Ngay từ năm 1927, mà xưởng của ông ta cứ bảy giây đồng hồ đã sản xuất được một chiếc xe hơi.

Nhu cầu lại tạo thêm nhu cầu. Chẳng hạn có xe hơi thì không dùng tới hai cẳng nữa, bập chân và đuôi lộp đi, thật nhão nhẹt, lại phải tạo ra một

đồ thể thao nằm ngửa ra, hai chân đạp như đạp xe máy để luyện bắp thịt ở chân. Có xe hơi thì không lẽ chỉ lái tới sở và từ sở về nhà. Phải đi du lịch, thế là thêm không biết bao nhiêu nhu cầu phụ thuộc vào việc du lịch. Nhất là phải bảo hiểm nhân mạng và bảo hiểm cho mạng của chiếc xe. Nhiều xe hơi quá, đường phố mắc nghẽn, lại phải mở đường cho rộng, đặt đèn xanh đèn đỏ, xây những đường trên không (như chiếc cầu treo hiện nay ở trước chợ Bến Thành) và đường dưới hầm. Cứ mỗi nhu cầu chỉ tạo thêm hai nhu cầu khác thôi, thì trong nửa thế kỷ, nhu cầu tăng theo cấp số nhân, gây ra biết bao công việc cho nhân loại.

Vậy mà sức sản xuất vẫn cao hơn sức tiêu thụ, người ta phải nghĩ cách tăng sức tiêu thụ lên nữa, lên nữa, để cho xưởng khỏi phải đóng cửa, thợ khỏi phải thất nghiệp. Tiêu không biết bao nhiêu tiền vào quảng cáo mà kết quả vẫn chưa được như ý, người ta phải thay đổi lối sống, thay đổi quan niệm về tiêu thụ, cái mục đích của tiêu thụ. Xưa kia bền bỉ là giá trị số một; ngày nay nó bị coi rẻ. Nếu một chiếc đồng hồ mà dùng được cả một đời người thì thợ đồng hồ thất nghiệp hết. Phải chế tạo rất nhiều kiểu đồng hồ đã đành rồi: đồng hồ đeo tay, đồng hồ chuông, đồng hồ ngâm nước được, đồng hồ chỉ một phần mười giây, đồng hồ chỉ ngày tháng; mà còn phải làm sao gây cho người ta cái ý nghĩ rằng đồng hồ chỉ để dùng trong dăm ba năm thôi, dù nó vẫn còn chạy thì cũng phải liệng đi. Tóm lại xưa người ta sản xuất để tiêu thụ: nay người ta tiêu thụ để có thể sản xuất.

(còn tiếp 1 kỳ)

NGUYỄN HIỂN LÊ

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói : 25.861

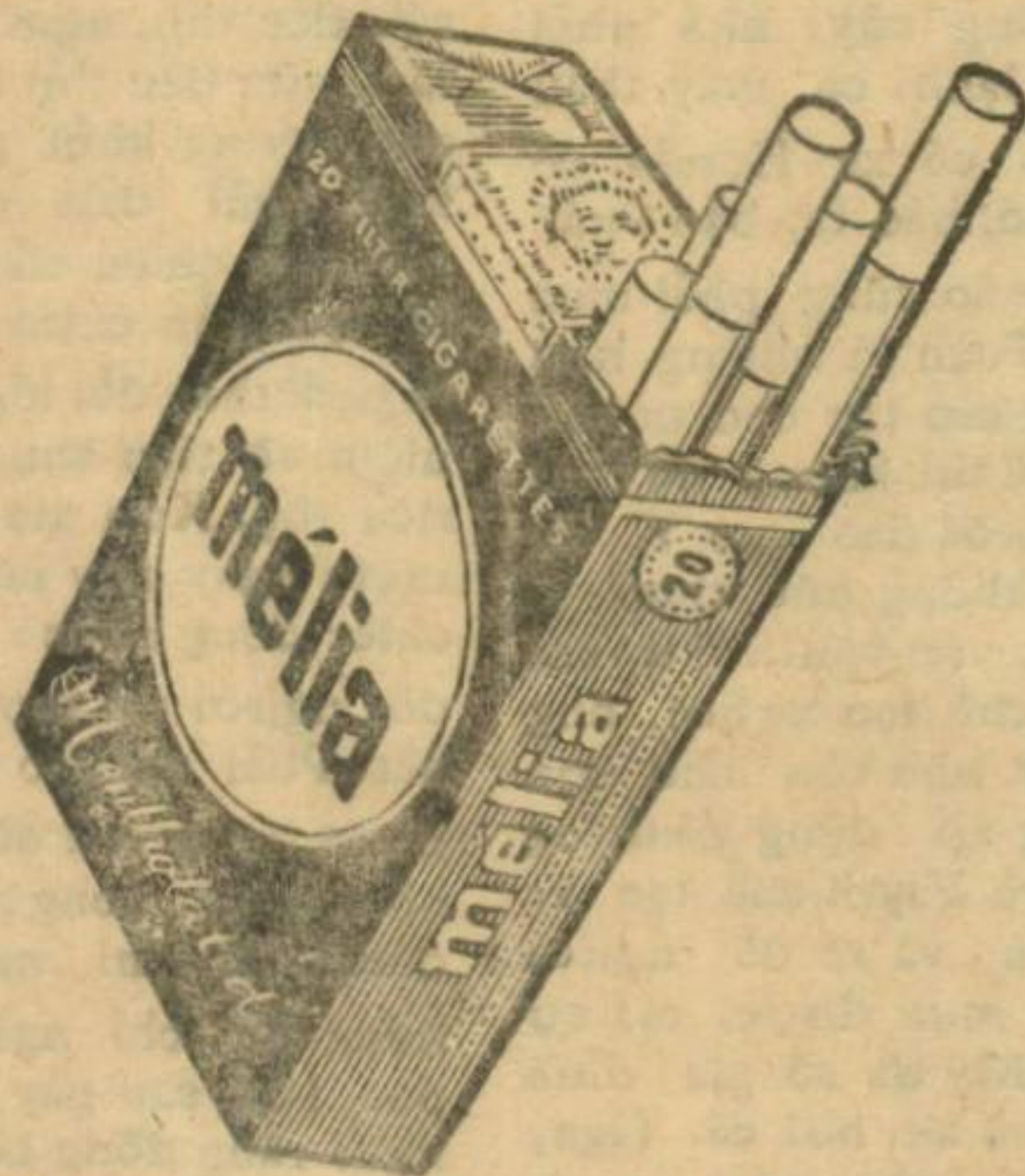
NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

THUỐC THƠM BẠC HÀ (Menthol)



BẦU LỘC ĐIỀU DÀI
Thượng hảo hạng

'Thong miết-mát cổ'. thơm dịu

Nobel Khoa-học 1972

Giải Vật lý học : G.s. J. Bardeen, G.s. L. Cooper, G.s. J.R. Schrieffer
(Hoa-kỳ)

Giải Vật hóa học : G.s. C. Anfinsen, G.s. S. Moore, G.s. W. Stein
(Hoa-kỳ)

Giải Sinh lý và Y học : G.s. G. Edelman (Hoa-kỳ), G.s. R. Porter
(Anh-quốc)

Trong số 8 nhà bác học chia nhau ba giải Nobel Khoa học năm nay đã có 7 người Hoa kỳ. Đặc biệt G.s Bardeen được thưởng một lần thứ nhì: năm 1956, ông đã từng chia giải Vật lý học với hai nhà khảo cứu W. Shockley và W.H. Brattain nhờ những công tác về máy transistor. Trong lịch sử các giải Nobel, trước đây chỉ có hai người được thưởng hai lần nhưng ở hai lãnh vực khác nhau: Bà M. Curie chia giải Vật lý học với chồng và được thưởng một mình giải Vật hóa học còn G.s. L. Pauling thì lại được hai giải Vật hóa học và Hòa bình.

John Bardeen sinh năm 1908 tại tiểu bang Wisconsin. Ông đỗ bằng tiến sĩ tại Viện đại học Princeton. Ông hành nghề vừa ở kỹ nghệ vừa ở đại học. Ông bắt đầu làm ở Grilf Research and Developement Corporation trước khi được bổ làm phụ tá ở Viện đại học Minnesota. Sau đó, ông qua làm ở Naval Ordnance Laboratory ở Washington trong đệ nhị thế chiến rồi lại dời về Bell Telephone ở Murray-Hill. Từ 20 năm nay ông dạy môn điện tử học tại Viện đại học Illinois. Từ 1959 đến 1962 ông cũng đã là một trong những cố vấn về khoa học và kỹ thuật cho Tổng-thống Hoa-kỳ.

Leon N. Cooper, sinh năm 1930 tại New-York, cũng là giáo sư tại Viện đại học Illinois như g.s. Bardeen và g.s. Schrieffer. Nhưng sau khi bắt đầu làm khảo cứu ở Viện đại học Illinois,

ông đã lần lượt giảng dạy ở các Viện đại học Ohio, Brown, Henri L. Goddard trước khi về lại Viện đại học này. Ông cũng đã từng được mời dạy ở Na uy, Ý và Pháp tại trường Cao đẳng Sư phạm. Năm 1968, ông đã được giải Hàn lâm viện khoa học Hoa-kỳ

John R. Schrieffer còn trẻ hơn hai bạn đồng nghiệp cùng chia giải vì sinh năm 1931. Ông học ở Massachusetts Institute of Technology và ở Viện đại học Illinois. Sau một thời gian ở Anh và Đan-mạch, ông trở về dạy ở Viện đại học Pennsylvanie trước khi qua Viện đại học Illinois.

Christian B. Anfinsen sinh năm 1916 tại Pennsylvanie. Đỗ tiến sĩ năm 1943 tại Harvard, ông bắt đầu dạy môn sinh vật hóa học tại Harvard Medical School trước khi qua làm Giám đốc

phòng thí nghiệm sinh lý học tế bào và tác dụng biến thể tại Viện quốc gia Tâm học ở Bethesda cho đến nay.

Standford Moore sinh năm 1913 tại Chicago. Ông đã học ở các Viện đại học Vanderbilt và Wisconsin trước khi vào Institut Rockefeller ở New York để dạy môn sinh vật hóa học cho đến nay.

William Stein cũng sinh năm 1913 tại New-York. Ông đã học ở Harvard và Viện đại học Columbia rồi cũng vào dạy môn sinh vật hóa học ở Institut Rockefeller tại New-York.

Gerald M. Edelman sinh năm 1929 tại New-York. Đỗ bác sĩ năm 1954 tại Viện đại học Pennsylvanie, ông được bổ làm bác sĩ đỡ đẻ ở cơ quan OTAN tại Paris. Ba năm sau, ông trở về lại New-York và qua năm 1960 thì lại đỗ tiến sĩ khoa học tại Viện đại học Rockefeller và được bổ dạy ngay ở đấy. Con người đầy đủ, làm thơ giỏi, chơi đàn hay, ông là nhân viên Viện Hàn lâm quốc gia khoa học New-York, Viện Hàn lâm khoa học và nghệ thuật, Hội hóa học Hoa-kỳ, Viện miễn dịch quốc tế ở Bâle, ban quản trị Harvey School, Viện Weizmann bên Israel.

Rodney R. Porter sinh năm 1917. Ông đã học ở các Viện đại học Liverpool và Cambridge rồi làm tại Viện quốc gia khảo cứu y học ở London trước khi qua dạy môn miễn dịch học tại Saint Mary's Hospital. Sau đó, ông được bổ làm giáo sư môn sinh vật hóa học tại Oxford đồng thời làm Giám đốc phân khoa miễn dịch hóa học tại Medical Research Council.

Được thưởng nhiều giải khoa học, ông còn là nhân viên Hội hóa học Hoa-kỳ và nhân viên ngoại quốc Viện Hàn lâm khoa học và nghệ thuật.

Tính siêu dẫn xuất

Từ 1911, người ta đã biết có nhiều kim loại, đặc biệt là thủy ngân, nếu cho vào nhiệt độ thật thấp (từ 250 độ dưới 0 đến 270 độ dưới 0) thì chúng thay đổi tính chất dẫn điện: chúng có thể mang mãi một dòng điện mà chẳng mất chút năng lượng nào. Vì vậy người ta đặt tên là tính siêu dẫn suất (supraconductivité). Thí nghiệm đã cho thấy một vòng thủy ngân ở nhiệt độ thật thấp ấy có thể giữ một dòng điện vài năm hay nhiều hơn nữa.

Một hiệu ứng kỳ lạ như thế ắt được nhiều nhà khảo cứu kiếm cách tìm hiểu. Công tác của ba nhà bác học Bardeen, Cooper và Schrieffer là đã thiết lập được lý thuyết tính siêu dẫn suất. Lý thuyết này có tiếng đến nỗi ngày nay trong giới chuyên môn người ta chỉ gọi tắt bằng ba chữ cái đứng đầu tên các ông là BCS.

Người ta biết tính chất dẫn điện là do sự chuyển di của các điện tử mà gây ra. Lấy ví dụ một kim loại như đồng. Ở nhiệt độ thường, trong lòng kim loại có một số điện tử tự do. Khi cho vào điện trường, các điện tử vì có điện tích âm nên bị một sức mạnh đẩy đi và những điện tử nào tự do nhất phải di chuyển. Nhưng ở nhiệt độ thường, các điện tử chạm vào các nguyên tử và mất dần năng lượng. Thường mỗi điện tử không di chuyển

được quá một centimet. Khi điện tử mất năng lượng thì một số nhiệt lượng được phát ra. Đây là hiệu ứng Joule. Như vậy nghĩa là dòng điện đã gặp một sức cản trên đường đi.

Với tính siêu dẫn suất, điện tử có thể di chuyển mà không hề bị mất năng lượng. Đây là nhờ điện tử không còn di chuyển từng chiếc một mà là xê dịch từng cặp đôi. Trong môn cơ học lượng tử (mécanique quantique) người ta giải thích như thế này : một điện tử thứ nhất khi đập vào một nguyên tử thì chuyển qua nhân nguyên tử ấy một phần năng lượng, nhưng một điện tử thứ nhì sau liền chạy qua gần nhân nguyên tử có thể lấy lại năng lượng đã mất kia, thành thử đôi điện tử đã di chuyển mà chẳng hao tổn chút năng lượng nào, như vậy nghĩa là chúng chẳng có gặp một sức cản gì.

Từ năm 1951, Frohlich ở Liverpool, Bardeen bên Hoa-kỳ đã biết những điện tử của kim loại tác dụng với nhau qua các luồng thanh âm, Vì vậy người ta đã nghĩ có một sự hấp dẫn giữa hai điện tử mặc dầu theo định luật Coulomb hai điện tử phải xô đẩy nhau ra. Năm năm sau, một người học trò của Bardeen là Cooper, một nhà khảo cứu thông minh nhưng thường ít trọng lệ luật, phương pháp, đề nghị với thầy ý kiến hai điện tử có thể sát nhập với nhau thành đôi. Bardeen do dự nhưng sau cùng chịu theo đề nghị của đệ tử, cùng với Cooper và một nhà cộng sự khác, Schrieffer, trong vài tháng đã sưu tập,

học hỏi tất cả các tính chất nhiệt học và từ học của các chất siêu dẫn.

Sau khi bài thuyết trình lịch sử được đăng ra, các nhà lý thuyết đua nhau nhảy vào tiếp tục tính toán. Trong số này đáng kể nhất là các nhà bác học Liên-xô, đặc biệt nhất là nhà vật lý học Landau. Trước đây g.s. Landau và đệ tử Giusburg đã đề nghị ở giai đoạn siêu dẫn suất, một hàm số luồng sóng (fonction d' onde) nhưng không biết hàm số này thuộc vi tử nào. Ngày nay người ta biết hàm số ấy là của đôi điện tử. Sau này Landau và Abrikosov đã chứng minh thêm ở một vài chất siêu dẫn có những vùng siêu dẫn lẫn lộn với những vùng không siêu dẫn. Hiện tượng này đã giải thích được vì sao một điện trường có thể lướt băng qua một chất siêu dẫn.

Về mặt lý thuyết, tính chất siêu dẫn suất thật là hay ho và quan trọng, nhưng về phía ứng dụng thì hiện nay người ta đang gặp nhiều khó khăn với kỹ thuật cho hạ nhiệt độ xuống thấp. Người ta đang quay về lại với các chất bán dẫn (semi-conducteur), kiểm cách giữ tính chất của chúng ở nhiệt độ ít thấp hơn nhiệt độ cần có hiện nay.

Riêng về phần g.s. Bardeen, một người đã từng được thưởng giải Nobel nhờ công tác về các transistor là một công cuộc khảo cứu ứng dụng, nay lại được thưởng một lần thứ nhì nhờ một cuộc khảo cứu căn bản, thật là đặc sắc. Hơn nữa vào lúc hai cuộc khảo cứu đang tranh dành nhau chút

ít ngân quỹ, ông Bardeen đã hiến một ví dụ bồ ích, đáng khuyến khích.

Giếu tố bí mật

Những hiện tượng của sự sống thật phức tạp đã được một số lớn các nhà bác học chú ý đến, nhưng nếu những nhà sinh vật học khảo sát ngay trên cơ thể sống, có những nhà nghiên cứu chỉ học hỏi trên những vật thể bất động. Môn sinh vật hóa học ra đời, nằm ngay giữa hai môn sinh vật học và vật hóa học. Tuy vậy những vật thể bất động được chọn lọc để khảo sát đều có dính dấp đến đời sống.

Ba nhà sinh vật học Anfinsen, Moore và Stein được giải Vật hóa học năm nay đã chứng minh cấu tạo và chỉ rõ hoạt động xúc tác của một giếu tố gọi là ribonucléase. Đây là protéine đầu tiên được khảo sát tường tận và như tưởng người ta đã biết được hầu hết tất cả các bí mật của nó. Từ đây, nhiều protéine khác cũng tiếp tục được học hỏi, vì vậy công tác của ba nhà bác học này lại còn là một gương mẫu trong ngành.

Xin nhắc lại protéine là những phân tử thật lớn do những phân tử nhỏ nối đuôi nhau mà hợp thành gọi là những aminoacide. Những acide này có ở hai đầu cuối một chức acide và một chức amine đều rất linh động nên đầu này tác dụng với đuôi kia để dính lại với nhau, có khi đếm được hàng trăm acide như vậy.

Ở trong cơ thể, số acide này tương đối ít, khoảng 20 phân tử. Các protéine

khác nhau về số hạng và thứ tự sắp đặt các acide. Chúng không nằm thẳng lại nằm quanh quẩn trên mình như một cuộn len. Hình thể trong không gian này cũng quan trọng không kém gì cấu tạo các aminoacide.

Những protéine có một phận sự đặc sắc trong tổ chức cơ thể sống: chúng xúc tác những phản ứng sinh vật học. Chính ở trên cuộn protéine đã có những vùng linh động và đây là chỗ gặp nhau của nhiều phân tử để tác dụng với nhau.

Ba nhà bác học được giải năm nay đã có công tìm biết số lượng và thứ tự các aminoacide của ribonucléase. Giếu tố này là một protéine tương đối nhỏ. Như tưởng nó cũng tương đối ít quan trọng trong cơ thể sống nên phần khảo cứu bên mặt Vật hóa học có phần trội hơn bên phía Sinh vật học.

Moore và Stein cùng làm chung ở Viện đại học Rockefeller ở New-York. Rất khó nói ai đã làm gì trong công tác chung này. Người ta chỉ biết hai đầu óc khác nhau đã bổ túc nhau. Moore là kỹ sư hàng không, đem lại óc thực tế và tính chính xác. Stein kiến thức rộng lớn về vật lý học và hóa học hữu cơ của mình. Vào đầu những năm 50, hai ông đã được biết tiếng nhờ đã tìm ra được một phương pháp sắc phần (chromatographie) xác định rất nhanh chóng thành phần những aminoacide và những protéine. Được đem tự động hóa, kỹ thuật này đã giúp người ta hoàn thành một công tác trong vài giờ mà trước đây phải

vài tuần mới xong. Sau đấy hai ông tấn công lần đầu tiên một giếu tố, rubonuclease A, ở lá lách bò. Để thành công chứng minh khả năng xúc tác của giếu tố ấy là do tác dụng giữa hai chất histidine, các ông đã phải đặt ra một phương pháp học mới. Công tác đã dựa lên cuộc học hỏi liên quan giữa cấu tạo và chức vụ của protéine.

Bên phần Anfinsen thì trong cuộc khảo cứu giếu tố ribonuclease, ông đã chứng minh những cầu disulfure trong protéine gây khi bị khử, lại nối tiếp cùng chỗ khi được oxy hóa. Năm 1962, ông tìm ra được một khúc của protéine do ám hiệu di tính xác định lại xác định tất cả các khúc khác của phân tử. Nhờ những phản ứng tế nhị như phá chiếc cầu disulfure đã thấy, ông còn lập ra được một bản đồ những vùng quan trọng và ít quan trọng của giếu tố ribonuclease. Ông cũng còn có khảo cứu trên những nuclease khác như những nuclease vi trùng.

Đứng ở địa thế ưu tiên ngã ba đường, các nhà sinh vật hóa học đang tiến nhanh trên con đường tìm hiểu con người, nhờ vậy những năm gần đây họ chiếm hầu hết các giải Vật hóa học. Có những năm như năm nay, họ cũng chiếm luôn cả những giải về Sinh lý và Y khoa.

Bất khả xâm phạm.

Thật vậy, cũng còn hai nhà sinh vật hóa học, Edelman và Porter được Viện Karolinska ở Stockholm chọn lựa vì đã thành công trong lãnh vực học hỏi tính miễn dịch (immunologie,

của con người.

Nếu tất cả mọi người không may mắn có quyền bất khả xâm phạm về mặt luật pháp thì cơ thể luôn luôn được che chở, đùm bọc nhờ những phương tiện mà tạo hóa đã cố gắng hiến cho ta để chống chọi lại với vi trùng, chất độc. Từ đầu thế kỷ, những nhà vi trùng học Metchnikoff, Bordet đã biết cơ thể được miễn dịch nhờ hai yếu tố : những tế bào phá hoại gọi là những thực bào (phagocyte) và những chất bám dính vào kẻ ngoại xâm (antigène) để trừ khử chúng gọi là những phản chất (anticorp), ăn khớp vào antigène như cái chìa vào khóa. Bắt đầu từ đây, những phương pháp hoặc phòng ngừa hoặc trị liệu ra đời, nào chủng đậu, nào sang máu. Cũng vào thời ấy, người ta đã tìm ra được các giống máu,

Nhưng càng học hỏi sâu xa, các nhà bác học lại càng thông hiểu tính chất miễn dịch vượt hẳn ra khỏi phạm vi chống chọi vi trùng. Thật vậy, bất cứ một lạ gì xâm nhập vào cơ thể tức thì phản chất được tạo ra, ăn khớp vào vật lạ kia. Đây là những phân tử khổng lồ protéine gọi là immunoglobuline, có khả năng phân biệt được vật lạ vì nó mà được chế tạo ra. Vì vậy người ta đã nói đến đặc trưng biết nhìn nhận của phản chất. Đặc trưng này dựa lên tác dụng của một vài nguyên tử của vật lạ và những nguyên tử ở một vài vùng nhất định của phản chất. Nhưng cơ chế chế tạo phản chất thao diễn ra sao ? Edelman và Porter đã cố thử tìm hiểu và trả lời được một phần nào

Hai ông bắt đầu học hỏi cấu tạo của các phản chất. Hai khó khăn đã được nêu ra : thứ nhất là các phân tử không đồng nhất, thứ nhì là chúng quá lớn. Vậy trước hết là phải tìm kiếm những mẫu đồng nhất, đồng thời kiếm cách cắt ngắn chúng mới đem phân tích được. Dựa lên phương pháp của Sanger (cũng đã từng được giải Nobel), dùng giếu tố cho dính vào phản chất để xác định cấu tạo của insuline, năm 1959 Porter lấy papaine cho găng vào phản chất. Ông đạt được ba mẫu hình vóc gần giống nhau, trong số ấy hai mẫu có khả năng nhìn nhận được antigène của mình.

Song song với công tác này, Edelman chứng minh phân tử immunoglobuline của con người gồm có hai dãy polypeptide đặt tên là H (heavy, nặng) và L (light, nhẹ) nối lại với nhau qua các cầu disulfure. Hai dãy này có thể xa nhau rồi lại gắn liền lại với nhau, miễn là nó ở cùng một phản chất mà ra. Năm 1969, tại Hội nghị Atlantic-City, Edelman lớn tiếng tuyên bố tìm ra được cấu tạo hoàn toàn của một phản chất : gammaglobuline, còn gọi là Bence-Jones, do nhiều bệnh nhân tiết ra. Theo ông, phân tử gồm

có 19.996 nguyên tử, hợp lại thành 1.320 đơn vị aminoacide. Đây là lần đầu tiên một phân tử vô cùng phức tạp đã được đưa ra ánh sáng.

Từ đây cuộc khảo cứu cơ chế có thể bắt đầu. Đây là một cuộc học hỏi vô cùng lý thú của môn sinh vật học. Thường cấu tạo một protéine là do một đặc tính di truyền gọi là génôme chỉ định. Đằng này, cấu tạo các phản chất lại do tài liệu của dịch thể là antigène định đoạt. Từ 1955, Jerne đã đưa ra một giả thuyết nay hầu hết các nhà chuyên môn đều chấp nhận là cơ thể chứa đựng đủ vật liệu để chế tạo bất cứ phản chất nào trước ngay cả khi có vật lạ xâm nhập vào cơ thể. Như vậy, antigène không định đoạt cấu tạo phản chất như người ta đã thường tưởng mà chỉ lựa chọn mẫu phản chất hợp ý với hình thể mình. Từ đấy phản chất được chế tạo ra để bảo vệ cơ thể.

Môn hóa học các phản chất chỉ mới bắt đầu nhưng một bước lớn đã vượt qua. Môn học miễn dịch tế bào đã và sẽ là một ngành quan trọng để tìm hiểu đời sống.

VÕ QUANG YẾN

Tìm đọc :

LẠC LỐI VỀ

Tiêu thuyết HEINRICH BOLL

Giải thưởng Nobel 1972

Bản dịch của HUỲNH PHAN ANH

KHAI HÓA xuất bản

Một bài thơ Tết

và tâm-sự di-thần của Nguyễn-Du

Như chúng ta đều biết, Nguyễn-Du là con thứ bảy quan Tham-tụng Xuân-quận-Công Nguyễn-Nghiêm. Anh cả ông là Nguyễn-Khản, đỗ tiến-sĩ, làm Binh-bộ-thị-lang, tước Kiều-nhạc-hầu. Anh thứ hai là Nguyễn-Điều, đỗ Thủ-khoa, làm Trấn-thủ Sơn Tây tước Điều-nhạc-hầu. Nguyễn-Du năm 20 tuổi thi đỗ Tam-trường, được tập tước Thu-nhạc-bá, Trung-thành-môn vệ-úy, Hoảng-tín-đại-phu, lĩnh chức Hùng-hầu-hiệu, chánh thủ-hiệu xứ Tuyên-quang. Cha con, anh em đều học giỏi đỗ cao, làm quan đồng triều, là một thế-gia bậc nhất đời Lê-mạt.

Tuổi trẻ vàng son của ông chấm dứt vào năm Bính-Ngọ (1786) khi Nguyễn-Huệ đem quân ra Bắc lần thứ nhất đập đổ ngai vàng họ Trịnh. Khi đó ông vừa 22 tuổi. Nguyễn-Khản và Nguyễn-Điều lần lượt lo buồn mà chết. Ông lui về quê nhà ở Hà-tĩnh. Năm 1788 Nguyễn-Huệ ra Bắc lần thứ hai, phá tan 20 vạn quân Thanh và đập đổ nốt cái ngai vàng mục nát của nhà Lê. Vua Lê-Chiêu-Thống chạy sang Tàu. Ông theo không kịp, trốn về quê vợ ở làng Hải-an, huyện Quỳnh-côi, tỉnh Thái-bình, cùng anh vợ là Đoàn-nguyên-Tuấn cử-hợp nghĩa-binh toan bề khôi phục nhà Lê nhưng việc không thành.

Ông lưu lạc ở xứ Bắc trên 10 năm. Năm Bính Thìn (1796) ông định trốn vào Gia Định theo Nguyễn Ánh để

chống nhau với Tây Sơn, không may có kẻ tố-giác, ông bị bắt giam ở Nghệ An. Ba tháng sau nhờ có tướng Tây-Sơn trấn thủ Nghệ-an là Quận-Thận, bạn thân với anh ông là Nghi-thành hầu Nguyễn-Đề, xin cho mới được tha. Lúc ấy Nguyễn-Đề và Đoàn-Nguyên-Tuấn đều đã ra làm quan với nhà Tây-sơn.

Ở tù ra ông về quê nhà mai danh ẩn tích, mượn nước biếc non xanh làm bạn, lấy sẵn muông cá làm thú vui. Trãi 6 năm 99 ngọn núi Hồng-sơn có dấu chân ông gần khắp. Trong sáu năm ấy tình thế nước nhà đã bao nhiêu vật đổi sao rời. Nguyễn Huệ, người anh hùng áo vải đất Tây-Sơn, chết một cách bất ngờ. Con là Quang-Toản lên nối ngôi, nhưng hèn kém không theo được chí cha; các đại thần thì phân chia bè đảng, giết hại lẫn nhau, làm cho cơ nghiệp nhà Tây-Sơn không bao lâu đổ nát.

Tháng 5 năm Nhâm-Tuất (1802) Nguyễn-Ánh, sau khi thu phục được Gia-định và Phú-xuân, lập đàn tế cáo trời đất, ban chiếu đổi niên hiệu là Gia-Long nguyên-niên. Đối với các cựu-thần nhà Lê, đây là một sự việc có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Nguyên từ năm Canh-Tý (1780) tới năm Nhâm-Tuất (1802), suốt trong 22 năm Nguyễn-Ánh đánh nhau với quân Tây-sơn, bao nhiêu chiếu chỉ, văn thư của chúa Nguyễn đều đã

niên-hiệu Lê-Cảnh-Hưng, khiến cho hầu hết cựu thần nhà Lê đều hy vọng rằng sau khi diệt được Tây-sơn, chúa Nguyễn sẽ trả lại đất Bắc cho con cháu nhà Lê để lui về giữ từ Thuận Hóa trở vào Nam như các đời chúa trước. Cũng vì hy vọng như vậy nên Nguyễn Du mới có ý muốn trốn vào Gia-định năm 1796. Nay thấy tân-triều ban chiếu cải-nguyên, sĩ-phu đất Bắc bắt đầu hiểu rằng cớ đã đổi nước, thấy rằng giấc mơ cổ-quốc của họ đã tan thành mây khói.

Cải nguyên được một tháng, vua Gia Long ngự giá thân chinh ra Bắc để tiêu diệt nốt đám tàn quân của Quang-Toản. Qua trấn Nghệ-an, nhà vua nghe tiếng Nguyễn-Du, sai sứ giả triệu ông đến bệ kiến. Chúng ta hãy thử đặt mình vào địa vị Nguyễn Du. Trước kia ông chỉ vì muốn theo Nguyễn Ánh mà đến nỗi bị Tây-Sơn bắt giam. Nay đích thân Nguyễn Ánh qua đây cho người mời ông, làm sao ông có thể từ chối? Vả chăng thâm tâm ông có lẽ vẫn còn âm-ĩ cái hùng khí diệt Tây-Sơn 15 năm trước. Cho nên ông ứng triệu, theo hộ giá vua Gia-Long ra Bắc. Tháng tám năm ấy ông được bổ Tri-huyện Phù-dung; qua tháng 11 thăng tri-phủ Thường-tín (tỉnh Hà-dông).

Cuối năm ấy nhân dân Việt-nam ăn cái Tết thống nhất đầu tiên sau hơn 200 năm phân tranh Nam-Bắc — cái Tết Quý-Hợi (1803) mở đầu cho triều Nguyễn. Nguyễn-Du lúc đó đang làm Tri-phủ ở Thường-tín thì nhận được bài thơ xuân của một người bạn cũ

là Lê-Bối-Khê gửi tặng :

Sắc báo nguyên niên, lệnh báo xuân,
Thiên thời nhân sự tổng canh tân.
Phủ cung hà hạnh phùng gia đán,
Hồi thủ na kham vọng mỹ-nhân.
Hào hạc hữu biên cung tế tự
Hồ san vô kính hộ chinh trần.
Ức huynh khách địa bồi quân quỹ,
Quốc tỵ gia tình lưỡng cử phân.

Dịch nghĩa

Sắc vua báo năm Gia-Long thứ nhất,
lệnh báo tin xuân,
Cơ trời và việc người cùng đổi mới hết.

Ngày Tết may sao còn được cúng tổ tiên,

Ngoảnh đầu lại nào thấy mỹ-nhân (1).

Cổ bàn có cái mâm dâng lên cúng tế,

Muốn đeo cái bầu đựng cháo trên đường cát bụi mà không có lối nào (2)

Nghĩ tới anh đang theo bánh xe vua ở nơi đất khách,

Nỗi nước tình nhà hai bên rồi bởi bởi.

Bản dịch của Phạm-xuân-Thụ

Sắc ban tức-vị đầu xuân,
Cơ trời thế nước muôn phần đổi thay.

May còn cúng giỗ Tết này,

(1) Chỉ vua Lê

(2) Đời Xuân thu, Giới-từ-Thôi theo Tấn Văn Công đi trốn; hết lương thực, Giới Từ Thôi phải tự cắt thịt đùi mình đem nấu cháo, đựng vào cái bầu dâng vua ăn.

*Nhớ thương người đẹp đọa đầy
phương nao.*

Cỗ bàn đâu có chi nào,

*Muốn theo Gió-từ làm sao biết
đường?*

Anh hầu vua chốn tha hương,

Tình nhà nổi nước thêm càng rối ren.

Bài thơ nửa như xót thương, nửa như trách móc. Xót thương cho Nguyễn-Du phải «theo bánh xe vua mới ở nơi đất khách» khiến cho «nổi nước và tình nhà hai bên rối bời bời». Trách móc người bạn có cha anh đời đời ăn lộc nhà Lê mà nay cũng ở trong cái đám «nhân-sự tổng canh tân», chịu cúi đầu làm một hàng thần lơ láo.

Nguyễn-Du có trả lời Lê-bối Khê không, và trả lời như thế nào? Về điểm này chúng ta hiện chưa giải đáp được vì chưa tìm thấy dấu vết trong cái kho tàng văn chương vô giá mà ông để lại cho đời sau. Tuy nhiên có điều chắc chắn là bài thơ của Lê-bối-Khe đã làm rung động, quặn quại cái tâm hồn nghệ-sĩ nhạy cảm của ông, và bắt ông phải suy ngẫm nhiều về những ý định của nhà Nguyễn, về thân phận của chính mình.

Trong những năm mới lên ngôi, vua Gia-Long chú trọng đối phó với nhà Tây-Sơn nên hết sức vỗ về bọn di-thần nhà Lê để thu phục sĩ-dân Bắc-hà. Trong chiều hướng đối xử ấy, năm 1804 các di thần nhà Lê được phép tổ chức rước linh cữu vua Chiêu-Thống từ Trung-quốc về

Thăng-long và làm lễ chịu tang; năm 1805 Nguyễn-Du được thăng Đông các học-sĩ, tước Du-đức-hầu; Phạm quý-Thích được bổ Đốc-học tỉnh Bắc-ninh mặc dù ông này cáo bệnh không nhận. Nhưng sau đó nhà vua lại xoay qua xóa bỏ luôn cả cái âm-hưởng của 200 năm công-nghiệp của nhà Lê trong lòng sĩ-dân đất Bắc, có lẽ vì nhận thấy rằng cái âm-hưởng ấy quá đậm đà và có thể trở thành một mối đe dọa đối với triều-đại mà nhà vua phải mất bao nhiêu công lao mới sáng lập được.

Năm 1806, nhà vua sai quan Tổng-trấn Bắc-thành là Nguyễn-văn-Thành phá thành Thăng-long để xây thu hẹp lại, lấy có kinh-đô hiện nay là Phú-xuân chứ không phải Thăng-long thì Thăng-long cũng chỉ là một thành trấn như các thành-trấn khác, không được đề cao và rộng hơn thành Phú-xuân. Vì thế bao nhiêu đền đài cung điện của vua Lê như điện Kính-thiên, điện Chí-chính, điện Vạn-thọ, điện Thị-triều, cửa Đoan-môn, cửa Đông-hóa, cửa Đông Trường-an, cửa Tây Trường-an tới nay không còn vết tích. Đàn Nam-giao, là nơi các vua Lê hàng năm ra tế trời đất, trở thành hoang phế vì một Giao-dàn mới được xây cất ở Phú-xuân.

Ngay cả chữ Long là rồng cũng phải đổi ra Long là thịnh. Những qui lệ đặc sắc của nhà Lê trong các lãnh vực luật-pháp, khoa-cử, hành-chính được sửa đổi bằng những qui-điều du-nhập của nhà Thanh bên Tàu. Tóm lại thâm ý của vua Gia-Long

là hủy diệt tất cả những gì có thể khiến cho sĩ-dân Bắc-hà tưởng nhớ công nghiệp tiền-triều.

Cái thâm ý ấy không lọt qua mắt đám di-thần nhà Lê. Và lại cũng chính Phạm-quí-Thích, người bạn thân thiết nhất còn lại của Nguyễn-Du, người được ông ủy-thác ấn-hành truyện Kiều sau khi ông mất — chính Phạm-quí-Thích đã đại-diện cho những con người tuyệt vọng này nói lên lòng oán hận câm nín của họ trong bài thơ «Quá Nam giao đàn»:

*Tiên tiêu cổ lũy nhiều Giao-nguyên,
Trần tích du du hướng thực luân.
Cô-điện hà niên thân thử vũ,
Tàn-bi kỷ độ lập hoàng hôn.
Long-biên thành quách thu phong lũng,
Liễn-đạo y quan mộ điều thôn.
Thử sự vấn nhân, nhân mạc giải,
Vấn thiên, thiên diệc cánh hà ngôn.*

Dịch nghĩa.

Rầu rầu lũy xưa bao quanh Giao-
đàn,
Trông dấu tích cũ ngậm ngùi biết
nói cùng ai.
Cô-điện mấy năm trời ngoài mưa
nắng.
Bia tàn bao độ phơ bóng hoàng
hôn.
Thành quách Long-biên gió thu
thời bên thung lũng,
Áo mũ lối xe vua ngự nay là xóm
chiều đàn chim đậu.
Việc này hỏi người, người không
thể đáp,

Hỏi trời, trời cũng chẳng nói năng
chỉ

Bản dịch của Trần-gia-Am

*Lũy xưa quanh chốn Giao-đàn,
Cảm thương dấu cũ phàn nàn cùng ai
Nắng mưa điện vũ nhạt phai,
Bia tàn bao độ đứng phơ bóng chiều
Áo xiêm đường ngự chim kêu,
Long Thành tiếng gió thu reo lạnh
lùng.
Hỏi người, người chẳng bảo cùng
Hỏi trời, trời cũng lại không nói gì.*

Với giao-tình thâm hậu giữa Nguyễn-Du và Phạm Quý Thích, Nguyễn Du không thể không đọc bài thơ này. Và đã đọc thì không thể không cảm thông với những người đồng hội, đồng thuyền. Huống chi đến năm 1813, nhân dịp đi sứ sang cống nhà Thanh, trên đường về ghé qua Thăng-long ông lại nhìn thấy tận mắt cảnh đổi thay của chốn đế đô xưa kia ông đã sống suốt tuổi trẻ vàng son nhưng lựa. Như để trả lời Lê Bối Khê, như để biểu đồng tình với Phạm-quí Thích, ông làm hai bài Thăng Long hoài cổ mà bài thứ nhất đã được nhà thơ Vũ-hoàng-Chương phiên âm và dịch ra quốc-ngữ trên Bách-Khoa số đặc biệt về Nguyễn Du và truyện Kiều ngày 15-11-1972 (1), dưới nhan đề « Tản-lĩnh, Lô-giang ». Sau đây là bài thơ thứ hai :

*Cổ thời minh nguyệt chiếu tân thành,
Do thị Thăng-long cựu đế-kinh.
Cù hạng tứ khai mê cựu-tích,
Quản huyền nhất biến tạp tân-thanh.*

(1) Bách Khoa s.đ.d, trang 65

*Thiên niên phú quý cung tranh đoạt,
Tảo tuế thân bằng bán tử sinh.
Thế sự phù trầm hưu thán tức,
Tự gia đầu bạch diệc tinh tinh.*

Dịch nghĩa

Vầng trăng sáng thời xưa soi vào
thành mới,
Đây là kinh đô Thăng-long của
vua cũ.
Đường xá bốn bên mở mang làm
mất dấu tích xưa,
Đàn sáo thay đổi thành ra khúc
tân-thanh lộn xộn (5).
Ngàn năm giàu sang làm mỗi cho
sự tranh đoạt,
Người thân và bạn cũ nửa còn
nửa chết.
Việc đời chìm nổi không nên than
thở,
Chính mình đầu cũng đã bạc lốm
đốm.

Bản dịch của Đỗ trọng Huề

*Vầng trăng xưa chiếu tan-thành,
Thăng-long đây chốn đế-kinh muôn
đời.
Bốn bên đường xá đổi rồi,
Sáo đàn sai lạc khác bài tân thanh.
Ngàn năm phú quý mỗi tranh,
Bạn bè thuở trước tử sanh chia
đường.
Việc đời chìm nổi khôn lường,
Chính mình tóc đã điểm sương mái
đầu.*

Bài thơ rõ ràng ngụ ý oán trách nhà Nguyễn ham phú quý mà quên

nhân-nghĩa là việc trả lại đất Bắc cho con cháu nhà Lê, lại còn cố tình hủy-diệt những di-tích của tiền-triều. Nhìn vào quãng đời làm quan với nhà Nguyễn của Nguyễn-Du, chúng ta thấy rằng sự oán trách ấy không phải chỉ thể hiện bằng văn-chương mà còn bằng hành động. Trong 18 năm làm quan với nhà Nguyễn, từ chức tri-huyện được thăng tới Tham tri-bộ-lễ, hai lần sung chức Chánh-sứ sang Tàu triều cống hay cầu phong: hoạn-đồ của ông tuy không phải là thênh-thang tốt bụng nhưng cũng không thể bảo là trặc trở gian nan. Vậy mà ông ba lần xin nghỉ dài hạn vào những năm 1804, 1808, 1812, lần nào cũng chưa nghỉ được một năm đã bị triệu vào kinh để lãnh chức vụ mới. Ở triều, ông có thái độ đứng xa lánh đến nỗi có lần vua Minh-Mạng phải dụ:

“Quốc gia dùng người cốt cầu lấy nhân tài chứ không phân biệt gì Nam với Bắc. Khanh cùng với Ngô-Vị (6) đã mông ơn tri ngộ, làm quan đến Á khanh, phải nên nói năng bàn bạc đề xứng đáng với chức vụ chứ sao lại giữ thói rụt rè, e sợ, chỉ vâng dạ cho qua chuyện?”

Nhà vua đâu có biết rằng ông vâng

(5) Nguyễn-Khản. anh cả Nguyễn-Du, giỏi thơ văn lại có tài về âm nhạc, thích hát cô đầu, thường tự mình phiên những khúc hát trong Nhạc-phủ ra điệu tân-thanh cho cô đầu hát: Mỗi khúc tân-thanh viết xong, bọn ca-nhi, nhạc-sĩ ngoài giáo phường tranh nhau truyền tụng.

(6) Ngô-Vị là con Ngô-thời-Sĩ, quê ở Thanh-oai, Hà-dông.

dạ cho qua chuyện không phải vì rụt rè, e sợ. Ông còn có gì đề mà e sợ? Mất quan chức ư? Thì ông đã chẳng ba lần tự ý từ quan đó sao? Ông vâng dạ cho qua chuyện là vì trong thâm tâm ông đang khoắc khoải một niềm hối tiếc mênh mông: Hối tiếc đã ra làm quan với nhà Nguyễn. Chính niềm hối tiếc ấy đã khiến cho Nguyễn-Du, khi sắp mất, gọi con cháu đến bên giường dặn dò phải đem chôn ông ở chỗ đồng bằng nước sâu cho mau nát để ông chóng siêu thoát (1), Niềm hối tiếc ấy cũng giải thích được tại sao những ngày đầu tháng

8 năm 1820 — khi đó ông mới 56 tuổi — ông nhuộm bệnh mà nhất định không chịu uống thuốc; đến lúc người nhà sờ chân tay ông thấy lạnh, biết là sắp chết, nói cho ông biết, ông mỉm cười tỏ ra đắc ý, tuyệt nhiên không có một lời trối trăn về hậu sự (2).

Tâm sự kẻ di-thần Nguyễn-Du là như thế. Nhưng cái tâm-sự ấy ông có đem ký-thác vào truyện Kiều hay không, đó lại là vấn-đề khác.

ĐỖ-TRỌNG-HUỆ

(1) Quốc-sử di biên.

(2) Đại-Nam chính biên liệt truyện

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 — 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION
DE LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

Ngày Tết, nói chuyện ăn

Ông Hồ Hữu Tường quả có công đối với ông Hồ Thơm. Nhưng riêng cái khoảng trống đánh một lượt mười mấy chiếc mà ông bảo là đề đốc thúc ba quân dưới vua Quang Trung thì e phải lấy làm ngờ.

Trống mà lớn có nhỏ có, đánh mà nhảy tới nhảy lui, bằng đùi có, bằng cùi chỏ, bằng khuỷu tay có, đánh lên mặt trống có, lên vành trống có, nặng có nhẹ có v.v..., khi nghe lung tung khi lại nghe ra lặc cắc lang tang v.v... như thế thì vui tai vui mắt, nhưng có hùng dũng gì đâu? Giữa đám binh lính ngựa voi đông đảo ồn ào, tiếng trống ấy sợ không lọt nôi vào tai quân sĩ, nói gì đến chuyện kích động tinh thần họ.

Anh Nguyễn Văn Xuân, bằng lời lẽ dè dặt, đã phỉ bác hoàn toàn câu chuyện nhạc võ Tây sơn với những luận cứ thật xác đáng. Theo anh Nguyễn, không chừng đây chẳng phải nhạc võ nhạc văn gì ráo, mà chỉ là thứ trống Diêu hay trống ông Ninh ông Xá, tức là một thứ trò hề trên sân khấu. Trò hề ấy không riêng ở Bình định, bởi vậy cũng không dính dấp gì đến vua Quang Trung. (1)

Vài năm trước đây, trong một bữa tiệc ở Hán thành, tôi được trông thấy một cô gái — một cô kỹ sinh — trang phục lượt thướt, đánh một giàn trống khá nhiều cái, cũng múa tới múa lui, điệu bộ đẹp đẽ không kém anh bạn Nguyễn Phong của chúng ta ở Bình định. Hỏi xem bên

Đại Hàn ngày xưa có cái tục gái mặc áo rộng rực rỡ đánh trống thúc quân như vậy sao, mấy người bản xứ ngồi bên cạnh ngạc nhiên: Nói gì vậy? Đâu có chuyện quân lính gì trong đó? Đây là một điệu sư vũ mà!

Bấy giờ bèn chú ý nhìn y phục và chiếc mũ trên đầu: Thì ra cô kỹ sinh hóa trang làm một nhà sư.

Vậy điệu trống với điệu múa này còn có thể do nguồn gốc tôn giáo chăng? Nguồn gốc ấy không riêng ở Việt Nam, càng không riêng thuộc Bình định và vua Quang Trung.

Thành thử, dù là trống diêu hay là sư vũ, dù là chuyện đùa giỡn hay là chuyện trang nghiêm, nhạc nọ đã không còn là nhạc võ « bí truyền ». Chuyện bí truyền, mười phần khó tin đến bảy tám.

oOo

Một mối ngờ vực trót nêu ra, trong lòng không tránh khỏi nổi băng khuâng: Bình định ngày nay vẫn lưu truyền từng kỷ niệm về vị anh hùng đất Tây sơn, vẫn quý từng chút liên hệ với vị anh hùng hai trăm năm trước.

Nếu quả Bình định mất đi một điệu trống, phải được đền lại một cái gì chứ? Chiếc bánh tráng nhé!

Bánh tráng (hay bánh đa) không riêng của Bình định, nhưng ở Bình định có lối ăn bánh tráng riêng,

(1) Nguyễn Văn Xuân — Tiếng trống nhạc võ và tiếng trống phê bình: Bách Khoa số 277, ra ngày 15-7-1968

dường như ít nhiều liên quan đến một khía cạnh sinh hoạt trong quân đội dưới thời vua Quang Trung.

Trước hết hãy lướt qua những cách ăn bánh tráng thường thấy : Bánh tráng nướng, bẻ từng mảnh, nhai cúc cắc cho vui miệng trước khi bắt đầu vào tiệc : ngoài Trung ngoài Bắc, trong trường hợp này bánh tráng có vai trò đại khái như bánh phồng tôm trong Nam.

Trong dăm ba trường hợp khác, cũng thứ bánh tráng nướng, cũng bẻ từng mảnh cúc cắc, nhưng không dùng để mở đầu bữa tiệc, mà lại dùng suốt bữa ăn, từ đầu đến cuối : Chẳng hạn trong bữa thịt cầy, bữa ăn chả cá, chẳng hạn khi dùng bánh tráng xúc xác đậu xào, xúc mớ gan cá nhéo xào ăn cho khỏi bệnh quáng gà v.v...

Cũng lại bánh tráng nướng nữa, đem giã vụn ra, hoặc dùng làm «thính» hoặc trộn với thịt đầu heo, hoặc rắc lên đĩa tiết canh v.v...

Nhưng dùng được vào nhiều việc hơn, có lẽ là thứ bánh tráng khô nhúng nước. Có thể cắt từng mảnh nhỏ, cuốn một miếng thịt, một con tôm, chiên dầu, làm món chả ram. Có thể cuốn với cua, tôm, thịt, nấm mèo, bún tàu chiên dầu, làm món chả giò. Có thể cuốn nem nướng, cuốn thịt bò nhúng giấm, cuốn... gần như không thể nói hết về cái nội dung nằm trong những cuốn bánh tráng đó. Tùy mùa tùy tiết, tùy sản phẩm địa phương, tùy tầng lớp giàu nghèo, cuốn bánh tráng thay đổi nội dung : có thể là nem là chả, cũng có thể chỉ là mớ giá

sống với miếng cá nục trung, chỉ là mớ xác đậu xào, là ít cộng rau với miếng dưa già v.v...

Bánh tráng để cuốn có thể dùng khi nó còn ướt. Bánh ướt bên dưới, bánh khô đặt lên trên, cặp đôi với nhau, làm món bánh đập... Bánh ướt xắt ra, làm bánh phở ; xắt rồi phơi khô, dùng nấu canh, dùng trong một vài món xào v.v...

Chúng ta chỉ lướt qua để có một ý niệm đại khái về cách dùng bánh tráng làm món ăn, chứ không mong tìm hiểu cho hết ngọn ngành. Chắc chắn trong một cuốn tự vị gia chánh dân tộc, cái phần được dành cho bánh tráng cũng dài lắm, quan trọng lắm. Tôi ao ước được học hỏi ở một công trình tổng hợp kiến thức về bánh tráng như thế. Trên mớ kiến thức ấy, những ông Thạch Lam, Vũ Bằng sẽ tha hồ suy nghĩ về bánh tráng, đứng trên quan điểm nghệ thuật...

Vậy tìm hiểu cho đủ, tìm hiểu cái hay của những miếng ngon miền Bắc món lạ miền Nam v.v... thì hãy chờ ở những công trình nghiên cứu và nghệ thuật ấy. Còn như đi tìm một lối ăn bánh tráng cho thật dở thì chỉ cần đến Bình-Định.

oOo

Thật vậy, cái đặc biệt ở đây chính là tại chỗ dở nhất ấy.

Tất nhiên, nói chung, ở các nơi khác ăn ra sao, thì ở Bình Định cũng như vậy : cũng bánh nướng, bánh khô nhúng nước, cũng bánh ướt, cũng xào, cũng cuốn v.v... Cái món cuốn

được ưa thích nhất tại địa phương là bánh tráng cuốn « thịt lụi » (tức thịt bò « lụi » vào que mà nướng, cuốn với chả ram, với rau thơm, chấm với một thứ nước tương đặc chế). Ở chợ, ở các quán ăn, ở những đám tiệc, hội hè, xung quanh các đám hát, các chiếu bạc v.v... đều có hàng bánh tráng thịt lụi.

Nhưng cái đặc biệt ở Bình Định là lối ăn bánh tráng cuốn mà không cuốn thứ gì cả, không có nội dung! Tức bánh tráng thuần túy.

Ăn như thế người ta ăn rất nhiều bánh tráng, lấy bánh tráng thay cơm. Nông dân, mỗi sáng trước khi ra đồng, nếu không kịp thời cơm sớm, có thể dùng mấy cuốn bánh thay bữa cơm sáng. Học trò ở trọ xa nhà, thường mang theo một chồng bánh tráng hàng trăm cái, mỗi sáng nhúng nước vài chiếc, cuốn ăn điềm tâm. Những gia đình có một nghề thủ công riêng, đêm đêm thức khuya dệt vải, đập xơ dừa, chắp trôn dệt chiếu v.v... thường xúm xít tổ chức một bữa ăn khuya : lại vẫn bánh tráng nhúng nước rồi cuốn.

Cuốn như thế, nếu nhà có sẵn rau, sẵn thịt cá v.v... mà cho vào càng tốt ; nếu không sẵn (như trường hợp những cậu học trò ở trọ) thì cũng chẳng sao.

Bánh tráng mà dùng « thuần túy » như vậy có vẻ phi nghệ thuật, khó mê. Vậy mà dân Bình Định đã đam nghiện món ăn ấy. Đi làm ăn xa, lâu ngày không có dịp ăn bánh tráng, họ nhớ quay nhớ quất. Tìm mua cho được

bánh tráng thích hợp để ăn như thế, lắm khi không dễ : đó không phải là thứ bánh quá mỏng quá mịn, không nên có mè, có tôm, có nước dừa v.v... Ở Sài Gòn, những năm trước đây hiếm có nơi nào bán thứ bánh tráng để ăn « thuần túy », chỉ một số người tìm ra chỗ mua khá hiếm hóc ở đâu vùng Ngã ba Ông Tạ, Ngã tư Bảy Hiền v.v... Họ mua, trữ sẵn trong nhà để dùng. Thế rồi, thỉnh thoảng một người bạn thân tình đồng hương đến chơi, bắt gặp mớ bánh tráng ấy, lấy làm ngạc nhiên, mừng rỡ. Rồi chủ khách tíu ta tíu tít bày tiệc : bánh tráng « thuần túy » chấm với nước cá, hay nước mắm chanh ớt. Chỉ có vậy thôi mà người bạn đồng hương — nhất là bạn gái — dù đã giàu sang, đã quen ăn Tây ăn Tàu v.v... vẫn lấy làm ngon. Y như người Huế đối với cơm hến, người Quảng Ngãi đối với gion, người Sóc Trăng Trà Vinh đối với bún nước lèo v.v...

Quen với nếp cũ, có những gia đình người Bình Định, ngày nay lánh nạn về đô thị, không còn tiểu công nghệ nữa, không còn phải thức khuya làm việc nữa, vậy mà đêm đêm đàn bà con gái trong nhà cũng rủ nhau làm một châu bánh tráng cuốn thường lệ trước khi ngủ !

Những chỗ tương đồng không nói làm gì, riêng điềm dị biệt giữa lối ăn bánh tráng ở Bình Định và ở các nơi khác có thể phát sinh một thắc mắc : Tại sao nơi dùng nhiều bánh tráng nhất, nơi sở trường về bánh tráng, lại bằng lòng với một món ăn xoàng như vậy, dở như vậy ?

Thật ra cái khác biệt căn bản là : ở các nơi, bánh tráng dùng để chế biến ra món ăn ; ở Bình Định, nó được dùng thay cơm gạo. Bữa bánh tráng tại đây có những trường hợp thay thế cho bữa cơm, bữa cháo !

Và chính vì thế mà có thể ngờ rằng lối ăn ấy dính líu đến vua Quang Trung. Nó bắt nguồn từ một sáng kiến trong quân đội Tây Sơn chăng ? Nó là thứ lương khô, là món đồ hộp của thế kỷ trước, trong một quân đội nổi tiếng di hành cấp tốc chăng ?

Bình sĩ hàng vạn mà nấu cơm nấu đồ ăn cho xong một bữa thì đành đành khá lâu. Đàng này, gặp lúc cần kíp, chỉ cần nhúng bánh tráng vào nước, cuốn lại, là rồi. Trong những trường hợp ấy, quân địch nấu nướng, quân Tây Sơn không phải nấu ; quân địch ăn ngồi, quân Tây Sơn ăn đi ăn chạy. Bánh tráng đã có phần đóng góp của nó vào chiến thuật hành quân của vua Quang Trung chăng ? đã cống hiến cho Người một lợi thế quý báu để tranh thủ thời gian với địch chăng ? Như vậy, trong những cuộc hành quân thần tốc từ Nghệ An ra, đánh rốc Ngọc Hồi, Hà Hồi, đánh thẳng tới Thăng-long, mà quân Thanh không kịp trở tay, có phải bánh tráng cũng góp một vai trò cứu quốc chăng ? Trong lịch sử dân tộc, trong lịch sử chống Bắc xâm nên dành một chương cho bánh tráng chăng ?

Vua Quang Trung sở trường về lối đánh chớp nhoáng. Sử sách

đường như có nhắc đâu đó cái sáng kiến dùng một chiếc võng cho ba người lính : một kẻ nằm hai người khiêng chạy lúp xúp, luân phiên thay đổi nhau, ngày đêm có thể di chuyển không cần ngừng nghỉ. Sử không nhắc đến bánh tráng. Bởi vậy, những suy đoán của kẻ hậu sinh lúc này thật phiêu lưu.

Dù sao một môn lương khô thịnh hành ở chỗ quê hương của vua Quang Trung: đó cũng là đề tài đáng suy nghĩ, khả dĩ đưa đến một vài giả thuyết.

oOo

— «Dù sao», không nên suy nghĩ về cái giả thuyết vua Quang Trung phát minh ra bánh tráng, Vua Quang Trung là một thiên tài lớn, nhưng chúng ta đừng tham lam dồn quá nhiều thứ linh kinh vào cái thiên tài ấy.

Hãy tưởng tượng : Nếu ngày nay, trong một quân đội nào đó, chúng ta bắt gặp một món đồ hộp vừa gọn nhẹ vừa bổ dưỡng, nghĩa là tiện dụng hơn những món thông thường ở các quân đội khác, bắt quá ta chú ý đến nhà thầu cung cấp, đến kỹ thuật của một xưởng chế tạo thực phẩm, hay đến ông giám đốc quân nhu, thế thôi. Lẽ nào bốc thơm đến cả vị tổng tư lệnh chỉ vì chút chuyện ấy ? Ngày xưa, vua Quang Trung cũng không hơi đâu mà lo..

— Nói thế có lý, nhưng e không đúng ý các nhà quân sự của chúng ta xưa kia...

— Ờ ! Xưa kia, các tay tồ như

Tôn Vũ, như Khương Thượng v.v... đâu có ý kiến gì về những chuyện nhỏ nhặt ấy?

— Phải. Trong những cuốn binh pháp của Tôn Vũ, của Ngô Khởi, trong *Lục thao*, *Tam lược* của Khương Thượng, của Hoàng thạch Công v.v... toàn luận về thiên thời địa lợi, về phép điều binh khiển tướng, về những chuyện trên trời dưới đất, cao xa thâm thúy, chứ không thấy có chuyện cái ăn cái uống của lính tráng. Nhưng các vị ấy không phải là «chúng ta», là người Việt nam.

Trái lại, trong cuốn *Binh thư yếu lược* của đức Trần Hưng Đạo có hẳn một chương về quân nhu. Vị tướng này xác định : «Lương thực là nhu cầu tối thượng của nhân dân, là sinh mạng của binh sĩ...» và Người đã nghiên cứu chỉ dẫn tỉ mỉ những cách thức nấu ăn cho được nhanh chóng, những món lương khô gọn nhẹ v.v... Người dạy cho kỵ binh phép nấu cơm trên lưng ngựa : tay cầm ống tre đựng gạo nước, vừa cưỡi ngựa vừa đun cơm bằng đuốc ; như thế lính có «cơm ăn ngon lành, tinh thần thêm hăng hái, gặp địch đánh ngay, không ai địch nổi.» Người lại có những toa thuốc bồ, tán nhỏ, viên thành hoàn, mỗi lần uống một viên cả ngày không đói. Người còn mách những món lương khô như bánh nai (?), như cơm sô (?) v.v... Người bày ra cách lấy đậu nấu chín tán nhuyễn, trộn với muối, vắt thành hột tảo, phơi khô, mỗi khi ăn lấy ra hòa với nước thay tương, có thể dùng trong năm mươi ngày v.v...

Sự chu tất ấy không thấy ở các nhà quân sự Trung hoa.

Tất nhiên, không thể đi đến một nhận định khái quát rằng đó là một đặc điểm dân tộc, nhưng tại sao chúng ta không thể nghĩ vua Quang Trung cũng có những mối quan tâm lo lắng như đức Trần Hưng Đạo ?

— Dù vậy cũng không chắc vua Quang Trung phát minh ra bánh tráng.

— Đúng thế. Và chúng ta không mong tìm ra được kẻ «phát minh» ấy. Về phần vua Quang Trung, có thể Người chỉ có công chú ý, phát huy món bánh tráng ăn thay cơm mà thôi. Như thế đủ rồi : chúng ta chỉ muốn nói đến «một khía cạnh sinh hoạt trong quân đội dưới thời vua Quang Trung», đến một «chút liên hệ với vị anh hùng»...

Quả thực không có một bằng chứng rõ rệt đưa đến một xác quyết.

oOo

Bánh tráng dân tộc, trải hàng nghìn năm nó không nhích được sang Tàu, nhưng bây giờ thì nó có cơ hội tiến xa : Đầu năm ngoái, do một thỏa ước kinh tế giữa Việt Nam Cộng Hòa và Hoa kỳ, hai trăm tấn bánh tráng được phép vượt Thái Bình Dương bay sang Mỹ. Thế là thỏa chí tang bồng.

Xuất ngoại sang Tây phương, có lẽ hầu hết chúng sẽ biến thành chả giò, món hăm mộ của anh lính đồng minh sang Việt Nam. Còn như cái lối ăn bánh tráng «thuần túy» thì chắc chắn là chẳng bao giờ nó di Mỹ đi Tây được. Bất quá nó theo chân người dân Bình Định mà vào đến Bình Thuận, Ninh Thuận, Phú Quốc... những nơi có nhiều ngư dân gốc Bình Định vào sinh cơ lập nghiệp,

Nghĩ cho cùng, nó không xuất ngoại cũng là cái hay : «bí truyền» mà.

VÕ PHIẾN

12-72

ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG

TRỤ-SỞ CHÍNH : 61-63-65, Đại-Lộ Hàm-Nghi SAIGON

Điện thoại : 98.460 — 98.700

Chi-Nhánh Cholon :	47-49 Tổng Đốc Phương Cholon	ĐT : 51.047
—	Cầu Ông Lãnh : 21 Bác-sĩ Yersin Saigon	ĐT : 99.386
—	Gia-Long : 121-123 Gia-Long Saigon	ĐT : 96.827
—	Biên Hòa : 10 Nguyễn Hữu Cảnh BH	ĐT : 36
—	Ban Mê Thuật : 80-82 Quang Trung BMT	ĐT : 148.083
—	Vinh Bình : 24 Gia-Long Vinh-Bình	ĐT : 092
—	Sa-Đéc : 139-141 Tổng Phước Hòa Sa-Đéc	ĐT : 114
—	Đà-Nẵng : 197 Độc Lập Đà-Nẵng	ĐT : 21.077
—	Thị-Nghè : 22 Hùng Vương Thị-Nghè	ĐT : 96.251
—	Long An : 36 Thống Nhất Long-An	ĐT : 48
—	Vinh Long, 49 : Phan Thanh Giản V.L.	ĐT : 093

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM ĐỊNH-KỲ VÀ ĐỊNH-KỲ :

— Dưới 3 tháng	17%
— Từ 3 đến dưới 6 tháng	19%
— Từ 6 đến dưới 9 tháng	21%
— Từ 9 đến dưới 12 tháng	22%
— Từ 12 tháng	24%

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM :

- 17% mỗi năm : nếu không dự xỏ-sổ
- 13% mỗi năm : nếu có dự xỏ-sổ
- 4% mỗi năm : để xỏ-sổ
- Tiền lời tính theo kết-số dư hàng ngày
- Muốn rút vốn ra bất cứ lúc nào cũng được.

LÃI-XUẤT TÍN-DỤNG :

- Từ 14% đến 28%.

Đàm thoại với ĐỖ TIẾN ĐỨC về :

Điện-ảnh Việt-nam 1972

L.T.S. Ông Đỗ tiến Đức, sinh năm 1939 tại Sơn Tây, đã tốt nghiệp Học viện Quốc gia Hành chánh và Cao đẳng Quốc phòng từng giữ các chức vụ Giám đốc Nha Thông Tin, Giám đốc Nha Điện Ảnh Ông Đỗ Tiến Đức cũng là tác giả truyện dài Má hồng đăng trên Bách-Khoa năm 1967 (sau xuất bản thành sách — đã in 2 lần — và được Giải thưởng Văn chương của Tổng Thống năm 1969). Ông cũng là tác giả truyện dài Đơn Ca trên tạp chí Hoài Bão và nhiều truyện dài truyện ngắn khác trên nhật báo. Hai năm nay Đỗ Tiến Đức bỏ cây bút sáng tác, bước sang lãnh vực Điện ảnh, và đã đạo diễn được hai phim : Ngọc Lan và Yêu. Nhân dịp cuối năm 72 chúng tôi đã đàm thoại với ông về Điện Ảnh V.N. cùng việc làm phim mà ông đương say mê theo đuổi.

BÁCH KHOA : Thưa anh, có bao nhiêu phim được thực hiện trong năm 1972 ?

ĐỖ TIẾN ĐỨC : So với năm trước và trong sự mong đợi là phát triển mau lẹ của phim ảnh Việt nam thì số phim đã được thực hiện trong 12 tháng vừa qua tương đối có sút kém. Mãi tới những ngày cuối năm, sinh hoạt điện ảnh mới có chút hào hứng với các phim sau đây được khởi quay : Triệu phú bất đắc dĩ của Lê-Hoàng-Hoa (Liên Ảnh Công Ty) Tuổi Dại của Thái-thức-Nha (Alpha phim), Hoa mới nở của Lê-Dân (Li Dac), Đời chưa trang điểm của Hoàng vĩnh-Lộc (Lam Sơn phim), Mùa tình mùa Hạ của Nguyễn-ngọc-Liên (Cosu-nam phim).

— Tại sao các nhà sản xuất phim lại e dè như thế ?

— Tôi nghĩ các lý do chính đã gây ảnh hưởng vào sự trì trệ của phim



Đỗ Tiến Đức cạnh máy thu hình trong phim trường.

ảnh Việt Nam là, trước hết phải kể tới tình hình chiến cuộc bộc phát mạnh mẽ. Đánh nhau lớn nên giờ giới nghiêm nói rộng. Một số tỉnh không thể chiếu phim được. Đó là nói về sự thu hẹp phạm vi khai thác phim. Còn phải nói thêm là chiến tranh lớn thì lòng người hoang mang, lo ăn, lo sống, thì giờ đâu mà nghĩ

tôi việc giải trí, xem phim nữa. Số thu của một cuốn phim vì vậy mà sút giảm trầm trọng. Lý do thứ hai phải kể tới là phim Việt-Nam đã qua cái thời được quần chúng ồ ạt đón tiếp rồi. Lớp khán giả đi coi phim vì tò mò không còn nữa. Nhiều phim đã có số thu rất đáng ái ngại khiến cho những nhà tư bản muốn nhảy vào ngành điện ảnh kinh doanh giai đoạn, như đi mở bar, đành phải cuốn gói đi làm nghề khác. Sau hết cũng phải kể tới sự đe dọa nặng nề của ông Thuế-vụ. Nhiều nguồn tin được tung ra cho biết sang năm tới, phim Việt-Nam không được hưởng những sự nâng đỡ như miễn và giảm một vài sắc thuế khai thác phim ảnh nữa. Nhiều nhà sản xuất đã nản chí vì tương lai u ám quá.

— *Xin anh cho biết thêm về ảnh hưởng của thuế đối với sự phát triển phim Việt-Nam.*

— Thời Thiếu-tướng Nguyễn-Cao-Kỳ cầm quyền có ra lệnh miễn thuế sản-xuất cho phim Việt-Nam. Thuế cho thuê phim cũng được miễn. Riêng khoản thuế hí-cuộc và phụ-thu tế-bần thì từ 33 phần trăm chung cho phim ngoại quốc được giảm xuống 10 phần trăm cho hai tuần-lễ đầu tiên cuốn phim Việt Nam chiếu ở Sài Gòn và một tuần lễ đầu tiên ở tỉnh. Điều này đã khích-lệ các vị chủ rạp khiến cho họ dễ dàng nhận chiếu phim Việt-Nam. Chiếu phim Việt-Nam lợi hơn chiếu phim ngoại quốc vì phần trừ thuế ít do đó phần chia cho chủ rạp được nhiều hơn. Nếu chẳng may phim

Việt có vắng khách hơn chút đỉnh thì họ vẫn có số thu cao như chiếu phim ngoại-quốc đông khách. Nay nếu khoản thuế này không được giảm thì chủ rạp sẽ ngần ngại khi chủ phim Việt tới thảo-luận khai-thác. Và nếu họ có nhận chiếu thì cái tỷ-lệ chia đôi tổng-số thu sau khi trừ thuế như hiện nay sẽ bị mà cả và phần ít sẽ dành cho phía nhà làm phim.

— *Những phim Việt thường chiếu ở nhiều rạp là lý do tại sao?*

— Lý-do như tôi vừa trình bày là sự giảm thuế hí-cuộc. Bộ Tài-chánh cho giảm có hai tuần-lễ ở Sài Gòn nên nhà làm phim phải cố gắng khai thác tận hưởng sự ân-huệ đó. Thành ra một cuốn phim là một công trình tập-thề lâu cả hàng năm trời mà đời sống vinh quang của nó chỉ thu gọn trong có bảy ngày ngắn ngủi. Ước mong sao chính-phủ cải-thiện tình-trạng đó để góp vào sự phát-triển phim ảnh hơn nữa. Tôi thấy ở Thái-lan chẳng hạn, họ có những rạp chuyên chiếu phim Thái. Nhà nước ra nghị định giảm miễn thuế cho rạp đó. Như vậy cuốn phim có thể khai thác trong khoảng thời-gian lâu hơn, nhờ đó mà người xem rồi thấy hay sẽ loan truyền đề người khác đi coi, hoặc là người mắc việc trong tuần này có thể đi coi trong tuần tới. Ở nước ta nếu mà tuần-lễ chiếu phim chẳng may bận công việc gì đó là kể như mất coi cuốn phim dù rằng mình muốn coi. Và khi cái dư-âm của cuốn phim bắt đầu có thì cuốn phim cũng đã hết chiếu. Vì lẽ đó mà phim Việt-Nam thường phải quảng-cáo

thật mạnh và có nhiều hình thức đôi khi phản-ngệ-thuật.

— Nhân tiện xin anh cho biết các hình thức đã được dùng để quảng cáo phim Việt-Nam.

— Thông thường thì các nhà sản xuất làm biểu-ngữ vải rồi treo lên cột đèn ở các ngã tư, ngã năm. Hình thức khác là làm bích-chương rồi đi dán khắp bờ tường. Đăng quảng-cáo trên báo cũng là việc phải làm nhưng rất tốn kém. Kể từ phim *Anh yêu em* thì nhà điện ảnh Nguyễn-Long, ăng-xê một quảng-cáo nhắn tin nhau, hẹn hò nhau ở rạp để yêu nhau. Tới phim *Xa lộ không đèn* cũng đi một đường Nhắn tin tìm con đã hư hỏng vì không coi phim «*Xa lộ không đèn*». Mới đây nghệ-sĩ Hoàng-Thị-Thơ đã đi xa hơn, tự coi tác phẩm của ông là số 1 Việt-Nam và nhờ các bác-sĩ, kỹ-sư nhắn tin nhau đi xem *Người cô đơn*. Vẫn chưa chắc ăn, phim này lại còn cho phụ-diễn tân-nhạc nữa. Nếu cuốn phim được trình chiếu trong thời-gian lâu dài hơn một tuần thì có lẽ khán-giả không bị lừa bởi những ngôn-ngữ và hình thức quảng-cáo đó. Giá-trị thực sự của cuốn phim mới được xác nhận. Còn như với tình-hình hiện nay thì chưa có gì bảo đảm rằng cuốn phim có số thu lớn đã là phim hay.

— Đề tài nào được coi là ăn khách trong năm 1972?

— Nếu căn cứ vào số thu thì những phim sau đây được coi là thành công: *Lệnh bà xã*, *Năm hiệp sĩ bất đắc dĩ*, *Nhà tôi*, *Anh yêu em*, *Nắng*

chiều. Đại khái thì những phim đó là phim hài hước. Có thể chọc cười bằng cách dựng thành các nhân vật nổi tiếng của phim Trung-hoa. Có thể chọc cười bằng cách bôi bánh lên mặt nhau, méo mồm méo miệng, nháy phóc lên mũi xe ngồi đề ra cái điều «nhà quê». Miễn là có những tay hề là ăn tiền. Có lẽ người dân ta mỗi mệt quá, đang cần sự giải-trí.

Riêng phim *Anh yêu em* thì không có hề, nhưng đã đáp-ứng được những cái đòi hỏi của quần chúng và nhờ quảng-cáo khéo. Tóm lại, những phim coi là ăn khách là những phim không đòi hỏi một trình-độ nghệ-thuật nào đó, và không bắt khán-giả phải suy nghĩ.

— Còn những đề tài nào coi là không ăn khách?

— Tôi lại phải kể những phim đã không có số thu khả quan, Trước hết là *Sau giờ giờ nghiêm* của Lê-Dân (Liên-ảnh Công ty), *Như giọt sương khuya* của Bùi Sơn Duân (Việt-Ảnh), *Ngậm ngùi* của Thân Trọng Kỳ (Việt Nam Phim), *Bầy ngặm* của Lê Hoàng Hoa (Liên-Ảnh Công Ty), *Yêu* của Đỗ Tiến Đức (Nhóm Phim Nghệ Thuật), *Vết chân hoang* của Jo Marcel (Yến vàng), *Bão tình* của Lưu Bạch Bàn (Trùng Dương Phim) và *Người cô đơn* của Hoàng Thị Thơ (Trùng Dương Phim). Đại khái thì đây là những phim tình cảm xã-hội và nghệ-thuật. Sự thất bại của phim nghệ-thuật là vì nghệ-thuật chưa tới nơi tới chốn. Và sự thất bại của phim tình-cảm là vì tình cảm kịch,

hời hợt nửa vời. Tài-tử của ta ngại cái lối diễn-xuất như thực. Chế-độ kiểm-đuyệt của ta quá gắt gao với phim Việt-Nam trong khi đối với phim ngoại-quốc thì lại quá dễ dãi. Chỉ riêng có phim *Phận má hồng* của Thái Thúc Nha (Alpha Phim) được phóng tác từ tuồng cải-lương *Thân gái dặm trường* cũng thất bại là đặc biệt vì đã đi xuống với lớp khán giả bình dân nhất rồi. Chắc là thiếu một vài vai hề. Tôi đoán ông Nha nghĩ thế nên trong phim *Tuổi đại* đang quay, một phim nói về nhạc trẻ mà ông đã mạnh dạn mời Tùng-Lâm tham dự bên những cây cười khác.

— Với những nhận xét trên thì quan-niệm làm phim của anh như thế nào ?

— Tôi nhớ một câu nói của ai đó rất là chí lý : Nếu bạn đi trước quần chúng thì bạn chỉ nhìn thấy chân trời mênh mông. Còn nếu bạn đi sau quần chúng thì bạn sẽ nhìn thấy túi tiền của họ. Tôi đã làm phim *Yêu* và *Ngọc Lan* với thái độ đi trước quần chúng, Tôi không thể đi sau quần chúng với những phim nham nhở, rẻ tiền dù biết rằng như thế dễ hốt bạc. Thế nhưng làm phim là vừa làm nghệ-thuật và vừa làm thương-mại. Phim mà không có số thu lớn phải coi là thất bại. Bởi thế tôi sẽ làm phim với những cốt truyện giản-dị, gần gũi với khán giả, gây thật nhiều nút xúc-động hoặc cười hoặc khóc. Nhưng phải thực hiện với cái nhìn nghệ-thuật và với sự nỗ-lực tối đa. Hãy cố tránh tất cả những

khuyết-diểm dù nhỏ để xóa bỏ cái định-kiến về phim Việt-Nam của nhiều người, đặc biệt là giới trí-thức quen và chỉ xem phim Âu-Mỹ.

— Anh vừa nói khán-giả có định-kiến với phim Việt-Nam ?

— Tôi xác nhận điều đó. Phim ảnh Việt-Nam trong năm gần đây đã tiến bộ rõ rệt, đã đuổi kịp phim Âu-Mỹ ở lãnh vực thu hình và diễn-xuất nhưng nhiều người chưa biết điều đó. Họ vẫn nghĩ về điện-ảnh Việt-Nam với những phim của hơn 10 năm trước. Họ coi phim là mặt khác của kịch hay cải lương nên chỉ đề các lớp bình-dân thường ngoạn. Tôi thành thực nói về một người bạn của tôi làm giáo-sư. Anh ấy đi coi phim Việt-Nam với thái độ lúc anh ấy bước vào khu chợ nhỏ để ngồi xôm ăn bún riêu cua với các bà nội trợ. Khi làm phim *Yêu*, tôi đã tính toán rằng khách của tôi là những người đang coi phim ngoại-quốc nên tôi đã làm thật công-phu, không dùng các tài tử đã quá quen thuộc cho mới lạ và thích hợp với vai trò hơn. Kết quả thì lớp khán-giả bình-dân thì dĩ nhiên là không có, vì phim hơi cao một chút. Và lớp khán giả đang xem phim ngoại-quốc, mong đợi phim Việt-Nam khi nào bớt cải lương sẽ coi, cũng vẫn chưa tới với phim của tôi trừ trường hợp có vé mời. Số người có tâm hồn yêu thích phim ảnh Việt-Nam mà chúng tôi nghĩ nên cảm ơn kể ra hơi ít ỏi.

— Tôi thấy phim Việt Nam từ đây cập tới cuộc chiến hiện nay, xin anh cho biết nguyên do ?

— Nhiều nhà làm phim hiện nay muốn khai thác đề tài chiến tranh Việt-Nam. Anh Bùi Sơn Duân loay hoay nhiều ngày để định quay một phim lấy bối cảnh là cuộc chiến này nhưng hình như cũng đã không xong. Cái trách nhiệm này tôi nghĩ rằng nhà nước phải nhận lãnh. Đáng lý nhà nước phải khuyến khích làm những phim có liên-hệ tới hiện-tại thì chế-độ kiểm-duyet lại gắt gao quá khiến ai cũng sợ. Xin lấy trường-hợp phim Ngâm-Ngùi của Thẩm Thúy Hằng làm thí-dụ. Xin lấy trường hợp anh Bùi Sơn Duân làm thí dụ. Nhà nước đã cắt đứt sự yểm-trợ quân-sự mà tính từng viên đạn ra tiền để bắt nhà làm phim phải trả. Đây là chưa nói rằng làm phim chiến tranh sẽ khó lòng kiếm được rạp chiếu vì chủ rạp sợ đối phương phá hoại. Đã không được khuyến khích lại còn bị khó khăn thì tốt hơn là đi con đường khác. Tôi còn nhớ, trong ngày điện-ảnh Việt-Nam 1972, nhà nước đã khuyên các nhà sản-xuất phim nên làm những phim hay giống như phim *Nhà Tôi...*

— *Tên tài tử có ảnh hưởng đến số thu của một phim không?*

— Thông thường thì sự có mặt của các tài-ử đang ăn khá h sẽ làm cho cuốn phim có thêm giá trị thương mại rất nhiều. Các rạp luôn luôn đòi hỏi các phim phải có những tên tuổi lớn. Thế nhưng nếu xét các phim đã thành công hoặc thất bại về tài chánh trong năm qua thì thấy rất lung tung. Thanh Nga đã đóng góp vào sự thành công trong *Nắng Chiều* thì lại không giúp cho *Sau giờ giờ nghỉ, Xa lộ không đèn, Người cô đơn* khỏi sự thua

lỗ, Thẩm Thúy Hằng dù đã đóng hai vai chính trong *Ngâm Ngùi* mà phim này vẫn có số thu thê thảm.

— *Vậy thì theo anh, cuốn phim thành công về tài chánh là do những yếu tố nào?*

— Đặt ra ngoài yếu tố nghệ thuật thì theo ý kiến riêng của tôi, cuốn phim phải đạt được ba điểm Thiên-Thời, Địa-Lợi và Nhân-Hòa. Chiếu phim vào tháng mưa thì khó lòng có số thu cao vì người ta ngại ra khỏi nhà. Chiếu phim vào ngày chiến cuộc bùng bùng nổ, kho đạn Tuy Hạ ỉnh ỉnh từ tối tới chiều hôm sau thì ai còn bụng dạ nào thưởng thức phim? Rồi phải chiếm được rạp Rex hoặc ít nhất là rạp Eden nếu không thì tự nhiên là phim bị coi như yếu ngay. *Lệnh bà xã, Năm hiệp sĩ bất đắc dĩ*, thành công là có ngày chiếu tốt, vào Tết Nguyên-đán. Phim *Nhà tôi* thành công là được chiếu vào Quốc-khánh. Phim *Người cô đơn* nếu không có sự quen thuộc với chủ rạp để được chiếu vào lễ Noel thì chắc còn thê thảm gấp chục lần nữa. Cũng chính vì chiếu được vào đầu năm 1973 mà phim *Con ma Nhà họ Hứa* đã có một số thu rất khả quan.

— *Phim Việt Nam có hy vọng xuất cảng được không?*

— Nếu nghe quảng cáo thì phim của ta đã ra khỏi biên giới khá nhiều rồi đấy chứ. Đầu tiên là *Người tình không chân dung* của Kiều Chinh và Hoàng Vĩnh Lộc loan báo là Hoa-kỳ thương lượng mua để chiếu khắp thế giới. Rồi phim *Nhà tôi* quảng cáo cùng

ra mắt nhân dịp Quốc-khánh 72 tại Sài-gòn, Băng-cốc, Nam-vang và Vạn-Tượng. Phim *Người cô đơn* cũng đã được bộ Ngoại-giao mua để phổ biến. Nhưng với sự hiểu biết của tôi thì phim của ta mới chỉ xuất-cảng sang Lào chiều cho Việt-kiều coi. Có hai phim Việt được xuất cảng sang Tàu là *Nắng chiều* và *Chân trời tím*. Phải chăng những nhà sản-xuất phim này là gốc Trung Hoa nên có đường làm ăn đó? Còn nói cho công bình thì chắc là chưa thể xuất cảng nổi. Phim của ta chưa có màu sắc gì đặc biệt cả. Các nước cũng bảo vệ thị trường của phim của họ, mình khó len vô lắm? Tôi có nghe nói một tổ chức định xuất-cảng phim nhưng mục đích chính của họ là để được hưởng sự trợ cấp xuất cảng của nhà nước. Chắc là mới đồn đại vậy thôi. Nhà nước mới đây có gọi phim hề *Nhà tôi đi dự Đại-hội Điện-ảnh Quốc-tế Pháp* chắc là để tìm thị trường cho phim Việt-Nam trong tương lai chăng.

— *Xin anh cho biết hiện nay chúng ta có bao nhiêu đạo diễn và thực hiện nhiều phim nhất là ai?*

— Tôi không có sẵn danh sách nên xin kể không theo thứ tự nào hết. Hàng kỳ cựu thì có Lê Mộng Hoàng nổi tiếng với phim *Bụi đời*. Nguyễn Văn Liêm với phim *Đôi mắt người xưa*. Thái Thúc Nha với *Bến cũ và Mưa rừng*. Sau này có Lê Dân, Lê Hoàng Hoa, Hoàng Vĩnh Lộc, Thân Trọng Kỳ, Võ Doãn Châu, Lê Quỳnh Tôn thất Cảnh, Nguyễn Ngọc Liên, Nguyễn Văn Tường, Lưu Bạch Đàn,

Jo Marcel, Hoàng Thi Thơ và tôi. Đây là tôi chưa kể tới những đạo diễn mà phim của họ chưa hoàn tất để ra mắt khán giả. Còn đạo diễn làm nhiều phim nhất thì có 3 người cùng họ Lê cả là: Lê Hoàng Hoa, Lê Dân và Lê Mộng Hoàng (Lê Hoàng Hoa tên thật là Đoàn Lê Hoa).

— *Nghề đạo diễn phim ở nước ta so sánh với nước ngoài thì thế nào? Muốn trở thành đạo diễn, theo anh phải cần học tập những gì, có kinh nghiệm ra sao?*

— Điện ảnh Việt-Nam tuy có lịch sử từ năm 1921 là năm thực hiện cuốn phim đầu tiên của nước ta là *Kim-Vân-Kiều* nhưng sự thực thì ngày nay vẫn còn tiểu công nghệ. Hãy thử tưởng tượng rằng hiện chúng ta chưa có một phim trường đầy đủ ý nghĩa, một cơ-sở kỹ-thuật tương đối trang bị đủ máy móc và một trường huấn-luyện chuyên-viên, nghệ-sĩ cho bộ-môn điện-ảnh. Với tình trạng như thế thì cái vai trò của người đạo-diễn tất nhiên là phải gánh chịu muôn vàn nặng nhọc và khó khăn. Trước hết anh hỏi muốn trở thành 1 đạo-diễn thì phải làm sao thì tôi nghĩ trước hết người đó phải là một nghệ-sĩ, có tâm hồn, có sự sáng tạo và hơn hẳn các lãnh vực khác, người đạo-diễn còn phải biết tổ-chức và có khả-năng lãnh đạo nữa. Ở ngoại quốc, một người đạo diễn được đào tạo rất công phu. Ở nước ta thì mới chỉ có hai khóa học trong vòng 6 tháng do Bộ Thông-tin tổ chức cho nhân viên của Trung-

tâm Điện-ảnh. Đó là các anh Tôn thất Cảnh, Nguyễn văn Tường, Thân Trọng Kỳ. Còn một số khác trong đó có tôi thì thường là học qua sách vở, qua phim ảnh và qua những lần đi theo các đàn anh làm phim.

— Giờ đây, xin hỏi về anh Anh đã đạo diễn 2 phim Ngọc Lan và Yêu rồi, anh còn thấy say mê làm phim nữa không. Làm phim và viết văn, đang nào anh thích hơn?

— Tôi có thể trả lời ngay là tôi rất say mê làm phim. Hiện tôi đang chuẩn bị làm một phim mới, chỉ tiếc là chưa đủ tiền chứ nếu không thì tôi đã bù đầu rồi. Còn làm phim và viết văn, cái nào thích hơn thì tôi phải trình bày hơi dài dòng. Làm phim là làm một công việc có kích thước rộng lớn, về tiền bạc, về thời gian, về phương tiện nhiều hơn viết văn. Một cuốn phim là một công trình tập thể và là một công trình tổng hợp nhiều ngành nghệ thuật khác nhau. Như thế thì khi đứng đạo diễn 1 cuốn phim dĩ nhiên cái danh dự, cái tác dụng phô trương phải hơn là ngồi viết văn rồi. Tro g khi muốn loan tât một cuốn sách, nhà văn chỉ cần một cây bút, 1 tập gấy và nếu có thể thì hêm một căn phòng tiện nghi. Riêng tôi thì tôi thường viết văn ở trong số những lúc rảnh rỗi. Làm phim tài trước hết là phải có phương tiện, máy móc, chu,ên viên đông đảo. Người đ,ạo diễn còn phải tính toán giờ giấc làm việc, khi mưa khi nắng, đối phó với trẻ con bu quanh tài tử, đối phó với cảnh sát tôi xin hông cảm. Ng,ĩa là cả trăm thứ

không liên hệ tí nào tới nghệ thuật hết. Cho nên làm phim sẽ gặp rất nhiều truyện bực mình mà nếu chỉ ngồi viết văn thì không có gì hết. Hơn thế nữa, khi viết văn, tâm hồn và trí tưởng tượng của nhà văn như một cánh chim trời. muốn viết gì ùng được, mưa thì mưa, gió thì gió, miễn là cảnh đó giúp cho sự gây cảm cho độc giả. Làm phim thì luôn luôn gặp sự giới hạn. Giới hạn về kỹ thuật, giới hạn về phương tiện như muốn làm thế này thế nọ mà đành bó tay. Muốn dựng cảnh cho đúng như ý mình thì bị đồng tiền giới hạn. Muốn tìm 1 nhân vật giống như sự tưởng tượng của mình thì làm sao có và nếu có cũng chưa chắc huấn luyện họ thành diễn viên nổi. Làm một trận mưa để cảnh có một tí buồn thảm là mất cả ngày, tốn thêm ít trăm ngàn ngay. Vậy thì viết văn khoái hơn, thanh thoi hơn nhiều chứ. Tóm lại theo tôi là cả hai thứ viết văn và làm phim đối với tôi đều cho tôi cái thú to lớn. Còn thú nào hơn thú nào thì chắc là phải tùy lúc.

— Xin anh cho nghe một vài kỷ niệm vui buồn trong việc làm phim của anh.

— Tôi là một người làm phim tài tử, không phải chuyên nghiệp. Tôi lại mới chỉ làm được hai phim nên thường là vui nhiều buồn ít. Tuy nhiên, có một chuyện coi như đáng nhớ, xin kể anh nghe. Hồi tôi muốn làm phim thì được một nhà sản xuất phim tôi mời cộng tác. Tôi mừng lắm nên đưa truyện *Ngọc Lan* cho họ. Rồi hai bên làm việc với nhau rất là anh em. Mọi chuyện tôi đứng mũi

chịu sào hết. Cho tới khi phim đem ra chiếu thì tôi lại không có một cái vé mời. Tôi và anh Nguyễn-Ngọc-Minh (thu hình phim này) lên nhà ông sản xuất đề xin. Bà chủ cho ông Minh được 3 tấm vé, còn tôi thì hứa đưa sau. Chờ tới hôm sau cũng chẳng thấy gì, tôi chờ vợ

tôi lên nhà ông này lần nữa. Ông ta nói sẽ mang tới nhà tôi và muốn bao nhiêu cũng được. Tôi lại về chờ và khi hết thời hạn chiếu, cũng chẳng được vé nào. Anh em chuyên viên của tôi, bạn bè tôi đành theo dõi phim *Ngọc Lan* qua dư luận báo chí.

BÁCH KHOA ghi lại



Sách, báo trẻ em 1972



Bà Minh Quân

L.T.S. Bà Minh Quân là một cây bút quen thuộc với bạn đọc Bách Khoa từ nhiều năm nay với những truyện ngắn, phóng sự, du ký, bút ký của bà. Bà đã là tác giả : « Những ngày cặn sữa » (tập truyện), Đất và người (truyện dài), Đơn sơ (thơ), Trời Âu qua mắt Việt (du ký),... Tuy nhiên từ năm, sáu năm nay hầu như Bà hoàn toàn chú trọng vào việc viết sách báo cho các trẻ em. Bà đã cộng tác với rất nhiều báo trẻ em như : Tuổi Hoa, Thiếu Nhi, Ngàn Thông, Thăng

Bờm và Bà đã sáng tác cùng phóng tác

được khoảng hai chục cuốn sách cho các em nhỏ, do rất nhiều nhà xuất bản sách trẻ em ấn hành. Hiện nay Bà Minh Quân là một trong những cây bút được các em ưa thích nhất. Có những cuốn sách đã được ấn hành đến 3, 4 lần như : Vượt đêm dài, Máu đào nước lã. Có cả cuốn sách bị « in trộm » nữa như « Ngục thất giữa rừng già » ! Nhân dịp cuối năm 72, Bách Khoa đã nhờ Bà Minh Quân viết cho một bài điều tra sau đây về tình hình sách báo trẻ em trong một năm qua.

oOo

Ngay khi chính phủ ban hành sắc luật báo chí, các nhà làm báo trẻ em những ngõ phen này đành dẹp tiệm vì hầu hết họ đều là những người có ít nhiều thiện chí, ra báo trong tinh thần phục vụ hơn là đặt nặng vấn đề thương mại thì tiền đâu mà kí quỹ 10 triệu cho chính phủ đây ?

May thay ! Sau đó họ được xét lại — không biết có phải nhờ lời kêu gọi tha thiết của Duyên Anh, Chủ nhiệm Tuổi Ngọc không ? — và có thông tư chính thức miễn kí quỹ cho các tờ báo sau đây :

Tuổi Hoa, Tuổi Ngọc, Thăng Bờm, Ngàn Thông, Thiếu Nhi, Mây Hồng.

Nhưng nỗi mừng cũng chẳng được dài lâu. Từ cuối năm 71, khi giấy báo không còn được trợ cấp, giá giấy lại tăng gấp đôi, và mấy tháng sau, từ đầu tháng 4-72, chiến sự ở các vùng chiến thuật bùng nổ dữ dội, từng khu vực lớn độc giả không còn nữa, các sách báo người lớn điều linh chạt vật thì các sách báo trẻ em cũng cùng một số phận.

— Mây Hồng tờ báo « trẻ » nhất trong làng báo tuổi trẻ, xuất hiện vào giữa năm 72, tờ báo dành cho cả hai lứa tuổi : từ dưới 10 tuổi cho đến trên 15 tuổi in mỗi kỳ 10.000 tờ đã đình bản sau số 16, vì không đủ sức chịu lỗ thêm.

Những tờ còn lại chúng tôi ghi rõ dưới đây, số trang, giá bán và khuôn khổ để độc giả có một ý niệm rõ rệt về báo của con em quý vị :

Tên báo	Khuôn khổ	Số trang	Giá bán
<i>Tuổi Hoa</i>	15×21	58	40\$
<i>Thiếu Nhi</i>	gấp đôi Tuổi Hoa	32	50\$
<i>Tuổi Ngọc</i>	bằng khổ Bách Khoa	64	60\$
<i>Ngàn Thông</i>	bằng khổ Bách Khoa	66	50\$
<i>Thăng Bờm</i>	bằng khổ Bách Khoa	48	40\$

Cả năm tờ kể trên đều in bìa Offset nhưng kỹ-thuật và nội-dung mỗi tờ khác nhau : *Tuổi Hoa* chứng chạc, đều đặn, *Tuổi Ngọc* trẻ trung, có sáng kiến, *Ngàn Thông* nhiều cây cười đặc biệt, *Thiếu nhi* dồi dào tài-liệu khoa học và truyện bằng tranh ngoại quốc, còn *Thăng Bờm* thì thay đổi nhà in, thay đổi họa sĩ liên liên cho nên có phần thua kém các báo kia chút đỉnh.

Trong cả năm tờ chỉ mình *Tuổi Ngọc* là vững vàng, số báo ấn hành tăng hơn lúc trước : 10.000 số, bán hơn 6.000 số. Đó cũng là tờ báo dành cho tuổi tròn trăng, dám trả tiền nhuận bút cao và Chủ Nhiệm Duyên Anh còn vui vẻ nói rằng sẽ tăng tiền bài lên nữa, nếu báo bán khá hơn.

— Tờ *Tuổi hoa*, tờ báo của tuổi trẻ nhưng có tuổi nhất trong làng báo trẻ trước nay ấn hành mỗi kỳ không dưới 20.000 số, hiện nay rút xuống còn có 10.000 số mỗi kỳ, mức tiêu thụ giảm sút rõ ràng.

— *Thăng Bờm*, thời kỳ cực thịnh nghe nói mỗi kỳ in đến 30.000 số, từ khi ông Nguyễn Vỹ mất trở thành lao đao vô kế, chết đi, sống lại không

biết mấy lần và hiện nay vẫn trong tình trạng bi đát ấy : báo ra trễ thường xuyên, có nhiều khi quá hạn báo ra mà Thu-Mai còn chạy phờ người lo mua giấy hay là trốn chủ nhà in vì chưa đủ tiền trả nợ, hiện số in 10.000, mỗi kỳ bán chưa được phân nửa.

— *Thiếu Nhi* chịu đựng đều đều một năm rưỡi qua. Thoạt đầu in mỗi kỳ 25.000 số, bán không quá 2.000 đã dần hạ xuống 15.000 số, hiện nay in 10.000, và số báo bán trên 3.000 mỗi kỳ. Hình như tòa báo đang dự tính đổi thành bán-nguyệt-san, vì chưa bao giờ tiền thuê trả đủ được tiền giấy và ấn phí ruột, bìa, chưa kể đến nhuận bút cho những người cộng tác.

— Trường hợp *Ngàn Thông* thật ngộ nghĩnh : Ban Bền tập gồm hầu hết là nhà giáo, không có cây bút chuyên-nghiep nào cả. Từ Chủ-nhiệm trở xuống cũng như những cây bút cộng tác đều tình nguyện làm việc không lương, viết không nhuận bút. Mỗi kỳ in 5.000 số bán già phân nửa mà thôi. Song mỗi lần có thân hữu lo lắng hộ, hỏi thăm thì đều được trả lời « Nhờ trời, vẫn ... sống » và luôn luôn giữ cái gọng khiêm nhường cổ

hữu : «Không dám mơ tưởng đến tiền lời, chỉ mong hòa vốn cũng đủ... mừng rồi !»

Nhìn chung thì các em mỗi ngày mỗi ham đọc mà tại sao các báo lại khốn đốn đến mức này ? Trừ *Tuổi-Ngọc* không tờ nào thấy có gì hứa hẹn trong những ngày sắp tới. Chị Nhật Tiến cho biết là không thể giảm bớt ấn phí vì muốn duy trì tờ báo mỹ-thuật về hình thức, bổ ích về nội dung ; Thu-Mai thì nói các em viết thư về ao ước : «Nếu giá tờ *Thăng Bờm* chừng 20\$ thì hay biết mấy, em sẽ có tiền mua» Phải chăng các em tiểu học ít tiền hơn các em trung học ? Bảo là tờ báo bị lệ thuộc vào thời gian tính, quá kỳ hạn không có người mua, nhưng theo chị Nhật-Tiến thì báo *Thiếu Nhi* đóng tập bán không đến nỗi tẻ (đã đóng tập rồi còn thời gian tính nữa đâu ?) *Thiếu Nhi* và *Thăng Bờm* là hai tờ báo khốn đốn nhất vì nạn phát hành. Cả hai cùng một giọng : «Không biết sang năm có cầm cự nổi không đây ?»

Nhưng đừng tưởng thấy những khó khăn này mà người có nhiệt tâm đâm ra nhụt chí đâu : nhà văn Lê-Tất-Điều—như Bách-khoa đã loan tin trong số báo trước đây — đã hoàn tất maquette tờ *Yết-Kiên*, gồm nhiều truyện bằng tranh do các họa sĩ có tiếng đảm trách, chỉ còn đợi ra mắt độc giả nay mai, bỗng bị lôi thôi về cái giấy phép sao đó, đành phải ngừng lại đợi chờ... cho đến bao giờ ?

oOo

Về sách thiếu nhi thì hỗn tạp hơn.

Ra các hàng sách người ta đến hoa mắt rối trí vì nhiều quá khó mà chọn lựa. Vài năm trở lại đây, cứ vắng mặt cỡ một tuần đến khi ra hàng sách đã thấy một nhãn hiệu xuất bản mới.

Không kể sách *Tuổi Hoa* đều đặn mỗi tháng ra ba cuốn trong cuốn trong ba loại Hoa Xanh (tình cảm nhẹ nhàng) Hoa Đỏ (phiêu lưu mạo hiểm) và Hoa Tím (dành cho tuổi 16 trở lên) còn có nhiều sách cùng khuôn khổ của các nhà xuất bản khác như : Trăm Hoa, Mây Hồng, Hoa Niên, Bông Hồng, Phượng, Hoa Phượng, Thanh Sơn, Nguồn Hồng, Nhạn Trắng, Tủ sách Xây Dựng, Hoa Ngàn, Sông Hồng.

Có một loạt sách gồm nhiều truyện dịch mà đặc điểm là không đề tên nhà xuất bản và cũng rất ít thấy ghi rõ nguyên tác là gì, do nhà sách Nguyễn Trung tổng phát phát hành. Rồi nhà Hương Xà, in loại Hoa Đen do Bồ Giang chủ trương cùng khổ Hoa Tím của *Tuổi Hoa*. Nhà Mặc Lâm, Vàng Sơn in khổ lớn như khổ tiểu thuyết.

Tủ sách Ánh Dương thì lớn hơn khổ Bách Khoa một chút, truyện bằng hình. Tủ sách Vàng « Phong Phú » lại lớn gần bằng khổ báo *Thiếu nhi*.

Mới nhất, phải kể Tủ sách Tay Ngà khuôn khổ bằng cuốn tự điển bỏ túi, giống như loại *Mille Age Tendre* của pháp vừa xuất hiện ít lâu nay tại các hàng sách, do Trăm Hoa chủ trương.

Làm sao không kể đến loại *Tuổi Thơ* của nhà Khai Trí, Sách Hồng của Sống Mới, loại sách Xanh « Măng

Mộc Thằng » và sách của nhà Văn Nghệ, Chi Lăng. Những sách này mỏng, giá rẻ, không quá 20\$, không cạnh tranh độc giả với các loại trên (giá trung bình từ 80\$ đến 120\$) Và cạnh đó còn có sách hình của nhà Tản Đà, Thiên Trang, Sông Hồng, Tuổi Hồng cũng khôn khờ.

Khác biệt nhất là sách của nhà xuất bản Trùng Dương do nhà văn Lưu Nghi chủ trương, hoạt động từ năm 70, loại Hoa Hồng bằng số trang Tuổi Thơ của nhà Khai Trí và loại « Truyện bằng tranh » mỗi thứ đều in 10.000 cuốn. Đặc biệt các sách này chỉ bán trực tiếp trong các trường tiểu học Đô thành và các tỉnh, qua sự giới thiệu của giáo chức địa phương chứ không bày bán ở bất cứ hiệu sách nào tại Saigon cũng như các tỉnh. Vì tình hình chiến sự từ tháng 4-72 vừa qua, các trường đóng cửa sớm cộng thêm với những khó khăn trở ngại khác nữa nên kết quả không được như dự tính của người chủ trương.

Với tư cách nhà văn Lưu Nghi — chứ không phải tư cách nhà xuất bản — Lưu Nghi đã được hai giải thưởng truyện Nhi đồng do Bộ Quốc gia Giáo-dục trao tặng :

Giải nhất là truyện *Đêm tiệc trắng tròn* và giải khuyến khích là truyện *Đêm dài khủng khiếp*. Tuy giải này đã phát từ hôm 6-12-71 mà các anh em văn nghệ hầu như không ai biết. Hai truyện trên đây đều còn là bản thảo, sẽ được Bộ Giáo dục ấn hành nay mai. Đây có lẽ cũng là dấu hiệu đáng mừng, tỏ ra nhà nước bắt

đề ý đến *chuyện trẻ em*.

Trở về với ngành xuất bản sách trẻ em tư nhân, số nhà xuất bản thì phong phú như thế, còn mức tiêu thụ thì sao ? Hiện nhà Tuổi Hoa — mà ai cũng công nhận là sách bán mạnh nhất so với các nhà xuất bản sách trẻ em khác — trước đây vẫn in mỗi cuốn sách 10.000 và sách rất thường được tái bản, thế mà từ sau tháng 4-72 đã phải rút số in xuống 6.000 mỗi cuốn. Nhà xuất bản Mây Hồng chỉ còn hoạt động cầm chừng, mất đi cái khí thế hăng hái lúc đầu. Hoa Niên in trên mười cuốn rồi nghỉ, xoay qua loại khác. Hoa Phượng im lặng đã khá lâu, còn Phượng thì in hai cuốn cũng không thấy cho ra thêm sách nào mới nữa.

Đúng ra, có điều đáng chú ý là sách trẻ em tương đối bán chạy hơn báo trẻ em. Như ta đã thấy, báo trẻ em đương ở vào tình trạng rất chật vật. Còn sách trẻ em, nhà Tuổi Hoa tuy có in kém đi 40% nhưng vẫn ra đều được mỗi tháng 3 cuốn. Tủ sách Ngàn Thông in mỗi kỳ 5000 và đã cho ra đời được 6 cuốn, mỗi kỳ sách bán khá mau chứ không vất vả như bán báo. Nhà xuất bản Minh Đăng, một cơ sở mới xuất hiện, cũng cho ra được 4 cuốn tiêu thụ khá mau lẹ. Nhà xuất bản Sương Hồng do Hoàng Đăng Cáp và Trinh Chí, hai cây bút quen thuộc của các em chủ trương, đang cho in một loạt 4 cái bìa.

Sách trẻ em nếu có xuất bản kém hơn trước cũng không có gì lạ vì thị trường, do chiến cuộc bị thu hẹp như thị trường của mọi sách

người lớn. Mặt khác, yếu tố làm cho sự tiêu thụ sách chậm đi một phần cũng còn do các nhà cho thuê sách mọc lên mỗi ngày một nhiều tại đô thành và các tỉnh. Ở Saigon, ngay một hẻm xóm lao động, mà có khi đầu hẻm có một nhà cho thuê sách, giữa hẻm lại một nhà nữa, cách nhau không quá 50 thước. Sự phát triển của các nhà cho thuê sách chứng tỏ là các em nhỏ vẫn ham đọc, nhưng chỉ vì túi tiền quá nhẹ không đủ phương tiện làm chủ một cuốn sách nên đành phải thuê để đọc, nếu không đọc cộp được ở những hiệu sách mà chủ nhân bao dung, rộng lượng. Như thế có thể là dù cuốn sách in đẹp, truyện hay nhưng vì chi phí quá nhiều, tiền giấy, tiền in tăng đều đều, nên giá sách mỗi ngày một leo thang (từ 60\$ lên 80\$ rồi 100\$, 120\$ và hơn nữa) trong lúc túi tiền đa số các em ham đọc lại mỗi ngày một vơi đi vì tình trạng kinh tế gia đình thì làm sao các em mua sách nổi. Còn một lý do nữa là những sách mạo nhận "phục vụ thiếu nhi" mà sự thật là "đầu độc thiếu nhi" với những cái tên như "Yêu

em chết nửa cõi lòng» « Vì anh chết nửa cuộc đời» « quỷ hút máu người» «Mụ béo tìm chồng», « Sạc lò và chú Thòong đại chiến » v.v.. cồ vũ bạo động một cách vô ý thức, reo rắc mê tín, khôi hài hạ cấp, tình cảm sướt mướt, yếu đuối, bệnh hoạn. Những cổ đại này bao giờ cũng mọc mạnh hơn cây lúa, nên sách lành mạnh đã bị loại sách độc hại nổi trên thu hút mất một số khá lớn độc giả.

Còn tại sao sách trẻ em bán dễ dàng hơn báo trẻ em ? Có lẽ một cuốn sách bao giờ cũng được coi quý trọng hơn một tờ báo mà giá cuốn sách thường lại chỉ bằng 2 tờ báo, nên các em nhỏ hay cha anh của các em vẫn bỏ tiền ra mua sách dễ dàng hơn là mua báo. Nhưng cũng có thể là các báo hiện nay không chịu cải tiến, không thay đổi món ăn tinh thần luôn luôn cho hợp khẩu vị các em, nên một số các em đã bỏ rơi tờ báo quen thuộc của mình chẳng ? Đó là điều mà Tòa soạn các báo trẻ em thử nên xét lại xem sao.

MINH QUÂN

Sách đẹp, tặng nhau trong dịp Giáng sinh và Tết

NHÀ CÓ HOA MIMOSA VÀNG

Truyện của HOÀNG NGOC TUẤN

**Ước mơ Hạnh phúc và Hòa bình
của lứa tuổi thanh xuân**

An Tiêm xuất bản. Đồng Nai tổng phát hành

đã phát hành trên toàn quốc :

ÁNH ĐẠO VÀNG

của VÕ ĐÌNH CƯỜNG

Tác phẩm viết về cuộc đời của đức Phật — cuốn sách đã làm say mê hàng trăm ngàn độc giả trong một phần tư thế kỷ nay, (sách in lần thứ 11) với lối văn kiểu diễm, đầy hình ảnh, màu sắc và nhạc điệu.

sách do An Tiêm tái bản
nhà Đồng Nai tổng phát hành.

TOM PAINE

TOM PAINE LÀ GÌ ?

Là một cái tên tuy xa lạ với chúng ta, nhưng rất quen với các nhà cách-mạng khét tiếng.

TOM PAINE

Nhà cách-mạng đơn độc, một đời tranh đấu cho người, trọn đời vì người vì đời, vì nhân loại. Đến rồi sau cùng, khi nhắm mắt nằm xuống, không một người, không một giọt nước mắt thương vay cho người suốt đời làm cách mạng phục vụ cho đời.

TOM PAINE

Nhà cách mạng lừng danh chưa bao giờ xóa được trong lịch sử cách mạng ở Châu-Mỹ.

TOM PAINE

Một tác phẩm lớn của Howard Fast, với bút pháp độc-đáo HẤP DẪN - TÂN KỲ - LÀM SAY MÊ NGƯỜI ĐỌC như ở trong hoàn cảnh thực của nhà cách mạng Tom Paine.

TOM PAINE

Dù người đọc khó tính đến đâu cũng phải hài lòng.

TOM PAINE sẽ ra mắt bạn đọc

ĐỒNG-NAI TỔNG PHÁT HÀNH

270 Đê Thám, Saigon

Đ.T : 20.942

Những tác phẩm dành cho người yêu sách:

- ANH EM NHÀ KARAMAZOV của Dostoievski
bản dịch của Trương Đình Cử, trọn bộ 2 cuốn 1.500 trang,
đã phát hành cuốn thứ II.
- NẾO VỀ CỬA Ý truyện của Nhất Hạnh.
(đã in lại những trang bị KD bỏ)
- SƯƠNG TỶ HẢI tiểu luận và tùy bút của Albert Camus,
André Gide và Martin Heidegger. Sách in lần thứ hai.
- NGỘ NHẬN của Albert Camus, sách in lần thứ ba.
- KHUNG CỬA HẸP của André Gide, sách in lần thứ 5,
in toàn giấy đẹp và có 3 phụ bản mới nhất của Đình Cường.
- TRANH CHẶN TRÂU di cảo của Trúc Thiên, phụ lục của Tuệ Sỹ,
sách in đầy đủ 2 bộ tranh Chặn Trâu của Đại thừa và Thiên Tông.
- ÁNH ĐẠO VÀNG của Võ Đình Cường, sách in lần thứ II.
- CHUYỆN HAI NGƯỜI và NHÀ CÓ HOA MIMOSA VÀNG
hai cuốn truyện chọn lọc của Hoàng Ngọc Tuấn.
- ÁO NGHĨA THU Upanishads, Aurobindo giải,
Thạch Trung Giả dịch.

Những sách trên do nhà An Tiêm xuất bản
nhà Đồng Nai tổng phát hành.

sách gối đầu cho những ai ưa suy tư:

LỜI CỔ QUẬN

của Martin Heidegger
bản dịch và giải của Bùi Giáng
(Heidegger giảng giải về Thơ Hoelderlin)

CON ĐƯỜNG NGÃ BA

Bước đi của Tư tưởng
sách do Bùi Giáng viết

Hai cuốn sách trên do nhà An Tiêm xuất bản
nhà Đồng Nai phát hành.

BNP

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Đầu năm nói chuyện về tướng số



L.T.S. Ông Lê Thanh Thái — bút hiệu Lê Phương Chi — là cây bút cộng tác với Bách Khoa từ 15 năm nay về các truyện ngắn, thơ, và các bài điều tra, phỏng vấn.... Ông cũng là ký giả của nhiều nhật báo, tuần báo và tạp chí với nhiều bút hiệu khác. Ông Lê Thanh Thái sinh tại Hàm Tân, một vùng mà gần mấy chục năm trước đây còn bị hoàn toàn chìm trong một không khí thần bí của các sự thờ cúng mê tín, huyền hoặc, tại các địa phương, đến nỗi hồi thơ ấu ông đã suýt chết về sự mê tín này. Do đó lớn lên ông thù ghét tướng, số. Nhưng rồi ngẫu nhiên trong thời kháng chiến, công tác lại đưa đẩy ông vào việc nghiên cứu về tướng số. Tuy nhiên sự nghiên cứu này vẫn mới là một việc làm tài tử. Ông chỉ chuyển nó sang chuyên nghiệp từ khi cộng tác với tuần báo « Khoa học huyền bí ». Và cũng từ đó ông đã giải đoán tướng, số rất đúng cho các độc giả của mấy tờ tuần báo mà ông hiện đang cộng tác, nên được cảm tình và sự mến mộ của rất nhiều người. Trong bài sau đây, nhân dịp đầu năm, Lê Thanh Thái sẽ trình bày cùng bạn đọc tại sao ông đã ghét tướng số rồi lại học về tướng số và những kinh nghiệm giải đoán tướng số của ông cho một số người...

Gần một năm nay, tôi phụ trách mục giải đoán Tử-vi, Tướng số, chữ ký và trực tiếp xem số cho các nam nữ nghệ-sĩ, các nhà văn, các chính khách ở Saigon. Nhân dịp đầu năm kiểm điểm lại những bài báo, những lá số giải đoán cho độc giả, đọc các lá thư phối kiểm của đương số từ các nơi gửi về, thú thật, tôi rất ngạc nhiên không hiểu tại sao tôi lại có thể trở thành một « nhà tướng số ». Vì từ nhỏ, tôi vốn ghét tướng số không ưa số mệnh và thù mê tín dị đoan, một tệ-trạng ở làng tôi khiến tôi suýt nữa đã yếu vong từ thuở sơ sinh...

Trường hợp khiến tôi không tin tướng số.

Quanh vùng tôi sinh trưởng, đầy đầy những di tích của thần quyền. Hầu hết dân ở miền Bắc quận Hàm-tân này, đều chịu ảnh hưởng và hãi sợ ma quỷ. Khi ốm đau, trước hết là nghĩ ngay đến cúng vái, sau đó mới đến thuốc Nam (do mấy ông lang trong vùng bốc bằng rễ và lá cây), đến khi liệt giường mới nghĩ đến mấy ông thầy thuốc Bắc (thuốc Tàu) Phần đông đều sợ nhà thương và bác-sĩ hơn sợ thần chết, chỉ vì một vài trường-hợp có người mắc bệnh

nặng mà người nhà cứ đề lo chạy chữa bằng tàn hương nước thải của mấy pháp-sư, lâu ngày không dứt, bệnh trầm trọng đến độ hết phép chữa, khi nhân viên y-tế ở quận phát giác, bắt phải đem đến nhà thương thì tất nhiên lúc không thể cứu được nữa. Nhân dịp đó, mấy tay pháp sư khai thác phao đồn là người bệnh đem đến nhà thương, bị chích kim vào thịt và uống thuốc Tây cho nên ruột gan cháy hết mà chết.

Tôi cũng là nạn nhân, và suýt chết vì ảnh hưởng của thần quyền lẫn át khoa học quanh vùng đã ăn sâu vào gia-tộc tôi.

Đó là năm tôi lên 3, bị sưng xương đầu gối. Cha tôi xem sách nói là bị bệnh đầu voi, bàn với mẹ tôi, định đưa tôi ra thị xã Phan-Thiết nhờ bác-sĩ điều trị. Nhưng một đại-diện của thần quyền rất đặc lực nằm trong gia-tộc tôi nhất định ngăn cản, đó là bà nội tôi, người có quyền tối hậu quyết định, lại thêm những bà cô của tôi, phần đông là chị của cha tôi, là những lá phiếu tán trợ vững mạnh cho lời bàn của bà nội tôi : Các người (lời bà nội tôi chỉ vào cha mẹ tôi) để đứa khác rồi muốn đem đi đâu thì đem, tôi già chững tuổi này, chỉ có đứa cháu đích tôn đó, đừng có đem nó vào nhà thương họ chích kim vô thịt, họ nhét thuốc vào miệng đốt cháy ruột gan thì nó làm sao sống nổi. Mà nó có đau bệnh gì đâu, chỉ tại các người điều cột Trời Phật, ăn cắp tượng Di-Lặc tên chùa Linh-Sơn hôm Tết (1), cho nên ngài mới quở như vậy đó, cúng tạ là hết liền, bày đặt đem đi nhà thương nhà héo đẽ rồi ôm xác về chôn hả ?

Thế là cha tôi chịu thua, các vị pháp sư, nghe đồn là cao tay ấn, ở cách vùng tôi đến mấy ngày đường cũng được bà tôi sai người nhà mang ngựa đến nài nỉ rước cho bằng được Phòng ngủ của cha mẹ tôi biến thành tông-hành-dinh cho mấy tay pháp sư bày binh bố trận điều khiển âm binh. Mấy tấm hình đám táng cụ Phan Chu Trinh, hình Tôn Dật Tiên v.v. của cha tôi treo trong phòng, đã bị triệt hạ, nhường chỗ cho những lá bùa Ba Mẹ, bùa Thầy Thiểm, và bùa Cô Sáu Rô ở Động Hòn Lan. Đó là những vị thần đã ngự trị bao nhiêu năm ở vùng tôi sinh-trưởng, tôi xin mở một đầu ngoặc đề kể sơ lược về sự tích của quý vị này, những người khuất mặt đã hành hạ tôi phải chịu đau nhứt với 2 chiếc đầu gối sưng to, nằm lăn lộn rên la với bùa, ngải và tàn hương nước thải suốt hai năm trường đằng đẳng.

Ba Mẹ là ba cô gái chết bất đắc kỳ tử, hình như một cô đi đốn củi ở chân núi Bà Đàng bị gỗ ngã đè chết, rồi linh hiển, được dân làng Văn-kê lập đền thờ, gọi là Mẹ Nhứt. Mẹ Nhì là một trinh nữ khác bị dìm ở bờ biển Kê-gà sụp đè chết, thường ra oai linh hiển với dân ven biển, cũng được thờ chung với Mẹ Nhứt. Mẹ Ba là một trinh nữ đi rẫy về lạc đường, chết khô trong vùng động cát ở bàu Rau Má, thường ra oai linh hiển với những người dân làm rẫy, cũng được thờ chung với hai Mẹ kia. Miếu thờ được xây cất qui mô trên một cuộc đất cao và đẹp giữa làng (Văn-Kê, về sau đổi lại là làng Văn-Mỹ, nằm về Đông Bắc quận Hàm

(1) Cha tôi lên lấy cắp ông Phật ở Chùa bằng năm tay, mang về chơi.

Tân, Bình-Tuy). Trong điện thờ, thiết lập một cái bệ có màn che trướng phủ, bên trong có bức tượng 3 cô gái thật xinh đẹp, môi son, má hồng, da phấn, y phục theo lối những bức tranh cổ vẽ các bà tiên của Tàu. Mỗi năm giỗ 3 lần vào ngày chết của mỗi Mẹ, do hội Ba Mẹ chủ xướng, cầm đầu là một người Cốt hăng ngày được các Mẹ chọn xác này để nhập hồn về chữa bệnh hoặc thị-uy với dân trong vùng. Lúc tôi bị bệnh sưng đầu voi là Cốt Thưng, ông này vốn là anh con người Dì ruột của Mẹ tôi. Thời bấy giờ, oai quyền của ông Cốt này lớn hơn viên chức Xã, Ấp. Gia đình mấy ông Cốt — chừng 5 hoặc 10 năm, Ba Mẹ không cho ăn lộc nữa, thì người nào được Mẹ nhập hồn, sẽ thay thế — luôn luôn sống sung túc hơn dân trong vùng, kể cả viên chức hương thôn. Người Cốt này được hân hạnh đứng chủ tế những đợt cúng giỗ các Mẹ, được vén màn để kiến dung nhan tượng Ba Mẹ. Và khi lớn lên tôi được chứng kiến cảnh ông Cốt được một Mẹ nhập về chữa bệnh cho dân trong làng. Ông ta bảo nướng lưởi cày bằng gang, cháy thật đỏ, rồi đọc thần chú (bây giờ vào khoảng giữa trưa, mặt ông Cốt được phủ khăn bằng vải tây điều) dùng chân không đạp lên lửa nghe xèo xèo, rồi xỏ chân vào 2 chiếc lưởi cày, mang ra đi vào điện thờ rồi dẫm chân đó lên mình bệnh nhân (lúc đó tôi đã 13 tuổi, đang học ở Phan Thiết, về thăm quê ngoại trong một dịp Hè) làm cho tôi run

sợ thật sự.

Cô Sáu Rô ở Động Hòn Lan, động này cũng ở vùng Văn-Kê, cách mũi Kê-gà chừng 3 cây số về hướng Nam. Động cát này cao chừng 100m so với mặt biển, ngăn nước mặn ở biển không tràn vào một cái bàu cách bờ nước biển chừng vài trăm thước. Qua cái bàu này là những dãy ruộng của làng Văn Kê. Theo lời thuật lại của bà ngoại tôi, cô Sáu Rô là con một người bần nông nhà ở gần bàu. Cô có tên là Lang thường ra bàu này để bắt cá vào những tháng giáp Tết, khi đó bàu cạn nước, còn lại những vũng nhỏ, cá rô, cá trê hay rúc vào những hang bên bờ cỏ. Hôm đó là một chiều đông, cha mẹ đi phát rẫy (dân ở làng Văn Kê đều sinh sống cả hai nghề ruộng và rẫy), cô Sáu xách giỏ đi mò mấy con cá để về nấu buổi cơm chiều. Bàu vắng, chỉ có mình cô lẫn trong mấy gốc tràm và cỏ ống. Bất ngờ cô mò trúng một hang cá rô đầy lúc nhúc. Cô Sáu bắt cá đầy cả giỏ, cá vẫn còn trong hang, mò vẫn nắm được cá, tay trái nắm mấy con rô rồi, tay mặt vẫn còn mò được mấy con nữa. Bất chợt được một con rô khá lớn, vẫn còn một con thoát ra khỏi hang, lóc đi về hướng vực nước sâu giữa bàu. Cô Sáu bước theo đập nhẹ con rô ấy xuống bùn, nhưng hai tay đều có nắm mấy con cá. Thế là cô đưa con cá đang nắm trong tay mặt lên miệng, lấy răng ngậm giữ đầu con rô, để ngồi xuống mò bắt con cá đang đập dưới chân. Bất ngờ, con rô nơi miệng cô Sáu vùng mạnh

chui tuột vào cồ họng; cô nghệt thở, quăng luôn giỏ cá, hai tay cố móc họng để lôi nó ra, nhưng nó cứ chun vào, và hàng kỳ trên lưng con rô đâm vào cồ họng cô Sáu, làm cho cô vừa nghệt thở, vừa đau nhức. Cô ôm ngực lăn lộn trong vũng bùn. Sáng hôm sau, cha mẹ cô ôm xác con nhìn giỏ cá mà khóc than thảm thiết. Cô được chôn ở giải đất giữa bờ biển và bàu (hình như tên là Bàu lớn). Thế rồi, mấy năm sau, mộ cô ngày một cao dần lên (theo lời bà ngoại tôi, thì lúc người 13 tuổi mộ cô Sáu Rô vẫn còn là ụ đất bằng cái nhà), lên mãi cho đến nay gần 100 thước. Bà ngoại tôi nói thêm, cô Sáu hiện linh vào năm bà gả mẹ tôi lấy chồng, bấy giờ động cát xây mộ của cô Sáu Rô đã cao như bây giờ, và sau khi cô Sáu Rô nhập vào cốt (cũng một ông Cốt chung với Ba Mẹ, nhưng có bàn thờ riêng, được thiết lập trong miếu này) thì dân quanh vùng không ai dám gọi động cô Rô nữa, mà thay vào đó là động Hòn Lan một cách kính cần. Nhất là một hôm một viên chức ở Huyện Hàm-tân có việc đi ngang qua bờ biển trước động này để lên mũi Kê-gà, người đồng hành bảo ông ta lấy nón xuống và cúi đầu khi đi ngang qua động. Lúc đầu, ông ta nghe theo nhưng chu vi của động quá lớn, đi cả mấy trăm bước mà vẫn cúi đầu thì quá khổ sở. Chưa hết khu vực phía trước của động, ông đã đội nón và ngẩng mặt nhìn lên chót động xem thử. Ông buột miệng khen, động cao và cát trắng như da con gái 17 tuổi,

giống như vú người ta. Lên đến xóm Kê gà, viên chức này thổ thuyết, ban hội tề phải thuê ghe chở lên nhà thương Phan-thiết, nhưng ông ta tắt thở giữa biển, hai tay còn cứ móc vào họng dường như bị vật gì nghẹn trong đó (Con cá rô chăng?). Động này tôi cũng đã leo lên rồi (sau 8-1945).

Còn sự tích Thầy Thiểm nữa, đây là vợ chồng ông thợ rừng, người miệt ngoài (có lẽ vùng Nam, Ngãi hoặc Nghệ, Tĩnh, vì bà nội tôi cho biết là Thầy và Thiểm nói giọng, trọ trẹ,) sau một đêm giông tố, thuyền giạt vào Ngãnh Tam Tân, lối đường vào Bàu Dồi. Hai vợ chồng lần lên rừng, rồi cắt chòi ở giữa đường đi từ xóm Tam Tân vào xóm Bàu Dồi (về sau, nơi này được dân làng cất mấy gian nhà qui mô, gọi là Dinh Thầy, sau khi Thầy và Thiểm "cối rông về trời"), sống với nghề thợ rừng. Lúc nhỏ, tôi thường nghe bà nội tôi thuật lại về phù phép thần thông của Thầy Thiểm, chẳng hạn như Thầy đang đứng đẹo gỗ sau nhà, bỗng có con quạ xà xuống gắp mấy con cá khô của Thiểm phơi trước sân, Thầy lấy miếng dăm đốc (là thứ dăm lớn đẹo trong gỗ ra), to và nặng gần bằng bao gạo 100 ký, ném lên con quạ, làm nó nhả con cá khô, nhưng miếng dăm nằm mắc kẹt trên cháng ba cây sao trước đình (khi tôi lớn lên, còn được thấy miếng dăm đốc này, nhưng người dựng dẫn tôi đi xem, không cho đến gần, và cũng không cho đứng nhìn kỹ). Thầy có tài chữa bệnh cho dân ở làng Tam Tân và xóm Bàu Dồi cứu rất nhiều bệnh ngặt nghèo, tiếng

đồn đến ông Tây Đền (viên chức người Pháp trông coi đền pha Kéga), Ông Tây Đền này tìm vào giáp mặt vợ chồng người thợ rừng đã được dân làng sùng bái về sự thần thông quảng đại. Hình như sau cuộc gặp gỡ đó, Thầy và Thiểm cảm thấy cuộc sống ở đây bắt đầu bất ổn. Thầy bảo Thiểm ra chợ Tam Tân mua một xấp vải tây điều về để Thầy vẽ một con rồng. Vẽ xong con rồng, nhưng chưa điểm nhãn. Thầy cuốn bức tranh lại, cất lên bàn thờ. Ít lâu sau, quả nhiên ông Tây Đền và một tốp lính trở lại. Họ ngỏ ý mời Thầy và Thiểm về tỉnh để gặp ông Chánh-sứ. Thầy mỉm cười vui vẻ nói sẵn sàng đi theo họ, nhưng chờ Thầy chăm thêm đôi mắt con rồng trong bức tranh, để treo thờ trên bàn Thờ đã. Dĩ nhiên là họ ưng thuận, chia nhau bao quanh đứng nhìn Thầy điểm nhãn cho con rồng để hoàn tất bức tranh. Điểm xong con mắt bên tả, Thầy quay sang gọi Thiểm bước vào trong tranh (đang trải trên thềm nhà) để mài thêm mực. Nét bút cuối cùng của Thầy chấm xuống điểm con mắt bên hữu của rồng, tay kia Thầy với lại kéo Thiểm ngồi sát vào lưng; một trận gió nổi lên, con rồng trong tranh bỗng quẫy đuôi bay bổng lên trời, trước những cặp mắt ngơ ngác của bọn lính xung quanh. Tin này lan rất nhanh, vài năm sau, dân làng Tam Tân họp nhau lập thành hội thờ Thầy Thiểm, dinh Thầy được thiết lập ngay trên nền chòi cũ và được khai thác qui mô hơn. (Hiện nay vẫn còn hội này, và dinh Thầy cũng được tái thiết khang trang).

Trên đây là ba luồng ảnh hưởng của thần quyền ngự trị trên dân chúng quanh vùng tôi sinh trưởng. Đó là tôi chưa kể thêm những di tích quái đản khác, chẳng hạn như trên lưng chừng núi Tà-Cú, có ngôi Linh-Sơn-tự, được dân Bình-Thuận, Ninh-Thuận, Bình-Tuy tấp nập đến dâng hương vào những ngày sóc, vọng, sau chùa có một cái hang đá rất sâu, nơi vị Tồ sáng lập chùa này ngồi tham thiền nhập định và thành chánh quả ở đó. Hang này sâu thăm thẳm, ném một cục đá xuống hang nghe tiếng lặn sâu hun hút. Tương truyền ngày Tồ mới đến, ngài khẩn nguyện, nếu có căn duyên với núi này, xin Trời Phật cho châu nguyên phục thổ. Rồi vị Tồ này lấy một quả bưởi, khắc vào vỏ mấy chữ pháp danh của mình và vị trí tinh tọa, rồi ném vào hang. Một tháng sau, dân đánh cá ở bờ biển Kê-gà vớt được trái bưởi ấy, tìm đến dâng lại cho Tồ. Thế là vài năm sau, một ngôi chùa được thiện Nam tín Nữ thập phương góp sức dựng lên, tục gọi là chùa Tồ, rồi vài ngôi chùa khác lần lượt mọc lên, câu chuyện huyền bí về hang Tồ càng được tô điểm rừng rợn linh thiêng, đi xa hơn quả bưởi chui vào hang, hang ấy thông ra rún biển. Đề cho ngôi chùa Tồ (Linh Sơn Tự) ngày được khang trang long lẫy, nhiều tay hào phú ở Phan-thiết lên xây những ngôi mộ vĩ đại hơn ngôi tháp của Tồ, để gọi năm xương tăn. Và hiện nay, còn một Đức Phật nằm, dài 12 thước, và một vị Phật ngồi cao 7 thước đang đưa tay bắt ấn, mà dân vùng tôi gọi là Phật-xin-nói (phát biểu ý kiến).

Chưa kể đến một cặp măng xà đầu to bằng cái lu đựng nước, dài hơn mười mấy thước, ở trong núi Bà-Đặng. Những sự linh thiêng ở Hòn Bà (một đảo nhỏ), nằm cách bờ biển thị-xã Bình-Tuy chừng vài cây số.

Đó là những mối đe dọa thường xuyên sẵn sàng bóp chết những người dám coi thường quyền sinh sát của những đấng thần linh lúc nào cũng chấp chớn ần hiện xung quanh. Và đó cũng là nguyên nhân khiến cho cha tôi bất lực trước dự định đem tôi đi nhà thương Phan-Thiết để nhờ bác sĩ trị bệnh sưng đầu voi, để rồi tôi phải nằm chịu làm vật tế thần cho mấy vị pháp sư chuyển nhau hết tay cao ần này đến tay cao ần khác suốt hai năm. Lớn lên tôi còn rờn rợn khi nhìn lại những chiếc áo được vẽ bùa, những cái niệt, những sợi giây phép bằng chỉ xanh đỏ vàng trắng quấn vào nhau mà tôi đã mặc, đã đeo, suốt hai năm trên giường bệnh với hai đầu gối hết sưng đến xẹp, xẹp rồi lại sưng và tôi chỉ được uống tàn hương nước thái đề mà chống với đau nhức. Đến năm tôi lên 5, có lẽ bảy giờ hạn nhĩ đồng lá số Tử-vi của tôi đến cung Phúc Đức (cũng như năm lên 3 hạn nhĩ đồng vào Tật Ách, năm lên 4 vào Thê là hai năm cặp nhiều hung tinh) nhờ gặp Khôi, Việt, Khoa, Lộc, Diêu, Y cho nên đang lúc năm thoi thóp với năm xương bọc da, chờ theo ông theo bà về âm giới, nhờ thời gian nuôi bệnh quá mỏi mòn, cho nên bà nội tôi giẫm bột tin tưởng vào thần quyền qua những lời hứa xuông của các pháp sư. Bảy giờ thì đầu gối

của tôi không sưng nữa, nhưng đã liệt hẳn, tôi không đứng dậy được. Cha tôi thử lay chuyển lòng sùng bái thần quyền của bà tôi bằng đề nghị cho tôi uống thuốc Bắc xem sao. Bà tôi lặng thinh thờ dài, không phản đối quyết liệt như trước. Người dựng thứ hai (chồng của người chị cùng cha khác mẹ với cha tôi) được cha tôi mời vào xem mạch cắt thuốc, Từ 5 thang, 10 thang rồi năm, sáu mươi thang, đến hơn vài trăm thang thuốc. Gần 1 năm nằm trong thuốc bắc tôi mới chấp chững tập đi được vào năm lên 6 (bảy giờ hạn nhĩ đồng vào Quan Lộc, cũng có Khôi, Việt, Khoa Quyền, Lộc hội chiếu).

Lẽ dĩ nhiên tôi đặt nhiều cảm tình vào Dượng Hương tôi, và những thang thuốc Bắc, vào những ngày nghỉ học, tôi thường đến nhà Cô Dượng Hương tôi đề lân la trò chuyện với người dượng cứu tinh. Dượng Hương tôi chẳng những giỏi về y, mà còn lão thông lý số nữa. Về sau, những lần học ở tỉnh về nghỉ Hè, tôi cũng thường đến thăm Dượng Hương, bảy giờ dượng đã già yếu, thích nghe tôi kể chuyện lung tung từ tiểu thuyết người hùng của Lê Văn Trương, là một món quà rất lạ với Dượng, cho đến lúc thảo luận những nhân vật trong dã sử tiểu thuyết Trung-Hoa là món tủ của Dượng, sau những cuộc tranh luận rất hào hứng đó (chẳng hạn tôi bênh Tào Tháo, thì Dượng lên án, tôi chê Không Minh trung với Hậu-Chủ Lưu-Thiện một cách mù quáng, thì được Dượng một mực khâm phục v.v.

Và bao giờ đến chỗ quyết liệt gay cấn, thì Dượng cười cầu hòa : Thôi, bàn chuyện khác.



Lê Thanh Thái đứng ở quê nhà (1952)

Đề lấp vào khoảng trống đó, tôi nhắc lại trận đau dai dẳng trong hai năm trường của tôi lúc lên 3, rồi tôi hỏi Dượng sao không đề nghị bốc thuốc để cứu tôi sớm hơn. Qua nhiều lần ngập ngừng Dượng cười rồi nói lảng sang chuyện khác. Mãi đến những năm cuối của đời Dượng, tôi mới được Dượng giảng giải. Tôi còn nhớ rõ lời Dượng nói :

— Dượng không biết giảng nghĩa thế nào cho cháu hiểu, vì cháu không biết Tử-vi. Đã bao nhiêu lần thấy cháu băn khoăn, Dượng rất áy náy, rồi cũng đành lảng tránh. Bây giờ thì cháu đã lớn, Dượng cũng yếu lắm rồi, không chắc có thoát khỏi đại tiểu-hạn trùng phùng vào năm tới hay không. Cháu bưng cái tráp kia đến đây, Dượng cho coi cái này. À, đây rồi. Đây là lá số Tử-vi của Dượng, còn đây là lá số của cháu.

Dượng Hương thở dài rồi nói tiếp : Năm cháu 3 tuổi, hạn nhị đồng vào Tật Ách, ở cung này. Mệnh Cơ, Lương, hạn Trúc la ở Tật, lại gặp Hỏa, Linh, Tang, Điều, lương Tuế, song Hao và tai hại nhất là Mã cố-định gặp Mã lưu-niên bị Đà cố-định và Đà phi-tinh xâm phạm. Mệnh thì Hồng Loan bị Cô, Hình, Quả ; Phúc Đức thì Đào-hoa gặp Hình, Kiếp, Điều, Y, Tử, Phục... Cháu đừng trách Dượng tại sao không hốt thuốc cho cháu, nếu cháu am hiểu Tử-vi... Cháu cũng biết là tánh của bà nội rất khó, cháu là đích tôn duy nhất, ba má cháu cũng chỉ có mình cháu là trai, Dượng lại thấy trước hạn cháu năm đó thật là khó thoát. Rủi ro, uống một vài thang thuốc của Dượng, mà cháu có bề gì như định mệnh đã an bài trong lá số, thì Dượng chịu sao nổi với cô (cô Hương tôi) và với bà (bà nội tôi).

Nghe đến đây, tôi chợt hiểu, thì ra suốt 2 năm Dượng không dám hốt thuốc, để cho mình vật lộn với tử thần, để mình làm vật hy sinh cho mấy tay phù thủy bám vào rúc rĩa tiền bạc, cũng chỉ vì ảnh hưởng quá lớn của thần quyền và Lá số Tử-vi của tôi đã cản ông thầy thuốc giỏi trong gia-tộc (và của cả vùng tôi sinh trưởng) rút tay bốc thuốc.

Tôi thù Ba Mẹ, Cô Sáu Rô, thù Thầy Thiêm và thù cả Lá số Tử-vi. Càng nhìn vào 12 ô kẻ ngang dọc và những chấm đỏ, đen chấm phá ghi sự hưng cát của mấy vì sao trong lá số tôi càng oán hận. Tôi cố nén uất ức hỏi Dượng Hương :

— Rồi tại sao mãi đến hai năm sau, cháu chỉ còn là năm xương bọc da nằm chờ chết, Dượng mới xem mạch hốt thuốc.

Dượng Hương lại thở dài :

— Dượng không nghĩ là cháu sống được đến năm đó. Thế mà, chỉ có Giải-thần và Trường-sinh đồng cung ở Tật-Ách ; Khôi, Việt, Khoa, Lộc chiếu vào cung Phúc, mà cháu chống chỏi được với hạn Trúc là hội nhiều hung tinh ác sát ở Tật-Ách. Suốt 2 năm Dượng không vào giường bệnh thăm cháu là vì Dượng không ưa chuyện bùa ngải, mà vô phòng cháu nằm thì nhang khói hình tượng ma quái trấn ếm đầy đầy. Cả cha cháu cũng phó mặc sinh mạng cháu cho bà và mấy ông thầy pháp, chớ đâu phải chỉ có mình Dượng thờ ơ với bệnh của cháu...

Tôi nhớ lại, suốt 2 năm chịu bệnh tôi ít thấy cha và cả mẹ tôi nữa. Vì cha mẹ tôi đã ở riêng, bận công việc đồng áng và còn mấy đứa em tôi. Lại nữa, nhà bà tôi rất đông người giúp việc, bên giường tôi lúc nào cũng thấy bà và các cô tôi và mấy ông thầy pháp.

Tôi thắc mắc nhắc lại câu hỏi :

— Sao Dượng chờ đến 2 năm sau mới chịu hốt thuốc cho cháu ?

— Hồi đó, cháu đã 5 tuổi, cha cháu gặp Dượng trong buổi lễ cúng Đạp, hỏi về lá số Tử-vi của cháu. Dượng giải đoán cho ba cháu nghe xong, chính Dượng cũng ngạc nhiên về ảnh hưởng mong manh của Giải-thần, Trường-

sinh đã giúp cháu kéo dài sự sống, chống chỏi tử thần trong 2 năm qua. Cha cháu hỏi liệu cháu có bị tật phải ngồi một chỗ suốt đời không. Dượng trả lời là cháu năm lên 3 tuổi hạn tập trung nhiều hung tinh ác sát chớ năm nay hạn đã vào Phúc Đức, có Diêu, Y hội Khôi, Việt, Khoa, Lộc thì cháu sẽ gặp được thuốc. Cha cháu mừng rỡ, nhờ Dượng hốt thuốc cho cháu...

Tôi không ưa Tử Vi từ đó, nếu người Dượng giỏi thuốc Bắc này không am tường Tử vi, cứ bốc thuốc cho tôi, dù số tôi có vắn, cũng đỡ đau nhức như tôi đã chịu suốt thời gian nằm ốm bệnh với bùa chú và tàn hương nước thải. Nhất là năm sau đó, Dượng Hương tôi qua đời, đúng như lời Dượng tiên đoán là đại tiểu hạn trùng phùng ở Tật Ách gặp Không, Kiếp, Hồng, Đào, Suy, Tử, Tuyệt, tuổi già khó thoát. Cũng vì vậy Dượng tôi chỉ uống thuốc qua loa chớ không chạy chữa tận tình. Tôi lại càng có cơ đề thù ghét Tử vi.

Dượng Hương qua đời, những lá số của con cháu trong gia tộc chúng tôi cũng thất lạc theo rồi tôi quên luôn chuyện Tử vi. Cho đến năm tôi 19 tuổi, trong chuyến đi chơi mũi Kê-gà tôi bị ngã xuống hốc đá sâu đến 5, 6 thước, chết giấc nhiều lượt, nhờ anh em trong bọn khiêng về nhà ngoại tôi ở gần đó, nằm bệnh suốt ba tháng mới gượng dậy tập tễnh chống gậy lần đi, vì té giập xương sống. Trong lúc nằm bệnh, tôi lại nhớ lời Dượng Hương đã nói khi còn sinh tiền về lá số của tôi : Mệnh cháu Cơ, Lương

và Hồng Loan bị Cô, Quả, Hình, Suy rất kỵ những năm gặp Sát, Phá Tham hoặc những năm gặp Kị, Kiếp Kinh, Đà, Liêm, Tuế. Như năm cháu 19 tuổi, phải cẩn thận mới được... Phải cháu chịu học, dưỡng dạy Tử vi cho.

Tôi càng sợ lá số của tôi, và từ đó, tôi nhất định không thêm biết cái môn Tử vi ác nghiệt có định mệnh hăm hiu của mình đã an bài trong đó.

Về thần quyền, thí khi lớn lên khoảng 17, 18, tôi đã lên vào đình Ba Mẹ, lấy bức tượng trên khám thờ xuống nhìn cho rõ mặt ba người đàn bà. Tôi cũng trèo lên chót động Hòn Lan ngồi ngắm cảnh trời nước bao la, nơi mà dân trong vùng không dám xâm phạm. Cũng như, tôi đã theo ông Từ giữ đình Thầy, Thiểm trong lúc ông ta thấp nhang, đề vén màn nhìn bài vị thờ trong khám.

Có phải những hành động khinh mạn đó cũng là một cách chống đối thần quyền, hay chỉ là lối trả thù bọn lợi dụng óc mê tính dị đoan của dân quê, để sống bám vào tà ma quái quỷ đùa giỡn với sự đau đớn của tôi, suốt hai năm trời tôi thoi thóp chống chọi với tử thần trên giường bệnh.

Những trường hợp ngẫu nhiên đưa đẩy tôi bước vào lĩnh vực tướng số

Từ khi Dưỡng Hương qua đời, tôi không có dịp nói chuyện tử vi với ai cả. Rồi Cách-mạng 1945 nổi lên, tôi theo cuộc kháng chiến chống Pháp, những di tích thần quyền quanh

vùng tôi bị triệt hạ cả hình thức lẫn tinh thần. Mấy ông Cốt, pháp sư, đều nhất loạt bị bắt buộc giải nghệ và tự đứng ra thóa mạ óc mê tính dị đoan, theo lệnh của Cách mạng. Tôi cũng thấy hả hê vì ấn tượng bị thần quyền bắt nạt lúc nhỏ đã được tẩy xóa.

Rồi tôi rời quê hương, theo bộ đội kháng chiến đi khắp núi rừng Phước tuy, Bình thuận (bấy giờ chưa thành lập tỉnh Bình tuy), Ninh thuận, Đồng nai, Lâm viên, Khánh hòa v.v., một chuyện thật ngẫu nhiên, là đơn vị cử tôi đi học khóa Tỉnh-báo quân sự. Hai phần ba chương trình học là xem tướng mặt, giọng nói, bộ đi, chữ viết, chữ ký, chỉ tay để biết người cộng sự với mình, để biết đối phương, để tiên liệu việc đối phó. Và tiến thêm một hình thức học cao hơn là nhìn vào sắc thái đám đông đoán biết những hiện tượng báo trước những đột biến có thể xảy ra mà tiên liệu ứng đối.

Tôi tỏ ra xuất sắc về môn học này. Một cán bộ cao cấp Liên khu V, nhân dịp công-cán, ghé qua trường, phụ trách giảng-huấn mấy tuần-lễ để trao đổi kinh-nghịệm Tỉnh-báo là sở-trưởng của ông ta. Tôi được ông chú ý đặc biệt, truyền thêm cho nhiều kinh-nghịệm tướng-số, bây giờ nghĩ lại, quả là quý báu. Nhờ những đêm nằm cạnh ông, tôi được ông cao-hứng cho biết căn cứ vào những yếu-tố nào để biết người đối-thoại với mình vừa nói thật hay dối, họ tử tế với mình vì sợ hay vì mến; những con chó, con ngựa kia vừa chạy từ xa về hay vẫn ở tại chỗ; con trâu, con bò kia

vừa được cỡi ách cày, xe hay vắn thông thả gặm cỏ từ trước ; đàn gà, bầy vịt trong sân kia, vừa bị xao xác vì rượt đuôi hay vắn yên ồn đứng nhón nhờ mồ thóc. Và, quang cảnh ở đây vừa bị xáo trộn hay vắn bình thản từ sáng sớm.

Những chi-tiết thật tỉ mỉ, tuy giản dị như quả trứng của Kha-Luân Bồ đề đứng trên đĩa, nhưng rất khó, nếu không nắm được yếu-tố chính đề quan sát.

Sau những đêm trò chuyện, thấy tôi có khiếu đặc biệt về môn Tinh-báo quân-sự (danh từ lúc bấy giờ) ông dạy thêm cho tôi về Không-minh Đại-độn, đề bắ m độn biết giờ tốt xấu trước khi đi đâu. Học môn này phải thông suốt cán, chi và ngũ hành sinh, khắc, chể, hóa. Tuy rất rối phiền phức, nhưng rồi tôi cũng lãnh-hội được. Khi bế giảng khóa học, vị cán bộ cao cấp này có gởi cho ông Đ.

là vị Chỉ-huy tối cao 2 tỉnh mà tôi sẽ

về hoạt động, một lá thư giới thiệu đặc biệt về tôi. Từ đó, tôi được biệt đãi rồi được rút về Bộ Chỉ-huy Liên-tỉnh. Ở đây, tôi gần gũi với ông Th. một Liên Trung-đoàn-phó đã có tuổi, suốt ngày nghiên-cứu binh-thư đồ-trận, địa-lý và Tử-vi. Thế là tôi đi vào lĩnh-vực Tử vi tướng số lúc nào không hay. Sau đó, anh em trong Bộ Chỉ-huy gặp tôi là nhờ xem tướng số, rồi dân chúng quanh vùng chúng tôi trú quân, cũng nghe đồn, họ tìm cách làm quen, chia tay hoặc khai ngày giờ sinh nhờ tôi xem vận hạn hên xui.

Có một điều tôi tránh, là không bao giờ tôi dám xem Tử vi cho tôi. Hơn nữa, từ khi Dương Hương mất đi, cho đến khi tôi nghiên cứu Tử vi sau khóa học tinh báo, dầu có muốn lấy lá số cho mình cũng không biết hỏi ai về ngày giờ năm tháng sinh... ! (a)

LÊ THANH THÁI

PHÂN ƯU

Được tin Cụ NGUYỄN CHÂU thân phụ nhà văn NGUYỄN MỘNG GIÁC đã thất lạc tại Qui-nhơn ngày 8-1-1973, hưởng lương 62 tuổi.

Xin trân trọng chia buồn cùng bạn Nguyễn Mộng Giác và tang quyến. Xin cầu nguyện Anh hồn Cụ sớm tiêu điều miền Cực lạc.

LÊ NGỘ CHÂU, VÕ PHIẾN, VINH TÂN, NGUYỄN HIỂN LÊ,
NGUYỄN LIÊN và các anh em trong Nhóm BÁCH KHOA

(a) Hai'đôi' họ' tuôi' ra; Không biết ngày giờ năm tháng sinh, lại như' biết đủ đại hạn tiểu hạn, cung phúc đức và' chi'p' mệnh, Kê' ra vắn vắn tất cả cả' hung' tủy' cát' tính. Mấy người này đã tự' dối' mình, lại hoặc' những ai để' nghe' mê'.

TIN XUÂN

gió mời lên phải may
trăng diu lên phải đầy
trà dâng lên phải là khói
thơ ngâm lên phải là mây
đốt đèn lên phải ma hiện
trời phải vào khuya người phải nằm say



ma là người kiếp khác
người là trời đêm nay
nghe chừng lửa đã tắt
hai bờ con sông này
ở nhĩ đâu còn vết cắt
sao lòng ai vẫn chưa hay
năm kia người nín bật
vòng luân hồi đã ngược chiều quay
ma thôi vất vương trời thôi lưu đây



cần chi nữa gió may
tha hồ trăng vơi đầy
thơ đang nhập thần trà nhập đạo
xuân đang tràn ra ngoài khói mây

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

12-12-72

Tình Mộng

Thơ TẠ TỰ

Hỡi ai đấy, qua hồn tôi một buổi
Để khối sầu ở lại giữa đôi tay
Đây trái tim khô héo tự phương này
Với mơ ước giăng đầy khung hồn nhỏ
Tôi làm thơ, bướm hoa xưa còn đó
Với mộng đời bát ngát vút lên cao
Có hương thơm đưa sợi tóc ngọt ngào
Dịu chân nhẹ đi vào thương mến cũ
Vì yêu em nên tôi yêu vũ trụ
Dù mặt trời có đốt cháy nhân gian
Dù mưa rơi có nát đá tan vàng
Dù mây gió có mang màu địa ngục
Tôi nguyện giữ ngọn lửa hồng trong ngực
Cùng tình yêu tôi cất cánh bay xa
Lời thơ tôi như một khúc sinh ca
Một hơi thở, một nụ cười khoan nhả

Tôi yêu em như yêu vầng sao lạ
Từ cõi nào trôi giạt đến bên tôi
Chỉ nhìn nhau mà chưa dám cất lời
Thường che giấu những buồn phiền cảm tiếng
Tôi ngửa mặt rồi theo chiều én liệng
Như đàn tình kết lưới giữa không gian
Mùa hạ qua, thu biếc cũng phai tàn
Và đông xám đã trôi vào hia quạnh
Xuân chợt đến mà sao lòng vẫn lạnh
Bởi vì em chẳng biết có tôi yêu
Từng sớm, từng trưa rồi lại từng chiều
Từng đêm xuống cô liêu giường chiếu mỗi

Tôi làm thơ để lãng quên chờ đợi
Để đánh lừa năm tháng trước hư vô
Xin yêu tôi bằng tội lỗi bất ngờ
Bằng tất cả những giờ em có mặt.

TẠ TỰ

Cảm ơn người vợ khổ

Thơ VŨ HỮU ĐỊNH

Lần nào em sinh nở
Ta cũng phải vắng nhà
Tháng này em sinh nở
Ta lại trên đường xa

Đời bắt ta lận đận
Sao lại nín em theo
Bảy năm tình chồng vợ
Bảy năm em hăm hieu

Ta như mây trôi dạt
Lãng gió mây cũng dừng
Trời làm cơn mưa lũ
Lạnh đời em bao dung

Sáng nay quê người lạnh
Gió nổi thốc trong lòng
Ngậm ngùi bao nhiêu rượu
Cũng không quên mùa đông

Mùa đông nơi quê xa
Em một mình thui thủi
Con đau sinh quằn quại
Em biết than cùng ai

Tháng 12-72

Lần nào em sinh nở
Ta cũng phải vắng nhà
Đưa đầu lòng, tù tội
Đưa thứ hai, đi xa

Những đứa con của ta
Những đoạn đời gian khổ
Khi các con ra đời
Lòng ta nghe máu nhỏ

Các con đời khôn lớn
Đã nhờ mẹ thay cha
Thời nhiều nhưng phải vậy
Ta cũng đành xót xa

Cám ơn người vợ khổ
Chiều nay ta khóc thầm
Uống những giọt rượu đắng
Ngày xa quê long đong

Trong cơn khổ nạn

Thơ MẠC LY-CHÂU

Mến gửi Nguyễn Thùy đề cùng chia sẻ
niềm tin sinh thành trong cơn khổ-nạn.

Có tiếng gió nào rít qua mái lá miền nam rách toang đường cây
đại liên

Có tiếng sóng nào gào thét bờ ghềnh miền trung đau nhức
Vực thẳm xoáy tròn tâm tư sâu tối năm dài hố mắt mẹ hiền
Những mùa xuân qua, từng cụm mây trôi, từng cụm mây hồng
bốc lửa trời hừng hực

Có tiếng gió nào quyện lời ru dỗ giấc bình yên
Có tiếng sóng nào phụ giọng tâm ca thồn thức
Người vừa tỉnh dậy

Thực tại rung rinh âm thanh bom đạn quanh mình
Thực tại đưa về hơi khét nửa đêm đỏ rực bình minh
Thực tại có em bé trai đi học, chưa tới trường đã chết banh xác
Thực tại có em bé gái bộ mặt búp bê, cháy nứt từng đường
xám thịt đen da

Một vùng đất rỗ, một khung trời buồn, nước mắt nào tưới ướt
quê ta

Cho mầm cây xanh nhú lên trong từng vết sẹo
Ôi là khát, phổi khô, môi phồng, tim héo
Khát khao sao một phút thanh bình

Có tiếng gió nào van vỉ mây xanh
Có tiếng sóng nào thì thầm cát trắng
Có mảnh đất nào hai mươi lăm năm không một ngày trời yên
biển lặng

Có dân tộc nào gánh khổ nạn loài người như Chúa lên câu rút
máu đâm thân gầy

Có tấm lòng nào khắc khoải hôm qua, còn khắc khoải hôm nay
Có dòng lệ nào như dòng sông dài không bao giờ thôi chảy

Thoi thóp năm đây, quê hương ta đây
Cúi xuống truyền hơi tiếp sống cho nhau
Có tiếng gió nào kể chuyện mai sau

Có tiếng sóng nào chắt chiu lời nguyện bất tận
Ngày sẽ-dừng-ngày, hoa xuân nở từ vũng lầy uất hận
Từ giấc đấu trường nồng nặc máu tranh đua

Từ thương đau, ta chuyển dậy sinh thành.

Những ngày cuối 72

**NGHỆ
THUẬT
LÃNH
ĐẠO
CHỈ HUY**

của
Nguyễn Cả
và
Lê Sơn Cương

Kỷ lục !!!

— 6000 cuốn đã bán hết chỉ trong vòng hai tháng.

— Tái bản lần này :

- Hình thức được săn sóc cực kỳ xinh đẹp.

- Nội dung được bổ túc thật phong phú

— Một cuốn sách luận thuyết càng đọc càng say mê, thích thú.

— Vẫn giữ nguyên giá cũ : 250đ.

— Một cuốn sách không thể thiếu trong mọi tủ sách !

thuốc ho viên

**Pectal
FORT**



trị các chứng **HO**



ho gà ho khan
ho từng cơn
ho ra đàm
cảm - suyễn
sưng cuống phổi

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

thuốc ho viên

**PECTAL
FORT**

trị các chứng **HO**

ho gà ho khan

ho từng cơn

ho ra đàm

cảm suyễn

sưng cuống phổi

Bán tại các nhà thuốc tây.

Bạn không ở trong không khí Phật giáo

Bạn chưa là người Phật tử

Bạn là Phật tử

Bạn là người hết mình bênh vực cho hòa bình

Bạn đã am hiểu giáo lý Phật dạy

Bạn đã thực hành giáo lý

Các bạn đều nên đọc :

ĐẠO PHẬT ÁP DỤNG VÀO ĐỜI SỐNG HÀNG NGÀY

THÍCH HUYỀN-QUANG

THÍCH NHẤT-HẠNH

*diễn giải cương lĩnh giáo lý nhập thế của nền Phật-
giáo hiện đại theo huấn chỉ của hai Viện Tăng
Thống và Hóa Đạo.*

*Sách đã bày bán khắp các tỉnh Giáo-hội, các Chùa,
các Tự viện, các nhà sách toàn quốc.*

VIỆN HÓA ĐẠO xuất bản giá 200\$

NHÀ SÁCH LÁ BỒI HUẾ

Đại diện phát hành sách LÁ BỒI

AN TIÊM—CA DAO—TRÍ ĐĂNG—VÕ TÁNH v.v...

do Đình-Cường trông coi

*Địa chỉ : Khuôn viên Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật
Đại Nội HUẾ*

Người cầm bút, đời sống và sáng tác

Sài-gòn ngày 1 tháng 1 năm 1973

Cô Th. Tr.,

Có lần tôi được nghe cô trách khéo rằng người Sài-gòn hà tiện lời nói cũng như chữ viết. Sự tức giận của người làm văn nghệ bao giờ cũng rất hiền lành, lại thêm khoảng cách của mấy chục ngàn cây số dễ bào chữa cho mọi điều chèn nhích, do đó tôi chưa vội vàng phúc đáp thư cô. Tôi vẫn nhớ câu cô hỏi thăm tôi hiện sống nghề gì và sống ra sao. Tôi đợi viết trên Bách Khoa, vào dịp đầu năm, câu trả lời chung về một số bạn văn khác, đề người văn nghệ như cô có thể thông cảm nhiều hơn ở ngoài cảnh sống của một cá nhân.

Tôi đã dứt bỏ mọi nghề nghiệp khác để sống hoàn toàn bằng nghề cầm bút trên một năm nay. Đó là một cuộc phiêu lưu mà tôi dự tính cách đây đúng mười lăm năm — kể từ 1957 — và mãi bây giờ mới dám bước vào. Nhưng bảo rằng sống hoàn toàn bằng nghề cầm bút cũng chỉ là một cách nói, có cái ý nghĩa tinh thần hơn là giá trị thực tế. Điều này thật là dễ hiểu : Tôi chỉ viết được truyện dài có mỗi một tờ nhật báo, vì nghề bút tôi không tả được các cuộc tình sôi động và không sở trường về chuyện gay cấn, lâm ly. Tôi cũng thiếu sự kiên nhẫn chờ đợi đòi tiền ở các tòa soạn, vì chuyện này thường vốn rất gian nan. Phải viết cộng tác với một bạn khác, vì tôi thiếu những câu chuyện thích hợp với sự đòi hỏi như thế, và cũng vì người bạn tôi mặc dầu có thừa tài năng lại không

đủ sự quen biết để cho nhà báo đặt hàng.

Món tiền thù lao trung bình của một truyện dài nhật báo, mỗi tháng là mười lăm ngàn. Nếu thuê đánh máy, để dành sau đấy còn có đôi bản đăng nộp kiểm duyệt, với cái hi vọng đem in thành sách, thì phải mất đi khoảng độ ba ngàn. Chia hai cái số còn lại, mỗi người có được sáu ngàn. Với số tiền ấy, trừ đi các món cà phê, cà pháo với các anh em sắp chữ nhà in (vì những người này có cái khả năng kéo cho dài thêm hay rút ngắn bớt số chữ gởi đăng mỗi ngày), trừ đi những dịp kéo vào quán nước, với các bạn văn quen biết, trung bình mười lần hằng tháng ghé lại Tòa soạn, cộng thêm vào tiền xăng nhớt xê dịch, thế là món thù lao kia coi như đã được trang trải ngoài đường, kéo thêm một món nợ khác.

Thỉnh thoảng có in được một tác phẩm thì cái bản quyền không đủ trang trải những chuyện phí tổn về khoản xe cộ và những thù tạc quá nhiều của cuộc sống này. Chẳng hạn như quyển *Lửa Rừng* của tôi khởi đăng trên tuần báo Mai từ năm 60 đến năm 72 — nghĩa là mười hai năm sau — mới được xuất bản. Đó là may mắn gặp nhà xuất bản chịu mua và in một cách dễ dàng. Có thể nói rằng, hiện nay, ngoại trừ nhà xuất bản Nguyễn Đình Vượng, không có nhà xuất bản nào chịu trả tác quyền là mười phần trăm — tính trên giá bán — và trả một cách sòng phẳng, sớm sửa như thế. Giá cuốn sách ấy là 350\$, in 3.000 quyển, tác quyền là 105.000\$, kèm 50 bản giấy tốt để người viết sách tặng các thân hữu. Nhưng các thân hữu bao giờ cũng quá đông đảo, nhà xuất bản đã vui lòng gởi thêm cho tôi hai chục bản in giấy thường mà vẫn không đủ. Không muốn làm phiền nhà xuất bản nữa, tôi đã phải xuất tiền túi mua thêm 30 quyển để làm xoa dịu phần nào tấm lòng chiều cổ của các bạn bè. Tặng đủ 100 quyển rồi, bây giờ đang nghe nhiều thân hữu khác phản nản chưa có sách tặng, tính ra cũng phải mua thêm vài chục quyển nữa. Không phải riêng tôi được sự chiều cổ mà tất cả người viết sách đều đã chau mày hơn hờ tiếp đón mỗi nhiệt tình chung như thế.

Đúng ra bạn bè chúng ta không phải không có đủ tiền mua sách. Nhưng có hai lẽ quan trọng ở trong lối xử sự này. Một là họ đã đặt nặng vấn

đề tình cảm, cho rằng một quyển sách tặng bao giờ cũng quý giá hơn mười lần một quyển sách mua. Hai là các sáng tác phẩm của chúng ta đây thuộc loại nếu không đem tặng thì cũng chẳng có mấy người thân hữu sốt sắng tìm đọc, bởi lẽ cũng chẳng có gì thiết cận với cuộc sống họ.

Điều may cho tôi là cách đây trên một năm, nhờ một quyển sách chăn nuôi mà cô gởi về, quyển sách duy nhất còn lại của một ấn bản mà cô đã khéo thuyết phục để chủ hiệu sách chịu rời khỏi thư viện mình — tôi có gặt hái được ít kết quả tài chánh trong ngành nghiệp này, đủ sửa lại một căn nhà đang chực đổ nát và mua một chiếc xe hơi thông dụng nhằm làm phương tiện phát hành riêng cho tác phẩm của mình và của một số bạn hữu. Nhưng chiến cuộc đã kéo dài, đồng tiền mất giá, sinh hoạt khó khăn, giá giấy cao vọt, người ta quan tâm nhiều nhất đến chuyện gạo cơm hơn là sách vở, và những người bạn có ý định tốt giúp vốn bắt đầu rút lại ý kiến của mình. Ngôi nhà bán không ai mua, chiếc xe chờ đợi dịp làm ăn khác, và theo lời anh Chủ nhiệm của tờ Bách Khoa thì bây giờ tôi mới thực trở thành người dân Saigon. Nghĩa là một người thỉnh thoảng vẫn ngậm xì gà, vẫn lái xe hơi, đi giữa phố phường với một món nợ không lồ là cả hành lý phía sau.

Dù vậy, tôi chưa thực sự ở vào tầng lớp túng đói trong giới cầm bút. Cô hãy nên mừng cho tôi, vì tôi vẫn còn sức khoẻ dồi dào, còn nhiều tin

tưởng lạc quan đối với cuộc sống. Điều may mắn nhất là tôi không có một số thói quen tốn kém vì vốn không biết cờ bạc, không biết uống rượu, không ghiền thuốc lá, cà phê.

Nhưng nhiều văn hữu của chúng ta đây đang ở trong cơn khủng hoảng tài chánh thật là trầm trọng. Một nhà thơ khá nổi danh từ thời tiền chiến mấy năm trước đây chỉ sống bằng nghề dạy tư, nay vì các trường đòi chủ đề tránh thuế, ông bỗng trở thành thất nghiệp hoàn toàn. Từ đầu niên học 72, ông không còn giờ nào dạy, gia đình lâm vào một cảnh cùng túng tuyệt vọng. Có người cho biết ông đã từng có ý định theo chân Nhất Linh, Tam Ích, nhưng ở xã hội chúng ta cái chết đôi khi xa xỉ hơn là cái sống. Áo quan, đất cát, ma chay, bao nhiêu chi phí, vợ con làm sao lo nổi? Và chẳng làm như vậy đó cũng chẳng giải quyết được gì cho sinh kế của gia đình. Một nhà văn khác, cây bút chống Cộng vào loại có hạng, đã viết đủ loại tiểu thuyết, biên khảo, tiểu luận, bây giờ chỉ còn ăn mỗi một món rau muống chấm tương. Một lần đến thăm ông ta, một nhà báo trẻ lấy làm ngạc nhiên hỏi rằng: "Không hiểu làm sao mà anh sống được trong những tháng ngày sắp tới?" thì ông thành thật trả lời: "Đừng nói tháng ngày sắp tới, chính tôi cũng phải ngạc nhiên tự hỏi là không biết tôi đã làm thế nào sống được trong mấy tháng qua."

Một người đã sống về nghề cầm bút trên 40 năm như ông Vũ Bằng

hiện nay gia đình cũng chỉ trong cậy vào khoảng bút phí ít ỏi của một truyện dài nhật báo. Nếu ta hiểu rằng năm nay ông đã 62 tuổi và gia đình ông gồm một người vợ với sáu người con, đứa con nhỏ nhất chỉ mới chín tháng. Kề ra ông có giữ mục tự điền Tân Văn được thêm mỗi số độ khoảng năm ngàn, thỉnh thoảng cũng có một vài bài báo đây đó, nhưng tất cả món tiền này không đủ trang trải cho những xê dịch hàng ngày. Cụ Vi Huyền Đắc năm nay 74 tuổi đang sống heo hút một mình trong căn nhà nhỏ ở Bình Hòa, Gia định, nằm lọt phía sau một khu nhà cửa chật chội, và ngôi nhà ấy dù đã được cụ truy tặng cái tên văn vẻ là Hoàng Mai Hiên vốn chỉ là cái chái hẹp của ngôi nhà xe nào đó được sửa chữa lại. Mỗi lần sang thăm, tôi vẫn nhìn thấy cảnh cửa gài chặt và tiếng của cụ vọng lên từ phía dưới bếp. Cụ vẫn giữ được phong thái nhàn nhã, thung dung, nhưng đây chỉ là cách thể của người giàu lòng tự trọng và đã tránh được khá nhiều hệ lụy của cuộc đời này. Thỉnh thoảng cụ vẫn còn dịch một số truyện Tây, truyện Tàu nhưng món tác quyền kê ra chẳng thấm vào đâu, nếu không thỉnh thoảng bị sự lường gạt của một đôi nhà xuất bản hoặc của vài ông chủ báo chỉ muốn nói chuyện cao siêu hơn là tính tiền thù lao cho người cầm bút. Trong cái ngôi nhà vắng vẻ, trước sau chỉ mỗi một mình, với cái tuổi già như thế, những lúc đêm hôm, những khi đau ốm, cụ sẽ xoay xở làm sao? Nhiều lần tôi muốn nói lên điều lo ngại ấy, nhưng tự biết mình

không có cách gì giải quyết giúp bậc đàn anh tuổi tác, tôi đành giữ sự yên lặng như một cách thế ở đời.

Trong khi tôi viết tới đây, lá thư nhà văn Phan Du gửi vào vẫn còn **nam** ở trên bàn. Ông Phan Du viết : « *Tình hình ở Huế, từ ngày xảy ra biến cố đưa tới vụ tản cư, rồi sau đó, những vụ pháo kích nặng nề ngay ở khu vực Tây Lộc là nơi gia đình tôi trú ngụ, đã đặt tôi vào một tình trạng rất mệt. Tôi phải cho gia đình tản cư, trước sau hai lần. Nay tôi đành phải ở ở luôn tại Đà Nẵng, chỉ riêng tôi ở lại Huế mà thôi. Hàng tháng phải vào, ra nhiều lần, vừa tốn kém lại vừa mất thì giờ khá bộn* ». Tôi bỗng nhớ lại một bức thư khác cũng từ miền Trung gửi vào cách đây không lâu của nhà văn Nguyễn Văn Xuân. Giọng thơ của anh bao giờ cũng thật gấp rút, chữ viết cũng thật khó đọc nhưng mà lần này gấp rút và khó đọc hơn. Anh bảo đã hoàn thành xong vài ba tác phẩm, cam đoan vào loại bán chạy, và nhờ tôi hỏi có nhà xuất bản nào chịu trả tiền trước không, anh mới gửi vào. Vợ anh đau nặng và anh cần tiền. Đôi nhà xuất bản trước kia đã in tác phẩm của anh và không muốn nghĩ đến chuyện thù lao. Do đó bây giờ anh muốn cầm dao đặng cán cho được mười phần chắc chắn.

Trong cái hoàn cảnh sinh hoạt khó khăn hiện nay, Bà Túng đã đến viếng thăm hầu hết mọi nhà, riêng giới cầm bút làm sao thoát khỏi tình trạng chung được ? Hơn nữa, họ được kể như lớp người kém xoay xở nhất, kém cần cù nhất, thì nỗi khổ sở của

họ cũng là một chuyện dĩ nhiên. Nhưng có những người vốn rất cần cù, những người đã biết làm việc với một tinh thần chịu khó đặc biệt, như là anh Trần Phong Giao, thì cuộc sống vẫn chẳng khả quan gì. Anh đã phải bán chiếc xe hai bánh, phương tiện di chuyển cần thiết của mình, để in Nam Hà Nhã Tập, và tiền xuất bản, giống như tráng sĩ ngày xưa, ra đi không hẹn ngày về. Bây giờ anh phải đi nhờ chiếc xe gắn máy của một người bạn và đành coi năm 71, 72 như là những năm xấu nhất trong cuộc đời mình. Chúng ta có thể kể ra hàng dọc những người cầm bút lâm cảnh cùng túng vì không có chỗ để viết, vì viết không có chỗ in, và in không có chỗ bán, vì bán không có người mua. Sáng nay tôi nghe vài bạn kể chuyện anh Đỗ Quý Toàn và anh Lê Xuyên than túng. Hôm qua tôi nghe nói chuyện anh Dương Nghiễm Mậu, anh Nguyễn Minh Hoàng cũng thế. Đó là những người đang có chỗ viết và có chỗ làm. Một số đông người cầm bút phải bám vào nghề nghiệp khác để mà qua ngày. Chẳng có mấy ai thực sự sống bằng nghề cầm bút cả. Cũng có đôi người bắt mạch được cái khiếu thích của một tầng lớp độc giả và có sách bán chạy nhất, chẳng hạn nhà văn Duyên Anh, nhưng vẫn là một hiện tượng đặc biệt. Sách của nhà văn Mai Thảo bây giờ có vẻ chuyển hướng về lớp độc giả choai choai — vì chính lớp này lại chịu mua sách hơn cả — và những tác phẩm của ông tương đối bán chạy nhưng vẫn không bảo đảm được

nhà văn khỏi những khó khăn vật chất hằng ngày. Thế mà mới đây lại bị ăn trộm lấy sạch cả những áo quần đã có. Ăn trộm hân là một loại không có tinh thần văn nghệ!

Những người thân thuộc của tờ Bách Khoa như anh Cô Liêu, Võ Phiến bây giờ cũng thực lúng túng. Anh Cô Liêu Vũ đình Lưu đã về hưu từ mấy năm nay, tung ra hàng loạt sách dịch, nhưng đau ốm và mệt mỏi anh càng cô liêu nhiều hơn trong những âu lo sinh kế thường ngày. Còn anh Võ Phiến vẫn là công chức, đã chịu mất nhiều thú vui ngày trước, bây giờ phải nhường chiếc xe honda cho con đã lớn vọt lên đề mà đi bộ đến nơi sở làm. Phải nhìn cái mô bi lét màu xanh ngả xám kéo dài trên mười bảy năm của anh chủ nhiệm Lê Châu mới thấy những điều đau bề mà đau đớn lòng. Đau cần ban hành một cái chính sách kham khổ, cái chính sách ấy đã có dư thừa ở trong sinh hoạt. Người chạy nhiều nhất một thời cho tạp chí này là anh Ngu Í, một người bạn tốt sẵn sàng đi vác ngà voi cho mọi gia đình, bây giờ đành sống như một phế nhân. Tội nghiệp, anh có thói quen là ghiền cà phê buổi sáng, nhưng chỉ được uống có mỗi... nước nhĩ. Nước nhất phải để dành cho người khác.

Tưởng nên nói đến cuộc sống một số nhà văn phái nữ. Cô Trùng Dương đã hành nghề... chủ nhiệm một tờ nhật báo chứ không sống bằng ngòi bút. Nghe cô lấy chồng tôi vội gởi tặng một quyển *Lửa Rừng*

đề mà chia vui, nhưng chỉ vài tháng sau đó đã gởi tặng cô một quyển *Người chồng thời đại* đề mà chia buồn. Có những hôn nhân không sáng dài hơn một trái hỏa châu. Vừa làm chủ nhiệm, vừa làm bà bầu—bầu ruột chứ không phải là bầu gánh—thì thật khó viết. Tôi bỗng nghĩ đến vấn đề có con của những phụ nữ viết văn, nhất là viết các truyện dài nhật báo. Người phải đặc biệt lo âu điều đó, là cô Thụy Vũ, hiện viết cho nhiều nhật báo nhưng vẫn không quên để chữa nhịp nhàng. Như thế chỉ còn mỗi cách là vừa rặn đẻ và vừa sáng tác, hoặc phải i-ạch viết trước để dành rồi mới có quyền vào nhà bảo sanh. Người đàn bà viết truyện dài cho các nhật báo vốn được quan niệm như một loại người không biết sinh đẻ, cũng như không được ốm đau. Kể cũng tương tự như các nhà giáo tư thực. Thỉnh thoảng đến thăm nhà văn lão thành Mặc Khải, thân sinh của cô Thụy Vũ, tôi được nghe cô than phiền về cảnh chờ chực lấy tiền ở các tòa soạn. Cái sự tình ấy bao nhiêu năm nay chẳng có chút gì thay đổi. Mười năm về trước, tôi viết truyện dài cho tờ nhật báo Ngày Nay của anh Hiếu Chân, nhiều khi suốt hai ba tháng có lãnh một đồng nào đâu! Khi biết rằng người chủ báo như anh phải đi bộ từ nhà ở—tận trên Vườn Xoài—xuống đến tòa soạn, sát chợ Bến Thành, không ai còn nở lòng nào nghĩ đến đòi tiền.

Một ngòi bút khác cũng đang ăn khách là cô Túy Hồng vẫn chẳng vui vẻ gì hơn. Cô với nhà văn Thanh

Nam bây giờ viết cũng thừa đi. Khi vợ chồng cùng chia chung cái nghiệp cầm bút, trong hoàn cảnh này, là cùng nhau lên những nỗi khó khăn. Nhớ mới ngày nào cô Nguyễn thị Hoàng ngồi Mercedes có tài xế lái, với những tác phẩm bán chạy ầm ào và những áp-phe, trên một năm nay đã được ghi nhận mất tích ở trên bản đồ sinh hoạt của giới văn nghệ Sài-gòn. Thịnh thoảng vẫn thấy nhiều thư đòi nợ của các ngân hàng gửi đến cho cô đọng lại nơi các Tòa-soạn mà cô mượn làm địa chỉ. Còn địa chỉ thật của cô, có trời mà biết. Đó là một người đàn bà thông minh, và người thông minh lại hay ưa thích làm chuyện giứt gân. Điều này khiến ta nghĩ đến cô Hoàng Hương Trang, một người vẽ tranh cũng đẹp, ngâm thơ cũng hay, viết bài chửi bới cũng thật ác liệt và tả các màn ái tình cũng đến... cháy chời. Tuần trước, gặp cô, tôi có đánh bạo nhận xét : « Cô thật là một phụ nữ đa tài, nhưng cũng thật là... kinh khủng ». Đáp lại, cô chỉ cười lên thật lớn. Nhưng còn tuổi trẻ và sống một mình như cô, có lẽ người ta ít nỗi lo xa. Tôi chợt nhớ lại một người đã cao niên rồi, một nhọc, ốm đau, là bà Phương Lan mới đến gặp tôi ở tại Trung Tâm Văn Bút để tặng một quyển sách mới của bà : *Một ngàn lẻ một thuật làm giàu*. Bà nhờ tôi giới thiệu trên một tờ nhật báo, và nói : « Nếu họ chịu quảng cáo giúp, phiền em nhớ cắt giùm cái đoạn ấy rồi hôm nào chị có dịp sẽ ghé lại đây mà lấy. Chớ bỏ hai mươi lăm đồng mua một tờ báo, chị đâu có tiền ! »

Riêng bà Minh Quân có lẽ là khá giả nhất trong số chị em. Bà chỉ viết cho trẻ em, và cái thị trường con trẻ luôn luôn đông đảo lại không khó tính như là người lớn. Nhưng sự sung túc đã được chính các điều kiện gia đình bảo đảm hơn là ở các nguồn lợi mỏng manh, thất thường của các tác phẩm. Nói về phụ nữ, người ta phải kể đến bà Nhã Ca, người viết khá nhiều và có xe hơi, biệt thự, vừa cho xuất bản loại sách bỏ túi, đúng với cái túi bé nhỏ của người Việt Nam, và cô Thu Mai, người được nhà thơ Nguyễn Vỹ xây dựng, nâng đỡ và sau khi ông Nguyễn Vỹ qua đời vì nạn xe đồ chạy mau, đã mang Thăng Bờm đi từ ngõ chợ Thái Bình sang đến Cầu Bông Gia Định và hiện đang bắt nó phải dõ sống dõ chết ở gần ngã bảy Chợ Lớn. Tôi có vào thăm cái Tòa Soạn ấy, trong một nhà in không có bảng hiệu, không có điện thoại, và thật cảm động nhìn thấy một số khá đông bạn trẻ nghèo tiền nhưng giàu lòng yêu văn nghệ kể vai chung vốn cổ mong kéo dài cuộc sống thoi thóp của một thằng bé chỉ muốn đòi lấy quạt mo để hưởng năm xôi nguội lạnh của gã phú ông. Một cô bạn khác vốn người Trung Hoa, cô Hoàng Diễm Khanh, chịu khó nghiên cứu văn chương Việt Nam, bắt đầu dịch thuật, sáng tác với nhiều hứa hẹn được vài năm nay, chừng như cảm thấy buồn lòng vì một đôi nhà xuất bản cũng như chủ báo người Việt chỉ muốn in sách của cô mà không nói đến thù lao. Gặp toàn những người cao thượng chỉ lo các

chuyện tình thần mà không đếm xỉa gì đến vật chất, thực cũng dễ khiến hoang mang. Nhưng người đàn bà thực sự được quan tâm ở Sài-gòn, được in hình nhiều, được bán chạy nhất, không phải là người Việt Nam. Đó là một cô Đài Loan, năm nay 34 tuổi, hiệu là Quỳnh Dao, khởi sự nhập nội ở xứ sở này qua sự môi giới sớm của cụ Vi Huyền Đắc cách đây chừng 4, 5 năm, nhưng mãi bây giờ mới được chiếu cố đặc biệt. Cô Đài Loan này khai thác có mỗi chuyện tình, đặc biệt là các mối tình ngang trái của lớp trưởng giả bệnh hoạn, tàn tật. Đa số nhân vật của cô đều không bình thường. Nếu họ không què cũng câm, không mù cũng điên, không khùng khịu cũng gàn dở, do đó họ làm người đọc thương hại và các cô gái được sống êm đềm trong thời buổi này giữa các đô thị, tìm được một chỗ thật là an toàn để cho chảy bớt chút nước mắt thừa. Nhưng các truyện tình kiều ấy thật là dễ chán và cô Quỳnh Dao nói quanh quẩn mãi cũng đã bắt đầu lăm càm, do đó người ta đã tìm những tác giả khác đề mà dịch thuật. Một nhà phát hành ở đây muốn tạo một thứ Quỳnh Dao nội hóa để dễ đọc quyền bèn cho lảng xê lên các mặt báo một ngòi bút mới — là cô Lê Hằng — với khá nhiều lời thêu dệt và cuộc ra mắt xôm trò. Trong cuộc lễ này, cô Hằng có nói rằng cô không muốn ai gọi cô là Quỳnh Dao Việt Nam, rằng cô không thích giống ai. Một người tự trọng ít ra phải nói như vậy. Hơn nữa, đó là câu nói có nhiều

giá trị thực tế. Vì truyện của cô Lê Hằng nói nhiều đến chuyện ngoại tình hơn của Quỳnh Dao, và nhân vật cô Quỳnh Dao còn giữ bản sắc đạo đức hơn của cô Hằng.

Một khi nhà văn đã không sống được bằng nghề bút mình, họ chỉ còn những cách thế xử sự sau đây : Một là treo bút và làm nghề khác, chẳng hạn anh Lê Phương Chi bịt mũi mà làm tướng số, anh Ngọc Linh gồng mình để dạy võ, anh Tường Linh xách cái cần câu lặn lội kiếm cá dọc các sông rạch, anh Thế Uyên lau mồ hôi đi bán sách giáo khoa. Hai là họ chỉ thỉnh thoảng viết một đôi bài tùy hứng, viết một đôi quyền tùy thời để nuôi dưỡng sự hiện diện và có một khoản tiền phụ. Mới sáng hôm nay anh Trần Trọng San khẳng định với tôi : « Phải làm văn hóa bằng một nghề khác ». Ý anh muốn nói chỉ có như thế mới giữ được sự lương thiện của ngành văn hóa. Nhưng câu nói ấy gián tiếp xác nhận văn hóa, chỉ là một món phụ thuộc, ở một vị thế hoàn toàn bị động.

Cách thế thứ ba là họ viết theo nhu cầu thời thượng, tìm đoán thị hiếu từng lúc để mà phục vụ, tuân phục theo các điều kiện chỉ định vốn có sẵn rồi. Điều này dễ thấy ở trong trang ruột các tờ nhật báo và trong các giấy đặt hàng của một số nhà phát hành. Tôi nghĩ đến anh Lê Văn, tức là Vĩnh Điền, sau khi đã dịch một số tác phẩm của Quỳnh Dao, thứ thật cũng như thứ giả, đã ra một nhà xuất bản lấy tên hẳn là Quỳnh Dao để in bản dịch về các

tác phẩm Quỳnh Dao. Bây giờ anh đã lập lại gia đình, bạn đường chuyển này của anh là người đã từng học ở bên Anh, bên Mỹ, và chỗ của anh chị ở cũng thật cao ráo, khang trang. Anh đã tâm sự là trong cái lúc không thể viết gì được hơn thì dịch Quỳnh Dao là thượng sách vậy. Nhưng cái lẽ sống của các dịch giả cũng thật bấp bênh vì họ hoàn toàn tùy thuộc ở sự quyết định của nhà phát hành. Tôi nhớ lại nhà thơ Trần Tuấn Kiệt, sau khi đã dịch đủ loại sách võ Trung hoa và chịu bán đứt tác quyền với giá rẻ mạt, một hôm đi nhờ yên sau của xe người bạn, chạy đến tìm tôi rủ hùn vốn vào với anh xuất bản quyền sách nói về *Các kiểu uốn tóc mới nhất của phụ nữ trên thế giới*. Rất tiếc, tôi không có tiền nên đã bỏ lỡ cơ hội giúp làm đẹp thêm các bà các cô dư ăn dư mặc ở các phố phường. Nhà thi sĩ ấy có thành công chẳng trong món hàng kia? Tôi chưa có dịp để gặp lại anh, nhưng biết anh đang chạy đôn chạy đáo để lo cơm gạo gia đình. Một lần trước đó anh bảo tôi rằng đã bán đứt được một quyền truyện dài trên ba trăm trang với giá ba chục ngàn đồng. Số tiền này gia đình anh sống không đủ tròn một tháng, nhưng quyền sách kia ít nhất cũng viết ba tháng mới xong và chạy kiếm tìm chỗ bán cũng ba tháng nữa. Nhưng điều may mắn là đã tìm được một kẻ chịu mua. Tôi không nhớ hết những người bạn văn quen biết với những cuộc sống bấp bênh của họ. Cũng chỉ mới vài ngày đây nhà thơ

Anh Tuyền đến tìm gặp tôi, và trong vài tháng không gặp tôi thấy anh già sạm đi có trên mười tuổi. Anh cho tôi coi tập thơ mà anh hoàn thành đã kiểm duyệt xong, bị xóa bỏ mất hai bài mà anh thích nhất, nói đến nỗi buồn mất hai người con, một người con ruột, một người con nuôi, đều là Trung úy, ở trên chiến trường. Bây giờ nỗi lo của anh là đứa cháu nội mới vừa hai tháng cần phải cưu mang mà giá sữa bột lên 400 đồng một hộp.

Một số nhà văn chuyên sống bằng nghề cầm bút đã biến thành lớp cai thầu nắm các trang trong nhật báo. Kề ra cai thầu cũng có hai loại: một loại nhờ uy tín mình đối với chủ báo, đứng ra nhận lãnh trang trong để chia công việc làm ăn cho các anh em đồng hội đồng thuyền. Họ lập thành một ê kíp trong cái tỉnh thần hoàn toàn hỗ trợ cho nhau, lấy sự chia ngọt xẻ cay làm một lẽ sống. Một loại lợi dụng uy tín của mình đối với chủ báo, tận tình khai thác khả năng đồng nghiệp và các tay em muốn bước vào nghề để mà thủ lợi. Gần đây tôi có quen một anh bạn đã gần như chịu viết «chùa» đến cả 5 năm cho một cai thầu loại ấy, cốt để có một cái tên trước bạ vào trong văn giới. Kề ra gã cai thầu này cũng có cho anh hưởng chút thù lao, là cứ hai tuần được lãnh một ngàn, và suốt 5 năm viết lách đều đặn với đồng lương ấy. Thế mà cho đến ngày nay, gã cai thầu kia vẫn quan niệm mình như một ân nhân. Năm ngoái, tôi cũng có dịp làm quen một bạn văn khác từ Phan Thiết vào, và

anh đã bỏ mười năm đeo đuổi ngòi bút, đã viết tới bảy tác phẩm, quyền nào cũng tới năm, bảy trăm trang, nhưng không gởi đăng được tờ báo nào hoặc in ở một nơi nào. Kết quả mười năm cầm bút của anh là vợ bỏ đi lấy Mỹ, bỏ lại ba đứa con thơ mà anh gởi gắm cho một người chị ở tại Sài gòn. Tôi được đọc một tác phẩm của anh, khoảng 700 trang, viết thật vững vàng. Tôi đem giới thiệu với đôi cơ sở xuất bản. Họ chê dài quá, và không gay cấn. Bốn năm tháng sau, anh bạn văn kia tìm tới, cho biết anh hiện sống ở Bà Rịa và đang kiếm cách làm cho ra tiền để in tác phẩm của mình. Bằng đi gần cả năm trời, vừa rồi anh lại đến thăm cho biết hiện nay anh ở Sóc Trăng. Số tiền kiếm được trên hai trăm ngàn đã vì vấn đề quân dịch tiêu mòn sạch rồi.

Vấn đề của anh bạn văn trên đây không chỉ mang cái tính chất bi kịch của một ngòi bút không có cai thầu chọn đăng, mà còn một khía cạnh khác quan trọng hơn nhiều là sự hướng dẫn từ đầu về một quan niệm sáng tác và những kỹ thuật sáng tác. Đó là một vấn đề chung cho hầu hết người cầm bút của chúng ta đây. Mỗi người tự viết theo như mình thích, theo như mình tự tìm hiểu và không bao giờ có thể biết được rằng mình đã đúng hay sai thế nào. Trong thế giới ấy, tất nhiên ai cũng tưởng mình là vua, và điều dễ hiểu là không ai muốn nghe ai. Không có cái gì gọi là căn bản, làm sao định giá trị được? Vì thế, người ta nhiều khi đánh mất

bao nhiêu năm tháng để bị quanh quẩn trong những kỹ thuật cũ kỹ hoặc những quan niệm sai lầm. Người ta có thể đánh mất tuổi xuân, đánh mất cả vợ — như anh bạn kia — và cả tương lai, để mà đuổi bắt tuyệt vọng những gì mà một sinh hoạt đã được tổ chức, với một kiến thức căn bản, có thể mang lại cho họ trong một thời gian ngắn nhất. Thỉnh thoảng tôi vẫn nhận được thư từ hay gặp gỡ những bạn văn mới bước vào nghề thiết tha muốn tôi giúp đỡ họ về cách viết. Thú thật, tôi cũng đang mong muốn được giúp đỡ như họ, vì tôi chỉ hơn họ được một số thói quen, và chỉ có bấy nhiêu thôi. Phải bắt đầu như thế nào cho hợp lý, phải tiếp tục như thế nào cho thuận lợi, phải bước ra sao và chạy ra sao, tôi vẫn chưa quan niệm đủ bao nhiêu điều đó. Tôi còn văng vẳng nghe trong tòa soạn của tạp chí này một vị công chức cao cấp ở trong chính phủ ngày xưa bảo rằng: «Văn nghệ là một cái gì không hướng dẫn được», và một giáo sư Đại học phê phán: «Bọn viết văn trẻ ngày nay đều tưởng chúng là bậc thầy, đâu cần muốn học hỏi ai». Tất cả các ý kiến ấy đều không đúng với sự thực.

Thế giới văn-nghệ chúng ta rõ là thế giới rừng hoang, trong đó tùy nơi miếng đất mà một trái cây rụng xuống có thể nảy mầm hay bị thui chột, kết thành trái ngon hay là trái độc. Nhưng nhân danh sự tự do, tiếng gọi đẹp đẽ của chốn hoang tàn, trái độc chóng sẽ lan đầy, như lớp cỏ dại bùng tuồng sẽ ngăn sức sống của loài ngũ cốc.

Trong những hạng người không biết rõ nhất mình đang làm gì, phải kể có những người làm văn nghệ. Trước đây, trên tạp chí này, có cuộc phỏng vấn vì sao mà viết, viết để làm gì, chúng ta nghe được bao nhiêu cách nói khác nhau chỉ để biểu thị một sự thực này: đó là cái gì rất đổi mơ hồ, bấp bênh về ngành nghiệp mình. Ai đã cầm bút lại chẳng muốn được sống bằng ngòi bút của mình và sống một cách lương thiện, vẻ vang? Nhưng sống toàn bằng ngòi bút, như anh Sơn Nam, là phải khéo chọn một loại đề tài riêng biệt, kèm theo cả một đạo sống với cả ông bà chủ nhiệm, một cái đạo sống còn khó khăn hơn là việc sáng tác. Và sống hoàn toàn theo cái ý muốn văn hóa của mình như là anh Bình Nguyên Lộc, ngoài cái điều kiện gia đình thuận lợi, còn cả một sự nhiệt thành, một cái nghị lực hết sức lớn lao.

Cô muốn hỏi tôi về sáng tác? Có thể nói chung một lời, đó là kết quả của sự tùy tiện cá nhân, hướng về mục đích tiêu thụ chóng nhất. Bao nhiêu năm nay cái ý hướng lớn về mặt nội dung vẫn là loanh quanh trong chuyện dục tình, cái bản khoản lớn về phần tác giả là bán cho được tác phẩm, cụ thể là chiều cho được ý muốn của nhà xuất bản — bây giờ đồng thời là nhà phát hành — kẻ đã đồng hóa với thị hiếu của một lớp độc giả chịu mua sách đọc.

Các nhà xuất bản bây giờ muốn sống phải kèm theo nghiệp phát hành. Hay nói cách khác, các nhà phát hành

bây giờ đã kèm thêm việc xuất bản, vì họ mới đủ uy thế làm công việc này. Độ 5, 7 năm về trước, cá nhân nào cũng có thể xuất bản và nhiều nhà văn đã là các nhà xuất bản. Như anh Thế Nguyên với nhà Trình Bày, Thế Uyên với nhà Thái Độ, Võ Phiến với nhà Thời Mới, Nguyễn Nguyên với nhà Trường Sơn, Trần Phong Giao với Giao Diễm v.v... Bảng hiệu không cần đóng thuế, nhà văn chọn sách dễ dàng, in một ngàn hay ngàn rưỡi quyền cũng vừa đủ vốn đủ lời. Bây giờ quyền sách chừng 400 trang, in 3.000 quyền phải mất ít nhất là nửa triệu bạc. Nếu in ít hơn thì giá tác phẩm quá cao, khó lòng bán được. Trước kia, in một ngàn quyền có thể bán đi phân nửa là đủ vốn rồi. Cách đây hai năm phải in ba ngàn, và bán hai ngàn mới đủ vốn in. Hiện nay, muốn có đủ vốn và có chút lời phải in lên năm ngàn quyền.

Nửa triệu bạc, một tác phẩm, làm sao có đủ tiền in? Và không thể chỉ xuất bản có mỗi một quyền, mà phải có một cái vốn luân chuyển, ít nhất là hai triệu bạc. Nếu giao cho nhà phát hành, chịu lời trung bình 50 phần trăm thì phải chờ đợi từ hai đến bốn năm trời mới thu được vốn của một quyền sách. Nếu bán trọn hết cho nhà xuất bản để lấy tiền mặt, và nếu nhà xuất bản bằng lòng mua, thì thường họ hưởng 70 phần trăm, tính theo giá bán. Như thế, chỉ với 30 phần trăm mà nào tiền in, tác quyền, và bao nhiêu chi phí khác. Nhưng không phải quyền sách nào cũng được cái hân hạnh ấy.

Rốt cuộc chỉ nhà phát hành mới có

khả năng xuất bản vì có đủ tiền để in, và đủ phương tiện phổ biến. Chính là các nhà phát hành chứ không phải Phủ Văn Hóa hay Bộ Thông Tin lãnh đạo văn nghệ, quyết định đời sống của giới cầm bút, mặc dầu các cơ quan công quyền này gián tiếp đã tạo nên uy thế đó, và phải chịu phần trách nhiệm về uy thế đó. Nhiều người trước khi dịch thuật, biên khảo hay sáng tác, đều đã trực tiếp tham khảo ý kiến của nhà phát hành. Nhiều người đã lãnh số tiền ứng trước của nhà phát hành để thực hiện một công trình văn hóa, văn nghệ, chẳng hạn viết một loại sách tiểu lâm, ra một tờ báo chống Cộng, lo một chương trình dịch thuật... Các nhà phát hành có thể giúp các tác giả có xe, có nhà hay làm tác giả chắt chõng thêm nợ. Các nhà phát hành có thể đưa các tác giả cần tiền đến chỗ sa đọa hay giúp cho một tác giả có ý định tốt thực hiện lý tưởng của mình. Anh chị Nhật Tiến, Phương Khanh, xây dựng được tờ tuần báo Thiếu Nhi lành mạnh và tồn tại đến nay hoàn toàn nhờ sự hỗ trợ của nhà Khai Trí, dù đây là nhà sách lớn chứ không phải một cơ sở phát hành. Các nhà phát hành tự thấy có cái khả năng tạo nên những thần tượng mới, đưa ra những khuynh hướng lạ, và nếu họ có làm gì coi không đẹp mắt cũng chẳng có một ngòi bút viết «phim» sắc bén nào dám động tới. Đối với chính quyền, vẫn có kẻ nói xỏ xiên, bóng gió, nhưng đối với nhà phát hành, các người cầm bút đều phải kiêng dè. Khi nghe tôi muốn viết về đời sống của giới văn

nghệ, anh Trần Phong Giao thân mật dặn dò: «Nhớ đừng đả động đến giới phát hành. Nếu không, đừng mong sách anh có mặt ở trên thị trường». Và anh đã nhắc nhở tôi như thế đến cả ba lần.

Thực sự, một quyển sách loại trung bình, in ba ngàn bản không phải là không tiêu thụ được hết trong vòng một tháng, đâu phải chờ đợi từ hai cho đến bốn năm? Nhưng nhà phát hành có quá nhiều sách để mà lo liệu và họ chú trọng nhiều hơn đến những loại sách chạy nhất.

Cái ý tưởng viết sẽ bị kiểm duyệt xóa bỏ để làm tác giả nản lòng sáng tác. Cái sự tình được kiểm duyệt mà không một ai chịu in cũng làm tác giả thối chí. Cái nông nổi in mà chẳng bán được, vì không dễ dàng đến tay người đọc, cũng làm người viết buồn phiền. Một khi được tung ra trên thị trường, tác phẩm khác nào cái chai ném xuống biển khơi không biết sẽ tấp vào bến bờ nào. Kẻ thay mặt cho tác giả để soi sáng thêm tác phẩm cho người tìm đọc đồng thời cũng thay mặt cho độc giả phản ánh trung thực các lời nhận xét gởi đến tác giả, là nhà phê bình, cũng không có nốt. Chỉ có những người «nâng b» trong cái tinh thần bè nhóm, thù tạc, hoặc là chỉ trích trong cái ác ý của những thành kiến. Thiếu sự trung gian đứng đắn và cần thiết ấy, giữa người viết và người đọc không có sự truyền thông nào tích cực, nên dễ tạo những ngộ nhận. Người viết trở thành một loại cô đơn, đưa đến cố chấp, gây

nên tự kiêu, làm cho chậm tiến. Người đọc trở thành một lớp thụ động, vô can, tưởng mình không có phần trách nhiệm nào đối với các loại món ăn tinh thần như thế, hoặc chịu ngộ độc một cách vô cùng oan uổng.

Nhà văn cảm thấy xốn xang nhiều nhất về nỗi thiếu thốn phê bình phải kể ông Bình Nguyên Lộc. Đã bao năm rồi, những sách ông cho ra đời và gửi tặng tôi đều có kèm theo một lời mong đợi... chỉ trích. Hầu như gửi cho mọi văn hữu khác quen làm công việc điếm sách, ông cũng ao ước như vậy. Tôi hiểu ông vốn giàu lòng tự tin, nhưng thật tình ông không ưa một thứ sinh hoạt văn nghệ buồn tẻ, không thích một kiểu đồng lõa lụn bại, không chịu một sự thờ ơ nghèo nàn. Ngay chiều hôm qua, tôi lại nhận được một quyển truyện dài mới mẻ của ông — *Lữ đoàn mộng đen* — với lời thân tặng kèm theo câu này : «Mong ước một bài đả kích nếu nhận thấy tác phẩm này phản động».

Tôi không bao giờ chờ đợi đả kích từ ai. Tác phẩm thường là kết quả của nhiều vất vả, nhất là trong cảnh ngộ này. Nếu có đôi lúc chúng ta thẳng thắn trình bày đôi điều chẳng được vừa lòng, chỉ vì chúng ta đã đánh giá thật cao văn hữu và công trình họ, chỉ vì chúng ta chờ đợi quá nhiều ở các điều đó.

Năm ngoái tôi có được xem bản thảo truyện dài *Thế hệ chúng ta* mà cô đã gửi ông Trần Thúc Linh mang về. Cô đã viết với tấm lòng nhiệt thành, với những tình tự mới mẻ và một bút pháp trong sáng. Tình trạng xuất bản chưa được thuận lợi để cho tác phẩm ra đời. Mong cô hãy cứ vui lòng chờ đợi. Thiết tưởng chờ đợi cũng là một nghệ thuật sống, một nghệ thuật không kém phần tinh vi và không kém những ý nghĩa lớn lao nếu là đợi chờ tích-cực.

Chúc cô và gia đình một năm mới đầy hạnh phúc.

VŨ HẠNH

Nhà xuất bản

TRÍ ĐĂNG

Kính chúc

*Quý độc giả và thân hữu
xa gần một năm Quý sửu
hòa bình, thịnh vượng.*

Ông Diệm, ông Nhu và Bà Nhu



Ô. Huỳnh Văn Lang

L.T.S. Như đã loan tin trên số trước, trong mục Thời-sự Văn-nghệ, Ô. Huỳnh văn Lang, nguyên Chủ nhiệm sáng lập Tạp chí Bách-Khoa từ 1957 đến 1964, đã được giải nhất về Hồi-ký năm nay của Trung tâm Văn bút V.N. với tập «Chứng nhân một chế độ». Tập Hồi-ký này được viết từ năm 1965, trong những ngày bị mất tự do của tác giả tại Trung Tâm Cải Huấn Tân Hiệp, Biên Hòa. Trong «Lời nói đầu», ông Huỳnh văn Lang cho chúng ta biết tập Hồi-ký của ông đã được hình thành trong một hoàn cảnh như sau :

«Ở trong chỗ giam giữ này, một miếng giấy nhỏ bằng năm ngón tay cũng phải có phép, ban phát trong những trường hợp hết sức đặc biệt. Có một cây viết, dù là cây viết đã được Trưởng ban Cải Huấn chấp nhận, cũng là cả một vấn đề khi đem sử dụng. Vì mỗi một cử động nhỏ của cán nhân đều bị những hệ thống nổi và hệ thống chìm báo cáo, hầu hết các báo cáo, ấy đều có tính cách xuyên tạc, hoặc vì ác ý, hoặc do vô tình. Đó là chưa nói chỗ ngồi để viết, giờ giấc để viết, và cái không

khí tinh thần để được dễ dàng hồi tưởng lại các sự kiện, là bao nhiêu bài toán khó tìm phương giải đáp.

«Tôi đã bắt đầu các dòng chữ này ở trong thánh đường Công giáo, nơi tôi trốn vào để có đôi chút yên tĩnh, vừa được dễ bề ngồi viết. Vì thế mà tôi đã qua nhiều ngày, nhiều tuần nhiều tháng ngồi trong nhà thờ như là đọc kinh, cấm phòng trường kỳ. Biết đâu tất cả trang hồi ký này không phải là bài kinh dài, một tuần cấm phòng dài đặc ?»

Năm 1970, trên Bách Khoa các số 321 (15-5) và 322 (1-6), chúng tôi đã đăng bài «Cọp Cái ba con» trích từ một chương của tập Hồi ký nói trên. Sau đây, chúng tôi lại xin phép tác giả trích thêm những phần nói về Ông Diệm, ông Nhu và bà Nhu để giới thiệu cùng bạn đọc tập sách trúng giải năm 1972 của Trung Tâm Văn Bút Việt Nam.

Cũng xin nói thêm rằng chúng tôi nhặt các phần nói về Ô. Diệm, Ô. Nhu và Bà Nhu trong thiên Hồi ký để chắp lại thành một bài, nên có nhiều chỗ đã phải cắt xén bớt hoặc gác lại, cho ý kiến trình bày ở các phần được liên tục và toàn bài khỏi quá dài. Độc giả sẽ đọc lại đầy đủ khi cuốn Hồi-ký «Chứng nhân của chế độ» được xuất bản.

Kể từ tháng 8 năm 1954 trở đi, tôi được tiếp xúc với ông Diệm khá nhiều và có nhiều lúc làm việc bên ông nên tôi có thể nhận xét về ông một cách tương đối trung thực. Theo tôi, ít ra trong vài năm đầu cầm quyền, ông Diệm cũng có ý hướng dân chủ và có cuộc sống thật là đơn giản. Bản tính hết sức nóng nảy, cả tin những người lân cận, vì thế ông hay ngờ vực những kẻ ở xa nếu họ bị sự dèm pha, ghen ghét. Vốn dễ xúc động cho nên ông cũng dễ tha thứ những người chịu van xin mình dù họ có làm lỗi đến thế nào. Nhưng tật xấu nhất của ông là tính cố chấp. Ông không chấp nhận đối thoại, và sự chỉ trích dù là nhỏ nhất đến đâu cũng làm cho ông mất ngay bình tĩnh. Ngoài ra, ông lại có tính tỉ mỉ, vụn vặt, lo lắng thái quá đến những vấn đề tiền bạc hoặc về phong hóa, có khi chẳng liên quan gì đến chức vụ mình. Do đó ông không thể nào thấy rộng, hiểu xa, nhất là trong những vấn đề đòi hỏi ít nhiều chuyên môn, chẳng hạn vấn đề kinh tế, tài chánh trong nước. Có người cho rằng, dầu có làm gì chẳng nữa, ông vẫn giữ nguyên tính cách của một Tổng đốc, nếu không phải là một Tri huyện, nghĩa là cứ xem việc nước như việc nhà, coi dân chúng như con cháu, và luôn bận tâm những chuyện nhỏ mọn không ngoài phạm vi một huyện, hay một tỉnh, tầm mắt chật hẹp không vượt ra khỏi chân trời địa phương. Thật ra, ta phải nhìn nhận ông Diệm là một Tổng đốc hay Tri huyện rất xứng đáng. Nhưng là một vị Nguyên-thủ

quốc-gia, ông thường có những cử chỉ hoặc những quyết định ngớ ngẩn.

Suốt thời gian biết ông, tôi thấy đời sống cá nhân của ông rất đạo đức. Ông thật khắc khổ như một nhà tu, có khi hơn cả nhà tu. Ngay trong ẩm thực, ông cũng là người rất mực thanh đạm. Ông thích hơn hết là món cá kho, kho mặn, hơn là bất cứ món cao lương mỹ vị nào khác. Trong những tiệc lớn, ông cũng nhắm nháp chút rượu, nhưng không bao giờ uống hết được một ly con. Ông chỉ thích uống trà nóng. Nhiều người thường nhìn thấy ông có điều thuốc lá trên tay hoặc trên môi, nhưng thật ra ông hút rất ít, chỉ phả thuốc nhiều. Mỗi ngày có lẽ ông tiêu thụ đến hai gói thuốc hay hơn nữa, nhưng không điều nào được hút quá nửa. Kiểu hút của ông là chỉ phì phà ngoài miệng rồi đập nửa điều hay quá nửa điều trên đồ gạt tàn. Nhìn ông hút thuốc, người ta thấy ngay cái bản tính dễ xúc động. Tiếp chuyện với ông, nếu chuyện vui vẻ, hợp với sở thích thì ông phì phà vài hơi thuốc lá hoặc uống tách trà một cách thư thả. Trái lại, nếu chuyện không vui, không hợp ý, thì ông nín lặng, không muốn tiếp tục đến cùng, và cầm điều thuốc đã hút dở dang, dù chỉ là mới phì phà vài hơi, đập đi đập lại có cả hàng trăm lần trên đồ gạt tàn. Sau này chúng tôi nhận thấy cái tật xấu ấy của ông thật là khó coi, hơn nữa hơi thuốc, khói thuốc cũng như nhựa thuốc làm con người nóng tính như ông dễ bị kích thích và nóng tính hơn, cho nên chúng tôi khuyên ông

nhai chewinggums để bớt hút. Ông có theo lời chúng tôi được ít lâu rồi vẫn trở lại tật cũ.

Sở thích của ông chỉ là say mê chơi máy chụp hình. Cách chơi của ông cũng rất khác thường. Ông có đủ loại máy lớn, máy nhỏ, những thứ rất đắt tiền, phần nhiều đều do chính-khách ngoại quốc đem biếu. Cái nào ông cũng xử dụng độ năm bảy lần rồi vứt bỏ đó và cái nào cũng bị những ngón tay rất mập, rất ngắn vụng về của ông tháo tung, ráp đi ráp lại ít nhất là đôi ba lần. Có lần ông nói chuyện máy chụp hình với tôi suốt gần bốn tiếng đồng hồ, lúc tôi tìm mua hộ ông vài bộ phận rời của một cái máy Thụy-điền hết sức đắt giá. Về máy chụp hình, tôi chỉ hiểu biết lần quần máy thứ Rolleiflex, Canon, Leica chứ không có gì rộng rãi, sâu xa. Thế nhưng ông không quan tâm điều ấy, ông chỉ cần có một người để nghe mình nói, và ông đã nói đủ thứ: các phát minh mới lạ về máy chụp hình, các máy móc tốt xấu mà ông đã thử, những thành công chụp hình, rửa hình do chính ông đã thực hiện. Lần ấy tôi đi Mỹ về có mang cho ông một số tạp chí máy ảnh, ông rất thích thú nên bỏ gần nửa ngày để nói chuyện máy ảnh với tôi. Tôi còn nhớ rõ câu chuyện bắt đầu từ 3 giờ chiều kéo dài đến 7 giờ tối ông mới chịu buông tha tôi. Những bộ phận rời tôi mua giùm ông kỳ ấy giá trên 40 Mỹ kim, sau đó tôi có nhắc Võ văn H. bí thư của ông, xin ông trả lại, nhưng Võ văn H. không dám trình ông nên chẳng bao giờ tôi được hoàn lại số tiền ấy. Tuy nhiên trong thâm tâm, tôi nghĩ

là đã trả được số tiền 4.000đ. mà ông tặng tôi, khi tôi mới trở về nước.

Anh em chúng tôi là những người ông gọi về, nên mỗi lần chúng tôi vào gặp ông về những vấn đề công vụ, ông đều dành nhiều thì giờ để mà trò chuyện. Ông đã cho chúng tôi mọi sự dễ dàng trong sự ra vào, gặp gỡ, vì thế mà từ 55 cho đến 57 nhiều người coi bọn chúng tôi như là con cháu của ông, có nhiều ảnh hưởng đối với ông. Điều này có đúng một phần, nhưng chỉ trong hai ba năm đầu thôi. Sau đó, vì ảnh hưởng của ông Nhu, bà Nhu, nhất là những lời dèm pha của bọn nịnh thần—nhiều người ở cấp Bộ-trưởng—nên chúng tôi không thích tìm gặp ông như trước. Anh em chúng tôi là lớp tân học, xuất dương lâu năm, biết ông lúc ông còn bôn ba hải ngoại, không thể làm việc nịnh bợ hay là suy tôn như những lớp gia nô. Dường như càng ngày, ông Diệm lại càng tỏ ra thêm thường những thứ mật ngọt loại ấy, những thứ mật ngọt càng làm cho ruồi nhanh chóng đi tìm cái chết. Ban đầu những cuộc tiếp xúc giữa anh em tôi với ông hết sức thân mật, tự nhiên, nhưng sau khi làm Tổng-Thống được một thời gian, ông đã xem sự cư xử của anh em tôi với ông là quá vô lễ, hỗn xược. Tuy thế, chưa lần nào ông chỉ trích chúng tôi một cách trực tiếp. Kề ra giữa lúc mọi người chung quanh nhất cử nhất động đều là cụ cụ, con con, đều một Tổng Thống, hai Tổng-Thống thì tiếng xưng hô “ông, tôi” cũng khó nghe thật. Nhưng điều đáng tiếc là ông không còn phân biệt được cái xấc xược thành thực với cái lễ độ

gian ngoan để chọn lấy một ảnh hưởng lợi ích cho công việc chung. Thật sự ông cũng không có ý thức về sự chọn lựa, vì cái bản chất quan liêu mà nhiều năm dài xuất ngoại chưa gột hết được, đã tạo điều kiện cho bọn nịnh thần bao vây, và ông cũng thích thú về sự môn trớn quá dễ dàng đó. Người gần gũi nhất với ông và sống lâu nhất với ông là Võ văn H., nhưng trước sự bao vây của bọn này H. cũng đành giữ một vai trò thụ động, rút vào vị trí của một Bí thư, dè dặt không làm gì hơn là tự biến mình thành một chứng nhân trung thành, đồng thời bắt lức, cho một phá sản chính trị mà anh đã tiên đoán trước nhiều lần.

Người có ảnh hưởng nhiều nhất đối với ông Diệm lẽ dĩ nhiên không ai khác hơn là ông Nhu. Nhưng những cái gì gọi là lợi ích do ảnh hưởng của ông Nhu đem lại đã bị chính ảnh hưởng của bà Nhu và một số Bộ-trưởng gia-nô xóa bỏ. Lại thêm lẽ lối tổ chức cũng như phương pháp làm việc của ông Nhu không khoa học nên lần hồi chính ông bị sa lầy. Nhược điểm khá lớn là ông Nhu thiếu những cộng sự viên xứng đáng, có tầm hiểu biết và tài quán xuyến tương xứng với thời thế. Nói vậy, không phải là tôi phủ nhận tất cả những người có nhiều thiện chí cũng như tài năng đã từng cộng tác với chế độ ấy, nhưng các phần tử như thế ban đầu háng hái bao nhiêu thì sau lại càng chán nản bấy nhiêu, chỉ còn rút lui ở trong hoạt động chuyên môn của mình, đành phải ngoảnh mặt làm ngơ trước những vấn đề có liên

hệ chung đến vận mạng của chế độ. Những người này không tự biến thành lớp trùm chắn, hay rời bỏ hẳn ông Diệm để đứng vào vị trí đối lập, vì lương tâm họ không cho phép trở mặt như thế, và những cảm tình đã từng ràng buộc họ với ông Diệm hoặc gia đình ông, khiến họ muốn nán ngồi lại, hy vọng nếu không cải thiện được nhiều thì ít ra cũng giúp ích được phần nào ở trong khuôn khổ hoạt-động của họ. Đa số những người này bao giờ cũng quan niệm rằng chế độ hư nát và đi tới sụp đổ, chung qui đều do bọn nịnh thần vây quanh ông Diệm, ông Nhu. Cách lập luận này thật quá đơn giản nhưng được một số đông người chấp nhận. Tuy nhiên hãy thử hỏi, nếu ông Diệm và ông Nhu không ưa thích sự nịnh bợ suy tôn thì làm gì có những kẻ nịnh bợ suy tôn ở chung quanh mình? Hai ông có quyền chọn người cộng tác hay là chọn kẻ gia nô. Và các ông đã chỉ muốn có loại gia-nô, thì tất nhiên chỉ có loại này gần gũi các ông được mà thôi. Những người cộng sự giàu lòng tự trọng làm sao có thể chịu ngồi ngang hàng với bọn gia-nô. Do đó họ tự tìm cách xa lánh, hoặc sớm muộn họ cũng sẽ bị bọn nịnh thần loại ra dưới sự chứng kiến lạnh lùng của chính ông Diệm, ông Nhu. Chung qui có thể nói chính bản chất ông Diệm và gia đình ông đã đưa chế độ sớm đến hư nát, còn bọn nịnh thần gia-nô chỉ là một loại dụng cụ, một loại dụng cụ được coi như có ý thức, hiểu động nhưng không có giá trị gì khác hơn

là những phương tiện ở trong tay những người có quyền và trách nhiệm sử dụng.

Chúng ta đã biết ông Diệm sinh trưởng trong một gia đình quan lại, đã được huấn luyện cũng như hoạt động trong một môi trường phong kiến, nên dù trải qua một cuộc bôn ba ở nước ngoài kéo dài cả hai mươi năm vẫn còn lưu giữ trong người những mối cảm tình lưu luyến, cái "nostalgie", về những thói tục và những giá trị quan liêu xưa cũ, lúc mới về nước, và đặc biệt là những năm còn ở bên Mỹ, anh em thấy ông đối xử bình dị và sống hết sức đơn giản. Nhưng rồi những tính tình ấy đã được biến đổi rất mau để quay trở lại với nếp sống cũ vẫn còn tiềm ẩn dồi dào ở trong não tủy. Giữa lúc ông Diệm sẵn có xu hướng như thế, sự thần-thánh-hóa của bọn chung quanh để đem cho ông niềm tin mình vốn là thần thánh-thật. Kết quả do một quá trình tâm lý hai chiều — tự ông và do lớp người chung quanh tích cực đưa ông đến chỗ sai lầm — nên ông dễ tưởng rằng mình thuộc về loại người toàn hảo, mình có sứ mệnh do chính Thiên-Chúa giao phó, không ai có quyền chia xẻ và chắc chắn mình sẽ được thành công ở trong mọi việc, vì luôn luôn có Thiên-Chúa ủng hộ. Từ một nhận thức như thế ông Diệm càng ngày càng sinh kiêu căng, ghét sự can gián và sự nói thẳng, chỉ thích nghe lời phỉnh nịnh của một lớp người gian ngoan đã biết trình dọan vấn đề cho hợp khẩu vị của ông, bắt chấp quyền lợi chế độ. Và như thế đó,

từ kẻ ưa thích được làm cho ưa thích hơn, cái vòng lẩn quẩn ấy được hoàn thành để xoay vần mãi khiến cho ông Diệm trở nên choáng váng, như đi sâu vào mê lộ, trở lại biến thành dụng cụ cho lớp nịnh thần đã không từ thủ đoạn nào để mà củng cố địa vị và ảnh hưởng của họ. Sự củng cố này càng ngày càng được xây dựng vô cùng chặt chẽ, và những người trong gia đình ông Diệm đã được bao vây không còn một kẽ hở nào.

oOo

Tôi vốn quen biết ông Nhu từ năm 1948-1949, khi chưa du học, tôi làm việc tại Ngân khố Đà-lạt. Lúc ấy ông và gia đình ăn náu tại biệt thự số 10, đường Des Roses, biệt thự này do một gia đình người Pháp cho ông Nhu thuê dài hạn. Do sự giới thiệu của cha F. Parrel, thuộc dòng truyền giáo Ba-lê, Cha sở của họ Đà lạt, mà tôi làm quen ông Nhu vào khoảng giữa năm 1948. Trước kia nghe nói về ông là người đi tu không thành vì có đầu óc chống Pháp, tương tự như là trường hợp của tôi, nên tôi đối với ông sẵn có rất nhiều cảm tình. Ngoài ra, nhiều người đã cho tôi biết rằng ông có khối óc hết sức minh mẫn với nhiều kiến thức sâu rộng làm tôi càng thêm cảm phục. Vì thế khi được cha Parrel giới thiệu, tôi không e dè gì trong sự giao tiếp với ông để mà học hỏi thêm những điều hay.

Ông Nhu có nhiều cảm tình với tôi vì ông cũng biết đến những công-tác chính-trị của tôi trong giới học sinh Saigon những năm 1945-46-47

Nhiều lần, sau giờ làm việc và những ngày nghỉ, ông mời tôi đến nhà riêng để cùng chuyện trò, trao đổi ý kiến. Do đó, tôi được biết thêm về gia đình ông. Thường mỗi buổi sáng, ông xách xe đạp đi chợ Đà Lạt để mua đồ ăn. Bà Nhu thì giữ độc quyền sử dụng chiếc xe ô-tô hiệu Panhard đưa con đi học, đi chơi. Tôi gặp bà Nhu nhiều lần nhưng rất ít khi nói chuyện với bà, ngoài một vài câu xã giao thường lệ. Trong hai năm giao thiệp thường xuyên với ông Nhu, tôi không lưu ý đến chuyện gia đình của ông, ngoại trừ vào năm 1949, lúc ông sang Pháp vài tháng, bà Nhu ở nhà đã đi chơi với "Hoàng thượng" thế nào, mà khi ông về có chuyện rầy rà.

Tôi tưởng có thể nhận xét con người ông Nhu một cách khách quan như sau : ông Nhu là một con người tư tưởng, có kiến thức khá sâu rộng về các vấn đề chính trị, xã hội. Nhưng ông chỉ là một người siêng đọc, siêng viết, luôn luôn trầm tư mặc tưởng, rất ít giao thiệp cho nên giao thiệp hết sức vụng về. Trong những con người mà tôi gặp gỡ, thật tôi chưa hề thấy ai thông minh như ông. Ông đọc và viết được nhiều thứ tiếng ngoại quốc, chẳng hạn tiếng Pháp, Anh, Ý v.v.. nhưng chỉ nói thạo tiếng Pháp. Trí nhớ của ông cũng thật đặc biệt, vừa nhanh, vừa nhiều và vừa bền nữa. Ông thuộc về loại trí thức có óc phân tích sáng suốt nhưng nhiều khi quá chú trọng đến những chi tiết. Về phần ăn nói thì ông rất kém, không phải vì thiếu từ-ngữ nhưng vì giọng

nói lựa lựa, kéo dài lê nhè như một người thiếu nghị lực hoặc như ghiền nha phiến mặc dầu tôi biết rõ ông không hề hút nha phiến như một số lời đồn vô căn cứ. Tiếng nói của ông hầu như không có một chút âm thanh trong trẻo nào hết, không hề khuấy động tâm hồn người đối thoại. Thêm nữa ông không bao giờ chăm sóc đến cái bề ngoài. Tóc không bao giờ chải kỹ, quần áo giản dị đến mức cầu thả. Mới gặp người ta có thể nghĩ ông là một hạng gàn, có khi nghĩ ông thuộc hạng tầm thường, nếu không phải kẻ khinh người và ưa lập dị. Tôi khâm phục nhất ở ông là tính nhẫn nại và sự bình thản lạ lùng trước mọi biến cố. Sau này có nhiều cơ hội đã chứng tỏ cái bản tánh ấy của ông. Mặt khác ông là người rất mực bi quan, bi quan đến nỗi ngờ vực mọi người, không tin cậy ai khác hơn là bản thân mình. Người ta cho rằng đó cũng là cái nguyên do khiến ông sinh ra mưu mẹo, trở thành con người thủ đoạn dần dần đến thành độc ác, gian hùng. Những đặc tính này nơi con người ông tôi đã nhận thấy ngay từ khi còn ở Đà Lạt, và về sau này càng gần ông hơn, cộng tác với ông, tôi lại càng thấy rõ hơn nữa.

Tưởng cũng nên nói thêm rằng ông Nhu thuộc về hạng người có nhiều nghị lực mà tôi chưa từng gặp ai sánh kịp. Đừng nghe ông nói, phải nhìn thấy ông làm việc, quyết định và chịu đựng mới biết con người của ông. Tâm hồn của ông cũng như thể xác của ông, tuy không mập mạp nhưng thật gân guốc lớn lao. Sau này

Kính chúc bạn đọc:

*một năm an lành
và thịnh vượng*

Nhà xuất bản LỬA THIÊNG

nhiều lúc giận ông đến độ căm thù, song bao giờ tôi cũng khâm phục ông.

Vốn nhiều tham vọng, gian hùng, ông Nhu cũng tiến đến chỗ sai lầm như người anh ruột của ông, do chính kết quả của những âm mưu mà ông thực hiện. Bởi ông vẫn muốn để cho bọn nịnh thần thao túng, miễn là ông nắm được quyền trọng tài chủ động mà khỏi có trách nhiệm gì. Có lần chính ông nói với tôi rằng ở trong giai đoạn hiện tại và trong tình trạng kém mở mang của Việt Nam, ông chưa cần đến những cộng sự viên mà chỉ muốn có những bọn tôi đòi, nghĩa là bọn người thật dễ sai khiến để cho ý đồ của ông nhanh chóng thực hiện mà khỏi cần đến sáng kiến của người chung quanh cản trở. Vốn rất kiêu ngạo, ông Nhu cho mình có đủ sáng kiến và những sáng kiến tuyệt hảo. Ông đã quên hẳn một điểm khá quan trọng là một cá nhân, dù có tài giỏi đến đâu, dù có sáng suốt thế nào, cũng không bao giờ bằng một tập thể, bởi lẽ cá nhân bao giờ cũng là thực thể rất có giới hạn.

Hơn nữa, một ngày nào đó, công việc trở nên bề bộn và phức tạp hơn, thì liệu ông Nhu còn đủ sáng suốt như lúc ít việc nữa chăng? Sự kiêu

căng ấy, xét cho đến cùng, cũng là biểu chứng của bệnh quan liêu. Lần hồi ông tập trung được một lớp tay sai đông đảo chỉ biết lặp lại ý kiến, chỉ thị của ông như những con vẹt. Và trong các cuộc hội họp sau này, ông Nhu cũng như ông Diệm chỉ nói một chiều, không chấp nhận đối thoại nữa.

Có lần tôi chỉ trích cách tổ chức việc làm của ông, đề nghị ông nên nhận năm, bảy người anh em chúng tôi đứng ra chia lấy trách nhiệm với ông và đặt dưới quyền điều khiển của ông như một tập thể có giá trị riêng và nhiều sáng kiến, ông bảo tôi rằng: «Mọi cũng lầm lạc. Bộ Tham mưu cũng lầm lạc như Mọi, chỉ tổ thêm mất thì giờ». Tôi không quên lưu ý ông rằng người ta ai cũng lầm lạc, nhưng tập thể ít lầm lạc hơn là cá nhân. Hơn nữa, sự lầm lạc của tập thể sẽ được nhiều người chia sẻ trách nhiệm, hậu quả ít tai hại hơn là sự lầm lạc của một cá nhân. Ông trả lời lại: «Chưa chắc!». Chưa chắc, tôi cũng nhìn nhận như vậy. Nhưng trên phương diện chính trị thì điều quả quyết của tôi vẫn có giá trị luôn luôn như một phương châm.

HUỲNH-VĂN-LANG

Nhà xuất bản TRÍ ĐẮNG

19-21, Nguyễn Thiện Thuật, Saigon 3 — ĐT : 92.017

Đã phát hành

PHẦN GIÁO KHOA

LUẬN VĂN, VĂN PHẠM LỚP 6	của g.s Nguyễn Tăng Chương
LUẬN VĂN, VĂN PHẠM LỚP 7	của g.s Nguyễn Tăng Chương
GIẢNG VĂN VÀ TRẦN THUYẾT LỚP 6	của g.s Nguyễn Tăng Chương
GIẢNG VĂN VÀ TRẦN THUYẾT LỚP 7	của g.s Nguyễn Tăng Chương
LUẬN VĂN CHƯƠNG VÀ GIẢI ĐỀ THI TỬ TÀI I ABCD	của g.s Vũ Kỳ
KHẢO SÁT VÀ GIẢI ĐỀ THI ANH VĂN TỬ TÀI I VÀ II A,B SINH NGŨ I	của g.s Trương Đăng Đệ
VĂN PHẠM ANH VĂN CĂN BẢN (VIẾT BẰNG ANH VIỆT NGŨ)	của g.s Lữ Phúc Ánh
PHƯƠNG PHÁP GIẢI TOÁN HÌNH LỚP 8	của g.s Nguyễn Văn Nhượng
PHƯƠNG PHÁP GIẢI TOÁN ĐẠI SỐ LỚP 8	của g.s Nguyễn Văn Nhượng
TOÁN 12A	của các g.s Lê Văn Đặng, Nguyễn Thị Sinh
ĐẠI SỐ HỌC LỚP 12A	của các g.s Phan Lưu Biên, Lê Văn Đặng, Trần Thành Minh
PHƯƠNG PHÁP GIẢI TOÁN HÌNH HỌC KHÔNG GIAN LỚP 11 AB	của các g.s Phan Lưu Biên, Lê Văn Đặng, Trần Thành Minh
PHƯƠNG PHÁP GIẢI TOÁN ĐẠI SỐ LỚP 11 AB	của các g.s Phan Lưu Biên, Lê Văn Đặng, Trần Thành Minh
CÂU HỎI GIÁO KHOA TÂN TOÁN HỌC LỚP 11B	của các g.s Phan Lưu Biên, Lê Văn Đặng, Trần Thành Minh
BÀI TẬP HÌNH HỌC GIẢI TÍCH LỚP 12B	của các g.s Phan Lưu Biên, Lê Văn Đặng, Trần Thành Minh
LUẬN TRIẾT HỌC : PHẦN LUẬN LÝ	của g.s Phạm Thanh Liêm
TÂN TOÁN HỌC LỚP 12B	của g.s Lê Văn Tú
GIẢI TÍCH HỌC LỚP 12B	của g.s Lê Văn Tú
HÌNH HỌC GIẢI TÍCH LỚP 12	của g.s Lê Văn Tú
CÂU HỎI GIÁO KHOA TRIẾT (LUẬN LÝ, ĐẠO ĐỨC) LỚP 12 AB	của g.s Nguyễn Xuân Hoàng
CÂU HỎI GIÁO KHOA TRIẾT (TÂM LÝ) LỚP 12 ACD	của g.s Nguyễn Xuân Hoàng
ĐIỂM ĐỘNG HỌC 12 AB	của các g.s Phan Lưu Biên, Lê Văn Đặng, Trần Thành Minh
THẾ GIỚI SỬ HIỆN ĐẠI 12 ABCD	của g.s Lê Trọng Phông

PHẦN VĂN NGHỆ

THÀNH CÁT TỬ HÂN	của Nguyễn Trọng Khanh
CÂU CHUYỆN THẦY TRÒ	của Huỳnh Phan
SUỐI BÙN REO	của Nguyễn Hữu Ngự
SƠN LÂM ẸM ĐỀM	của Leon Tolstoi, Nguyễn Trọng Đạt dịch
MƯỜI LĂM GƯƠNG PHỤ NỮ	của Nguyễn Hiến Lê
TRỜI ẤU QUA MẮT VIỆT	của Minh Quân
T M HIỂU VĂN NGHỆ	của Vũ Hạnh
CĂN NHÀ CỦA MẸ	của Thế Uyên
KHÚC CA « ÁI TÌNH CHIẾN THẮNG »	Vĩ Huyền Đắc Chương Ngọc dịch
BẦY NGÀY TRONG ĐỒNG-THÁP-MƯỜI	của Nguyễn Hiến Lê
VIỆT KIỀU Ở KAMPUCHEA	của Lê Hương
NHỮNG CÁNH ĐIỀU	của Linh Bảo
THƯƠNG HOÀI NGÀN NĂM	của Võ Phiến
BÚT MÁU	của Vũ Hạnh
THỜI THƠ ẤU	của Maxime Gorki, Vũ Minh Thiển dịch
VƯỜN THÚY	của Quỳnh Dao, Hoàng Diễm Khanh dịch
KHÚC CA MÙA THU	của Lâm Ngữ Đường, Vi Huyền Đắc dịch
THUYỀN	của Quỳnh Dao, Phương Quế dịch
CÔ BÉ TREO MÙNG	của Hoàng Ngọc Tuấn
BA ĐÓA HOA	của Quỳnh Dao, Vi Huyền Đắc, Hoàng Diễm Khanh dịch
HƯƠNG RỪNG CÀ-MAU	của Sơn Nam
HÌNH NHƯ LÀ TÌNH YÊU	của Hoàng Ngọc Tuấn
NHỮNG NGÀY CẠN SỮA	của Minh Quân
CHÉC CẦU TRÊN SÔNG DRINA	của Ivo Andritch — Nguyễn Hiến Lê dịch

Cô đầu với Phan Khôi

Đêm ba mươi Tết năm 1936 thì phải, bọn chúng tôi (lời ông Phan Châu Toàn) học thuốc Đông y ở Hà nội. Nhân năm hết, Tết tới, đất khách quê người không biết làm gì cho vui. Bèn rủ nhau chung ít tiền mời nhà văn Phan Khôi đi chơi. Trong bọn chúng tôi, có anh Phan Thái Nhật quen với ông vì Nhật có người bà con cũng viết báo. Chúng tôi bỏ ra 1d.18 mua một hộp thuốc ty hiệu con Rong, lúc bấy giờ rất quý rồi tới mời ông. Chúng tôi biết chắc chắn ông đi ngay vì cũng hoàn cảnh như chúng tôi : đất khách, quê người, đêm ba mươi tá túc nơi đâu ? Thế thì còn chỗ nào tốt hơn là xuống xóm chị em nói chuyện cho qua cái đêm rất vui của thiên hạ mà rất buồn của mình này. Huống chi lại gặp người đồng châu (Ô. Toàn cũng người Quảng Nam như Phan Khôi) thì lại có thêm một cái thú khác, sâu xa hơn.

Phan Khôi bấy giờ ở một cái gác nhỏ phố cửa Nam. Xem qua, cũng biết là cảnh một hàn sĩ. Trong nhà chỉ có một cái rương (chớ không phải va-li) bằng gỗ đã tróc sơn, một cái bàn nho nhỏ vừa là bàn viết, bàn nước với đủ tứ lộn xộn, không ra thứ gì. Thêm vào đó là một cái chõng tre đáng giá mấy hào. Căn nhà nhỏ ấy thật không thể nào đi đôi với bộ óc rộng lớn : « Thiên kinh vạn quyển » của ông. Thế thì khi cần tra cứu việc này, sự nọ, chả hiểu ông

phải giải quyết ra sao vì tuyệt nhiên không thấy có một cái tủ sách đáng giá nào để chứa sách vở. Cũng không rõ có người giúp việc không mà dù có, chắc ngày ấy họ cũng xin về quê rồi.

Ông Phan Khôi, tôi nghe danh từ lâu, tưởng đâu là người to lớn, khôi vĩ lắm. Khi gặp thì thấy chỉ là một vị tráng niên giữa tuổi bốn, năm mươi, nhỏ người, không có vẻ gì hấp dẫn. Khi bạn tôi ngỏ lời mời, ông không chút lộ sự ngạc nhiên hay tỏ lời từ chối kiểu cách như thường thấy ở nơi người Bắc mà nhận lời ngay. Ông vớ cái áo lương cũ mặc vào rồi theo bọn tôi ra đi.

Đêm Ba mươi, trong khi thiên hạ nô nức ăn Tết, chúng tôi dẫn nhau xuống dãy phố Bạch Mai chọn một nhà hát. Xem ra khoản này, Phan tiên sinh có vẻ sành sỏi lắm và chúng tôi đóng đô luôn ở đó suốt đêm.

oOo

Điều nhận xét đầu tiên của tôi thì người ta bảo « lý luận Phan Khôi », quả không ngoa. Mới năm xuống, chưa kịp nói gì đã thấy ông biện luận về tên gọi cái hộp quẹt khi một anh trong bọn chúng tôi bối rối về « danh xưng ». Ông nói luôn một thôi và bảo :

— Chả là gì cả. Cái tên nó, muốn thế nào chẳng được. Anh là người

Nam thì bảo hộp quẹt, người Trung người Bắc thì bảo bao diêm... Giá họ gọi là cái phát lửa, tóe lửa hay gì đó chẳng được.

Nghe ông nói chuyện, mới thấy tất cả cái cá tính và tài năng của ông hiện ra. Ông ăn nói dong dạc, không kiêu cách, không câu nệ, cũng không vì thấy bọn tôi còn trẻ mà coi thường hay dấu diếm điều gì.

Tôi cũng nhận thấy ông quá rành về cô đầu cho nên ông chẳng còn thấy thú gì ngoài cái thú... tránh cô đầu. Ấy là khi ngả bàn đèn ra — hình như ông đã nghiện rồi chẳng? — ông nằm xuống, tự tiêm lấy mà hút, bảo các cô đầu ra ngoài. Ông cho như thế chuyện vẫn sẽ tự nhiên hơn và còn vì một lý do làm chúng tôi nhận thấy óc ông quá thực tế:

— Bọn cô đầu nó ăn cắp thuốc phiện tài tình lắm. Cũng thì một hộp thế này, mình hút mãi mới hết. Còn chị em tiêm thì chỉ dạo qua mấy lượt là hết nhẵn. Chúng ăn cắp rất tài, ngay trước mắt mình mà mình không thấy, hoặc thấy cũng khó nói ra.

— Nhưng làm sao họ lấy trộm được?

— Thì chúng nhét vào trong miệng dọc tàu chẳng hạn, mình đâu có ngờ cứ tưởng nó hơi thuốc cho chín thôi, chờ khi mình không để ý, nó mới lấy thuốc ra.

Đối với cô đầu, ông cũng không dấu là ông chơi họ nhiều vô rất cay có lẽ để trả thù khi họ chơi... ông những vô cay khác.

Bấy giờ có cô đầu Cúc khá đẹp, ăn nói khôn ngoan, duyên dáng. Ông thường ăn mặc sang trọng và rủ cô cùng đi chơi. Ngày kia, ông lãnh được một món nhuận bút khá, mới dẫn cô từ Bạch Mai về Hà Nội. Phố Hàng Lọng bấy giờ có một ngôi nhà lầu hai tầng, là một cảnh sang trọng nhiều người khá giả vẫn ao ước; nó có vẻ nguy nga, kénh kiêu giữa đám nhà trệt ra điều đại gia lắm.

Ông Khôi mới bảo cô Cúc một cách tự nhiên:

— Cái nhà kia là nhà của anh đấy.

— Thật ư?

— Sao lại không thật. Việc gì anh lại dối em.

— Nhà sang thế kia à? Anh đưa em vào nhà chơi đi.

— Đâu dễ thế. Gia đình anh đều làm quan lớn cả. Anh đi chơi với em, lỡ ra vợ con bắt được thì khốn đấy.

— Thế sao anh bảo anh yêu em?

— Thì cũng liệu từ từ chứ. Bấy giờ sắp đi qua, anh phải tránh mặt, nghe.

Ông Khôi vờ nhìn sang bên đường nhưng ông cũng biết chắc là Cúc đang say sưa theo dõi từng nhân vật từng cử chỉ, từng tiện nghi của gia đình giàu có ấy.

Cúc có thêm cảm tình đậm đà sâu xa với con người mà xưa nay Cúc chỉ xem như tất cả kẻ khác, đôi khi

còn hững hờ vì cái vẻ tầm thường giản dị của kẻ văn nhân.

Sau đó, khi xuống xe, ông dẫn Cúc đi ăn ở một tiệm hàng hoàng rồi cho Cúc hai đồng bạc. Thời bấy giờ, như thế là rất chu tất. Cô đầu Cúc từ đó đề ý tới ông và về sau, nhờ lối đối xử khôn khéo của ông mà cô mê ông. Nhiều hôm, đang tiếp khách chợt thấy ông tới, cô cũng bỏ khách ra tiếp ông. Tình tự với nhau một thời gian khá lâu, Cúc vẫn nuôi hy vọng được ông đón về làm lẽ. Hình như ông có bịa một chuyện ngang trái gì của gia đình khiến ông lâm cảnh túng thiếu, Cúc thương tình, bỏ tiền ra giúp đỡ ông một thời gian lâu... Cho tới khi ông chán rồi lơ lửng và Cúc vỡ mộng hoàn lương với anh văn sĩ kiết.

Chuyện đó xảy ra mấy năm trước, nay kể lại, ông còn hối hận và cho là mình chơi bời hơi nhiều, có hại cho mình, cho người và khuyên đám thanh niên chúng tôi không nên bắt chước.

Cũng nhân chuyện hát xướng, ông kể lại một chuyện sau đây (và hình như ông Nguyễn Khắc Hiếu có kể lại trong một tờ báo ở Hà nội?)

Cách đây hai tháng (tức là khoảng tháng 10 ta) Phan Khôi có bị bắt mấy ngày vì tội giao du. Có lẽ người ta thấy ông đi chơi với toàn những người chính quyền nghi ngờ về chính trị nên phải tạm giữ. Khi được tha, có người (1) rủ ông đi hát cô đầu rồi chơi gái luôn tại đó. Hát xong, uống rượu, chơi gái thỏa mãn rồi,

hai người định ra về. Bỗng nhiên, có một bọn thanh niên vào, thấy hai người bạn này, liền nói khích mấy câu. Ông Phan Khôi đối đáp lại. Bọn kia không chịu thua. Tức thì họ muốn gây sự đánh lộn. Có lẽ Phan Khôi — dân Bảo An, Quảng Nam — cũng như một số nhà nho thời ấy (Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng) biết võ nên không sợ, sẵn vào đánh liền. Ông bạn kia giữ thẻ điện, lo can ra bảo mình là người thế này, thế nọ, mình không thẻ như họ, mình lỡ bị cầm phạt thì mặt mũi nào với đám trí thức v.v...

Ông Phan Khôi đã trả lời một câu thật tỉnh :

— Đã chơi đi được thì đánh lộn cũng không từ.

Không rõ, chuyện này có liên quan gì tới chuyện Nguyễn Khắc Hiếu kể lại không. Có thể là một, mà cũng có thể là hai vì Phan Khôi đâu thiếu cơ hội chống trả với những ai gây hấn trong xóm đi cũng như nơi trường văn, trận bút?

Ông là người thống nhất trên văn đàn cũng như trong đời sống riêng. Đó mới thật là người không thành kiến.

Ông Phan Khôi có khuyên chúng tôi một điều mà không bao giờ cá nhân tôi quên được :

— Các cậu còn trẻ nên cố gắng tìm cách tự lập. Nghề làm báo tuy

(1) Trong bài nhắc tới trên kia thì người đây chính là Nguyễn Khắc Hiếu.

nghèo khổ đó, không ra gì đó, nhưng là nghề tự do đáng cho những người có cao vọng theo đuổi.

oOo

Năm giờ sáng, ông đã hút hết hộp thuốc, chuyện cũng đã tàn. Chúng tôi giải tán. Tuy đã mấy mươi năm, tôi vẫn không quên hình ảnh con người phóng khoáng hoạt bát ấy, con người sống tự nhiên, nói chuyện say

mê không câu nệ tuổi tác, địa vị, thân sơ. Những bài học ông dạy chúng tôi tuy ngáo ngỗ nhưng lại thấm thía hơn bất kỳ những lời tôn quý nào. Cho tới bây giờ, già rồi sức nhớ lời khuyên của ông năm nào, tôi lại thử cầm cán bút đề theo đuổi cái « nghề tự do đáng cho những người có cao vọng theo đuổi ».

NGUYỄN VĂN XUÂN

SỐ TÂN NIÊN sẽ ra vào ngày 15-2-1973, dày hơn các số thường, giá 100đ.

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

Tiếng đàn thằm

Vợ chồng ông Tâm và lũ con lếch thếch đi bộ từ phố về nhà. Con Lan và thằng Vũ hí hửng chạy theo ba mẹ, mừng quá quên cả đoạn đường dài. Con Lan mím môi cố giữ không cho cái mũi ni-lông mới bay xuống đường cái lầy lội. Còn thằng Vũ tay xách đôi dép Nhật cũ, cứ chạy một đoạn phải dừng để sửa lại đôi tất mới và đôi giày da hơi rộng. Bà Tâm cười thật tươi, khoe với chồng rằng ký mứt bà vừa mua rẻ hơn hôm qua đến ba trăm đồng, bù lại gói hạt dưa đắt hơn hôm qua một trăm đồng. Cuối cùng vẫn còn lợi hai trăm, đủ mua hai hộp sữa cho thằng Út. Chỉ có ông Tâm không được vui:

— Lợi đâu không thấy, chỉ thấy cái cảnh cuộc bộ học xì dầu mà thôi. Em bắt anh ôm xách đủ thứ linh kinh, không còn thấy đường mà đi nữa. Em coi thử có chiếc cyclo nào không, kêu lại chỗ một lượt về thẳng nhà cho khoẻ.

Con Lan mau miệng:

— Có một chiếc kia kìa ba. Để con kêu cho.

Bà Tâm chưa kịp ngăn, con bé đã gọi lạnh lói:

— Cyclo, lại đây mau.

Nhưng bác phu xe cứ cầm cò đạp xe đi thẳng. Ông Tâm thất vọng, còn bà vợ có vẻ thích thú, nhẹ nhàng giải thích cho chồng:

— Bây giờ đã sáu giờ chiều ba mươi rồi. Người ta còn lo về dọn dẹp rước ông bà, ai đâu làm thuê chờ mướn nữa mà gọi cho mất công.

Ông Tâm không biết giải toả nỗi bức dọc bằng cách nào, ngáp ngừng một lúc, rồi sừng sộ với vợ:

— Phải. Bây giờ đã chiều ba mươi rồi. Chỉ còn mấy giờ nữa là giao thừa. Nhưng đã biết vậy, thì sao không lo mua sắm mọi thứ cho xong hôm qua hôm kia đi. Chờ đến phút chót, lúc người ta đóng cửa đẹp hàng, mới chụp giật hối hả rước toàn đồ dư thừa về.

Bà Tâm phụng phịu nét mặt. Bà muốn trả lời liền, nhưng nghĩ thế nào lại thôi. Ông Tâm ngạc nhiên không nghe vợ nói gì, liếc nhìn bà Tâm một chút rồi tiếp tục bước. Ông e dè liếc nhìn lần nữa, bảo nhỏ:

— Đôi giày em mua cho thằng Vũ đẹp lắm. Vừa chắc chắn lại vừa nhã.

Bà Tâm giữ im lặng. Ông Tâm nói:

— Trông con Lan nó đội cái mũ đỏ có dễ thương không. Má nó hây hây. Con nít có khác, chỉ biết cười đùa không biết lo lắng gì.

Bấy giờ bà Tâm mới bảo chồng:

— Đâu phải chỉ có con nít mới vô tâm. Đàn ông cũng vậy. Em ráng tiết kiệm từng đồng, làm sao cho khỏi mang nợ, anh không chịu hiểu. Lại còn dẫn vật em nữa.

Ông Tâm biết mình có lỗi, không dám nói gì thêm, lặng lẽ bước bên vợ. Từ đó về nhà, ông cố ý muốn làm hòa với vợ đôi ba lần, nhưng lần nào cũng thất bại. Bà Tâm thản nhiên bước, làm như không hề biết đến sự có mặt của người phu khuân vác cằn cù bên cạnh. Cả đến lúc con Lan thẳng Vũ bỏ ba mẹ chạy nhanh vào ngõ reo lớn:

— Về mau khoe đồ với ông nội. Bước nhanh lên mẹ.

Bà Tâm vẫn không trả lời. Thật nguy hiểm, ông Tâm cố gắng giảng hòa lần cuối cùng :

— Vô nhà đề việc xếp đặt bàn ghế anh lo. Chừng nửa giờ là xong ngay. Minh lấy tạm bàn học con Lan làm bàn thờ. Em chề cái bàn dính mực cùng khắp phải không ? Khỏi lo. Chỉ việc lấy tấm drap xanh phủ lên là xong ngay. Minh dọn bớt mấy cái ghế, cái giường bố, khiêng thùng đồ giặt bỏ sau bếp, là đủ chỗ kê bộ xa lông mây. Dĩa mứt, bình nước trà, chai rượu Anis, gói thuốc Méliá, bao diêm, bấy nhiêu đó là đủ tươm tất. Em thấy không, anh có khiếu mỹ thuật và óc tháo vát nhanh nhẹn trời sinh. Phòng khách đã chiến của mình không thua thiên hạ bao nhiêu đâu.

Vào phía trong cổng, bà Tâm mới hỏi chồng :

— Còn cái đàn anh định dọn đi đâu?

Ông Tâm khựng lại không biết trả lời thế nào, hỏi vợ lần nữa :

— Em nói cái gì ?

— Em hỏi anh định dọn cái đàn đi đâu ?

— Cái dương cầm của ông cụ hả ?

— Còn cái đàn nào nữa. Thùng giặt bỏ sau lưng cái đàn. Dẹp thùng đồ giặt vào bếp, còn cái đàn đó dọn vào bếp không ?

Ông Tâm không trả lời, yên lặng theo vợ vào nhà. Cửa trước chỉ khép hờ, tiếng con Lan tíu tít :

— Ông nội, con có cái mũ mới. Con quăng cái mũ cũ vào thùng rác rồi. Nội thấy cái mũ của con có đẹp không ?

Rồi tiếng thẳng Vũ :

— Còn con thì có đôi giày. Với đôi tất nữa.

Ông Tâm vào nhà, thấy cha vẫn ngồi ở chỗ cái dương cầm hư như thường lệ. Hai bàn tay gầy guộc của ông cụ còn trải đều trên hàng phím trắng. Ông nội ngừng đàn, nghiêng người hỏi hai cháu :

— Ờ, bài đó hay lắm. Của ông nội với một người bạn hợp soạn đó. Để ông nội đàn cho hai cháu nghe nhé.

Con Lan nhanh nhẩu cải chính :

— Không, ông nội nghe sai rồi. Tụi con hỏi nội có thấy cái mũ, đôi giày ba mẹ mua cho tụi con đẹp không.

Giọng ông nội vẫn đều đều, như vọng từ một thế giới khác :

— Ờ, bài này hơi khó hát một chút. Thời đó chỉ có cô Bích Liên hát nổi bài này của nội mà thôi. Nhất là chỗ láy ở cuối bài. Khó diễn tả cho đúng lắm. Nay, cháu nghe đây.

Rồi ông cụ xoay người lại, ngồi ngay ngắn trước cái dương cầm, hai bàn

tay xương xẩu lượn lờ trên phím. Đầu ông gật gật theo nhịp đều, đôi vai xuôi rung động, nhưng từ cái dương cầm, không có âm thanh nào phát ra cả. Ông Tâm thấy thương cha tràn trề, đứng lặng ở cửa ra vào quên cả việc đặt mấy gói đồ kỉnh càng xuống sàn nhà. Bà Tâm thúc hông chồng hỏi nhỏ :

— Anh thấy không ? Ông cụ đâu có chịu rời cái dương cầm. Đố anh đẹp đi được. Chỗ đâu mà đặt bộ xa lông mây ?

Thằng Vũ chạy lại phân trần với mẹ :

— Mua con đôi giày khác đi mẹ. Nội chê đôi giày xấu, con hỏi có đẹp không nội lắc đầu không nói.

Bà Tâm tìm cách giải thích cho đứa con cưng :

— Nội đâu có chê. Nội công nhận đôi giày của con đẹp, đẹp lắm. Nhưng nội giận Vũ, vì hôm trước Vũ phá cái đàn cưng của ông nội, nên nội lắc đầu không trả lời.

Thằng Vũ cãi lại :

— Đâu phải con phá. Chị Lan bảo con làm vậy cho bớt ồn, đâu phải một mình con làm.

Con Lan cũng không vừa :

— Đâu phải con bảo. Tại mẹ...

Nói đến đó, con bé chợt nhớ điều gì, ngừng lại kịp thời. Con Lan liếc nhìn ông Tâm, ánh mắt giả vờ sợ sệt một cách ranh mãnh. Bà Tâm cười xòa, nói với chồng :

— Ba nặng tai không nghe gì đâu.

Cái dương cầm hư, kêu ột ột chẳng ra làm sao cả. Thế mà ba cứ tưởng đàn vẫn còn tốt, ngồi đánh say sưa. Em không chịu nổi, có bảo con Lan nó chêm giấy cho khỏi kêu. Anh đừng giận, ba có nghe gì đâu mà biết.

Bây giờ ông Tâm mới hiểu vì sao từ một tuần nay, chiếc dương cầm không còn phát âm được nữa. Ông nhận rằng vợ đã làm đúng. Ông nội bị điếc nặng, không nghe được gì. Căn nhà thuê lại quá chật. Trưa tối sau buổi làm về, cả hai vợ chồng ông Tâm đều cần chút yên tĩnh nghỉ ngơi. Thằng bé út lại hay sầy thức, mỗi lần ông nội đưa tay lên phím cái dương cầm cũ là thằng bé giạt mình khóc thét.

Khốn nỗi ông Tâm không có can đảm nói cho cha mình hiểu. Ông cụ trước kia là một nhạc sĩ dương cầm nổi tiếng. Cây đàn là người bạn đời thân nhất trong cuộc đời nhọc nhằn cay đắng, từ khi người bạn đời xinh đẹp hiền hòa khác mất đi, bỏ lại cho ông cụ ba đứa con nheo nhóc. Bà nội vốn giỏi chuyện buôn bán tảo tần, một mình quán xuyến hết mọi việc gia đình. Thừa đó, nhờ thừa hưởng một gia tài khá đồ sộ và nhờ tài nội trợ của người vợ hiền, cả ngày ông nội chỉ lo chuyện đàn hát với bạn bè. Bà nội mất, đột nhiên ông nội cảm thấy đời sống bấp bênh, mất hẳn sự quân bình. Ông nội tiếp tục cuộc sống cũ, trong lo âu. Tiếng đàn của ông nội có vẻ hồi hã, ray rứt. Không còn những âm thanh khoan thai trong sáng thời xưa. Rồi cái gì phải đến, đã đến. Gia tài khánh kiệt, thực tế cơm áo trước mắt

không còn có cách nào quay mặt trốn tránh. Ông nội phải bán rẻ tiếng đàn nuôi con. Tính tình ông nội đôi khác, trầm ngâm ít nói, nét mặt u uất ưu tư. Ông nội luôn giữ khoảng cách lạnh lùng với mấy đứa nhỏ. Trong trí nhớ, ông Tâm chỉ thấy cha mình ngồi hàng giờ trước dương cầm, miệng hát khe khẽ, hết đưa tay lên hàng phím lại ghi ghi chép chép. Cả ông Tâm lẫn hai người em trai không ai thích tiếp nối cái nghiệp dĩ nặng trĩu của cha già, nên kẻ làm công chức, kẻ đi lính, kẻ đi buôn. Vì thế, ông nội chỉ còn một người bạn già: chiếc dương cầm. Khốn nỗi tuổi ông nội càng cao, đôi tay càng run, tiếng đàn càng rời rạc mệt mỏi thì chiếc dương cầm càng cũ kỹ, hư hao. Dây đàn chùng, thùng đàn vỡ, tiếng nghe không còn đúng nữa. Khi ông Tâm tìm được việc làm nuôi em, thì ông nội cũng vừa bị cho thôi việc. Không biết làm gì qua ngày, ông nội cứ ôm lấy cây đàn cũ. Hai ba lần ông Tâm bị đuổi nhà, mỗi lần dọn đến chỗ ở mới, ông nội chỉ lo chở cái đàn của mình đi theo. Lần dọn nhà cuối cùng vào mùa thu năm trước, tuy căn nhà thật chật chội, ông cụ vẫn bắt buộc con cái dành chỗ tốt nhất cho chiếc dương cầm. Bà Tâm bực bội, nhiều khi nói nhiều câu khá nặng. Ông Tâm xót xa, nhưng chỉ biết làm ngơ. Ông ở vào cái thế khó xử. Ông khổ sở, đôi lúc phải mắng át cho vợ khỏi nói nữa. Ngay lúc này, ông biết vợ lại sắp đề cập đến chuyện dương cầm. Ông sợ, nhưng đành cam chịu, chờ đợi. Rồi điều ông đợi đã đến. Bà Tâm nhắc chồng:

— Kia, anh làm gì mà đứng như trời trồng vậy. Tìm chỗ đặt mấy cái gói xuống chứ. Anh nhìn quanh xem, còn chỗ nào đặt xuống không?

Ông Tâm còn đang phân vân, thì bà vợ nói tiếp:

— Thôi anh bỏ tạm đằng cái giường con Lan, rồi đem cái bàn mây vào xem sao. Không có chỗ cho khách ngồi, thì mời họ ngồi lên cái ghế dương cầm cũng được.

Ông Tâm sợ sệt bảo vợ:

— Em đừng mặc anh lo. Ra phòng sau xem thử thằng Út thức dậy chưa. Con ở đi đâu không thấy coi nhà?

Con Lan nhanh miệng mết:

— Lúc con về, con thấy chị ở đứng nói chuyện với thím Tư.

Thằng Vũ thì đòi mở gói hột dưa:

— Cho con năm hột dưa đi ba. Con biết cắn hột dưa rồi.

Bà Tâm mắng:

— Vũ không được hỗn. Hột dưa chưa cúng, chưa được ăn. Hỗn mang tội.

Rồi bà quay về phía chồng:

— Anh liệu xếp bàn thờ chỗ nào? Hẹp thế này, kê bàn học con Lan làm sao vừa. Hay là... hay là lập bàn thờ trên cái đàn dương cầm?

Ông Tâm bị chạm vào chỗ nhột, phản ứng một cách gay gắt:

— Em cứ nói thẳng là muốn vất quách cái đàn lên xe rác, chứ đừng nói quanh co nữa. Đừng có dẫn vật mãi, anh không chịu nổi đâu.

Bà Tâm cũng không vừa :

— Trong nhà này, ai dẫn vật ai ? Ai làm khổ sở ai ? Anh hay là tôi ? Mình không có tiền thì chờ chợ tàn đi mua đồ thừa, tiết kiệm được đồng nào hay đồng ấy. Tôi đàn bà yếu ớt còn chịu khó đi bộ cho đỡ tiền xe. Ai cần nhẫn cảm rằm từ chiều đến giờ ? Mình nghèo thì chịu ở chật. Nhà chật thì phải khéo xếp đặt. Ai đặt chương ước...

Ông Tâm cắt ngang lời vợ :

— Em không được nói động đến ba. Mình làm con, không đủ điều kiện phụng dưỡng đầy đủ thì phải...

Bà Tâm cũng cắt lời chồng :

— Nhưng các chú làm ăn phát đạt, nhà cao cửa rộng sao không rước ba về phụng dưỡng, chỉ để mặc mình anh lo. Các chú không phải là con à ?

— Em nói gì lạ vậy. Mình là con trưởng, phải...

Bà Tâm lắc đầu chán nản :

— Bao giờ anh cũng chỉ nhắc lại có bấy nhiêu. Mà thôi. Để tôi lo dọn thứ gì ăn qua quít cho lũ nhỏ đi ngủ. Lan, con qua kêu chị ở về cho mẹ. Còn thằng Vũ cởi giày ra đi. Để cho mới mai còn đi lại các chú xin lì xì.

Chờ cho vợ dẫn con đi khuất sau tấm vách ngăn, ông Tâm mới đi về phía cha kê sát miệng vào tai ông cụ, ông Tâm nói lớn :

— Thừa ba, đi năm một lát cho khoẻ rồi còn dùng cơm.

Ông cụ gật đầu, nhưng vẫn cứ

ngồi trước cái dương cầm, không chịu đứng dậy. Ông Tâm nhắc lại :

— Ba nghỉ một lát, ăn cơm tối rồi còn đón giao thừa. Chỉ còn bốn giờ nữa là hết năm Tí, ba có nhớ hay không ?

Ông cụ ngừng đưa tay trên phím, ngược nhìn con trả lời :

— Được lắm chứ. Bài này hay lắm. Âm thanh cuộn cuộn, như thác lũ. Hồi còn trẻ, ba chơi bản này xúc động đến muốn khóc. Ba...

Ông Tâm không đề cho cha già nhắc lại điệp khúc cũ, nâng hẳn người ông cụ lên. Ông cụ không nói nữa, để mặc cho đứa con trai trưởng dẫn ra phòng sau. Bà Tâm và chị ở đã dọn cơm xong. Hai đứa nhỏ đòi mẹ bỏ thức ăn đầy đủ vào chén ra ngồi trước cửa vừa ăn vừa nhìn xe cộ qua lại. Chỉ còn ba người lớn ngồi ăn lặng lẽ dưới ánh đèn điện vàng lù mù. Gần chỗ cửa sổ, chị ở nằm tào nôi đang đưa cho thằng nhỏ thôi ậm ọe cựa quậy. Lũ trẻ xem xe cộ chán, quay trở vào tíu tít hỏi mẹ chừng nào cúng Tết để chờ. Bà Tâm nhìn đồng hồ bảo còn hơn ba giờ nữa. Con Lan cương quyết bảo là con sẽ đợi. Thằng Vũ bắt chước bảo con cũng đợi. Nhưng hai đứa trẻ đều ngủ lăn quay trên giường bố trước khi ông Tâm và chị ở lòi được cái đàn dương cầm vào sát vách để khoảng nền nhà còn lại đủ rộng mà đặt bàn thờ. Bà Tâm liếc dò gương mặt chồng, mỉm cười xin lỗi. Ông Tâm nhếch mép cười lại, gương mặt ngậm ngùi. Bên kia vách, ông cụ húng hắng ho. Hình như tiếng chân dương cầm kéo

lê trên nền xi măng đã đánh thức ông cụ dậy. Hai vợ chồng ông Tâm nín thở nghe ngóng một lúc, rồi tiếp tục xếp đặt cho xong hương án và bộ xa lông để mai tiếp khách. Chị ở có ý muốn chờ giao thừa với ông bà chủ, nhưng đến mười một giờ khuya thì chịu thua con ma ngủ.

Hai vợ chồng ông Tâm lặng lẽ chuẩn bị đón năm Sửu, lòng lâng lâng không phân biệt được là niềm vui mới nhú hay là nỗi buồn còn lại. Ông Tâm bỏ áo sơ-mi vào trong quần, định lấy cái cà-vạt xanh thẫm mang vào nhưng sau nghĩ sao lại mở tủ lấy cái áo lương mặc choàng bên ngoài. Bà Tâm chải lại tóc, mặc cái áo dài nâu may thàng trước, bung ba đĩa bánh mứt lên bàn thờ, gắn cặp đèn sáp hai bên lư hương, đặt sẵn bao diêm bên bàn nhang loại rẻ tiền. Sửa soạn xong đâu đó, bà thì thảo hỏi chồng :

— Còn bao lâu nữa mình ?

Ông Tâm xem đồng hồ bảo :

— Còn mười phút nữa.

— Có nên thức ba dậy cho ba cúng giao thừa không ?

Ông Tâm suy nghĩ một lúc, rồi trả lời :

— Thôi, khỏi cần. Để cho ba nghỉ. Năm ngoái chính ba nhắc anh thức ba dậy để cúng rước. Năm nay ba không nhắc. Tai ba nặng thêm. Anh hơi buồn, vì ba không còn được như năm trước. Ba đã lần.

— Còn mấy phút nữa, mình.

— Còn sáu phút nữa. Em lo rót

nước sôi trong tét-mốt vào bình trà đi. Cho anh bao diêm để đốt nhang.

— Bao diêm em để sẵn đó rồi.

— Nhưng cắm nhang vào đâu ? Lư hương chỉ làm cảnh mà thôi.

Bà Tâm cuống quít :

— Em quên mất. Còn mấy phút nữa ? Ba phút à ? Em chạy xuống bếp lấy cái ly đựng gạo lên liền, chắc kịp.

Lúc bà Tâm trở lên, đồng hồ vừa chỉ đúng mười hai giờ. Ông Tâm thì thảo :

— Giao thừa. Lẳng chờ thử năm nay họ có bắn súng thay pháo không.

Hai vợ chồng lặng nghe không thấy gì. Ông Tâm nhớ đến phận sự trước, vội bật diêm thắp nến, đốt nhang lâm râm khấn khứa trước bàn thờ. Lạy xong, ông đứng sang một bên nhường chỗ cho vợ. Bà Tâm cầu nguyện tham lam hơn chồng, đôi mắt say sưa, thành kính. Ông Tâm hơi nóng ruột, chờ vợ lạy xong đến gần thì thảo :

— Sang năm Sửu rồi. Thêm một tuổi nữa, em có buồn không ?

Bà Tâm xúc động, không trả lời ngay. Một lúc lâu, bà ngược nhìn chồng nói nhỏ :

— Em không buồn. Em già thêm một tuổi, thì anh cũng già thêm một tuổi.

Ông Tâm không ngờ vợ nói được một câu dí dỏm đúng lúc như vậy, định nói một câu thật tếu, thì giạt mình vì tiếng súng nổ ngay bên cạnh nhà. Bà Tâm hốt hoảng nép sát vào chồng hỏi :

— Cái gì vậy mình ?

Ông Tâm trấn an :

— Không có gì đâu. Chú Tư thiệt gan cùng mình. Đã có lệnh cấm, vẫn ngựa tay bóp đại một phát cho đã. Mai chắc chắn lòi thoi với cảnh sát, không tránh khỏi đâu...

Nói đến đây, ông Tâm đột ngột ngưng lại. Ông đưa mắt ra dấu cho vợ. Bà Tâm nhìn theo hướng nhìn của chồng, thấy ông nội bước qua cửa ngăn, đi ra phòng trước như một người mộng du, ông cụ nhìn bàn thờ, nhìn hai con khẽ gật đầu, tỏ dấu tán thưởng. Rồi ông cụ đi thẳng về phía cái dương cầm. Ông Tâm lo sợ, nói thầm với vợ :

— Chắc ba sắp nổi cơn lòi đĩnh, hỏi tại sao dám đẩy cái đàn của ba đi chỗ khác.

Bà Tâm trong sợ hãi cũng quên là ông cụ bị điếc nặng, thì thào :

— Chứ biết làm sao. Không đẩy vào sát vách, chỗ đâu lập hương án. Ba phải hiểu nhà mình chật chội.

Nhưng ông nội không quở mắng gì. Ông cụ đến ngồi trước đàn, yên lặng suy nghĩ một chút rồi đưa tay lướt trên phím. Đầu ông cụ gật gật đánh nhịp. Ông Tâm thấy lòng xót xa, rơm rớm nước mắt bảo vợ :

— Năm Sửu chắc ba lần hơn. Khuya khoắt mà còn dậy đánh đàn.

Bà Tâm không nói gì, nên căn phòng yên lặng hoàn toàn. Tiếng đàn lặng lẽ vẫn tiếp tục làm đau nhói

tâm hồn ông Tâm. Ông không thấy gì khác hơn là một đêm tối mênh mông trước mặt. Ánh sáng nơi bàn thờ nhoè qua nước mắt. Hình dáng người vợ chao qua chao lại, như một ảo ảnh. Rồi ông nghe vợ bảo.

— Minh, hình như ba đang nói gì đó. Hãy lắng nghe xem.

Ông Tâm lấy ống tay chùi nước mắt, dăm dăm nhìn cha. Ông lắng nghe.

Bà Tâm thì thào :

— Hình như ba vừa đàn vừa hát, phải không ?

Ông Tâm chú ý hơn nữa. Vợ ông đã nói đúng, ông cụ vừa đưa tay lướt trên phím đàn cầm, vừa hát theo. Phải mất một lúc lâu, ông Tâm mới nghe thoang thoáng được vài câu hát của cha mình. Bà Tâm lại hỏi :

— Ba hát bài gì nghe quen quen.

Ông Tâm ra dấu cho vợ im lặng, lắng nghe tiếp giọng hát khàn khàn của cha già. Bà vợ không nhận được tò mò nữa, hỏi :

— Ba hát bài gì mà say sưa vậy, mình ?

Ông Tâm nắm tay vợ, ngậm ngùi làm run tiếng nói :

— Anh không biết chắc. Hình như bài « Xuân và Tuổi trẻ » của La Hối.

NGUYỄN NGÂN SƠN

Đêm 9 tháng 12 năm 1972

Nhà xuất bản

LỬA THIÊN NG

120, Đinh Tiên Hoàng, Dakao, Saigon

Đ.T. 94.494

*Trân trọng giới thiệu một vài tác phẩm
chọn lọc phát hành năm 1972:*

1. ĐÓNG GÓP 1 : LÃNH VỰC KINH TẾ
1965-1972 của Nguyễn Văn Hảo.
2. TRIẾT HỌC VÀ KHOA HỌC
của Đặng Phùng Quân.
3. VĂN CHƯƠNG NAM BỘ VÀ CUỘC KHÁNG
PHÁP 1945 - 1950 của Nguyễn Văn Sâm.
4. EINSTEIN (Đời sống và tư tưởng)
của Nguyễn Hiến Lê.
5. DẦU HỎA MIỀN NAM VIỆT NAM
của Nguyễn Văn Ngôn
6. LỊCH SỬ CHÁNH TRỊ VÀ BANG GIAO
QUỐC TẾ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (từ đệ nhất thế
chiến đến nay) của Hoàng Ngọc Thành.
7. TÌM VỀ DÂN TỘC của Lý Chánh Trung.
8. HIỆN TÌNH KINH TẾ VIỆT NAM
của Nguyễn Huy.
9. LỊCH SỬ CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á
của Nguyễn Thế Anh.
10. SINH VẬT XƯA (Căn bản cổ sinh vật)
của Trần Kim Thạch.

GỬI THƯ

Sang dừng lại trước một thùng thư bên lề đường. Thùng thư của Mỹ có khác, to như nửa cái phuy đựng nước. Thùng sơn xanh tươi mát khe hở để bỏ thư to tát có thể bỏ cả một gói đồ cũng vừa, chứ không bé như thùng thư ở Việt nam nhiều khi thùng quá đầy có thư còn lòi một nửa bên ngoài.

Trên nắp thùng có một hàng chữ sơn ngay ngắn : *Bỏ thư vào thùng này, ba giờ sau thư sẽ tới tay người nhận nếu cùng ở trong thành phố*. Sang vẫn thán phục tổ chức bưu điện tại Mỹ ghê lắm. Ba tháng trời sống tại đây giao dịch thư từ với những người bạn Mỹ hoặc những bạn đồng hương đang sống trên đất Mỹ, anh chưa hề nhận chậm một lá thư, chưa hề mất một lá thư dù rằng anh học lưu động nay đây mai đó. Anh tới miền Đông hay miền Tây nước Mỹ, thư cũng theo anh. Thùng thư của Mỹ không phải chỉ để nhận thư thuần túy với nghĩa của nó mà trong bao thư bạn có thể bỏ vào đó một chiếc nhẫn kỷ niệm, một chiếc vòng nho nhỏ hoặc một băng cassette ghi tiếng nói bạn để gửi đến cho người yêu mà vẫn là lá thư bỏ thùng chứ không phải gửi theo lối bưu kiện. Cố nhiên bạn có thể thay thế chiếc nhẫn hay chiếc vòng bằng một số lượng nho nhỏ chất nỏ nếu bạn yêu tổ chức khủng bố Palestine, bạn không sợ đi tù và bạn ghét lây dân tộc Do Thái qua những mánh lời buồn bán rất lưu manh

của những người Mỹ gốc Do sống tràn ngập thành phố Nữ-ước.

Sang cởi chiếc khuy áo trước ngực luồn tay vào trong áo lấy ra một phong thư để gửi cho vợ ở quê nhà. Anh cầm phong thư giơ lên toan bỏ vào thùng nhưng đột nhiên ngừng lại.

Anh nhớ tới một thói quen ở nhà là thường bỏ thư tận trụ sở bưu điện cho nhanh chứ không thêm bỏ tại những thùng thư vệ đường. Hôm nay tại đây Sang chưa đến nỗi mất tin tưởng vào nền bưu điện Mỹ nhưng vì lá thư của anh quan trọng lắm nên anh nghĩ cần thận là hơn.

oOo

Sang bước vào bưu điện hỏi cô gái Mỹ tóc vàng :

— Tôi muốn gửi thư về Việt Nam cô cho biết phải bỏ thư vào thùng nào thư sẽ được gửi đi nhanh nhất ?

Cô gái mắt xanh nhìn ông khách da vàng rồi chỉ tay về phía dãy thùng thư trước mặt :

— Ông có thể bỏ vào ba thùng đầu ở kia.

— Như thế bao giờ thư được gửi đi ?

— Cứ nửa giờ chúng tôi lấy thư một lần. Nếu trường hợp người nhận cùng ở trong một thành phố : tối đa ba giờ sau thư sẽ tới nơi.

Sang hơi nheo mắt lắm bầm "Biết

rồi khoe mãi rồi từ từ tiến tới thùng thư, cời khuy áo ngực móc lá thư ra cẩn thận bỏ vào khe hở không lờ.

Làm xong công việc bỏ thư trọng đại ấy. Sang thấy như đã làm tròn một phận sự với người vợ yêu quý hiện đang xa chàng hàng mười ngàn dặm. Chàng bước vào tiệm cafeteria gọi một miếng hamburger, một miếng bánh mì và một ly sữa tươi để tự thưởng cho mình. Lim dim hai mắt vừa uống sữa vừa coi Ti vi vừa thưởng thức hơi lạnh vừa phải từ chiếc máy lạnh lớn toát ra, Sang miên man nghĩ tới vợ.

Vợ chồng Sang mới lấy nhau chưa được một năm thì Sang được cử theo học khóa Căn bản Truyền tin tại Hoa-kỳ. Sang yêu vợ lắm, yêu hơn bất cứ cái gì trên cõi đời này. Nhưng Sang cũng say mê du lịch lắm. Anh nuôi mộng đi ngoại quốc từ mười năm nay rồi, đã ba lần thi đỗ được cử đi nhưng lần thì cấp chỉ huy trực tiếp ngăn cản, lần thì bị chèn ép vào phút chót nên giấc mộng của Sang cũng chỉ là giấc mộng.

Lần này mộng của Sang có cơ thành sự thực đúng lúc tình vợ chồng chàng đang nồng đượm nhất và Khánh có thai được sáu tháng. Sang bàn tán với Khánh cả hơn một tháng trời rồi mới quyết định. Chàng thuyết phục hết lời Khánh mới chịu đi. Nào đi thì sẽ đi dành được món tiền to, đi thì mới mở mang trí tuệ, đi rồi lúc về có cái bằng của Mỹ nếu giải ngũ mình có nghề chuyên môn xin làm sở Mỹ để

như không.

Nghĩ tới câu nói nửa đùa nửa thật của Khánh hôm nặng nề mang cái bụng chứa nghêu nghện tiền chàng tại phi trường « Anh nói anh yêu em nhất đời anh đã chả bỏ em bụng mang dạ chứa đi Mỹ vui thú một mình » bây giờ Sang vẫn thấy lòng thất lại.

Tới Mỹ cứ ba ngày Sang lại viết cho vợ một lá thư. Khánh ở nhà cũng làm như vậy. Cho tới một ngày kia thư của Khánh bỗng thừa đi : Khánh đẻ con trai. Thăng Cu sinh được một tuần Khánh đã thuê thợ chụp một một tấm hình màu cho đứa con đầu lòng để gửi sang Mỹ cho chồng. Nàng cũng không quên kèm cả tấm phim đẹp nhất để Sang in thêm mấy tấm cỡ lớn ở bên Mỹ vì dù sao ở Mỹ họ rửa cũng đẹp hơn. Tai hại thay, bức thư kèm những hình ảnh đặc biệt đó Khánh gửi đã gần một tháng nay rồi mà Sang vẫn chưa nhận được. Nửa tháng sau ngày vợ đẻ, Sang lại nhận đều đều ba ngày một lá thư như khi mới ra đi. Vợ anh hỏi anh coi con có xinh không, nó giống em hơn hay giống anh hơn, anh đã in thêm hình cho con chưa, hay là mãi đi xem vũ xê xi đánh rớt mất cái phim của con rồi.

Trước sự cật vấn *hàm thụ* liên tiếp của vợ, Sang không biết xử trí ra sao. Mới đầu anh cho là thư chậm nên ráng chờ một vài ngày khi thư tới sẽ nói cho Khánh biết. Nhưng cho tới hôm qua thì ảnh của con chàng gửi đi đã được đúng hai mươi sáu ngày rồi mà chưa tới. Chẳng lẽ thư nàng không

lại lạc xuống đường hàng hải.

Chắc chắn là lá thư đặc biệt của vợ anh đã thất lạc thật sự. Sang quyết định nói rõ cho Khánh biết. Chàng đã phải viết tới bốn trang pơ luya đặc sệt chữ đề than thở nỗi nhớ Khánh và thằng Cu. Anh cũng khuyên giải Khánh cố gắng chờ anh vì chỉ còn hai tháng nữa thì mãn khóa. Chàng cũng hứa khi về sẽ mua mấy cuộn phim màu mới nhất để chụp cho con. Khi đó con lớn hơn, mập hơn chụp nó sẽ khá khỉnh lắm. Với tài nuôi con khéo léo của em chắc chắn là con phải lớn, phải mập. Sang khuyên vợ đừng tiếc những tấm ảnh và phim đã mất làm gì sinh ốm người.

Viết xong lá thư dài Sang thấy nhẹ hẳn người. Anh cẩn thận gấp làm tư lá thư lại, bỏ vào phong bì, loại phong bì màu vàng tươi anh mua những hai mươi lăm xu một xấp. Anh cẩn thận dán một chiếc tem mười xu trên góc trái bao thư ngay dưới hàng chữ đề tên người gửi. Ba chiếc tem khác mỗi chiếc giá năm xu ba kiểu khác nhau được Sang dán thẳng hàng ngay ngắn phía sau bao thư. Tuy gửi thư bằng lối có bao thư riêng đắt hơn mười hai xu tem nhưng Sang vẫn thích lối này. Trông lá thư nó trang trọng sạch sẽ và còn người nhận còn có thể ngâm nước gỡ rời những con tem ra để sưu tầm. Cái lối viết thư ngay vào bên trong bao bì có in sẵn tem phía ngoài nhiều người cho là tiện nhưng Sang thấy nó bần tiện làm sao ấy. Ai khen thì mặc, Sang rất chê nước Mỹ ở điểm này.

Viết xong thư cho vợ, rồi lại bỏ thư cho vợ, bỏ ngay tại ty bưu điện chính của thành phố Fayetteville này. Sang thấy đầy đủ bốn phần rồi. Thư từ Việt Nam sang Mỹ mất năm ngày vì ngày bên Mỹ lùi lại. Thư từ Mỹ về Việt Nam tăng lên bảy ngày vì ngày Việt tăng lên. Trong một tuần nữa vợ chàng sẽ biết tin. Dù sao Sang cũng yên trí rồi. Chàng có quyền thưởng cho chàng một miếng hamburger và ly sữa lắm chứ.

Rồi tiệm cafeteria, Sang lại thấy mình còn đáng thưởng nữa bèn lấy vé vào rạp chiếu bóng gần đó coi một phim không bị kiểm duyệt do Brigitte Bardot đóng vai chính.

oOo

Mười một giờ Sang vừa về tới cửa khách sạn, thì gặp Thoại từ trong đi ra. Thoại thấy Sang toét miệng cười nói ngay.

— Sang, mày có thư.

Mặt mày hớn hờ Sang hỏi lại:

— Thư hả. Thư vợ tao phải không?

Biết rằng nếu có thư vợ thì vẫn những chuyện thắc mắc về tấm ảnh đứa con đầu lòng nhưng Sang vẫn mong thư. Thoại vẫn cười:

— Không phải thư bà xã đâu, đừng ham.

— Không phải thư của vợ tao thì thư của ai.

— Thư của mày.

Biết tính Thoại hay đùa rởn, Sang không bỏi thêm đi thẳng lên

phòng mình. Quả nhiên là lá thư của Sang thật, lá thư anh hì hục viết suốt đêm qua, lá thư anh rất hài lòng vì nó, lá thư chính chàng đã đích thân lên bỏ tận thùng thư tại bưu điện Fayetteville lúc sáng.

Tới lúc này chưa được ba giờ đồng hồ thư đã trở về cổ chủ. Giận vì thư bị hoàn lại nhưng Sang vẫn phục sự mau lẹ của bưu điện Mỹ. Chàng cầm lá thư lên ngắm nghía. Trên mặt bao thư một giòng chữ được nhân viên bưu điện đóng lên đỏ tươi: *Dán thiếu tem. Hoàn lại.*

Đọc dứt giòng chữ Sang buột miệng chửi một câu thật tục. Thiếu tem. Tại sao lại thiếu tem được. Không phải đây là lần đầu anh gửi thư. Anh đã gửi nhiều lần. Anh đã cẩn thận cân một bao thư và bốn tờ pơ luya mẫu và đã được nhân viên bưu điện cho biết dán 25 xu tem là đúng. Thư viết trên bao thư in tem liền thì 13 xu. Giá biểu này là giá biểu được tăng từ giữa năm 1967. Sang còn nhớ rõ từng chi tiết như vậy.

Bỏ cả giấc ngủ trưa Sang giận giữ cầm bức thư ra khỏi khách sạn. Anh đi bộ gần năm trăm thước ra tới bến xe buýt lên ngay chuyến xe đầu tiên chàng gặp để tới ty bưu điện Fayetteville.

Cô thư ký mắt xanh có lẽ đã đi ăn trưa. Sang tới bàn giấy khác chìa bức thư ra:

— Ông làm ơn cho biết thư này gửi đi Việt Nam phải dán bao nhiêu tem?

Người đàn ông cầm thư cũng

không cần đọc hàng chữ đỏ do ty bưu điện của ông mới đóng lên đó buổi sáng mà lẳng lặng đưa lên cân. Xong đưa lại cho Sang và nói bằng giọng thật lịch sự:

— Twenty five cents, sir! (Thưa ông, hai mươi lăm xu.)

Nghe tiếng *thưa ông* (sir) lễ độ của người công chức Mỹ, Sang càng thêm lộn ruột. Chàng đỏ gay mặt chìa lại lá thư cho người Mỹ:

— Nếu vậy thư tôi dán đủ hai mươi lăm xu tem sao lại trả về?

Người Mỹ cầm lá thư nhìn phía trước rồi bình tĩnh, đáp:

— Thưa ông, ông dán có mười xu.

Vẫn tiếng «thưa ông» khó chịu đó. Sang lật mặt sau bao thư và nhại lại giọng người Mỹ:

— Thưa ông đây mười lăm xu tem dán ở mặt sau. Thưa ông, cộng với mười xu tem phía trước có phải là hai mươi lăm xu không!

Người Mỹ đã hiểu sự tức giận của ông bạn da vàng, bèn ôn tồn giải thích:

— Thưa ông ở bên Mỹ tem bắt buộc phải dán ở mặt trước bao thư.

— Trước hay sau đủ thì thôi chứ. Nếu không thấy đủ ở đằng trước thì các ông phải lật đằng sau. Bây giờ tôi có cần bóc ba cái tem năm xu này dán trở lại đằng trước cho hợp lệ không?

Người Mỹ cười thông cảm:

— Thôi, vì ông không rõ thế lệ ông cứ để yên khỏi bóc ra nữa chúng tôi sẽ gửi cho ông.

Sang chép miệng :

— Thế là lại trễ mất một ngày.

— Không trễ một ngày đâu. Cứ nửa giờ chúng tôi chuyển thư một lần.

Sang không nói gì nữa chỉ gật đầu chào người công chức bưu điện thị trấn Fayetteville một lần nữa cho đúng phép cư xử của người văn minh rồi đi ra.

Trong lòng còn bức tức nên Sang không rẽ vào cafeteria uống nước như lúc sáng mà anh ra bến kiểm xe buýt trở về ngay.

Về tới khách sạn vừa đúng một giờ. Sang không lên buồng riêng thay quần áo nhưng vào thẳng phòng ăn. Thoại và Chấn mới ăn xong đang ngồi vừa xĩa răng một cách rất Á đông vừa theo dõi chương trình phim hoạt họa trên màn ảnh truyền hình.

Thấy Sang, Thoại lại nói ngay :

— Sang, mày lại có thư đó.

Sang nhăn mặt :

— Một thấy mờ, thôi tha cho tao đừng rồn nữa mày.

— Thật mà, không có đùa đâu.

Sang chột dạ. Từ lúc anh rời khỏi nhà bưu điện về tới mới có một giờ mười phút chứ đâu đã tới ba giờ mà thư đã đuổi kịp chàng để trở về mau thế.

— Nó lại hoàn thư của tao, lần nữa sao ?

— Không. Thư của bà nội Trần thị Khánh này ở Việt Nam gửi sang.

Mặt Sang hớn hở :

— Thế hả. Cám ơn mày. Cứ ngồi dưới này coi Ti vi, chờ tao lên lấy thư xuống rồi nói chuyện cho vui.

Trong vòng hai phút Sang lên lầu ba rồi trở xuống ngay tay cầm phong thư đã xé. Anh giờ bức ảnh màu cho hai người bạn đồng hương :

— Này chúng mày coi thẳng nhỏ mới mấy ngày mà giống tao ghê... Nhưng tại sao mà tới nay là đúng hai mươi bảy ngày cái ảnh này mới tới nơi ?

Chấn hỏi :

— Vợ mày nói gửi ngày nào ?

Sang chìa lá thư ra.

— Đây, thư đề ngày 25 tháng 5. Dấu bưu điện Sài Gòn ngày 26. Tại sao thư hôm nay mới tới nơi ?

— Mày coi địa chỉ vợ mày đề có đúng không ? Có Zip code không ?

— Đúng mà. *Mr Lưu Văn Sang, 12, Broad Street, Fayetteville, N. C. 28.301, U. S.* đang hoàng.

Cả Sang, Thoại và Chấn đều nhăn mặt không tìm được lý do tại sao một lá thư từ Sài Gòn sang tiểu bang North Carolina mà mất tới gần một tháng mặc dầu có Zip code đúng. Từ khi sang Mỹ họ đều công nhận cách chia Zip code của Mỹ thật khoa học và tiện lợi. Mỗi một Zip code gồm năm con số tương tự như số KBC của quân đội Việt Nam. Hai số đầu của Zip code

thường là ám số của tiểu bang, những số sau là ám số của địa phương nhỏ hơn. Số cuối cùng có khi để phân biệt một khu phố hay một thị trấn nhỏ tương đương xã ấp. Cứ mỗi vùng dân cư 2500 dân trở lên là đã có một *ZIP code*.

Như vậy trên một bao thư gửi tới Mỹ nếu người gửi sơ ý không đề tên tỉnh hay thành phố mà có *ZIP code* thư vẫn có thể tới mà không thất lạc. Thư gửi cho Sang đã ghi số 28.301 và thêm hai chữ N. C. là chữ viết tắt cho tiểu bang North Carolina là đủ lắm rồi mà tại sao thư chậm.

Thoại đột nhiên hỏi:

— À, mày xem xem dấu bưu điện Mỹ đóng ngày nào thì biết chậm tại đâu?

— Thường thường thư đến, bưu điện Mỹ nó không đóng dấu mà chuyển ngay cho nhanh thành ra không biết nó đến ngày nào.

— Thế dấu gì ở phía sau đó.

Sang nheo mắt đọc.

— Không phải dấu ở Mỹ. Dấu ghi ngày 1 tháng 6. Ở mà sao dấu lại đóng ở Nouvelle Calédonie.

Thoại và Chấn cùng giật lấy bao thư trên tay Sang.

— Đúng rồi. Tại sao thư của vợ mày lại sang mãi tận Tân Thế-giới.

Suy nghĩ một lát, Chấn vỗ hai tay vào phau:

— Tao hiểu rồi. Thư của mày lạc sang Nouvelle Calédonie chỉ vì hai chữ

N.C. ở *ZIP code*. Ông bưu điện của mình quen chữ U.S.A. là Mỹ. Ở đây vợ mày chỉ ghi U.S. thiếu chữ A nên ông không hiểu. Rồi đến hai chữ tắt N.C. thì chỉ người Mỹ hoặc người ngoại quốc rất thông thạo Anh ngữ mới biết đó là chữ tắt của tiểu bang North Carolina thôi. Vì vậy khi thấy hai chữ N.C. ông phụ trách chọn thư đã yên trí đó là chữ tắt của đảo Nouvelle Calédonie nên hình của con mày đã được chu du sang Tân Thế-giới trước khi tới Hoa kỳ.

Thoại khôi hài:

— Thế là con mày có số xuất ngoại ngay từ lúc sơ sinh chứ không lận đận như bố đâu.

Sang nghe bạn đùa chỉ nhếch mép cười như mếu. Thoại hỏi thêm:

— À quên chưa hỏi mày sáng nay cái thư đủ tem tại sao nó trả về?

Sang nôi sùng trở lại:

— Dán đủ tem nhưng nó bắt buộc phải dán ở mặt trước bao thư. Dán mặt sau bất hợp lệ. Thế nếu tem nhiều quá dán vào cái má nó ở đằng trước cho hết à!

— Chắc dán đằng sau nó phải lật qua nó một, Người Mỹ xác nó lớn nhưng nó chóng mệt lắm mà.

Chấn giọng ôn hòa hơn:

— Thôi các bồ đừng chửi oan họ. Theo tao nghĩ có lẽ vì thư từ bên này nhiều quá nên họ có thói quen chỉ dán tem ở mặt trước và khi kiểm soát họ cũng chỉ kiểm soát ở mặt trước cho nhanh.

Thoại gật gù :

— Thăng Chấn nói cũng nghe được. Với lại lúc kiểm soát biết đâu họ chẳng kiểm soát bằng máy thì máy làm sao thấy những con tem đẹp của bố Sang dán ở sau lưng.

oOo

Bây giờ thì Sang đã về tới Việt Nam một tuần rồi. Mỗi bận tâm nhất của Sang là viết thư cho vợ, nhận thư của vợ kể như đã hết. Anh không còn phải giận hờn với những chuyện thư lạc sang Tân Thế giới, bận tâm với Zip code, với chuyện tem dán trước mặt hay sau lưng. Sang đã về nước không còn thèm viết thư cho ai nữa.

Thế mà bây giờ Sang đang phải vác Honda đi bỏ cái thơ chót cho người bạn Mỹ đã tận tình mang xe đưa Sang ra tận phi trường ngày từ biệt nước bạn Hoa-kỳ. Phi cơ đã rời khỏi phi đạo vợ chồng người bạn Mỹ vẫn còn đứng dưới giờ tay vẫy như những người bạn thân từ trăm năm trước. Họ ân cần dặn anh cho biết tin tức khi trở về nước bình an vô sự.

Hôm nay chàng đã bình an được một tuần mới gửi thư trả lời người bạn Mỹ. Anh dừng xe trước một thùng thư bên đường, móc trong ngực ra một phong thư mỏng. Anh phân vân trước hai thùng thư, thùng màu xanh và ghi hai chữ *Sàigòn* thùng màu vàng ghi hai chữ *Các tỉnh*. Cách phân chia ra hai thùng thư như thế này cũng đã khá văn minh và khoa học đấy. Bưu điện Việt Nam đã tiến

thêm một bước rồi.

Nhưng với Sang thì anh hơi khó. nghĩ. Lá thư anh gửi đi cho một người bạn tận Hoa-kỳ cố nhiên không thể bỏ vào thùng thư mang chữ *Sài-gòn*. Nhưng nếu bỏ vào thùng thư mang hai chữ các tỉnh thì không ổn vì tiểu bang North Carolina đâu phải là một tỉnh của nước mình. Rồi ví dụ nếu một lá thư mang số K.B.C. chẳng hạn thì biết nó là *Sài-gòn* hay các tỉnh đề mà bỏ vào thùng xanh hoặc thùng vàng ?

Như bị thúc đẩy bởi một thói quen cổ truyền, Sang từ giã hai thùng thư vệ đường để tới một chi bưu điện ở một phố lớn cách đó chừng năm trăm thước Anh thò đầu vào ghi xê hỏi cô thư ký :

— Tôi muốn gửi cái thư đi Mỹ.

Cô thư ký nở một nụ cười tươi như hoa :

— Ông có dán tem chưa ?

— Dạ, dán đủ rồi.

— Nếu vậy ông có thể bỏ vào thùng thư ngoài kia được rồi.

Ngoài lề đường trước cửa chi nhánh bưu điện cũng có hai thùng thư vàng, xanh. Có điều hơi khác là thùng xanh ghi đầy đủ hơn với những chữ : *Sài Gòn — Chợ Lớn — Gia Định* và thùng vàng ghi hai chữ *Nơi khác*. À như vậy chắc chắn những thư không gửi cho người ở *Sàigòn* phải bỏ vào thùng thư nơi khác. Kể cả quân thư và thư gửi đi ngoại quốc cũng vậy mặc dầu những thư này đều phải tập trung với thư *Sàigòn* rồi mới phân loại chúng sẽ

tới quốc gia nào hoặc chuyển cho quân bưu cục để tìm các đơn vị liên hệ với K. B. C.

Tuy ngẫm nghĩ như thế Sang vẫn ngoan ngoãn móc thư trong ngực ra chuẩn bị bỏ vào thùng thư mang hai chữ *nơi khác*. Đã từng là nạn nhân của bưu điện, khôn ngoan hơn hết bây giờ nên tuân theo những lời chỉ dẫn có chữ nghĩa đáng hoàng của bưu điện đã ghi.

Bức thư bỏ qua lỗ hồng của thùng thư màu xanh vừa mất hút, Sang mới nhận thấy một giòng chữ ở phía dưới thùng ghi mấy hàng : *Sẽ lấy thư lần tới ngày thứ ba*. Sáu chữ đầu được trạm nổi trên mặt thùng thư, còn hai chữ *thứ ba* có thể thay đổi thành thứ tư, thứ năm, thứ sáu v.v... tùy theo ngày thích ứng.

Sang ngẩn người nhìn lịch trên đồng hồ. Hôm nay thứ năm, vậy mà mãi tới thứ ba tuần tới thư của Sang mới

được lấy đi ư? Không thể thế được. Anh toan vào chất vấn cô thư ký nhưng rồi lại thay đổi ý kiến ngay. Cái thư xã giao gửi cho ông bạn xã giao bên Mỹ thì làm quái gì. Chậm một tuần hay chậm một tháng sau khi chu du thế giới cũng chẳng chết ai.

Sang trèo lên xe nồ máy vừa đi vừa nghĩ miên man. Chắc là vòng chữ ghi những ngày trong tuần bên trong thùng thư hư lâu rồi nên vẫn hiện ra mãi mãi chữ thứ ba. Nếu quả vậy sao không tháo luôn vòng chữ ấy đi cho khỏi lồi thoi. Sang mỉm cười lầm bầm :

— Tại sao họ không thay hẳn bằng một giòng chữ duy nhất cho tiện mà lúc hư cũng khỏi cần chữa. Chẳng hạn ghi một câu : *Lấy thư lần tới ngày nào, kệ bố tôi*.

ĐẶNG TRẦN HUÂN

11-1972

Cung Chúc Tân Xuân

Photo HỒNG - VÂN

Kiosque 31, Đại lộ Nguyễn Huệ — SAIGON

- Mua bán phim ảnh và in, rửa đủ loại phim màu và đen trắng.
- Mua bán đủ loại máy ảnh, máy chiếu phim 8 và 16 ly.
- Nhận sửa chữa đủ các loại máy ảnh và máy chiếu bóng.
- Photocopie.

BẢO ĐẢM NHANH CHÓNG VÀ GIÁ HẠ

SINH HOẠT

Lễ Kỷ niệm 150 năm sinh - niên Nguyễn Đình Chiểu ở Saigon

Lễ kỷ niệm trên đây trước hết được Phủ Quốc-vụ-khanh đặc trách Văn hóa tổ chức một phòng Triển lãm về Nguyễn Đình Chiểu tại Thư viện Quốc gia Saigon từ 2-1 đến 7-1-73. Sau nữa Phủ Q.V.K đặc trách Văn hóa lại hợp tác cùng Trung tâm Văn bút V.N. để tổ chức một buổi nói chuyện sáng ngày 7-1-73 tại Trụ sở của Hội Bút-Việt ở Saigon mà diễn-giả là Ông Hồ Hữu Tường, một học giả và chính trị gia quen thuộc ở Miền Nam. Đề tài cuộc nói chuyện là : « *Thử tìm hiểu câu thơ đầu Lục Vân Tiên* ». Câu thơ đó là :

« *Trước đèn xem truyện Tây Minh* »

Diễn giả kể rằng hồi 15 tuổi ông đã thắc mắc về câu thơ này vì Cụ Đồ Chiểu đã mất thị-giác thì làm sao mà còn « trước đèn xem truyện... » được. Có thể đặt giả thiết là hồi còn trẻ, trước khi bị hư đôi mắt, Cụ đã vô Chợ lớn mua được cuốn « Tây-Minh truyện » rồi trước đèn đọc truyện này mà phóng tác ra truyện Lục Vân Tiên chẳng ? Thế rồi ông tìm tòi, rình rập để tìm kiếm truyện Tây Minh « chẳng khác nào con chó đói chực tấp xương » trong 21 năm (từ 1924 đến 1945) mà vẫn không gặp được « miếng xương » ao ước, bởi vì có truyện Tây Minh nhưng lại không ăn nhập gì với Lục Vân Tiên cả. Sau cùng ông phải kết luận rằng đó là truyện trong óc tưởng tượng của Cụ mà thôi. Rồi lại 27 năm sau nữa (1972) Ông Hồ Hữu Tường mới giải đáp được trọn vẹn thắc mắc hồi 15 tuổi : Đèn đây là Đèn nội tâm, là lửa thiêng ái quốc trong lòng Cụ Nguyễn Đình Chiểu. Còn Tây Minh chỉ là cách châm biếm người Pháp xâm lăng nước ta, Cụ gọi họ là « Tây manh » vì *Lục Vân Tiên* là một thứ « Bình Lang-sa đại cáo » mà Tây đọc không hiểu, bởi vì nó «manh» không thấy rõ được thâm ý Cụ gửi gắm vào tác phẩm.

Người nghe đã được Diễn giả dẫn dắt đi lòng vòng bao nhiêu là đường đất mới đến kết luận trên đây, dù chưa thỏa mãn nhưng cũng khá vui vì có lúc ông còn hát tuồng nữa.

Đêm 9 và 10-1-1973 Phủ Q.V.K Văn hóa lại được tổ chức tại Trường Quốc gia âm nhạc và kịch nghệ Saigon hai màn đầu tuồng « *Phấn trang lâu* » của soạn giả Nguyễn Đình Chiêm — con trai Nguyễn Đình Chiểu — và do Hội Khuyến-lệ Cờ-ca trình diễn. Tuồng này nghe đâu học-giả Hồ Hữu Tường đã « moi » ra và ông cùng hai bà con gái của soạn-giả đã viết từ chữ

nôm ra quốc ngữ. Nhiều nhà nho đã khen văn chương trong tuồng « Phấn trang lâu » là tuyệt tác. Tiếc rằng chỉ có hai màn đầu được trình diễn khá thành công vào những đêm ới trên trước đông đảo thính giả.

Có một nhóm người sau khi xem tuồng bàn nên đề nghị với Bộ Giáo dục chọn tên Nguyễn-Đình-Chiêm mà đặt cho trường Trung-học Kiến-hòa hay Ba-tri, và nên chú giải và xuất bản tuồng này để đưa nó vào chương trình Đại học.

THẾ NHÂN

Khánh thành Thư-viện Hội-đồng Giám-mục V.N.

Một buổi tiếp tân các nhà báo, học giả, văn sĩ đã được tổ chức tại Trung tâm Công giáo, đường Nguyễn đình Chiểu, Tân định, nhân dịp khánh thành Thư viện Hội đồng Giám mục được đặt ở lầu 1 trong tòa nhà 5 lầu của Trung tâm, Trụ sở của Văn phòng Thường trực Hội đồng Giám mục Việt nam và các Ủy ban Giám mục về giáo dục, phát triển, truyền bá phúc âm v.v...

Theo lời giới thiệu in trong một tập sách nói về việc đọc sách, về tình trạng Thư viện trên thế giới và ở Việt nam để kỷ niệm ngày khánh thành, Thư viện Hội đồng Giám mục Việt nam được thành lập không phải để thay thế hoặc cạnh tranh với những Thư viện đạo hay đời hiện có, nhưng nhằm đáp ứng một nhu cầu mà những Thư viện khác chưa chú trọng đủ.

Thư viện gây dựng một tủ sách những sách báo Việt nam cũ, đã xuất bản từ lâu, sưu tầm, in lại những tác phẩm viết bằng quốc ngữ đầu tiên hiện lưu trữ ở các thư viện ngoại quốc, hoặc các sách báo do những người Công giáo xuất bản liên quan đến việc xây dựng văn hóa, và sau cùng những sách báo Việt-nam xuất bản trong toàn cõi Việt-nam (kể cả miền Bắc) hay những sách báo ngoại quốc ít được phổ biến hoặc phổ biến không đều ở Việt nam.

Các nhà nghiên cứu văn hóa, học giả, sinh viên soạn luận án chắc sẽ được hài lòng vì có thể tìm đọc những bộ báo như Nam phong, Phong hóa v.v... xuất bản từ ba bốn chục năm, còn những nhà báo có thể đến đọc những Paris Match, Le Monde, L' Express v.v... có sớm và đầy đủ, khỏi phải vất vả mua chợ đen hoặc đến tận Thư viện của Pháp để đọc.

Dĩ nhiên những ai muốn nghiên cứu về Thiên Chúa giáo, sẽ được khá nhiều sách báo Công giáo đủ loại từ Thần học, Triết học đến các Khoa

học Nhân văn, Xã hội, có nhiều sách rất hiện đại, chỉ tiếc một điều là hầu hết bằng tiếng Pháp.

Thư viện này tuy nhỏ, nhưng rất sang, gọn, sáng, vào bậc nhất ở Việt nam.

Ngoài ra những vị đặc trách việc điều hành cũng còn chủ trương nâng đỡ, bảo trợ những người muốn nghiên cứu, nhất là các bạn trẻ, làm tiểu luận Cao học, Luận án Tiến sĩ, về các vấn đề liên quan đến Giáo hội Việt nam, và trong tinh thần thân hữu đối với các Tôn giáo bạn theo Công đồng Vatican II, sẵn sàng hoan hỉ đề cho các Tôn giáo bạn như Tin lành, Phật giáo, Hòa hảo, Cao đài—sử dụng Trụ sở, phương tiện của Thư viện để triển lãm những sinh hoạt tôn giáo hay văn hóa xã hội của tôn giáo mình.

Cùng ngày khánh thành Thư viện (7-1-73) Trung tâm Công giáo cũng tổ chức một cuộc triển lãm những sinh hoạt và thành quả của Giáo hội Việt nam qua từng địa phận, nhân dịp kỷ niệm 350 năm thành lập thánh bộ truyền bá Phúc âm, tức bộ lo truyền giáo của Tòa thánh Vatican ở các xứ ngoài Âu châu, trong đó có Việt nam.

Người ngoài Công giáo cảm thấy phần nào xa lạ với những hình ảnh của các Hội đoàn, tổ chức dòng nam nữ Công giáo, vì chỉ phản ánh bộ mặt thuần túy Công giáo, nhưng bức tranh rộng lớn của họa sĩ Cao Sơn treo ở phòng triển lãm của địa phận Xuân Lộc đã biểu lộ được phần nào khuôn mặt của Thế giới hiện đại, của nước Việt nam với chiến tranh, nhà tù, nghèo đói, bất công, sa đọa tinh thần. Tôn giáo có chấm dứt được những cảnh đó không? Điều đó chưa thể trả lời được những ít ra Tôn giáo đã biết ném con mắt ra khỏi những bức tường khép kín của Tôn giáo để nhìn về Thế giới đang trở thành xa lạ, thù địch với Tôn giáo, với cái nhìn lo âu, đầy ưu ái.

PHAN MAI

Thơ Nhạc Phạm-Thế-Mỹ

Nhân ngày kỷ niệm 5 năm thành lập Đại học Vạn Hạnh — Ngày Vạn Hạnh — cũng nhằm ngày đức Phật thành đạo (11-1-73), Đoàn văn nghệ Sinh viên Viện Đại học Vạn Hạnh có tổ chức một đêm Thơ, Nhạc Phạm Thế Mỹ tại Giảng đường của Viện Đại học từ 8 giờ tối đến 10 giờ.

Thơ và Nhạc đều là những sáng tác của nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ do chính anh cùng nữ ca sĩ thời danh Đặng Lan trình diễn. Người nghe xúc động ngay từ phút đầu khi Phạm Thế Mỹ đọc bài thơ « Nói với người đã khuất » nhà thơ nói với thân phụ mình, nhân dịp về ăn Tết ở nhà. Tác giả

đọc nửa chừng đã phải ngưng lại một phút vì không dẫn được cảm xúc, nghẹn ngào. Rồi tiếp theo Đăng Lan hát một mình, hoặc cùng hát với Phạm Thế Mỹ, liên tiếp 5 bài, không có một dàn nhạc tối thiểu mà chỉ có tiếng đàn đệm mờ mờ của cây đàn ghi ta trong tay tác giả « Thương quá Việt-nam ». Trong những bài được trình diễn có trường ca *Trang sử mới* rất được chú ý và tác giả cho biết là mới làm xong có 2 phần. Sau đó nghỉ 15 phút, rồi Đăng Lan và Phạm Thế Mỹ lại hát và đọc thơ tiếp mấy bài nữa. Các em ở hai Cô nhi viện Phật giáo đồng ca trường ca « *Lửa Thiêng* » để kết thúc đêm văn nghệ.

Phần nhiều tại Việt nam hầu như nhạc sĩ nào cũng đều là một thi sĩ, cũng có ngôn ngữ thơ trong lời ca, mặc dầu anh không làm thơ. Riêng nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ thì anh là một nhà thơ và đêm hôm kỷ niệm ngày Vạn Hạnh, anh đã đọc những bài thơ sôi động, đẹp và thiết tha tương đương với những bản nhạc của anh kêu gọi thương yêu, kêu gọi lương tri mọi người, kêu gọi dập tắt hận thù, reo rắc niềm tin. Những giọt mồ hôi chảy dài trên mặt Phạm Thế Mỹ, những lời giới thiệu hay phát biểu chân thành thẳng thắn đôi khi phần nộ của anh, giọng ca trong vắt của Đăng Lan, cái không khí thân mật như một đêm sinh hoạt nội bộ, đã gây cho người tham dự một cảm tình đặc biệt đối với đêm thơ nhạc này.

THU THỦY

Bạn Ngê-Bá-Lí tức Nguiễn-Ngu-Í cầm bút trở lại

Chúng tôi vừa nhận được thư này của người bạn thuộc hạng cộng tác thân niên nhất của Bách Khoa.

«... Từ 7 năm nay tôi bỏ nghề dạy, từ 5 năm nay, tôi bỏ nghiệp viết. Vì chán và ngán lắm, anh ơi. Và chính anh, đã từng viết trên mặt báo này, cũng trong một số báo kỉ niệm, bài thơ tự giết của tôi, làm từ năm 1947:

*Nước non thế ấy,
Dân đen thế này,
Cuộc đời như vậy,
Nên thôi sống hay say?*

*Ta đi lang thang,
Ta nói tàng tàng,
Ta cười ngình ngang,
Ta chửi đàng hoàng.*

«... Tôi đã thực hiện lại những điều nói trên, trong 5 năm nay. Và lắm phen đã đưa thân mình cho thần Chết. Như nửa đêm phá nhà Trùng Dương cho nhân dân tự vệ phải bắn chỉ thiên và bắt nhốt, như đi khơi khơi... dưới trăng suốt bờ bờ Long Hải — Phước Hải, như đi lang thang với...

mấy con đom đóm bọc trong khăn tay từ Hố-nai đến Bàu-cá trong một đêm hưu chiến để cho lính Mĩ... hành quân bắt về giam ở căn cứ Long bình. Nhưng không lần nào «rùng rợn» bằng kì Tết năm nao (ti-vi có loan tin, cũng như báo chí, là tôi mất tích trong dịp đi Vũng tàu), đó là tôi hét lên một tiếng «Sat!» rồi nằm lăn qua xa lộ Biên-hòa (ở ngã tư Bến-gỗ — An-hảo) trước đầu xe nhà binh Mĩ! Mà cái đầu thì trọc lóc với cái áo cà sa mà chẳng có chi che... của quý cả!

«Đó là đề tài cho «*Khi người điên trả thù*» tiếp theo «*khi người điên trở về*», mà bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc, tức thi sĩ Đỗ Ngê (cũng là một cộng tác viên của Bach Khoa) đề bạt, và sẽ do... Bach Khoa giới thiệu, nếu anh xem qua mà bằng lòng.

«Anh ơi, số kỉ niệm năm rồi, tôi đã nhờ anh mà có mặt ở số kỉ niệm 15 năm với bài thơ mong... Hòa bình tức khắc. Năm nay, bệnh đã dịu, ánh sáng Hòa bình thập thoáng ở xa, thì tôi cần mạnh đề phụ với anh (phần nào thôi) cho Bach Khoa, nếu mất đi một Nguyễn-Ngu-Í (vì tự... giết) thì còn một Ngê-Bá-Lí!

«Tôi nhờ anh báo tin lành này cho anh em và bạn đọc rõ, đề những ai thương, mến hoặc trọng tôi qua cuộc đời và tác phẩm, sẽ liên lạc với tôi theo địa chỉ mới :

NGÊ BÁ LÍ

Mẫu Jáo sơ câb «Mĩ-Tiến»

102/1 B Nguyễn Trãi, Bàu Sen Chợ quán
SAIGON 5

«Và xin báo với anh rằng tập «*Có những bài thơ*» của tôi, nhà in Trĩ Đăng đã in được nửa tập và cho Tuyền Nguyễn... xuất bản».

Chúng tôi không còn biết nói gì hơn là chúc anh lần này sẽ khỏi hẳn bệnh điên kinh niên mà anh mắc phải hồi 20 tuổi (mà nay anh đã quá 50!) đề trở lại với anh em và bạn đọc đã hiểu và thương anh từ mười mấy năm qua. (Trong thư những chữ viết không có dấu «sắc» là do cách viết của anh).

Chúng tôi cũng đăng bài thơ sau đây trong tập «*Có những bài thơ*» để giới thiệu trước cùng bạn đọc.

MAI SAU

A.

Em có đến, mà không Anh đón tiếp,
 Cát mịn này sẽ mòn trón gót chân Em
 Em có về, mà không Anh đứng đợi
 Gió khơi này sẽ ve vuốt tóc dài Em
 Em có ngồi đây,
 Mà Anh không động đây,
 Biển Trời này sẽ thỏ thẻ chuyện đời Anh

B.

Mấy lượt tung lòng, được gì chẳng, hay trong ai gì uất hận !
 Đòi fen nâng but, còn gì chẳng, hay trên cát viết ngu ngơ ?

NGUYỄN-NGU-Í

Bức tranh V.N. cao giá nhất năm 72

Trong năm 72 có khá nhiều cuộc triển lãm tranh : Đinh Cường, Tổ Oanh, Tổ Phụng, Tú Duyên v.v... và khá nhiều tranh đã bán được trong các cuộc triển lãm đó. Nhưng bức tranh cao giá nhất lại không phải bán được ở phòng triển lãm. Đây là một họa phẩm trừu tượng, loại sơn dầu của Họa sĩ Tạ Tỵ mang tựa đề « *Chuyến động* », khổ 1m,40 × 3m,20, đã bán cho nhà Ngân hàng Manhattan với giá 1 triệu đồng. Có lẽ đó là giá cao nhất từ xưa tới nay tại Việt nam.



Đã từ lâu, Tạ Tỵ đi vào khung trời Văn học qua các tác phẩm văn, thơ được xuất bản liên tục, mà người yêu tranh không thấy Tạ Tỵ thực hiện Phòng Triển lãm, nhưng thực ra, anh vẫn sáng tác đều đều tại xưởng họa riêng, chỉ đề cho bằng hữu và khách yêu tranh đến thưởng ngoạn. Xưởng họa của anh treo kín tranh trứ tượng, chẳng khác gì một Phòng Triển lãm. Thiết tưởng, chúng ta nên nhớ rằng Tạ Tỵ người đã có công rất lớn đối với nền Hội họa mới hôm nay, vì cách đây 30 năm, anh là người đầu tiên đã đưa nền họa mới của Âu châu vào Việt nam. Tạ Tỵ, một họa sĩ tiên phong ngay cả lúc này, kỹ thuật sáng tạo của anh luôn luôn biến chuyển để tìm cái mới, cái đẹp của hình thể và màu sắc rất độc đáo mà chỉ có Tạ Tỵ mới thể hiện được.

Đề tồn trữ sử liệu Mỹ thuật, mới đây Trung tâm Điện ảnh Quốc gia đã tới xưởng họa của Tạ Tỵ để quay nhiều thước phim màu, một số họa phẩm mới nhất của anh, sợ rằng mai đây những tác phẩm này sẽ chấp cánh bay tán mác khắp nơi và được giam kín trong những bức tường riêng ở trong nước hay ngoài nước, muốn tìm đề chứng minh cũng khó mà thấy. Những thước phim màu mỹ thuật sẽ được chiếu cho công chúng xem trong năm 1973.

Bình Ca và *Bình mới rượu cũ*



Ông Phạm Duy

BÁCH KHOA. — Xin anh cho biết những hoạt động của anh trong năm 1972 ?

PHẠM DUY. — Sau khi ở SIU (South Illinois University) về, tôi muốn trở lại với công việc *sưu tập dân ca, dân nhạc* mà tôi đã tạm ngưng gần 10 năm nay. Với cuốn **ĐẶC KHẢO VỀ DÂN NHẠC Ở VIỆT NAM (I)** (viết xong năm 66, sau 20 năm sưu khảo), tôi mới phác qua một cái *nhìn chung* về các loại dân nhạc ở Việt Nam (dân nhạc Chăm, Thượng, Việt gốc Miên và dân nhạc Việt) và chưa đi sâu vào *từng loại, từng thể nhạc*. Tôi có ý định nghiên cứu riêng loại **HÁT LÝ** là loại ca bình dân phổ thông nhất của người Việt miền xuôi và dùng năm 72 để đi từ Quảng Trị

xuống Cà Mau học hát những điệu lý mới và cũ. Nhưng sắp sửa lên đường

(1) SIU xuất bản Anh ngữ — Nhà xuất bản do Lê xuân Khoa trông nom in Việt ngữ.

thì có đánh nhau lớn, sự về nguồn của tôi bị tắc tị... thế nhưng, cũng ghi lại rai được gần 30 bài lý rồi, đợi dịp sẽ cho ấn hành (với lời ca thêm vào cho bài hát được dài hơn — giống như trường hợp trong cuốn DÂN CA — FOLK SONGS)...

BÁCH KHOA.— Thế còn sáng tác ?

PHẠM DUY.— Đóng góp vào cuộc chiến một tập CHIẾN CA MÙA HÈ (thơ Phạm Lê Phan) và tiếp tục soạn những tình khúc để hoàn tất tuyển tập CON ĐƯỜNG TÌNH CHÚNG TA ĐI... Tôi phổ nhạc rất nhiều thơ của các thi sĩ trẻ và học được ở đó ngôn ngữ mới của tình yêu (Du tử Lê, Nguyễn tất Nhiên, Vũ hữu Định, Nguyễn tiến Cung). Những bài thơ phổ nhạc đó có may mắn được thu vào băng nhạc nhưng thiếu may mắn được hát ở những nơi công cộng (vì phòng trà có ca nhạc bị cấm hoạt động) là nơi xưa nay quảng bá mạnh mẽ những tác phẩm mới. Một số bài hay, không được nhiều người biết đến, như trong những năm trước....

BÁCH KHOA.— Thường thường, cách dăm ba năm anh lại tập trung năng lực sáng tác vào một loại nhạc nào đó, chẳng hạn 65 là *Tâm ca*, 71 là *Đạo ca*, trước đó là *Tục ca*... Vậy năm vừa rồi anh có chủ trương gì ?

PHẠM DUY.— Gần cuối năm, ngửi thấy mùi hòa bình và thống nhất, tôi chủ trương hát BÌNH CA ! Nội dung là gì thì nghe cái tên cũng đã biết rồi, nhưng lần này tôi có thử làm một cuộc cải cách về phương diện *ngữ thuật*... Mấy năm trước, tôi vác đàn đi theo lũ con đề học hỏi về *nhạc trẻ* (và bị gọi yêu là... bố già hippy !!! tôi mà hippy cái con khỉ gì ???). Cuối năm qua, với loại *Bình Ca*, tôi thử dùng khuôn khổ nhạc trẻ để chuyên chở nội dung những bài hát hòa bình xem sao... Tôi thấy được, không có sự khiên cưỡng giữa lời ca, giai điệu, nhịp điệu, hòa âm phối khí mới mẻ này... Các con tôi, chuyên môn về nhạc trẻ (nhạc rock) đã hát *Bình Ca* theo lối chúng ưa thích và kết quả là đã chấp nhận bố già (mà trước đây chúng coi là quạ một cục). Nội dung của những *Bình Ca* chắc chắn là không ra ngoài tình tự dân tộc, những hình thức đã đổi mới. Tôi nghĩ tôi đã vừa làm công việc *Bình mới rượu cũ* (khác với các đàn anh tôi chủ trương *bình cũ rượu mới*) nghĩa là vẫn với những tình cảm sẵn có của dân tộc nhưng với một hình thức mới, loè loẹt hơn chẳng hạn... Âm điệu cũ nhưng âm sắc mới, lạ lùng hơn (insolite), đối với những đấng cồ điền !

BÁCH KHOA.— Anh dự định làm gì trong năm 73 ?

PHẠM DUY.— Tiếp tục làm cả ba công việc *sưu tập*, *sáng tác* và *trình diễn*. *Sưu tập* nốt những bài lý, sáng tác nốt 3 bài *Bình Ca* còn lại và đem các con đi hát lưu động (hòa bình rồi, phải không?)...

BÁCH KHOA

Giải tuyên-dương sự-nghiep

Giải thưởng Văn học Nghệ thuật toàn quốc năm nay được định — khác với những năm trước — là « Giải Tuyên dương Sự nghiệp Văn chương Học thuật và Mỹ thuật » nhằm mục đích tuyên dương toàn bộ sự nghiệp xuất sắc của văn nghệ sĩ đã có địa vị vững vàng hoặc vạch ra định hướng độc đáo, khả dĩ góp phần phát huy văn hóa VN.

Năm 1972 có 3 giải về Văn chương (thơ, tiểu thuyết, kịch...) Học thuật (nghiên cứu, khảo luận...) và Mỹ thuật (nhạc, họa, điêu khắc, điện ảnh...) mỗi giải một triệu đồng. Một nhân vật hoặc một cơ quan văn hóa công hay tư đều có quyền giới thiệu văn nghệ sĩ dự tranh giải thưởng.

Tất cả có 46 văn nghệ sĩ đã được giới thiệu : 11 nhà văn, thơ, 16 nhà biên khảo, 19 nghệ sĩ (11 họa, 3 nhạc v.v...)

Hội đồng tuyển trạch gồm có : Học giả Giản Chi (Chủ tịch), Giáo sư Bùi Xuân Bào, Nhạc sĩ Lê Thương, Họa sĩ Lưu đình Khải, Kiến trúc sư Nguyễn văn Quyện, Nhà văn Võ Long Tê, Giáo sư Nghiêm Toàn.

Kết quả được công bố ngày 15-01-73 là giải Văn chương được dành cho nhà thơ Vũ Hoàng Chương, giải Học thuật về nhà biên khảo Nguyễn Duy Cần và Giải Mỹ thuật về Họa sĩ Nguyễn văn Anh (Nguyễn Anh). Chắc hẳn Ban Tổ chức giải thưởng sẽ không báo cho biết thành tích và sự nghiệp những người trúng giải cùng các người hay cơ quan đã giới thiệu những người may mắn đó.

Lễ trao giải sẽ được tổ chức trước Tết Quý Sửu tại Dinh Độc Lập.

THU THỦY

Tìm đọc :

HIỆN TƯỢNG QUỲNH DAO

tiểu luận ĐÀO TRƯỜNG PHÚC

đề biết những tài liệu chính thức, đầy đủ nhất về thân thế và tác phẩm Quỳnh Dao, cũng như đề tìm một lời giải thích khách quan, mới mẻ nhất về trường hợp một nhà văn nữ đang gặt hái thành công phi thường khắp vùng Đông Nam Á.

KHAI HÓA xuất bản trước Tết Quý Sửu

CÔNG-TY KỸ-NGHỆ BÔNG VẢI VIỆT-NAM (SICOVINA)

Vốn : 1.200.000.000 đồng

Trụ sở : 4, Lê Lợi - SAIGON

Nhà máy Sợi

KHÁNH-HỘI

Nhà máy Nhuộm

AN-NHƠN

Nhà máy Sợi Dệt

HÒA-THỌ

Nhà máy Sợi Dệt Nhuộm **PHONG-PHÚ**

Chúc Mừng Năm Mới

Thời sự thế giới

• T U M I N H

Trong những ngày cuối năm 1972 và đầu năm 1973 ít sự kiện quan trọng đã xảy ra trên thế giới. Người ta có cảm tưởng rằng các lãnh tụ chính trị trên hoàn cầu muốn nghỉ ngơi để đợi cho tới đầu năm mới rồi mới đưa ra những sáng kiến hay quyết định quan trọng.

Tuy nhiên người ta cũng phải ghi nhận nếu có sự bế tắc trong các cuộc mật đàm Mỹ và Bắc Việt vào tháng 12 thì kết quả lại rất tốt đẹp trong kỳ mật đàm đầu tháng 1-73, đem lại việc ngưng oanh tạc toàn bộ Bắc Việt. Ngoài ra tại Á châu một vài sự thay đổi nhỏ cũng đáng được chú ý là việc thành lập tân nội các Úc và sự hòa giải giữa Ấn độ và Hồi quốc.

Đả đả đàm đàm giữa Mỹ và Bắc Việt

Cuối tháng 10 khi Bắc Việt tiết lộ nội dung những thỏa hiệp mà các ông Kissinger và Lê Đức Thọ đã đạt được, người ta đã tưởng hòa bình chỉ còn là một vấn đề ngày giờ. Tại các nước được thăm dò đề gia nhập Ủy ban Quốc tế đình chiến, người ta đã đẩy mạnh việc sửa soạn gửi quân sang Việt nam để giám sát một nền hòa bình sắp được vãn hồi. Gia-nã-đại đã ra lệnh cho lính chính giữa và ngay cả Mỹ cũng tuyên lự các nhân viên ngoại giao biết nói tiếng Pháp để phòng khi hữu sự sẽ đưa ra sử dụng :

Tuy phủ nhận một số luận cứ của Bắc Việt ông Henri Kissinger trong

một cuộc họp báo vào ngày 26 tháng 10 đã nói rằng : « Hòa bình đang ở trong tầm tay » và chỉ cần một phiên họp mới kéo dài 2 hay 3 ngày là thỏa hiệp có thể được hoàn tất. Cả thế giới hồi hộp chờ đợi cho tới ngày 20 tháng 11 người ta mới thấy một phiên họp mới được triệu tập giữa Mỹ và phe Cộng sản Bắc Việt.

Phiên họp mới này rút cục lại là một dịp để hai bên nhận thấy còn có những trở ngại khó vượt được. Hà nội hình như muốn kéo dài thời giờ để ông Nixon vì nóng ruột muốn đưa tù binh Mỹ về ăn mừng Giáng sinh mà phải nhượng bộ. Hai bên đành phải hoãn họp để trở về xin thêm chỉ thị và hẹn nhau sẽ tái ngộ tại « phiên họp chót » vào ngày 4-12.

Trong phiên họp chót này Bắc Việt đột nhiên bác bỏ hết những điểm mà chính họ đã thỏa thuận rồi. Sau 5 ngày họp cuộc hội đàm bế tắc phải hoãn vô hạn định. Ngay sau đó Hoa-kỳ lại quyết định leo thang chiến tranh bằng cách oanh tạc dữ dội phía Bắc vĩ tuyến thứ 20. Cả Hà nội cũng bị dội bom. Các Tòa Đại sứ Ai cập, Cuba và Ấn-Độ đã bị trúng bom và một số phản lực cơ không lồ B52 của Mỹ đã bị hạ.

Trong những ngày lễ cuối năm, cường độ của các cuộc oanh tạc bỗng nhiên giảm hẳn, ngày 8-1 cuộc mật đàm thứ 23 tái nhóm tại Paris đã đem lại kết quả là sự đình chỉ oanh

tạm toàn lãnh thổ Bắc Việt từ 15-1. Tướng Haig lại tới Saigon gặp T.T. Thiệu ngày 16-1 và viên tướng hòa bình tại V.N. chưa bao giờ rõ rệt như đầu năm 73 này.

Tân chính sách đối ngoại của Úc đại lợi

Cuộc bầu cử Quốc hội Úc vào tháng 11 vừa qua đã tạo nên cho nước này một bộ mặt hoàn toàn mới lạ. Đảng Lao động, sau 25 năm ở thế đối lập, đã lấy lại được chính quyền thay thế đảng Tự do. Lãnh tụ đảng Lao động Gough Whitlam đã được cử làm Thủ tướng để thay thế ông Mac Mahon.

Chỉ trong vòng có 1 tháng ở chính quyền, ông Gough đã thay đổi hoàn toàn chính sách ngoại giao của nước ông. Ông đã ra lệnh rút hết các cố vấn quân sự Úc tại Việt nam về và chấm dứt sự can thiệp quân sự của Úc ở Việt nam. Đồng thời ông ra lệnh cho Tòa Đại sứ Úc ở Paris mở các cuộc thương thuyết để đi tới việc thừa nhận Trung Cộng và thiết lập ngoại giao với nước này.

Các hoạt động ngoại giao mới này đã có hậu quả là gây liên lạc Mỹ-Úc càng ngày càng trở nên lỏng lẻo. Từ khi Đệ nhị thế chiến chấm dứt tới nay, các Chính phủ Úc kế tiếp luôn luôn cố gắng áp dụng một chính sách thân hữu với Mỹ. Với ông Gough Whitlam nắm quyền Thủ tướng, Úc tỏ ý chí độc lập đối với Mỹ và chính sách đối ngoại mới này có thể đe

dọa hệ thống liên phòng giữa Úc, Tân tây lan và Hoa kỳ. Liên phòng này có tên là ANZUS được ký vào năm 1953 và đã cho phép Hoa kỳ sử dụng một số căn cứ trên đất Úc. Và người ta tự hỏi không hiểu ông Whitlam có đầy mạnh chính sách độc lập của ông tới chỗ đòi Mỹ trả lại các căn cứ này hay không.

Riêng việc Úc sắp thừa nhận Trung Cộng cũng đã làm cho các nước lân bang như Mã lai, Phi luật tân, Tân gia ba, Thái lan phải duyệt xét lại chính sách đối ngoại của họ.

Điều mà ông Whitlam sẽ làm là ông sẽ rút quân Úc khỏi Mã lai và Tân gia ba. Từ trước tới nay áp dụng Minh ước ANZUS (Úc, Tân tây lan và Anh) Úc có 3.400 quân đồn trú tại 2 nước này. Tuy số quân này ít ỏi, nhưng sự hiện diện của họ chứng tỏ sự liên lạc mật thiết giữa Úc và Liên hiệp Anh. Rút quân Úc tức là làm lỏng một phần nào sự thân hữu giữa Úc và Anh quốc nói riêng và Tây phương nói chung trong khi phe Cộng sản Nga Hoa đang tìm cách thay thế Mỹ tại Á châu.

Hòa giải Ấn-độ Hồi-quốc Hoa kỳ

Cuộc chiến tranh Bangla Desh đã tạo nên một tình trạng căng thẳng trong bang giao giữa Ấn độ và Hồi quốc cũng như giữa Ấn độ và Hoa kỳ.

Trong cuộc chiến tranh kéo dài hai tuần lễ vào tháng 12-1971 Ấn độ đã

giữ 90.000 tù binh Hồi và chiếm một số lãnh thổ Hồi.

Vào tháng 8-1972 Bà Indira Gandhi Nữ Thủ tướng Ấn-độ, đã gặp Tổng Thống Hồi, Ali Bhutto, tại Simla, một trạm nghỉ mát ở vùng núi Hy mã lạp sơn. Sau cuộc hội đàm thượng đỉnh này hai bên đã phải bỏ ra tới 4 tháng trời để thương thuyết và đến tháng 12, Ấn và Hồi đã đi tới thỏa thuận về một đường biên giới mới tại tiểu bang Cachemire và đồng thời trả lại nhau những lãnh thổ đã chiếm giữ trong cuộc chiến tranh năm 1971. Bang giao giữa 2 nước đã tiến triển khả quan đến nỗi người ta trù tính một buổi họp thượng đỉnh nữa giữa ông Bhutto và bà Gandhi để giải quyết vấn đề tù binh và thừa nhận Bangla Desh.

Song song với sự tiến triển tốt đẹp của bang giao Ấn — Hồi, bang giao Ấn — Mỹ cũng được cải thiện hơn. Một tân vị Đại sứ Hoa kỳ được cử tới New Delhi. Và Ấn độ rất vui mừng trước sự bình thường hóa bang giao với Hoa kỳ. Trong năm vừa qua, Ấn độ đã ở vào một tình trạng khó xử vì một mặt thì giận Mỹ mà một mặt lại quá thân thiết với Nga. Vị trí ngoại giao này chỉ làm cho Ấn độ thêm lệ thuộc vào Nga. Vì vậy khi hòa giải được với Mỹ qua các việc dàn xếp với Hồi quốc bà Gandhi rất hài lòng đến nỗi gửi thư chúc mừng Tổng Thống Nixon tái đắc cử. Và ông Nixon cũng không kém thân thiện khi ông chúc mừng Bà Gandhi nhân dịp sinh nhật thứ 56 của bà.

TỪ MINH

Công thức mới
thuốc mới

hemocalcium
B12

TRỊ SUY YẾU - CHẠM LỚN
KÉM ĂN - THIẾU MÁU



hemocalcium B12



STAPP SAIGON

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm thấu sinh tố B12 qua màng ruột mà không bị tiêu hao.

Bán tại các nhà thuốc tây

Công thức môn
thuốc mới :

HÊMOCALCIUM B 12

TRỊ : SUY YẾU — CHẠM LỚN
KÉM ĂN — THIẾU MÁU

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm thấu sinh tố B 12 qua màng ruột mà không bị tiêu hao.

Bán tại các nhà thuốc tây.

Các hiệu may :

TUẤN, RITZ

ở đường Vườn-Chuối (490/13-15 Phan-Đình-Phùng, Saigon)

và **J I M**

ở hẻm bánh cuốn Phan-Đình-Phùng 399/7, Saigon (Vườn-Chuối)

Xin kính chúc các vị khách hàng một năm yên và vui

Hiệu buôn và nhà thuốc Bắc :

ĐẠI ĐỒNG

Chủ nhân : LÂM QUANG

ở La-ji, Bình-tuy

Xin kính chúc quý vị thân chủ

một năm TRÁU tiến tới... Đại đồng

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ THỰC TẬP

Bí pháp **HATHAYOGA Ấn-độ**

- Đề chữa trị các chứng bệnh kinh niên về thể chất và tinh thần
- Cải tạo và trẻ trung hóa toàn diện sức khỏe con người

SỐNG VUI — SỐNG KHỎE — SỐNG MẠNH, TRÁNH BỆNH TẬT

- Điều kiện tiên quyết để hoàn thành sứ mạng thiêng liêng con người dưới thế gian.

Do Ông **CHÁNH-VÂN NGUYỄN-HỮU-CHÁNH**

Nhà Yogi Việt hướng dẫn :

50/36A Nguyễn-Trãi, Bàu-sen, Chợ-quán, Sài-gòn V

Kính chúc thân chủ một năm Quý Sửu lành và mạnh

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Truyện ở Pháp

Tính sổ cuối năm 1972, Claude Bonnefoy nhận thấy về bộ môn tiểu thuyết ở Pháp có vài điểm đáng chú ý: là xu hướng đi tìm về dĩ vãng và đi tìm một người cha.

Tìm về dĩ vãng, nhiều cuốn tiểu thuyết chọn đề tài trong những biến cố lịch sử, nhất là lịch sử hiện đại: *Les âmes interdites* của Jules Roy, *Raconte pas ta vie* của Marcel Duhamel, *Le régiment noir* của Henri Bauchau, *Le cortège des vainqueurs* của Max Gallo v.v...

Tìm một người cha, đó cũng là cái ý thấp thoáng phía sau những cuốn tiểu thuyết nói về tuổi thơ và tuổi trẻ: *Les derniers jours de Pompéi* của Boris Schreiber, *Le boulevard de ceinture* của Patrick Modiano, *L'année du Crabe* của Olivier Todd v.v...

Có lẽ rồi đến một năm nào đó, cuối tháng 12, nhà phê bình sẽ nêu thêm một xu hướng: tìm về... tiểu thuyết. Còn bây giờ thì chưa. Bởi vì ở Pháp hiện nay tiểu thuyết vẫn còn nhiều cố gắng để thoát ly ra khỏi tiểu thuyết (truyền thống): nào phản-tiểu-thuyết, tiền-tiểu-thuyết, nào tiểu-thuyết-mới, tiểu-thuyết-cơ-cấu v.v...

Báo ở Mỹ

Năm 1972, ở Mỹ làng báo ghi nhận cái chết hãi hùng của tờ *Life*.

Ông khổng lồ của giới báo chí này ra đời ngày 23-11-1936, và chấm dứt cuộc đời vào ngày 29-12-1972, hưởng thọ 36 tuổi.

Trong 36 năm ấy, tờ *Life* đã hiến cho độc giả các hình ảnh liên quan đến những biến cố lớn lao nhất của thời đại, ở bất cứ nơi nào trên thế giới: hình ảnh người lính Tây-ban-nha trong nội chiến, hình ảnh những trận khốc liệt tại Âu-châu hồi đệ nhị thế chiến, hình ảnh về chiến tranh ở Triều-tiên, rồi ở Việt-nam.

Nó cũng đã hiến cho độc giả các tác phẩm của những cây bút thượng thặng Mỹ, từ Hemingway năm xưa cho đến Norman Mailer hiện nay.

Cũng chính nó công bố trước tiên cho độc giả tiếng Anh các tập hồi ký của Churchill, của Eisenhower, của De Gaulle, của Krushchev...

Trên khắp thế giới, nó có chừng năm triệu độc giả mà nó cố gắng phục vụ không nề hà tốn kém. Thí dụ trong dịp tang lễ Churchill năm 1965, nó đã thuê cả một chuyến Boeing 707, mang cả một ê-kíp nhiếp ảnh viên với phòng ảnh đặc biệt sang Anh. Lại thí dụ khi cần vài ba bức ảnh về sa mạc Sahara, nó đã huy động cả phi cơ, lạc đà, trực thăng v.v... đi chụp: rất cuộc mỗi tấm hình tốn kém ít nhất độ 15 ngàn mỹ kim!

Sau cùng nó sụm vì sự tốn kém. Trong vòng bốn năm gần đây, tờ *Life* lỗ hơn ba chục triệu mỹ kim. Vì vậy, cuối năm nay, vào dịp kỷ niệm Chúa ra đời thì tờ báo « *Đời* » của Mỹ quyết định lìa đời.

Ngày nay...

Trong lúc ấy, một tạp chí lớn của Pháp cũng ngắc ngoải, nhưng kêu la oai oái, chưa chịu chết.

Đó là tờ *Les Nouvelles littéraires*. Nó vừa thọ đúng ngũ tuần thì vừa hết gân cốt.

Bị lỗ lã quá sức chịu đựng, người chủ trương bèn cắt tiếng van vái khắp bốn phương trời mười phương Phật, nói nôm na: ấy là kêu gọi lòng hảo tâm của độc giả khắp thế giới (không riêng nước Pháp). Bất cứ người xứ nào, nước nào, hễ cứ có lòng thương «*Tin Văn*» thì mua ngân phiếu gọi về «*Hiệp hội những người bạn thân của Tin Văn*» (*Association des Amis des Nouvelles littéraires*) ở số 146 đường Montmartre, Paris IIe, một món tiền. Tiền cứu nguy thì chẳng biết nhà báo nhận được nhiều ít ra sao, chỉ biết lời chia buồn thì tới tấp đồn dập: Liên tiếp trên nhiều số báo, tòa soạn trích đăng thư từ của

nhiều nhân vật lớn, gửi đến những lời thật lâm ly ảo não xót xa.

...so với ngày xưa

Trong dịp này, Robert Sabatier nhớ lại 40 năm trước, tại Paris có đến 36 tờ nhật báo có trang đặc biệt về văn nghệ, hàng chục tờ tuần báo có phần phụ trương văn nghệ, và hàng chục tờ tạp chí thuần túy văn nghệ.

Ngày xưa ấy đâu còn nữa! Bây giờ tạp chí văn nghệ lưa thưa như lá mùa thu; và lại lá nọ cũng sắp lìa cành đến nơi.

Tất nhiên đây là chuyện báo nước người. Ở nước mình trong năm 1972 cũng có điều đáng nói lắm lắm nhưng thôi vậy!

TRÀNG THIÊN

TỦ SÁCH VĂN HỌC VÀ TRIẾT HỌC ĐÔNG TÂY

Nhà Xuất Bản

NHỊ - KHÊ

Trang trọng giới thiệu

TRIẾT LÝ ĐỐI CHIẾU

của

G.S. NGUYỄN ĐĂNG THỰC

Một tác phẩm nồng cốt đối chiếu hai nền tư tưởng Đông phương và Tây phương — từ lâu vẫn được coi là cách biệt — đề từ đó tìm thấu hóa và sáng tạo một giá trị tinh thần đích thực trong một thế giới biến động và đổi thay từng giây phút trước một thời kỳ văn hóa rực rỡ của nhân loại đang tìm cách thống nhất.

NHỊ-KHÊ 482/52 Nguyễn Tri Phương SAIGON 10

Trong Gia đình êm-ấm

Hay trên đường xa

khát mệt

Chỉ có

NUỐC-NGỌT "CON-CỌP"

Chai "HỎA TIỀN"!

Giấy phép kiểm duyệt số : 98 TU/DV/GP ngày 19-1-1973

THUỐC THƠM
BẠC HÀ
RẤT MÁT



MIC CHOLON